

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Khải (II)

Tiểu sử

Mất ngày 15.1.2008 tại Sài Gòn.

Tác phẩm

Chiến sĩ - Nghệ sĩ, Ra đảo, Tháng ba ở Tây Nguyên, Ông đại tá và vị sư già.



Tranh Nguyễn Khai

Mục Lục

Một người Hà Nội – 2

“Cảm khái” cùng nhà văn Nguyễn Khải – Phong Lê - 8

Chiến sĩ, nghệ sĩ – 12

Cảm khái không đủ - Vương Trí Nhàn - 17

Đời khổ - 19

Chân dung Nguyễn Khải – Nguyễn Đăng Mạnh – 23

Nghĩ muộn – 29

Phụ đính:

Lạc thời – Chuyện tình của mỗi người

Một trường hợp ly dị - Hà Nội trong mắt tôi: Tiên

Má đào - Người ngu – Bạn viết cũ – Đàn bà

Phản tình, già? thật? Trường hợp Nguyễn Khải

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Một người Hà Nội



tranh Nguyễn Khai

1.

Chúng tôi gọi là cô, cô Hiền, là chị em đôi con dì ruột với mẹ già tôi. Năm 1955, tôi từ kháng chiến trở về một Hà Nội nhỏ hơn trước, vắng hơn trước, còn họ hàng chỉ còn lại có dăm gia đình, vì chồng và con đều đi theo cách mạng. Cô Hiền cũng ở lại, đầu cô chú vẫn sống ở Hà Nội suốt chín năm đánh Pháp, các con lại còn nhỏ, chả có dính líu gì đến chính phủ "ngoài kia" cả. Họ ở lại chỉ vì không thể rời xa Hà Nội, không thể sinh cơ lập nghiệp ở một vùng đất khác. Lại thêm, chú tôi làm nghề giáo học, một ông giáo dạy cấp tiểu học, là người cần thiết cho mọi chế độ, chế độ cộng sản cũng phải khuyến khích trẻ con đi học, học văn hóa và học làm người. Còn chính trị chính em là những lứa tuổi trên, học sinh tú tài và sinh viên đại học. Tính thế là đúng nhưng tôi vẫn lo, thật ra không có gì đáng để phải lo, nhưng tôi vẫn nghi ngại gia đình này rất khó gắn bó với chế độ mới và chế độ mới cũng không thể tin cậy được ở họ. Là vì họ ở rộng quá, một tòa nhà tọa lạc ngay tại một đường phố lớn, hướng nhà nhìn thẳng ra cây si cổ thụ và hậu cung của đền Ngọc Sơn. Với người vô sản, ở quá rộng là một cái tội, trong khi cán bộ và gia đình họ phải ở chen chúc trong những khu nhà tập thể, có khi phải ở ngay dưới gầm cầu thang của nhà bạn bè. Cái mặc cũng sang trọng quá. Mùa đông ông mặc áo ba-đờ-xuy, đi giày da, bà mặc áo măng-tô cổ lông, đi giày nhung đính hạt cườm. Lại cái ăn nữa cũng không giống với số đông. Bàn ăn trải khăn trắng, giữa bàn có một lọ hoa nhỏ, bát úp trên đĩa, đĩa bọc trong giấy bản và từng người ngồi đúng chỗ đã quy định. Gia đình tôi thì ăn uống bình dân hơn, vợ chồng con cái ngồi súm sít quanh cái mâm nhôm, thức ăn có khi múc ra đĩa, có khi cứ để nguyên trong nồi, nồi lớn đặt giữa mâm, nồi nhỏ đặt cạnh mâm, cứ việc sục muối vào, sục dứa vào, vừa ăn vừa quát con măng cái, nhồm nhoàm, hả hê, không cần phải theo bó một quy tắc nào cả. Ăn cốt để sống, để làm việc, hay hóm gì cái thứ lễ nghi của... giai cấp tư sản. Tôi không dám thốt ra miệng nhưng vợ chồng vẫn bảo riêng nhau : "Cô Hiền đích thị là tư sản rồi. Đã là tư sản thì không thể tin cậy được. Việc mình mình biết, việc cô mặc cô, dính líu nhiều có ngày lại rắc rối".

2.

Đã là người gốc Hà Nội thì không thể không nghe nói tới sự giàu có lương thiện của cụ Tú Dâu Hàng Bạc, là nhà ở cuối Hàng Bạc đầu Hàng Mắm. Xưa kia đất ấy là bến sông, mảnh Nghệ An chở nước mắm ra đổ tại bến và bốc ngay lên nhà. Nước mắm đổ vào các kiệu chôn chìm trong

đất, mỗi lần thay phải dùng khăn bông trắng lau chùi sạch. Một dãy nhà chôn kiệu nước mắm và một gian nhà để tiền, tiền kẽm, mang một quan tiền kẽm đã phải vác vai. Cụ Tú đậu tú tài khoa thi hương cuối cùng khi tuổi đã lớn, sau đó là bỏ hẳn bút lông để theo bút sắt. Cụ Tú ngâm thơ vịnh nguyệt, ăn ở giao tiếp theo kiểu cách nhà quan, dạy con cái cũng theo khuôn phép nhà quan là cái phần hào nhoáng của gia đình. Còn cái phần căn cốt, cái phần được người đời trọng thực nể thực, cái gian nhà tiền ấy đều do hai bàn tay đảm đang của vợ gây dựng nên. Bà chỉ buồn có nước mắm thôi. Thơ của cụ Tú được bạn bè khen nịnh chẳng qua là nhờ ở cái mùi nước mắm Nghệ, nhờ ở cái mùi tiền từ các kiệu nước mắm, con cháu sau này vẫn đùa vụng thế. Bà Tú Dâu là em ruột bà ngoại tôi và là chị ruột mẹ cô Hiền. Hình như cả ba chị em đều lớn lên ở Hà Nội cùng một thời, cái thời Pháp mới sang, phố phường còn là nhà lá, nhưng chỉ có bà Tú là tiếng tăm hơn cả. Nhìn những tấm ảnh các cụ chụp từ đầu thế kỷ mà cảm động. Các cụ đều không được đẹp, mặt vuông trán ngắn, mắt hẹp và dài, lại hơi xéch một chút, gò má thì cao. Cả ba cụ đều ăn mặc theo cái mốt của thời ấy : khăn vấn bỏ đuôi gà, áo tứ thân bằng hàng tơ dệt thưa gọi là xuyên, mặc quần lĩnh Bưởi và đi hài. Ba bà đặc nhà quê nhưng lại để ra một loạt con gái rất tân thời. Khoảng cuối những năm ba mươi, mẹ già tôi vẫn để răng đen, nhưng đã vấn tóc trần, đeo kiềng cổ và vòng tay bằng vàng chạm vừa thô vừa nặng. Cô Hiền vào những năm ấy đã cạo răng trắng và uốn tóc, mặc quần áo đồng màu, hoặc đen hết, hoặc trắng hết. Còn nữ trang đã biết dùng đồ ngọc, bạch kim và hạt xoàn. Cũng vào những năm ấy có một số gia đình công chức cao cấp và quan lại, có cả mấy nhà buôn bán tơ lụa, thuốc bắc, kim hoàn, cho con gái lớn mở phòng tiếp khách văn chương, gọi là salon littéraire để mời gọi mấy anh văn sĩ, thi sĩ mới nổi và các cậu sinh viên cao đẳng. Khách văn chương là cái khung phải có, còn đám công tử một mai sẽ thành quan đốc, quan trạng, quan huyện mới là những nhân vật chính của mọi mộng mơ theo kiểu Tự lực văn đoàn. Ngôi nhà của cô Hiền cũng là một salon nổi tiếng, không phải vì bố mẹ giàu hoặc sang mà vì có con gái lớn quá đẹp, vừa đẹp vừa thông minh, biết cách tự khoe bằng những mẩu chuyện rất duyên dáng của mình. Tôi sờ dĩ biết vô ỏi chuyện vật vãnh của mấy ông Lan Khai, Đái Đức Tuấn tức Tchya, Phùng Tất Đắc, Lê Văn Trương, Hồ Dzếnh... là do cô tôi kể lại cả. Ông Trương còn nhờ cô đọc giùm bản thảo của nhiều cây bút chưa thành danh, một phần vì tin ở tài thẩm định văn chương của cô, phần nữa cũng vì ông bận quá : bận viết, bận hút và bận cách làm giàu. Tôi hỏi đùa : "Vậy cái ông Nam Cao là do cô tìm được ra phải không ?" Cô trả lời rất nghiêm trang : "Ông Lê Văn Trương tìm ra. Là do ông nằm hút thuốc phiện ở nhà Trác Vỹ, tiện tay với lấy một chồng bản thảo để kê đầu, rồi tiện tay lôi ra một tập để đọc, cái tập ấy có tên "Cái lò gạch" do một cây bút hoàn toàn vô danh viết ra".

3.

Được sống năm đầu ở Hà Nội vừa giải phóng với lứa tuổi chúng tôi ngày ấy mới hăm bốn hăm năm cái xuân xanh, là cực kỳ khoan khoái. Chín năm xa phố phường, xa ánh điện, không được vào rạp xem chiếu bóng hoặc cải lương, không được vào một cái chợ đông người giữa ban ngày, bây giờ mỗi ngày đều ở Hà Nội, mỗi đêm đều ở Hà Nội, mãi mãi còn ở Hà Nội. Chúng tôi thì vui thế, tại sao những người vốn sống ở Hà Nội chưa thật vui nhỉ ? Họ đang tìm cách thích ứng với chế độ mới, cách sống, cách làm việc, cả cách nói năng nữa. Một lần tôi đến thăm cô chú, thằng em trai đã 14, 15 tuổi chạy ra mở cửa rồi kêu àm lên : "Mẹ ơi ! Đồng chí Khải đến". Cô tôi cau mặt gắt : "Phải gọi là anh Khải, hiểu chưa ?" Bất đồ chú tôi cũng bước tới, nắm tay tôi rồi hỏi hồn nhiên : "Tại sao chủ nhật trước đồng chí không ra chơi, cả nhà chờ cơm mãi". Cô tôi thở dài, quay người đi. Tôi nói : "Nước được độc lập vui quá cô nhỉ ?" Cô trả lời : "Vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều, phải nghĩ đến làm ăn chứ ?" Theo cô, chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá, nào phải tập thể dục mỗi sáng, phải sinh hoạt văn nghệ mỗi tối, vợ chồng phải sống ra sao, trai gái phải yêu nhau như thế nào, thậm chí cả tiền công xá cho kẻ ăn người ở. Về sau tổ dân phố lại vận động nhau không nên nuôi người ở. Nhà này trước đây có hai người ở, một anh bếp và một chị vú. Chị vú là vợ anh bếp, để được đưa con nào lại đưa về quê cho bà ngoại nuôi. Sau ngày giải phóng cô tôi cho anh bếp về quê làm ruộng, còn

chị vú vẫn ở lại, vì chủ tớ còn cần dựa vào nhau. Mỗi ngày chị đi chợ, đều có cán bộ bám theo, dò hỏi : "Chị có bị nhà chủ hành hạ không ? Tiền công có đưa đều đặn không ? Thái độ chính trị của họ là như thế nào ?" Chị vú gắt ầm lên : "Nếu họ không tử tế tôi đã xéo đi từ lâu rồi không cần anh phải xui". Chị ta kể lại chuyện đó cho cả nhà nghe, bình luận : "Cách mạng gì toàn để ý đến những chuyện lật lật!". Bây giờ thì chị vú đã mất rồi, về quê được bốn năm thì mất. Chị trông con cho bà cô tôi từ năm 19 tuổi đến năm 45 tuổi mới về quê, tình nghĩa như người trong họ. Anh chồng không lấy vợ khác vì các con đã trưởng thành, anh làm chủ nhiệm một cửa hàng mua bán của xã, ngày giỗ ông chú và ngày tết đều đem gạo, đậu xanh, miến và rươi, toàn của nhà làm cả, lên biếu cô và các em.

4.

Trong lý lịch cán bộ tôi không ghi tên cô Hiền. Họ thì xa, bắn súng đại bác chưa chắc đã tới, huống hồ còn là bà tư sản, dính líu vào thêm phiền. Tôi vẫn đinh ninh cô phải thuộc giai cấp tư sản vì cô có gương mặt đặc biệt là tư sản, càng già lại càng rõ. Tôi hỏi cô :

- Tại sao cô không phải học tập cải tạo, cô giấu cũng tài nhỉ?

Cô Hiền cười rất tươi :

- Tao chưa đủ tiêu chuẩn.

Tôi cũng cười :

- Lại còn chưa đủ.

Cô nói thân nhiên :

- Tao có bộ mặt rất tư sản, một cách sống rất tư sản, nhưng lại không bóc lột ai cả thì làm sao thành tư sản được.

Tôi nín lặng vì đó là sự thật. Cửa hàng của cô chỉ bán có một thứ : hoa giấy, các loại hoa giấy và các lồng hoa đan bằng tre, thêm ít bưu ảnh và sổ tay kỷ niệm. Hoa làm rất đẹp, bán rất đắt, nhưng chịu thuế rất nhẹ, chỉ có một mình cô làm, các con thì chạy mua vật liệu, hoặc làm giúp phần cuống lá vào dịp Tết ta và Tết tây. Nhiều bà bạn cũng tỏ ý ngờ vực : "Trông bà như tư sản mà không bị học tập cũng lạ nhỉ?". Cô tôi trả lời thật nhẹ nhàng : "Các bà không biết nhưng nhà nước lại rất biết". Tất nhiên là cô khôn hơn các bà bạn của cô và cũng thức thời hơn ông chồng. Sau ngày Hà Nội giải phóng cô vẫn có hai dinh cơ, một nhà đang ở và một nhà ở Hàng Bún cho thuê. Ông làm nghề dạy học, con đông, đủ ăn là may, có tiền dư để tậu nhà là do ông viết sách giáo khoa cấp tiểu học, được Nha Học chính công nhận và cho in bán. Năm 56, cô bán ngôi nhà ở Hàng Bún cho một người bạn mới ở kháng chiến về. Một năm sau có một cán bộ đến hỏi về nhà cửa và có nhắc tới ngôi nhà ở Hàng Bún. Cô trả lời tình khô : "Xin mời anh tới ngôi nhà anh vừa nói, hỏi thẳng chủ nhà xem họ trả lời ra sao. Nếu còn thắc mắc xin mời anh trở lại". Cũng trong năm 56, ông chú tôi muốn mua một cái máy in nhỏ để kinh doanh trong ngành in vì chế độ mới không cho phép ông mở trường tư thực. Bà vợ hỏi lại : "Ông có đúng máy được không ?" - Ông chồng trả lời : "Không" - "Ông có sắp chữ được không ?" - "Không" - "Ông sẽ phải thuê thợ chứ gì. Đã có thợ tất có chủ, ông muốn làm một ông chủ dưới chế độ này à ?" Ông chồng tính vốn nhát, rút lui ngay. Cô kết luận với tôi : "Chế độ này không thích cá nhân làm giàu, chỉ cần họ đủ ăn, thiếu ăn một chút càng hay, thiếu ăn là vinh chứ không là nhục, nên tao chỉ cần đủ ăn". Làm hoa giấy không thể làm giàu được nhưng rất đủ ăn, lại nhàn, lại không phải lo sợ gì. Tôi hỏi lại : "Còn chú, còn các em ?" - "Chú tuy chưa già nhưng đành để ngồi chơi, các em sẽ đi làm cán bộ, tao sẽ phải nuôi một lũ ăn bám, dầu họ có đủ tài để không

phải sống bảm".

5.

Cô Hiền bên ngoại, chị Đại bên nội là những người đàn bà có đầu óc rất thực tế. Mọi sự mọi việc đều được các bà tính toán trước cả. Và luôn luôn tính đúng vì không có lòng tự ái, sự ganh đua, thói thời thượng chen vô. Không có cả sự lãng mạn hay mộng mơ vớ vẩn. Đã tính là làm, đã làm là không thềm để ý đến những đàm tiếu của thiên hạ. Cô tuyên bố thẳng thừng với tôi : "Một đời tao chưa từng bị ai cám dỗ, kể cả chế độ". Gần ba chục tuổi cô mới đi lấy chồng, không lấy một ông quan nào hết, cũng chẳng hứa hẹn gì với đám nghệ sĩ văn nhân, đùa vui một thời còn son trẻ thế là đủ, bây giờ phải làm vợ làm mẹ, cô chọn bạn trăm năm là một ông giáo cấp tiểu học hiền lành, chăm chỉ khiến cả Hà Nội phải kinh ngạc. Có gì mà kinh ngạc, cô đã tính trước cả. Sau khi sinh đứa con gái út, người con thứ năm, cô nói với chồng : "Từ nay là chấm dứt chuyện sinh đẻ, bốn mươi tuổi rồi, nếu ông và tôi sống đến sáu chục thì con út đã hai mươi, có thể tự lập, khỏi sống bảm vào các anh chị". Là thôi hẳn. Cô bảo tôi : "Mày bắt nạt vợ mày quá, không để nó tự quyết định bất cứ việc gì, vậy là hỏng. Người đàn bà không là nội tướng thì cái gia đình ấy cũng chẳng ra sao". Khi các con còn nhỏ, ngồi vào bàn ăn cô thường chú ý sửa chữa cách ngồi, cách cầm bát cầm đũa, cách múc canh, cả cách nói chuyện trong bữa ăn. Cô vẫn răn lũ con tôi : "Chúng mày là người Hà Nội thì cách đi đứng nói năng phải có chuẩn, không được sống tùy tiện, buông tuồng". Có lần tôi cãi : "Chúng tôi là người của thời loạn, các cụ lại bắt dạy con cái theo thời bình là khó lắm". Cô ngồi ngẩn ra một lúc, rồi bảo : "Tao chỉ dạy chúng nó biết tự trọng, biết xấu hổ còn sau này muốn sống ra sao là tùy".

Đầu năm 1965, Hà Nội có đợt tuyển quân vào chiến đấu trong Nam, là đợt đầu tiên nên tuyển chọn rất kỹ càng, lứa tuổi từ 18 đến 25, diễn viên cải lương và kịch nói có, nhạc sĩ có, họa sĩ có, giáo viên trung học rất đông, là những chàng trai ưu tú của Hà Nội. Nghe nói khoảng 660 người. Người con trai đầu của cô Hiền vừa tốt nghiệp trung học, tình nguyện đăng ký xin đi đánh Mỹ. Tháng 4 năm 1965, lên Thái Nguyên huấn luyện. Tháng 7 rời Thái Nguyên vào Nam. Họ dừng lại ở Hà Nội vài giờ vào lúc tối, nhưng không một ai biết. Tôi hỏi cô : "Cô bằng lòng cho em đi chiến đấu chứ ?" Cô trả lời : "Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bảm vào sự hy sinh của bạn bè. Nó dám đi cũng là biết tự trọng". Ba năm cô không nhận được tin tức gì về đứa con đã ra đi, lại đến thẳng con kể làm đơn xin tòng quân, cũng đòi vào chiến trường phía trong để gặp anh, nếu anh đã hy sinh thì nói tiếp chí hướng của anh. Tôi hỏi lại cô : "Cô cũng đồng ý cho nó đi à ?" Cô trả lời buồn bã : "Tao không khuyến khích, cũng không ngăn cản, ngăn cản tức là bảo nó tìm đường sống để các bạn nó phải chết, cũng là một cách giết chết nó". Rồi cô chép miệng : "Tao cũng muốn được sống bình đẳng với các bà mẹ khác, hoặc sống cả hoặc chết cả, vui lẽ thì có hay hóm gì". Cũng may chú em tôi học rất giỏi, thi vào đại học với số điểm cao, nên nhà trường giữ lại. Tôi đến chúc mừng cô và em, cô nói : "Hiện tại thì nó may hơn anh nó, nhưng nếu anh nó còn sống thì cũng chưa biết đứa nào may hơn đứa nào". Cô tôi tính toán việc nhà việc nước đại khái là như thế.

6.

Tháng 12 năm 1975, cô Hiền cho con gái xuống nhà gọi vợ chồng tôi tới ăn liên hoan mừng em Dũng đã về. Cô nói : "Nó đeo ba lô bước vào đến giữa nhà tao còn hỏi, anh muốn mua gì ?" Tôi cũng không thể nhận ra nếu được gặp đồng chí thượng úy này ở đâu đó. Gầy ốm quá, da đen quá, râu ria cũng nhiều quá, chẳng còn tí dấu vết gì là một chàng trai của Hà Nội. Trong mấy chục năm sống dưới chế độ ta, mỗi tháng cô đều tổ chức một bữa ăn bạn bè, gồm các cựu công dân Hà Nội, những tên tuổi đã thành danh của đất kinh kỳ. Khoảng mười, mười lăm người gì đó. Cửa hàng đóng từ chiều, các bà lần lượt đến trước, xông ngay vào bếp cùng làm cơm, các ông đến sau, mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, bỏ áo khoác ngoài bên trong còn mặc đồ bộ, thắt cà-vạt, nhưng đã sờn bạc cũ kỹ. Tiệc đã bày xong, vẫn chỉ có mấy ông ngồi tán suông chứ chưa thấy các bà. Rồi cửa trong mở, bà chủ xuất hiện trước như diễn viên trên sân khấu, lược giắt

trâm cài hoa hột lép lánh, rồi một loạt bảy tám bà tóc đã bạc hoặc nửa xanh nửa bạc, áo nhung, áo dạ, đeo ngọc đeo dây đi lại uyển chuyển. Ngày thường các bà mặc áo bông ngắn, quần thâm, đi dép hoặc đi guốc, vuông khăn len tơ tếp buộc quanh cổ hay bịt đầu, là các cô Lộ Lem của mỗi ngày, có phải nói chuyện mình cũng để ăn nói bông tuồng, thiếu ý tứ. Tất cả là bình dân, tất cả đều có quyền ăn nói thô tục. Còn lúc này, toàn là những người quí phái mình phải xử sự ra sao nhỉ? Cô hỏi tôi : "Xã hội nào cũng phải có một giai tầng thượng lưu của nó để làm chuẩn cho mọi giá trị. Theo anh, ở xã hội ta thì là tầng lớp nào ?". Tôi cười phá lên : "Thưa cô, là bọn lính chúng tôi, là giai cấp lính chúng tôi, chứ còn ai nữa". Cho nên cái mùi lính trắng thâm nhiễm vào mọi nơi mọi chỗ, quan hệ kiểu lính, vui chơi kiểu lính, ăn nói kiểu lính, văn chương cũng là một mùi lính. Là người lính vừa chiến thắng, người lính đang được cả xã hội trọng vọng. Còn bây giờ, sau bữa tiệc mừng đại thắng mười lăm năm, tầng lớp lính đã mất ngôi vị độc tôn của mình rồi. Bây giờ là thời của các giám đốc công ty, các tổng giám đốc công ty, các cố vấn, chuyên viên kinh tế thật giả đủ loại lên ngôi ban phát mọi tiêu chuẩn giá trị cho cả xã hội. Tôi xin trở lại cái bữa tiệc của buổi tối hôm ấy, bữa tiệc của mấy người thượng lưu của Hà Nội đã mất ngôi tiếp đãi, chiều nịnh hai anh bộ đội từ một thành phố lớn nhất nước trở về. Nói cho thật, Dũng là nhân vật chính, còn tôi chỉ là một loại nhân vật phụ, ghé gắm vào cái vinh quang chung mà thôi. Trong bữa tiệc hình như tôi nói có hơi nhiều, nói về thành phố Sài Gòn rộng hơn, đông hơn, đẹp hơn cái Hà Nội của mình, về người dân Sài Gòn cũng lịch thiệp nhã nhặn hơn người dân Hà Nội. Những người ngồi nghe đều nín lặng, không một ai hỏi lại, không một ai bình phẩm gì thêm. Tôi đã nói điều gì thất thố ? Một ông già hướng mặt về phía Dũng bảo: "Đồng chí bộ đội có chuyện gì vui kể nghe nào?" Dũng nói : "Thưa các bác, chỉ có những chuyện không được vui lắm". Một bà nói : "Cứ nói, người ở xa về có quyền muốn nói gì thì nói" Dũng nói rằng trong nửa năm nay anh không ngớt nghĩ về những người từ Hà Nội ra đi cách đây đúng mười năm. Sáu trăm sáu mươi người, bây giờ còn lại khoảng trên dưới bốn chục. Anh kể về một người bạn cùng trung đoàn, cùng một cấp thượng úy, tên là Tuất. Khi chuyển tàu từ Thái Nguyên tiến vào ga Hà Nội đã gần nửa đêm. Vừa mưa to xong, ánh điện lờ mờ nhòe trên lá cây, trên những mặt đường vắng hun hút, trên sân ga Hà Nội. Tàu vừa dừng lại thì từ đâu đó bật lên tiếng loa rất sâu, rất vang : "Quý khách chú ý ! Quý khách chú ý ! Chuyển tàu từ Thái Nguyên...". Tuất ngồi cạnh Dũng chợt nhòai người qua mặt bạn, gần như đưa cả nửa thân người qua khuôn cửa sổ, hất mặt lên phía có tiếng loa kêu nho nhỏ: "Dũng ơi, Dũng, tiếng của mẹ mình đây ! Tiếng của mẹ mình đây !...". Không một ai được phép rời khỏi toa tàu, không một người thân nào được biết trước để chờ sẵn ở sân ga, để được nhìn nhau lần cuối, nói với nhau một lời cuối. Tất cả đều phải bí mật. Dũng kể tiếp:

- Thăng Tuất hy sinh ở trận đánh vào Xuân Lộc, trước ngày toàn thắng có mấy ngày. Cháu về Hà Nội là muốn nhào ngay lại nhà ga, đến phòng phát thanh, gặp mẹ Tuất, nói với bà một lời, vì bọn cháu vẫn ở cạnh nhau trong suốt mười năm. Vậy mà phải mấy ngày sau cháu mới dám đến. Cháu biết nói thế nào với một bà mẹ có con hy sinh, mà bạn của con mình lại vẫn còn sống, sống đến bây giờ, đến hôm nay. Bà bước ra giữa một đám đông nhưng cháu vẫn nhận ngay được là mẹ của Tuất. Tuất vẫn nói là hần giống mẹ hơn giống cha. Cháu chỉ vừa kịp nói : Thưa cô, cháu là Dũng... nước mắt đã đầm đìa, rồi cháu òa khóc y hệt một đứa trẻ. Bà níu chặt lấy một cánh tay của cháu nhưng không khóc. Và bà nói run rẩy : "Nín đi con, nín đi Dũng! Cô đã biết cả. Cô biết từ mấy tháng nay rồi".

7.

Nhiều năm đã trôi qua. Tôi sống ở thành phố Hồ Chí Minh thỉnh thoảng có việc phải ra Hà Nội đều ghé lại thăm cô Hiền. Chú tôi đã mất rồi. Các em đã có gia đình riêng. Chúng nó cũng đã bắt đầu già. Lớp các cụ trong họ chỉ còn vài người, cô Hiền là một. Cô đã yếu nhiều, đã già hẳn, ngoài bảy mươi rồi còn gì, nhưng cô vẫn là người của hôm nay, thuần túy Hà Nội, không pha trộn. Nơi tiếp khách của cô sau tấm bình phong cao hơn đầu người bằng gỗ chạm suốt mấy chục năm không hề thay đổi. Một bộ sa lông gụ "cái khánh", cái sập gụ chân quỳ chạm rất

đẹp nhưng không khảm, cái tủ chùa một cánh bên trong bày một cái lọ men Thúy Hồng, một cái lư đời Hán, một cái liễn hấp sâm Giang Tây, và mấy thứ bình lọ màu men thì thường nhưng có dáng lạ, chẳng rõ từ đời nào. Cô đang lau đánh một cái bát thủy tiên men đỏ, hai cái đầu rồng gắn nổi bằng đồng, miệng chân cũng đều bịt đồng, thật đẹp. Bên ngoài trời rét, mưa rây là lướt chỉ đủ làm ẩm áo chứ không làm ướt, lại nhìn một bà lão (nếu là một thiếu nữ thì phải hơn) lau đánh cái bát bày thủy tiên thấy tét quá, Hà Nội quá, muốn ở thêm ít ngày ăn một cái tết Hà Nội. Năm nay chắc chưa thể có thủy tiên. Dân Hà Nội nháy tàu lên Lạng Sơn buôn bán đủ thứ mà lại không buôn được vài ngàn củ thủy tiên nhỉ? Ví thử có thủy tiên liệu còn có người biết gọt tía thủy tiên? Lại thêm cái cách sống, cái tâm lý sống ồ ạt, xô bồ, vụ lợi của đám người vừa thoát khỏi cái chết cái khổ đã để gì có được sự bình tĩnh để thưởng thức vẻ đẹp trang trọng của một rò hoa thủy tiên. Cô Hiền hỏi :

- Anh ra Hà Nội lần này thấy phố xá thế nào, dân tình thế nào ?

Tôi vừa cười vừa nói :

- Chưa bao giờ Hà Nội vui như bây giờ. Phố xá vui, mặt người vui.

- Nhiều người nói Hà Nội đã sống lại.

Tôi nói :

- Có đúng một phần, phần xác thôi, còn phần hồn thì chưa. Cứ nhìn nghe những người Hà Nội buôn bán, ăn uống, nói năng, cư xử với nhau ở ngoài đường là đủ rõ.

Nói thế cũng hơi nghiệt. Vì có mấy việc vừa xảy ra làm tôi tức, tức và đau. Tôi đạp xe ở đường Phan Đình Phùng, tôi đạp chậm, vừa đạp vừa nghĩ ngợi. Một ông bạn trẻ đạp xe như gió thúc mạnh bánh xe vào đít xe tôi, may mà gượng kịp. Tôi quay lại nói cũng nhẹ nhàng : "Cậu đi đâu mà vội thế?". Hắn không trả lời, đạp vượt qua xe tôi, rồi quay mặt lại chửi một câu đến sưng sò : "Tiên sư cái anh già!". Lại một buổi sáng tôi đến thăm một người bạn ở quận Đống Đa, đã lâu không đến nên quên đường, lát lát phải hỏi thăm. Có người trả lời, là nói sống hoặc hát cầm, có người cứ giương mắt nhìn mình như nhìn con thú lạ. Tôi có than phiền với vợ chồng bạn về sự thiếu lễ độ của người Hà Nội, cô con gái đang cho con bú góp lời liền : "Ông ăn mặc tằm như thế lại đi xe đạp họ khinh là phải, thử đội mũ dạ, áo ba-đờ-xuy, cưỡi con cúp xem, thừa gửi tử tế ngay". Tôi cười nhăn nhó : "Lại ra thế!". Cô Hiền không bình luận một lời nào về những nhận xét không mấy vui vẻ của tôi về Hà Nội. Cô than thở với tôi rằng dạo này cô thường nghĩ ngợi mọi chuyện một cách duy tâm, y hệt một bà già nhà quê.

Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn sang đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng tàn cây đè lên hậu cung, một phần bộ rễ bật gốc chổng ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay tới sự khác thường, sự đời đổi, điềm xấu, là sự ra đi của một thời. Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn là thời vàng son. Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không thế. Thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho một lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế đâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cẩu tới đặt bên kia bờ, quàng dây tời vào thân cây si rồi kéo dần lên, mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm : "Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được". Cô muốn mở rộng sự tính toán vốn dĩ đã rất khôn ngoan của mình lên thêm một tầng nữa chẳng, cái tầng vô hình, không thể biết, nhưng phải biết là trên đời này còn có nhiều lý sự không thể biết để khỏi bị bó vào những cái có thể biết. Bà già vẫn giỏi quá, bà khiêm tốn và rộng lượng quá.

Một người như cô phải chết đi thật tiếc, lại một hạt bụi vàng của Hà Nội rơi xuống chìm sâu vào lớp đất cổ. Những hạt bụi vàng lấp lánh đâu đó ở mỗi góc phố Hà Nội hãy mượn gió mà bay lên cho đất kinh kỳ chói sáng những ánh vàng.

Đọc bài Nguyễn Khải viết về Nguyễn Đình Thi
Phong Lê



tranh Nguyễn Khải

“Cảm khái” cùng nhà văn Nguyễn Khải Phong Lê

Báo nào có bài anh Nguyễn Khải tôi đều tìm đọc ngay. Bẵng đi khá lâu, tôi mới lại được đọc một bút ký dài của Nguyễn Khải trên *Văn Nghệ* số 17-18 ; số kỷ niệm ngày 30-4 với rất nhiều nghĩ ngẫm. Bài anh viết về nhà văn Nguyễn Đình Thi, dưới cái tên *Chiến sĩ - Nghệ sĩ* dài gần 2 trang, choán cả 8 cột báo *Văn Nghệ* ; với âm điệu chính là sự ngưỡng mộ một thời thật lắm liệt của một nhà văn lắm tài năng và đảm trách nhiều cương vị quan trọng đối với xã hội và đối với Hội nghề nghiệp. Ở đây anh tập trung ánh sáng ngưỡng mộ vào một thời, có lẽ hơn 10 năm, tính từ ngày Toàn quốc kháng chiến chống Pháp bùng nổ cho đến sau chiến thắng Điện Biên Phủ, quân ta kéo về giải phóng Thủ đô... gắn với đóng góp lớn của Nguyễn Đình Thi, là “*người tham gia, người được giao nhiệm vụ*” trong sự nghiệp trọng đại ấy của dân tộc, với một bút pháp thật sôi nổi, hào hứng, khiến tôi cũng được vui lây cái nồng ấm, cái hào sảng của một thời nghệ sĩ và chiến sĩ trong giao hoà, gắn bó khăng khít để đến với cái đích chung, tương ứng và tương xứng với vinh quang chung của dân tộc.

Cái thời ấy, như cách anh Khải nhớ lại đã diễn ra cách đây hơn 50 năm, nếu tính đến lúc kết thúc của nó, khi dân tộc đến được với hạnh phúc của hoà bình trên miền Bắc, nghĩa là một nửa đất nước sau Hiệp định Genève 1954. Thế nhưng, tôi lại băng khuâng : vậy thì đang còn một cuộc chống Mỹ đã diễn ra với miền Nam ngay từ sau 1954, và với cả nước từ sau 1965 cho đến 1975 là cái mốc kết thúc cho dân tộc có độc lập và tự do trọn vẹn ? Giá thời này lại có tiếp những kỷ niệm mới về một thời vẫn oanh liệt, hoặc càng oanh liệt hơn, trong đó có những kỷ niệm về anh Thi, hoặc của anh Thi, để nối tiếp những trang hào hứng của 10 năm cách mạng và kháng chiến trước đó, thì thật là trọn vẹn biết bao cho cái danh hiệu *Chiến sĩ - Nghệ sĩ*, hoặc *Nghệ sĩ - Chiến sĩ*, xứng với Nguyễn Đình Thi, và cũng là xứng với nhiều người khác trong giới nghề nghiệp chúng ta.

Thế nhưng những trang như thế đã không có sau ngót hai phần ba bài viết của Nguyễn Khải, bởi đã đến ngay lập tức với ta cái không khí, cái tâm thế của đời sống thời bình, của những việc đời thường. Cái thời bình và cái đời thường ấy đã xuất hiện ngay sau 1954 khi miền Bắc vừa được giải phóng và các Hội nghề nghiệp văn chương - nghệ thuật của chúng ta đã đi vào quỹ đạo của một cuộc sống có tổ chức, với các bộ phận quản lý, với các chức danh lãnh đạo, lớn hoặc nhỏ, với bọn lên những sinh hoạt nghề nghiệp, và các cuộc đấu tranh tư tưởng...; và nếu tôi nhớ không nhầm thì Nguyễn Đình Thi là người được sự tin cậy (cả trên và dưới) cao hơn cả, để đứng ở vị trí Tổng thư ký hoặc Chủ tịch các Hội nhỏ và lớn của nghề nghiệp chúng ta cho đến tận ngày qua đời ở tuổi 80, trong mở đầu thế kỷ mới, không kể các chức trách xã hội khác được anh kiêm nhiệm. Cái thời bình và đời thường này như vậy là đã xuất hiện ở miền Bắc từ sau 1954; và tôi hiểu vì sao, anh Khải đã ngừng giọng hoan ca ngưỡng mộ đối với anh Thi gắn với các hoạt động sôi nổi của anh thời trước 1954, để chuyển sang một âm điệu khác, nói về một thời mới — cái thời mà anh chỉ còn biết đến anh Thi qua “*một chân dung phù phiếm*”; cái thời mà tất cả chúng ta bỗng trở thành “*viên chức của nhà nước*”, kể cả cao và thấp; và với “*cái thế giới ấy, có sống trong nó, sống với nó mới thấy hết cái tầm thường, cái nhỏ nhen khó có ai tôn trọng được ai, trong cuộc ganh đua vừa vô nghĩa, vừa buồn cười*”. Một “*cuộc ganh đua... không có người thắng, cả mọi người đều thua vì đã tự hạ mình trong nhiều chuyện nghĩ cũng là nhảm*”. Cái thời đã thế, lại còn bận rộn với những “*cuộc tranh cãi về lập trường, quan điểm giai cấp trong văn nghệ*” gần như là không ngừng nghỉ, “*trong nhiều chục năm*”, và đó là “*những cơ hội bằng vàng để đám thư lại thời bình bày chuyện, đơm chuyện, làm rối tung mọi sự, khiến từng người đều cảm thấy bất an, đều không dám bộc lộ công khai những niềm tin riêng của mình, đều sẵn sàng nhân nhượng để đổi lấy sự yên ổn của một anh viên chức mẫn cán...*”. Đọc những nhận xét này của anh Khải tôi thấy thật dễ sợ, và bỗng sợ cả cho mình, tuy là hậu sinh, nhưng không khéo sẽ lâm vào, hoặc giả cũng đã lắm lúc nhiễm phải nó, mà không tự biết; và bất giác nhớ lại bài thơ của một tác giả quen thuộc, có tên là *Mới*, đăng trên *Giai phẩm mùa xuân 1956*, sau khi hoà bình lập lại chỉ mới hơn 2 năm, khi thấy quanh mình bao kiếp người :

*... sống lâu trăm tuổi
Ỗ như một chiếc bình vôi
Càng sống càng tòi
Càng sống càng bé lại...
Và, còn thâm thiết hơn khi tự thú về mình:
Tôi đã sống rất nhiều ngày thảm hại
Khôn ngoan không dám làm người
Bao nhiêu lần tôi không thực là tôi
Tim chết cứng trong lễ thói
Những đêm trắng tấy lên dữ dội
Không muốn nhìn mặt mình*

Hoá ra, có phải chăng, tác giả này đã nói đúng cái thực trạng tòi tệ mà hơn 50 năm sau, anh Khải, có lẽ cũng phải cân nhắc lắm, mới nói ra cho ta biết, nhân một bài viết về Nguyễn Đình Thi ?

Lại một sự kiện khác cũng có quan hệ xa gần với cái sự thực thời bình này, diễn ra chỉ 6 năm sau, khoảng 1959-1960 — đó là Nguyên Hồng, thôi Thư ký Toà soạn báo *Văn*, là tờ báo đầu tiên của Hội, kéo cả gia đình gồm vợ và 4 con còn nhỏ lốc nhốc bỏ Hà Nội, tức là bỏ cả hộ khẩu, tem phiếu Trung ương, và cuộc sống viên chức - đô thị để về lại Nhà Nam — quê hương thời kháng chiến của ông. (Nhà Nam — cái địa chỉ với rất nhiều kỷ niệm của giới văn nghệ kháng chiến ấy, tôi vừa mới được lên thăm để thấp hương cho nhà văn Nguyên Hồng, nhân tiết Thanh Minh năm Đinh Hợi này ; ngót 50 năm đã qua, biết bao nhiêu là thay đổi; nhưng cái quanh hiu và khô khát trong cảnh quan của nó hình như vẫn còn dấu ấn dấu đó khiến tôi không

khỏi bụi ngùi và cảm phục sát đất cái quyết liệt trong dứt bỏ mọi trói buộc để có được tự do cho bản thân — ở tư cách một người viết, của tác giả *Sống gần*).

Thực lòng tôi rất tâm phục, và khẫu phục anh Khải đã nói ra được một điều thật là khó nói như thế, nhân bài viết về Nguyễn Đình Thi, và cả cái tựa đề *Chiến sĩ - Nghệ sĩ* mà anh chọn. Và, nếu có một khái quát cao hơn thì có phải thế này chăng : khi đất nước lâm nguy, khi cả dân tộc ra trận, thì tất cả mọi người viết chúng ta, kể cả người lắm tài hoặc kém tài đều có cái vinh dự và hạnh phúc làm nên hoặc chia sẻ cái hào khí, cái lắm liệt của dân tộc ; để được xứng đáng là *nghệ sĩ - chiến sĩ*. Nhưng khi trở về với thời bình, thì ta bỗng trở thành hèn mọn trong những ganh đua hơn kém, được thua vì những lợi ích tầm phào. Điều này quả là có, có cho từng bộ phận của cộng đồng, có trong từng con người, hoặc trong từng lúc, từng bộ phận nào đó ở mỗi con người. Soi vào anh Khải, hoặc soi vào cách anh Khải nhìn anh Thi, hoặc soi vào tôi — vốn cũng chỉ là một bộ phận thấp mọn trong số đó, ta không khó nhận ra điều này ; chẳng phải vì cái chân lý “*nhân vô thập toàn*” chung chung, mà vì cái mối quan hệ giữa con người với hoàn cảnh trong nhận thức luận duy vật biện chứng mà trong chúng ta không ai không được học ít nhiều. Hoàn cảnh anh hùng đẻ ra tính cách anh hùng. Hoàn cảnh quyết liệt đẻ ra tính cách táo bạo. Hoàn cảnh tầm thường đẻ ra những kiếp... “*sống mòn*”. Nhưng rồi nhìn rộng ra cho sự thể hiện trong văn học thì lại có gì đó cần làm rõ thêm. Bởi vấn đề không phải ở bản thân đối tượng mà là cách nhìn về đối tượng. Bởi, cũng như thử thách của thời chiến, thời bình cũng có những thử thách của nó, cũng có vấn đề của nó, cũng có đại diện ưu tú của nó, cũng có những chất liệu tuyệt vời cho biết bao nhiêu áng thơ văn bất hủ, nói những chuyện của thời bình, gắn với những tên tuổi làm vẻ vang cho văn học dân tộc, kể từ Nguyễn Bình Khiêm là người biết rũ áo, cáo quan thuộc loại sớm, sau Chu Văn An, Nguyễn Trãi... qua Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát... cho đến Nguyễn Khuyến là người cáo quan cuối cùng của thời đại phong kiến, cách đây hơn 100 năm... Cũng là cái thời bình gắn với Vũ Trọng Phụng, Nam Cao... để văn học dân tộc có tiếp *Số đỏ*, *Sống mòn*... Gắn với cái thời bình của Nam Cao trước 1945, rồi sẽ có cái thời bình sau 1975 với không ít tác phẩm nói về cái đời thường vật vã trong những chuyển động cho sự sinh thành của cái mới, rồi sẽ có cái tên chính thức là *Đổi mới*.

Trở lại chuyện về anh Thi và chuyện của cả giới nghề nghiệp chúng ta trong một thời. Vậy là chúng ta đã có một thời có hoà bình, rồi nửa hoà bình nửa chiến tranh, trên miền Bắc sau 1954 đến 1965 ; và một thời hoà bình trọn vẹn sau 1975. Giá như bên cạnh những gì ta đã đạt được trong sự nghiệp giải phóng đất nước, trong đó có những chân dung nhân vật lắm liệt, và những người viết cũng lắm liệt ở tư cách chiến sĩ, ta lại có thêm những tác phẩm ưu việt nói được những chân dung người trong sự nghiệp xây dựng; và trong sự nghiệp xây dựng đó ta còn nói được chính việc xây dựng con người (đúng như tên một bài viết rất sớm của Nguyễn Đình Thi), sao cho con người sống đẹp đẽ hơn, cao thượng hơn, bớt được sự hèn dốt, bớt được tâm lý thù lại, chỉ biết an phận hoặc lo ganh đua, tranh đoạt lẫn nhau, thậm chí chơi xấu và làm hại nhau... như Sêkhov đã làm được đối với giới trí thức, công chức Nga cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; hoặc như Nam Cao đã làm được trong *Sống mòn* và *Đời thừa*... thì hay biết bao! Giá cái tài của Nam Cao, và cả của Tú Mỡ, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan... trước 1945 được vận vào đây để soi sâu vào những mặt khuất tối ấy ! Giá văn học có thêm tiếng cười trào phúng (gồm cả tự trào) để giúp con người nhận ra được gương mặt thật của mình, và những ngộ nhận lầm lạc về chính mình! Rõ ràng những *Đời thừa*, *Sống mòn* hoặc *Nhỏ nhen* là khó tránh trong xã hội phong kiến - thuộc địa. Nhưng trong xã hội xã hội chủ nghĩa, hoặc bất cứ thể chế xã hội nào trong tương lai, nó vẫn cứ có đất sống. Vậy thì hãy cứ được như Nam Cao, vừa hoá thân vào Thứ, Điền, Hộ... đến thuộc từng chân tơ kẽ tóc họ, lại vừa thoát ra khỏi họ để thành tác giả Nam Cao mà nhìn sâu vào những gã, hần, y... với cái nhìn xót xa, thương hại và xin đủ, thì hẳn văn học ta còn làm được nhiều hơn, để bây giờ nhìn lại, ta sẽ không phải xấu hổ với cái thời ta đã sống, và những gì ta đã có. Để, ở tuổi 77, anh Khải không còn phải viết bài này trong chất giọng “*cảm khái*”: “*Sống trong giới non nửa thế kỷ mà đến tận bây giờ mới bừng nhận ra*

cái chân dung đại diện, cái chân dung đích thực của giới mình ". Không biết tâm trạng ấy có vận được vào số đông trong giới nghề nghiệp của chúng ta ?

Còn về phần tôi, tôi rất hứng thú và chia sẻ với anh Nguyễn Khải về một cách tính toán hợp lý hoặc tối ưu cho một đời văn. Hãy biết dừng lại vào một lúc nào đó cái bả phù hoa ; hãy bớt đam mê những gì phù phiếm mà chăm lo cho chính cái phần việc xã hội giao cho anh, hoặc đòi hỏi ở anh ở tư cách nhà văn, nhà thơ; nó cũng chính là cái phần để đời của anh. Và hãy biết cách tính toán sao cho sát, cho thật triệt để cái quỹ thời gian mình có, để làm nên một cái gì cho ra tằm, ra miếng, chứ không phải là những sản phẩm tùy hứng, vụn vặt, nhất thời. Trong trường hợp nhà văn Nguyễn Đình Thi, theo cách tính của anh Nguyễn Khải, nếu biết rời mọi chức vụ ngay sau 1975, khi đã ở tuổi hơn 50, dám quyết "*bước ra khỏi cái thế giới quan trường, rũ bỏ mọi công việc tẻ nhạt, rối rắm, vớ vẩn giữa đám thư lại* ", thì anh Thi vẫn còn một cái quỹ 20 năm cho việc viết. Với 20 năm, nhưng tính cho thật riết róng, với những trừ hao, trừ bì, với những rong chơi, nghỉ ngấm và nghỉ ngơi, thư giãn thì cũng còn được 10 năm cho sáng tạo, để mỗi ngày đêm viết dăm trang thì sau 20 năm cũng đến được 10 ngàn trang, tức là khoảng 20 cuốn sách, mỗi quyển 500 trang, trong đó có những quyển hẳn chắc sẽ là để đời. Ôi, cứ nghĩ đến một cái kết quả như thế cho Nguyễn Đình Thi — người đã có một sự sống đến ai cũng phải thèm muốn, với cái "*số đến là may mắn*", "*cái số ông Trời không chọn riêng cho anh, mà chính anh đã tự chọn cho mình bằng một cuộc chuẩn bị lâu dài, về mọi phương diện, từ những năm mới 18, 19 tuổi*", với nhiều cái tài khó ai sánh được, như cách anh Khải đã kể ; thế mà cả cái phần đời rất quý còn lại phải mất công cho những việc mà hẳn chắc cũng có người thay được thì mới thấy phí biết chừng nào ! Giá số đông các nhà văn ta đều nghĩ được thế, đều tính toán được thế ; hay nói cho hẹp hơn, trong số những người đang giữ các trọng trách lớn nhỏ của xã hội và nghề nghiệp mà lại có tài lớn mà nghĩ được thế thì văn học ta hẳn có thiếu gì H. de Balzac, L. Tolstoi là những người từng viết nhiều vạn trang mà không phải, hoặc chẳng ham đắm đương công tác gì. Viết được, như mong mỏi cho anh Thi, mới là "*xứng với tầm vóc của anh, với tài năng của anh, và cả những điều kiện làm việc sẵn có của anh*"; thế mà tất cả đó, chỉ "*được dùng một cách dè sẻn vào dăm cái bút ký*", mà cũng là viết một cách "*thờ ơ, nhân phải viết về cái lớn hơn mà buộc phải nói chút ít về cái tôi bé nhỏ của mình, của giới mình*"...

Giá cách nghĩ và cách tính này của anh Khải sẽ được nhiều người để ý, tất nhiên là trong số người có vị trí hoặc có tầm cỡ mà anh Thi là một trường hợp tiêu biểu, và cũng có thể là điển hình cho một thời đại văn nghệ ta. Còn số đông, rất đông chúng ta thì những căn bệnh thời bình như anh Khải nêu cũng không phải không là bài học rất nên cảnh tỉnh. Vừa biết nhìn người, vừa biết nhìn mình; vừa hoá thân vào người rồi lại phân thân mình ra mà nhận ra đâu là cái hay đâu là cái dở, đâu là cái cao thượng đâu là cái thấp hèn; vừa tiếp nhận, vừa thanh lọc và loại bỏ... để nhìn cho ra được những gì thật đáng giá, và thật là đầy đủ, cho cái thời mình sống, để rồi có sự toàn tâm cho cái nghiệp mình chọn.

Nhưng rồi lại nghĩ đến cái năng suất dăm ba trang cho một ngày đêm, như cách tính toán theo tiềm năng và kích cỡ của anh Khải để mỗi năm có cả ngàn trang thì lại thấy xấu hổ cho mình, bởi năng suất của mình là quá thấp, là thấp quá ! Tất cả vẫn chỉ nằm trong ao ước của cả một đời khó nói gì khác hơn là lười biếng trong sự viết, bên những đam mê phù phiếm, và những bận tâm vô nghĩa, choán không ít thời gian, nghĩ thế mà buồn! Cái buồn như được lây từ cái buồn lớn của anh Khải khi anh được đọc những hồi ký — thể văn mà anh thích đọc hơn các thể khác, như tiểu thuyết, của các bậc trưởng lão trong làng văn ta, với "*cái gam màu u tối của nó*", nó có lẽ là cái cơ để anh viết bài ký *Chiến sĩ - Nghệ sĩ* này.

Tôi viết bài này nhân ngày Đại lễ 30-4, có cái hứng thú được đọc bài của anh Khải viết về anh Nguyễn Đình Thi – là người thuộc thế hệ đàn anh, hơn anh Khải chẵn 6 tuổi; cả hai đều là bậc trưởng lão mà tôi rất kính trọng.

Còn tôi, là hậu sinh, sau anh Khải 8 tuổi, chỉ mong là một người hầu chuyện, để được nghĩ cùng, hoặc nghĩ theo anh, để cũng được “*cắm khải*” như anh về một thời đang qua ; nếu có gì lầm lỗi hoặc sai sót, còn chưa thật chín chắn, hoặc có gây nên va chạm vô tình nào đó với ai, rất mong được bạn đọc và các bạn đồng nghiệp thông cảm và lượng thứ.

Thái Hà 30-4-2007

Chiến sĩ – Nghệ sĩ bút kí



tranh Nguyễn Khai

Nhiều năm gần đây thi thoảng tôi lại được đọc một cuốn hồi ký văn học của các nhà văn đàn anh và bạn bè. Tất nhiên đọc hồi ký của các trưởng lão làng văn bao giờ cũng thích hơn đọc tiểu thuyết của các vị ấy. Tưởng như nó chỉ là chuyện của một người, một giới, kỳ thực lại là chuyện của một thời, chuyện của mọi người. Một thời có vui và có buồn nhưng đọc xong cứ thấy buồn buồn thế nào, có thể vì cái gam màu u tối của nó, vì những câu chuyện bấp bực vật vãnh, tủn mủn của nó, và cả cái đám người bé nhỏ mà đến là lắm chuyện nhiều khê. Chẳng lẽ cái thời của chúng ta chỉ là thế, cái tầm vóc của mỗi chúng ta chỉ có thế ?

Anh Nguyễn Đình Thi không viết hồi ký, hoặc giả có viết nhưng mới là bản thảo chưa xuất bản, tôi rất mong là thế, nhưng tình cờ đọc lại mấy bài bút ký in trong tập 3 *Tuyển tập Nguyễn Đình Thi*, tôi cứ ngỡ ngỡ như vừa nhận ra một Nguyễn Đình Thi khác, khác nhiều so với con người tôi đã biết trong nhiều năm. Anh viết về hội nghị Tân Trào; về cái đêm nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến toàn quốc và những ngày sau đó ; về chiến dịch Điện Biên Phủ mà anh có mặt ở đó trước sau tới non nửa năm. Ở những thời điểm lịch sử ấy anh Thi đều có mặt với tư cách là người tham gia, người được giao nhiệm vụ. Là chiến sĩ rồi mới là nghệ sĩ. Ở hội nghị Tân Trào anh được phân công đọc bản báo cáo *Một nền văn hóa mới* đã được chuẩn bị từ trước. Nhưng anh không đọc mà chỉ nói tóm tắt những điểm chính để tiết kiệm thì giờ cho hội nghị. Tối ngày 19 tháng 12 năm 1946, anh đi xe của Ban Tuyên huấn Trung ương cùng với anh Trần Huy Liệu rời Hà Nội vào thị xã Hà Đông ngoảnh lại nhìn quảng sáng phía Hà Nội đột nhiên tối đen và nhiều ánh chớp nhấp nháy ở đường chân trời Canh Diển cùng với những dây nổ

rền sâu như tiếng sấm của đạn đại bác, cuộc kháng chiến toàn quốc đã bắt đầu. Anh được gặp đồng chí Trường Chinh đang đứng cạnh chiếc đèn bão và được đồng chí giao bản đánh máy *Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chủ tịch, yêu cầu phải chuyển gấp tới Ủy ban Kháng chiến Hà Nội ngay trong đêm để kịp thông báo bằng mọi phương tiện thông tin tới đồng bào và chiến sĩ đang chiến đấu ở thủ đô. Anh trở lại ngay Hà Nội, đi một mình, cuốc bộ, lách ngược dòng người từ phía Hà Nội cuộn cuộn tới. Một dòng sông người gánh, đội, đeo, xách cái tải sản thu gọn của một gia đình, công, bồng, dắt các cháu nhỏ, tả tơi, mệt nhọc ùn ùn kéo đi không biết nơi đến và không biết cả ngày về. Nhưng không có tiếng kêu khóc, than vãn, chỉ có những tiếng gọi nhỏ, tiếng nói rì rầm và tiếng bước chân giẫm rào rào lên mặt đường nhựa. Anh phải đi một đoạn đường dài trong ánh sáng mờ đỏ của các đám cháy, trong tiếng súng máy súng trường đã nổ râm râm, có cả tiếng rú, tiếng nghiêng rít của xe xích từ phía nội thành vắng lại. Anh đến Ngã Tư Sở, rẽ theo con đường ven sông Tô Lịch, qua cầu đi vào Láng, khoảng gần nửa đêm mới tới nơi làm việc của anh Trần Duy Hưng, chủ tịch Ủy ban Kháng chiến của Hà Nội. Anh Hưng liền cho đánh máy *Lời kêu gọi* của Hồ Chủ tịch làm nhiều bản, anh Thi cầm lại một bản sao đi tiếp tới toà soạn báo *Cứu quốc Thủ đô* do anh Thép Mới phụ trách. Lại qua Ngã Tư Sở, đi một mạch dọc sân bay Bạch Mai, qua ngã tư Trung Hiền, chợ Mơ, rẽ vào đường Đuôi Cá, qua Hoàng Mai, Tương Mai tới làng Sét. Nguyễn Đình Thi và Thép Mới là bạn học từ trường Bưởi và trong mấy năm hoạt động bí mật ở Hà Nội, được gặp lại nhau trong cái đêm đầu tiên của kháng chiến quá vui vì rất bất ngờ.

Anh Thi ở lại báo *Cứu quốc* luôn, làm phóng viên mặt trận một thời gian, đến các phòng tuyến lấy tài liệu viết bài cho tờ báo ra hàng ngày. Người có ít nhưng bài không thiếu vì cuộc chiến ở đường phố với nhiều cách đánh, nhiều người tham gia phong phú lạ lùng, chuyện của một ngày có thể viết được cả tuần. Cũng trong thời gian này ở làng Khúc Thủy ven sông Nhuệ, Hà Đông, nơi anh ở lại có một chiếc đàn dương cầm của một gia đình người Hà Nội. Một tối anh ngồi bên cây đàn gỗ mộc không chủ định mấy nốt nhạc. Rồi một giai điệu bát ngát, dịu dàng chọt dâng lên cùng với nhịp pháo gầm từ xa và một vòm trời cháy đỏ. "... *Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây. Đây...*" Bản trường ca *Người Hà Nội* đã hoàn thành trong một đêm và được in trọn một trang báo *Cứu quốc Thủ đô* số Tết kháng chiến đầu tiên năm 1947. Rồi anh lại được gọi về Ban Thường trực Quốc hội đưa một phái đoàn quốc hội và mặt trận tới các tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thăm hỏi và động viên nhân dân kháng chiến. Năm 1947, tôi mới 17 tuổi là lính của tỉnh đội Hưng Yên có nhiệm vụ bảo vệ một cuộc nói chuyện của đoàn quốc hội tại nhà thờ Đình Cao thuộc huyện Phù Cừ. Tôi đứng ở xa nên không được nhìn rõ mặt người nói chuyện, chỉ nghe giới thiệu là nhà văn Nguyễn Đình Thi. Nói không có máy phóng thanh nhưng giọng người nói khoẻ, vang, người nghe cả ngàn rất im lặng nên đứng xa nghe vẫn rõ. Năm 1955 về Hà Nội tôi mới được gặp anh Thi, nghe anh hỏi chuyện tôi nhận ra ngay giọng nói của người năm xưa. Năm 1947, anh Thi 23 tuổi, năm 1955 anh đã 31 tuổi. Tôi nhớ rất rõ tuổi của anh vì anh hơn tôi đúng 6 tuổi.

Lại nói đến mặt trận Điện Biên Phủ. Anh Thi lên Điện Biên từ tháng 12 năm 1953. Lại một túi dết nhỏ bên vai, một miếng vải bạt và cái màn cá nhân cuộc buộc quanh thắt lưng, đi bộ mỗi ngày từ sáng sớm tới nửa đêm, từ Thái Nguyên qua Tuyên Quang, vượt sông Lô, qua Yên Bái, vượt sông Thao đến ngã ba Nghĩa Lộ thì đi nhờ được xe của hậu cần. Chuyển xe chở lựu đạn, axit, lên chặt vải dù và quần áo bộ đội. Xe chạy được vài giờ thì bị bom, anh đạp tấm liếp bịt sau xe nhảy vọt ra nhưng không chạm được đất mà cứ rơi trong khoảng không mù mịt tới lúc va đầu vào gốc cây mới dừng lại được, nằm vật ra ở một đoạn suối khô. Anh được đưa xuống chân đèo băng vết thương ở đầu rồi nằm nghỉ ở lán của anh em công binh trong một khu rừng già. Một khu rừng đầy người, bộ đội công binh, dân công, đa số là phụ nữ, tối đến là mang sọt, cuốc xẻng ra khỏi rừng, lên mặt đường, lên đèo, san lấp hố bom, dọn đất đá cho xe tải và xe thồ lên đường ra mặt trận. Anh lại tiếp tục đi, lúc đi một mình, lúc đi có bạn, vượt sông Đà ra Cò Nòi, rẽ lên Sơn La đến với một trung đoàn ở Thuận Châu. Rồi lại cùng trung đoàn hành quân

lên Điện Biên theo đường Tuần Giáo năm ấy chỉ còn như một vệt đường mòn chìm trong lau sậy. Họ đi qua những khu rừng tối đen chốc chốc lại loé lên những vàng lửa đỏ cùng với những tiếng nổ choáng óc. Họ đã bước vào tầm pháo của Điện Biên Phủ. Rồi trung đoàn lại được lệnh vượt núi sang phía Tây, từ đỉnh núi tụt xuống những cái dốc dựng đứng, chân người nọ đạp lên đầu người kia, mà mỗi người đều mang vác rất nặng, ngủ thiếp một chút lại bừng tỉnh, tay vẫn bám chặt những bụi cây hoặc một gờ đá, tụt dần xuống từng chút cho tới sáng. Vậy anh em pháo binh sẽ phải đưa những cỗ pháo nặng hàng tấn qua đỉnh núi bằng cách nào ? Ngày N đã đến, 5 giờ chiều sẽ nổ súng toàn mặt trận nhưng gần trưa thì anh được lệnh lên Bộ Chỉ huy đại đoàn 308 gặp anh Lê Quang Đạo, phó chủ nhiệm chính trị mặt trận.

Đúng 12 giờ trưa thì người trực tiếp điện thoại báo cáo đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ ra nghe lệnh. Anh Vũ nghe điện với nét mặt căng thẳng, trả lời liên tục: “ Rõ, rõ, rõ ! ”. Lại im lặng rồi anh Vũ nói tiếp : “ Báo cáo, đi được ngay, toàn đại đoàn ! ”. Mấy phút sau mới được biết, anh Văn ra lệnh hoãn tiến công, 308 phải hành quân gấp sang Lào, hướng Luang Prabang. Còn anh Thi thì được lệnh về ngay cơ quan chính trị của mặt trận. Đó là những giây phút lịch sử vì nó có ý nghĩa mật còn không chỉ với một chiến dịch mà còn với cả vận mệnh một dân tộc, một quốc gia. Từ kế hoạch đánh nhanh, giải quyết nhanh trong vòng ba đến năm ngày, tới kế hoạch vây bọc các cụm cứ điểm của địch từ ngoài vào trong bằng một trận địa đường hào, đòi hỏi phải nhẫn nại nhiều hơn, chịu đựng gian nan nhiều hơn nhưng đã nổ súng là chắc thắng, trong bất cứ tình huống nào cũng đánh thắng. Đó là sự kiện mà nhiều chục năm sau, đại tướng Võ Nguyên Giáp còn nói : “ Đó là quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của tôi”. Ôi trời ! Cái số ông Thi đến là may mắn ! Nói là may mắn nhưng cái may mắn ấy ông trời không chọn riêng cho anh chính anh đã tự chọn cho mình bằng một cuộc chuẩn bị lâu dài, về mọi phương diện, từ những năm mới 18, 19 tuổi.

Cũng qua mấy bài bút ký của anh Thi viết về thời kháng chiến chống Pháp tôi đã nhận ra cái chân dung thật của nhiều bậc tiền bối trong giới văn nghệ, những chân dung rất khác với những gì tôi được biết về họ trong cuộc sống đời thường ở Hà Nội những năm sau này. Và cũng được biết thêm cái lúc khởi đầu của nhiều tác phẩm nghệ thuật nay đã là tài sản của quốc gia. Thu đông năm 1947, Pháp nhảy dù xuống Bắc Cạn và khu Võ Nhai - Đình Cả. Cùng lúc Pháp mở cuộc vây quét đại quy mô, một cánh quân ngược sông Lô lên Tuyên Quang, một cánh theo quốc lộ 3 lên Thái Nguyên. Rồi tàu chiến địch bị bắn cháy, bắn chìm trên sông Lô, các cánh quân khác bị đánh tĩa khắp nơi, quân Pháp buộc phải rút chạy, cái mục đích bắt gọn cơ quan đầu não của kháng chiến hoàn toàn thất bại. Cũng trong những tháng ngày căng thẳng chống lại các cuộc vây quét ấy nhiều tác phẩm nghệ thuật lớn đã ra đời. Ở xóm núi Xuân Áng anh Nguyễn Xuân Khoát tìm ra đoạn kết cho bài *Tiếng chuông nhà thờ* đã được bắt đầu ở Bắc Cạn. Cũng ở xóm núi ấy anh Tô Ngọc Vân lập xưởng sơn mài và làm bức đầu tiên Hà Nội vùng đứng lên. Ở Ao Châu, Âm Thượng anh Thế Lữ viết và tổ chức diễn kịch *Cụ Đạo và Sư ông*, anh Nguyễn Huy Tưởng miệt mài với vở kịch *Những người ở lại*. Văn Cao qua Bến Then chỉ còn tro than, đốt cành cây ôm gối ngồi sưởi trong một đêm giá buốt, nửa tỉnh nửa mê trong bản trường ca mệnh mang, da diết của núi rừng Việt Bắc, của sóng nước sông Lô sau nhiều ngày đêm ngàn ngạt khói lửa đã trở lại cái yên tĩnh thanh bình của ngàn xưa. Tố Hữu viết một mạch những bài thơ *Cá nước*, *Phá đường*, *Lượm*. Thanh Tịnh tìm một hình thức diễn thơ riêng, anh đặt tên là độc tấu và trình diễn hai bài độc tấu ra mắt : *Trận địa lời cây số 7 đường Tuyên Hà* và *Kể chuyện sông Lô*. Ở Nhà Nam, Nguyễn Hồng viết *Áp đảo cháy* và đem lên Việt Bắc truyện *Làng* của Kim Lân và bút ký *Buổi chợ trung du* của cụ Ngô Tất Tố. Năm 1948 vòng vây quanh Việt Bắc càng siết lại nhưng ở cơ quan văn nghệ xóm núi Yên Rã anh em sáng tác vẫn họp hội nghị tranh luận về thơ không vần và các hình thức sân khấu cũ và mới. Tạp chí *Văn nghệ* chuẩn bị ra số đầu tiên in trên giấy bản giữa rừng sâu. Các truyện *Làng* của Kim Lân, *Núi Cứu quốc* của Tô Hoài, *Đôi mắt* và *Nhật ký ở rừng* của Nam Cao... ra mắt bạn đọc lần đầu là trên tạp chí đó. Năm 1949 tạp chí lại giới thiệu cả loạt thơ văn của bộ đội, *Viếng bạn* của Hoàng

Lộc, *Đầu súng trăng treo* của Chính Hữu, *Đèo cả* của Hữu Loan, *Tây tiến* của Quang Dũng. Và bài ký *Voi đi* của Siêu Hải, một trung đội trưởng pháo binh, truyện ngắn *Thu nhà* của anh lính trẻ Hồ Phương đã làm cả toà soạn vui rộ lên. Thu đông năm 1949 chính là quân ta đã nổ súng trước, làm rung chuyển phòng tuyến sông Thao của Pháp. Chỉ với súng trường, lựu đạn và lưới mìn xung kích quân ta đã tiêu diệt gọn hai đồn Đại Bực, Đại Phác rồi đến trận Phố Ràng lừng lẫy. Ông Nguyễn Tuấn dự trận Đại Bực được Ban chỉ huy giao cho một chiếc trống lớn đứng cạnh anh lính kèn. Khi phát lệnh xung phong thì anh lính kèn lập tức thổi lên, còn ông nhả vần thì thúc trống ngũ liên trợ lực cho lính xung kích xông lên đồn giặc. Và Trần Đăng viết hai bài ký *Trận Phố Ràng* và *Một cuộc chuẩn bị* hiển lộ một tài năng có cái nhìn thẳng và thật về cái sống và cái chết của người chiến sĩ trong chiến tranh.

Cũng trong Thu Đông này Trần Đăng và chính trị viên Bùi Thịnh cùng hy sinh một lần vì bị tàn quân Tưởng phục kích bắn chết ở bên kia biên giới. Cái chết của Trần Đăng đã gây chấn động trong giới văn nghệ như cái chết của Nam Cao hơn một năm sau ở vùng địch hậu Ninh Bình, và cái chết của Nguyễn Thi non hai chục năm sau nữa tại mặt trận Sài Gòn. Sự nghiệp rực rỡ của Nam Cao gần như đã hoàn thành, còn với Trần Đăng, Nguyễn Thi nói như cụ Nguyễn là những bản thảo bị cháy nên sự nhớ thương, nuối tiếc mỗi lần nghĩ về họ sẽ là mãi mãi.

Cuối năm 1953 trên đường đi chiến dịch Điện Biên Phủ, đến lưng đèo Pha Đin ông Thi chợt gặp họa sĩ Nguyễn Sáng cùng hành quân với một trung đoàn, thò trên lưng đủ thứ đồ nghề của một họa sĩ, bước lặc lè, thở như kéo bễ vẫn cười nhăn nhó: “ Ôi, ghê thật, Pha Đin ! ”. Họ đi giữa các chiến sĩ công binh và dân công đang phá bom nổ chậm và lấp hố bom, lát lát lại nghe có tiếng quát : “ Đi nhanh lên ! Bom nổ chậm đấy ! ”. Tới đỉnh đèo ngồi nghỉ ông Thi mời ông Sáng điều thuốc vắn tay, cùng thở khói khoan khoái, ông Sáng lại cười nhỏ : “ Khiếp thật ! Pha Đin, Cổng Trời ! ”. Họ đi ngược lại nhiều tốp phụ nữ Thái địu con, đồ đạc gói buộc trên lưng ngựa. Một chị nói : “ Chúng tôi từ Mường Thang chạy ra đây, Tây nó đốt hết bản rồi ! ”. Cuộc gặp gỡ tình cờ trên đèo Pha Đin năm ấy, sau này anh Sáng đã vẽ trong một bức tranh sơn dầu *Giặc đốt làng tôi*.

Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc anh Thi vừa về đến cơ quan tuyên huấn thì được lệnh trở lại ngay Điện Biên, đưa một đoàn quay phim nước bạn tới chiến trường vừa tắt tiếng súng nhưng mọi dấu vết còn nguyên vẹn và vẫn còn một đại đoàn đóng quân tại chỗ. Lại từ Thái Nguyên qua Tuyên Quang, Yên Bái, vượt sông Thao, qua ngã ba Nghĩa Lộ tới đèo Lũng Lô để vượt sang Sơn La. Tới đèo Lũng Lô xe không qua được vì trận bom hôm trước đã làm đá núi lăn xuống lấp kín đường. Một anh công an mời đoàn ông Thi vào căn nhà lợp tranh ở một vách núi để vào sổ giấy tờ. Khi xem giấy giới thiệu biết đoàn đi thuộc giới văn nghệ, anh công an đột ngột hỏi : “ Anh ở văn nghệ có biết ông Tô Ngọc Vân không ? ” - “ Ông Tô Ngọc Vân cũng đang ở đây à ? ” - “ Ông ấy hy sinh ngày hôm qua rồi, ông bị một trận bom chùm ở chân đèo lúc ông đang vẽ ”. Anh Thi cầm lại cái ba lô chiến trường của bạn với một ống tre lớn đựng các bản phác thảo trong một chuyến đi.

“Chúng tôi biết nhau trong một thời kỳ hoà bình, là những viên chức nhà nước của một thời thanh bình. Anh Thi là viên chức cấp cao, tôi là viên chức cấp thấp, cả cao lẫn thấp đều là thành viên của cái thế giới viên chức. Cái thế giới ấy có sống trong nó, sống với nó mới thấy hết cái tầm thường, cái nhỏ nhen, khó có ai tôn trọng được ai trong cuộc ganh đua vừa vô nghĩa vừa buồn cười. Trong cuộc ganh đua ấy không có người thắng, cả mọi người đều thua vì đã tự hạ mình trong nhiều chuyện nghĩ lại cũng là nhảm. Lại thêm trong nhiều chục năm chúng tôi luôn luôn bận rộn bởi nhiều cuộc tranh cãi về lập trường, quan điểm giai cấp trong văn nghệ. Các cuộc tranh luận ấy lại diễn ra trong bầu không khí chính trị thường xuyên căng thẳng của một thế giới chia đôi, một đất nước chia đôi và một xã hội cũng bị chia ra bởi các cuộc đấu tranh giai cấp”.

Tôi có cái may mắn được giúp việc anh Thi nhiều thời kỳ nhưng cũng chỉ biết được cái chân dung phù phiếm của anh thôi. Rằng anh là một nghệ sĩ đa tài, hoạt động chính trị ở cấp cao từ năm mới 21, 22 tuổi, sau này là người lãnh đạo văn nghệ kháng chiến khi chưa tới tuổi ba mươi. Và lại những lúc trò chuyện riêng với nhau anh không hề nhắc lại một lần nào những chuyện của ngày xưa, ngày xưa anh đã gặp những ai, đã làm những việc gì. Mà chỉ nói những chuyện của lúc này, của bây giờ. Lúc này đang viết tiểu thuyết, lúc này đang viết kịch, có lần anh dành hẳn một nửa buổi để đọc trọn vẹn một vở kịch anh mới viết xong. Ở những giây phút ấy anh là một nghệ sĩ hoàn toàn với sức quyến rũ tự nhiên của nó. Chúng tôi biết nhau trong một thời kỳ hoà bình, là những viên chức nhà nước của một thời thanh bình. Anh Thi là viên chức cấp cao, tôi là viên chức cấp thấp, cả cao lẫn thấp đều là thành viên của cái thế giới viên chức. Cái thế giới ấy có sống trong nó, sống với nó mới thấy hết cái tầm thường, cái nhỏ nhen, khó có ai tôn trọng được ai trong cuộc ganh đua vừa vô nghĩa vừa buồn cười. Trong cuộc ganh đua ấy không có người thắng, cả mọi người đều thua vì đã tự hạ mình trong nhiều chuyện nghĩ lại cũng là nhảm. Lại thêm trong nhiều chục năm chúng tôi luôn luôn bận rộn bởi nhiều cuộc tranh cãi về lập trường, quan điểm giai cấp trong văn nghệ. Các cuộc tranh luận ấy lại diễn ra trong bầu không khí chính trị thường xuyên căng thẳng của một thế giới chia đôi, một đất nước chia đôi và một xã hội cũng bị chia ra bởi các cuộc đấu tranh giai cấp. Đó là những cơ hội bằng vàng để đả đấm lại thời bình bày chuyện, đơm chuyện, làm rối tung mọi sự khiến từng người đều cảm thấy bất an, đều không dám bộc lộ công khai những niềm tin riêng của mình, đều sẵn sàng nhân nhượng để đổi lấy sự yên ổn của một anh viên chức mẫn cán. Cái chân dung lấm liệt của giới văn nghệ một thời cách mạng, kháng chiến bị che phủ dần, bị mờ tối dần, bị quên dần. Những người làm công việc tổ chức và quản lý văn nghệ đã quên, rồi chúng ta cũng quên khi nhìn vào nhau và nhìn lại chính mình. Đó là cái nguyên do vì sao khi đọc nhiều hồi ký văn học mình không thấy vui, không thấy tự hào mà cứ buồn buồn thế nào.

Viết ra điều này tôi cũng xấu hổ, một nhà văn đã ngoài bảy chục tuổi, sống trong giới non nửa thế kỷ mà đến tận bây giờ mới bừng nhận ra cái chân dung đại diện, cái chân dung đích thực của giới mình, trong lòng cũng có nhiều cảm khái lắm. Mới càng thấy làm lạ trong cái cách lựa chọn nặng nhẹ trong sự nghiệp văn chương của anh Thi. Một vốn sống giàu có, phong phú đến vậy lại chỉ được dùng một cách dè sẻn vào dăm cái bút ký thôi sao? Và chẳng, đọc kỹ những bài bút ký ấy tác giả cũng viết thờ ơ, nhân phải viết về cái lớn hơn mà buộc phải nói chút ít về cái tôi bé nhỏ của mình, của giới mình. Hình như là thế! Một cái đêm 19 tháng 12 năm 1946 và nhiều ngày tiếp sau ở mặt trận Hà Nội lại không đủ để viết một cuốn tiểu thuyết vài trăm trang hay sao? Nửa năm ở mặt trận Điện Biên tận mắt chứng kiến nhiều sự kiện có ý nghĩa lịch sử, lại cùng sống, cùng chiến đấu với bộ đội với dân công trong nhiều ngày, nhiều tháng, lại được gặp và trò chuyện thân tình với nhiều tướng lĩnh của chiến dịch mà họ đều đã quen biết nhau từ những năm trước Tổng khởi nghĩa, sống đến thế, biết đến thế mà không đủ để viết hẳn một pho trường thiên tiểu thuyết để đời sao?

Rồi ngày trở về thủ đô sau 8 năm đi kháng chiến của anh. Anh không chỉ về cùng với đội quân chiến thắng mà còn vào Hà Nội trước cả tuần khi Hà Nội vẫn còn quân Pháp cùng với nhà quay phim danh tiếng Roman Karmen để chuẩn bị các địa điểm sẽ được quay trong mười ngày tới. Rồi họ trở lại Thái Nguyên, trong mấy ngày rảnh rỗi anh Thi một mình đi ngược lên Đại Từ - Phú Minh, vào cơ quan cũ nay đã trống vắng, ở lại trong một cái lán với một túi gạo và một cái đèn bão, thổi cơm, luộc rau rừng rồi nằm xem pho tiểu thuyết *Chiến tranh và hoà bình* mới mua từ Hà Nội trong cái vắng lặng mênh mông của núi rừng Việt Bắc những ngày đầu hoà bình. Một Ngày về quá đẹp, quá lãng mạn của một thời lãng mạn cả trong chiến tranh lẫn trong viết lách. Đẹp như thế, nên thơ như thế mà chỉ viết được có dăm trang bút ký nhạt nhẽo thôi ư? Hoặc giả viết khác đi sẽ là văn học của thời xưa, là văn học tiểu tư sản chứ không thể là văn học mới, văn học vô sản? Văn học vô sản là phải viết về quần chúng, về người chiến sĩ, người

lao động, chứ không thể chỉ quần quăn trong cái đám trí thức văn nghệ sĩ với những mộng mơ, những suy nghĩ siêu hình.

Nguyễn Đình Thi với những tác phẩm anh đã viết trong hơn nửa thế kỷ cầm bút cũng đã là một tài sản lớn lắm, đáng ao ước lắm. Nhưng theo tôi nó vẫn chưa xứng với tầm vóc của anh, với tài năng của anh và cả những điều kiện làm việc sẵn có của anh. Chỉ vì anh đã lưỡng lự quá lâu trong lựa chọn giữa cái hiện tại với cái mai sau, những việc phải làm do trách nhiệm công dân, trách nhiệm đảng viên và những việc phải hoàn thành bởi cái trách nhiệm của một nhà văn. Lẽ ra ngay sau khi cuộc chiến tranh ba mươi năm kết thúc anh phải nhanh chóng bước ra khỏi cái thế giới quan trường, rũ bỏ mọi công việc tẻ nhạt, rối rắm, vớ vẩn giữa đám thư lại, chỉ đem lại tiếng xấu nhiều hơn là tiếng tốt, nhiều phiền muộn nhiều hơn là niềm vui, nhiều trói buộc hơn là tự do. Đã bỏ ra nhiều chục năm vì việc nước, thời gian còn lại phải là việc chính của riêng mình. Anh vẫn còn những hai chục năm để trở lại những nơi đã từng đến, gặp lại nhiều người đã cùng nhau sống chết một thời. Vẫn còn đủ thời gian để hiểu lại nhiều người, biết thêm nhiều chuyện, có thể kết luận một cách minh bạch nhiều việc mình đã trải qua. Rồi đọc sách, rong chơi, ngắm nghĩ và viết. Chỉ viết những gì mình yêu, mình gắn bó, là máu thịt của mình, là chính mình. Cảnh không thuộc của mình không viết, người không thuộc của mình không viết, tình cảm, tư tưởng không được nảy sinh, được nuôi dưỡng từ cái thế giới riêng của mình, bỏ ra ngoài. Viết như thế mới có say mê, mới là viết trong tự do, trong niềm vui được tự bộc lộ. Viết ngày viết đêm, mỗi ngày dăm trang, một năm cũng được non hai ngàn trang. Mười năm đi chơi, gặp bạn, lo việc gia đình, cả ốm đau bệnh tật thì cũng còn được làm việc trọn mười năm. Mười năm là hai mươi ngàn trang, gạch xóa, loại bỏ một nửa thì cũng vẫn còn mười ngàn trang, là hai mươi cuốn sách, mỗi cuốn khoảng 500 trang ! Viết được thế mới thật hả, không uổng cái tài tạo hoá đã ban cho, không uổng cả cái công nhân dân, đất nước đã nuôi dưỡng, tài bồi. Và cũng là cách vinh danh có sức thuyết phục nhất cho một giới, một nghề và cả một thời nữa.

26.3.2007

Cảm khái không đủ Vương Trí Nhàn



tranh Nguyễn Khai

Trên báo *Văn Nghệ* số 17-18 vừa qua có bài Chiến sĩ - Nghệ sĩ của Nguyễn Khai. Tóm tắt có mấy ý:

- 1/ Nhiều nhà văn ở ta, quãng đời đẹp nhất là thời chiến tranh.
- 2/ Đến thời hoà bình, ta đã sống hoài sống phí, sa vào quan liêu phù phiếm.

3/ Vậy mà nhiều chuyện tốt đẹp trong thời chiến tranh ta đã bỏ qua, không viết. Nhìn chung, nhà văn nên lo sáng tác – nếu bảo tính toán, thì đó là cách tính toán hợp lý nhất để dẫn đến hiệu quả lâu dài. Và đó là bài học mà nhiều cây bút về già nhận ra, dù đã muộn.

Đã có bài anh Phong Lê (*Văn Nghệ* số 20) chia sẻ với anh Khải về các nội dung này. Tôi muốn đề nghị một cách nghĩ khác :

1

Nên phân biệt đóng góp của một nghệ sĩ và một chiến sĩ.

Những gì anh Thi có những năm đầu kháng chiến chống Pháp là rất đẹp, nhưng dưới góc độ văn chương, đó mới là ở dạng tiềm năng. Anh Khải ao ước giá anh Thi viết lại thời đó hẳn sẽ rất thích – đó là giả định của người đọc chứ không phải là người đọc văn học.

Viết lại quá khứ một cách văn học có những yêu cầu khác với yêu cầu thông thường. Không phải cứ được chứng kiến nhiều việc quan trọng, là có ngay được cái hay. Nếu tính chuyện “sống nhờ” vào chất liệu của đời, thì ai chẳng viết được, cần gì đến nhà văn.

Tôi nghĩ những ngày kháng chiến đã vào thơ vào nhạc Nguyễn Đình Thi, thế là được rồi. Còn nếu ước ao nó vào tiểu thuyết ư? Viễn vông quá! Cái sự kiện Nguyễn Đình Thi giữa Việt Bắc cuối 1954, ngồi đọc *Chiến tranh và hòa bình* đâu có phí, có thời khắc ấy thì mới có *Vỡ bờ*. Còn nếu bảo *Vỡ bờ* không thành công thì cái sự kiện kia cũng vô vị. Nó chẳng có ích gì cho văn học.

Hồi đầu chiến tranh chống Mỹ, anh Thi đã đi với Phòng không và Không quân. Với đất nước ta, một sự kiện như lần đầu Không quân có mặt, từ góc độ lịch sử mà nhìn, cũng đẹp lắm chứ, giá viết cho lên hết tầm cỡ của nó, cũng “dễ vào mai sau” lắm chứ! Và anh Thi đã viết *Vào lửa lẫn Mặt trận trên cao* nữa. Tôi nhớ hồi ấy (1965-1968) một trong hai cuốn đã được dịch cả ra nước ngoài, đầu nhà Juliard bên Pháp, rồi cả bên Cuba cũng in. Thế mà về sau, bạn đọc cũng như tác giả có mấy khi nhắc tới chúng ?

2

Cuộc sống là liên tục.

Ở một con người, giữa cái cuộc sống trong sáng tốt đẹp trong chiến tranh (cứ tạm cùng anh Khải giả định thế), và cuộc sống rắc rối trong thời bình, cái nào là chính, xin thưa phải nói cả hai. Và với nhà văn nó đều là chất liệu tốt, có thể tạo ra những tác phẩm đóng góp cho xã hội. Nguyễn Minh Châu là gồm cả *Bước chân người lính* lẫn *Phiên chợ Giát* và *Cỏ lau*. Với các nhà văn khác cũng phải tính như thế, kể cả anh Thi. Giữa anh Thi trong chiến tranh và anh Thi trong hòa bình có tiếp nối, trước sau vẫn là một con người. Ai cũng vậy, không thể lấy con người ông ta trong hòa bình đối lập với con người ông ta trong chiến tranh, rồi khuyên người ấy chọn con đường viết về kỷ niệm chiến tranh cho chắc ăn. Có viết cũng hỏng.

3

Cũng như Tố Hữu (và phần nào có thể kể vào đây cả Nguyễn Huy Tưởng, Chế Lan Viên) đóng góp của một người như Nguyễn Đình Thi trong văn học là trên hai phương diện.

Thứ nhất là người sáng tác. Thứ hai là người kiến tạo nên văn học, người đạo diễn, người huấn luyện viên, người mở đường, người xây dựng lực lượng, người sắp xếp nhân sự, người thao túng cả hướng phát triển - tóm lại là người quan chức hàng đầu (quan chức văn nghệ chứ không phải quan chức nói chung). Chưa biết hay dở thế nào song ở cả hai phương diện, các ông đều để lại dấu ấn. Cho đến nay, phương diện thứ hai này của các ông ít được ghi nhận. Theo nếp thông thường, anh Khải cũng chỉ nói tới con người sáng tác mà quên hẳn con người quan chức. Như thế là làm nghèo các nhân vật lịch sử đó đi. Việc ghi nhận cái phương diện thứ

hai này ở Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng, Chế Lan Viên... lẽ ra phải làm sớm hơn, đầy đủ hơn, bởi nó còn liên quan đến sự phát triển văn học hôm nay.

Anh Khải giả dụ rằng anh Thi cuối đời chỉ tập trung viết thì hẳn đã có được một văn nghiệp lớn. Tôi định nói ngược lại, giả như đến giai đoạn khó khăn về sau, anh Thi tập trung vào việc lãnh đạo thì nhờ biết đâu lại có đóng góp đậm hơn. Là cũng góp vui thể thôi, chứ tôi chả dại gì đề nghị vậy. Vì -- chính là qua lời kể của anh Khải những năm cùng làm việc ở *Văn Nghệ quân đội* mà tôi biết -- anh Thi là loại khi làm công tác phụ trách thì không quên mình là người sáng tác, phải lo làm mẫu cho anh em mới được; còn khi vào sáng tác thì nghĩ rời mình ra, chắc văn học hỏng mất. Nó là tính người rồi, khó bỏ lắm. Ta chỉ nên giả dụ cho người nào đó cái điều người ấy có thể làm được.

4

Sau hết, tôi muốn nói một câu tóm tắt: nếu quay về quá khứ, trở lại với những người đã khuất là một cách tốt nhất để hướng về tương lai, thì việc dừng lại ở cảm khái không đủ. Cái cần hơn là lý tính sáng suốt.

Đời khổ

1

Năm 1961, vợ chồng tôi được quân đội cấp cho một căn nhà mười bốn mét vuông ở khu tập thể Phúc Xá, là một rẻo đất bãi phía ngoài đê sông Hồng. Tôi sinh ra ở Hà Nội, mãi đến năm mười sáu tuổi mới rời Hà Nội đi kháng chiến, trong từng ấy năm chưa bao giờ tôi bén mảng xuống vùng đất bãi của Hà Nội gồm mấy xã Phúc Tân, Phúc Xá, Nghĩa Dũng, An Dương. Đó là vùng đất của dân nghèo, của trộm cướp và những phần tử bất hảo. Nghe các ông bà sống trong phố đồn đại thế nên cũng sợ. Nào ngờ mình sẽ phải sống ở đó những mấy chục năm, để cả loạt con, viết cả loạt sách, thành dân làng Phúc Xá chính cống. Cái năm tôi về Phúc Xá là hai vợ chồng còn rất trẻ, một bà mẹ chưa già lắm và đưa con trai đầu mới lên ba tuổi. Lối vào khu tập thể là con đường đất nhỏ, một bên là hồ, một bên trồng mía, trời mưa dầm phải tụt dép bấm chân mà đi. Những dãy nhà một tầng xây đối nhau, mười hai gian một dãy, như trại lính, là trại vợ lính. Mỗi nhà có hai cửa ra vào, hai cửa sổ, một cái bếp và một nhà tắm chung cho hai hộ, mùi vôi mùi xi-măng còn nồng lên. Mỗi dãy nhà đã có vài bốn gia đình dọn đến ở, chồng xách nước dội, vợ gò người lấy chổi rể cọ nền, vừa làm vừa cười, rồi mời gọi nhau sang uống nước, hút thuốc, hả hê, khoan khoái vì đã có một mái nhà, đã mất rất nhiều tâm sức để có được một gian nhà.

Buổi tối đầu tiên được về ở nhà mới lại không có điện, các nhà đều thắp đèn dầu, chúng tôi không có đèn vì không nghĩ rằng còn phải thắp đèn, dọn cơm ra đầu hè ăn nhờ ánh sáng đèn nhà hàng xóm. Bữa cơm đầu tiên nấu bằng nồi của mình, củi của mình, bếp của mình và dọn ăn bằng mâm, mẹ ngồi giữa, vợ chồng ngồi hai bên, thằng con vác bát chạy ra chạy vô trong gian nhà của nó, đến vui. Chuyện thường thế mà cũng vui được nhỉ? Một gian nhà trống không, túi quần túi áo rộng tuếch, mọi thứ còn là trong tính toán, trong dự định, trong hy vọng, mà lại vui! Nhiều năm sau cái niềm vui xoắn xang, mơ hồ của chờ đợi và hy vọng cái thuở tay trắng không thể có nữa. Nó đã ở phía sau. Nó đã thuộc về một thời. Tôi còn nhớ rõ đứng vào cái tối ấy, cái tối ăn cơm không đèn, một gương mặt nhìn không rõ ghé vào song cửa, một giọng nói lạnh lạnh hỏi với vào: "Cô chú nào vừa đến lại đi rồi à?". Người hàng xóm có tính tò mò ấy là chị Vách.

2

Chị Vách hơn tôi một con giáp, răng đen và vắn khắn. Chồng chị là thiếu tá ở một học viện

chính trị, hơn tôi khoảng mười lăm tuổi. Cấp thiếu tá ngày ấy là to lắm, là mơ ước gần như viễn vông của đám thương úy lau nhau. Tên ông thiếu tá là gì tôi không rõ, mặt ông tôi cũng quên, chỉ nhớ mang máng một người đàn ông có bộ dạng rất đĩnh đạc, có thể rất tốt bụng, nhưng không làm một việc gì, nói một lời nào để dấy xóm được nhớ. Mỗi lần gặp tôi ở đường, một năm khoảng đôi ba lần, ông đều chào trước thân thiện và nhạt nhẽo: “Đồng chí khỏe không? Tốt chứ?”.

Với gia đình ấy vợ chồng tôi chỉ biết có chị Vách, ông thiếu tá chồng chị là ông Vách, các con chị một lũ lồi thối, lố cổ là con bà Vách. Chị Vách rất hợp chuyện với vợ chồng tôi, chị là người dưới quê mới theo chồng lên sống ở tỉnh, vợ tôi cũng thế. Chị là một cán bộ xã vùng địch hậu thời đánh Pháp, vợ tôi là du kích, rồi là dân công gửi gạo theo bộ đội suốt mấy chiến dịch. Hai chị em mỗi lần được ngồi với nhau là dứt không ra. Chuyện đàn bà không đầu không cuối nhưng chị Vách đã lên tiếng, mình lại chót đại để tai nghe là cứ phải nghe đến cùng. Hết cả đọc, hết cả viết. Vì nó vui lắm, buồn cười lắm, cười đến đau ruột, đến não lòng.

Tôi nói:

- Có một bà vợ vui tính như chị chắc ông ấy được cười cả ngày!

Chị Vách nói:

- Quân tử ẩn hình, tiểu nhân lộ tướng. Ông ấy vẫn phê bình tôi nói năng vô chính trị, không được chín chắn như các bà cán bộ ở tỉnh. Người ta có trình độ cao lỡ lấy phải vợ đại cũng là khổ tâm lắm. Thời trước thì họ đuổi mình ra đường rồi.

Giàu vì bạn, sang vì vợ, có một bà vợ như tôi ông chồng cũng hóa hèn, chị nói thế. Nên không bao giờ chị dám đi cùng chồng ra ngoài, đến thăm ai chồng đạp xe tới trước, vợ đi bộ tới sau, không xem hát, không xem chiếu bóng, chưa bao giờ tôi thấy vợ chồng họ đi sóng đôi cả. Mà chị đâu có xấu, là một phụ nữ xinh đẹp của một thời, gương mặt tươi tắn, cái miệng với hàm răng đen đều đặn khi nói khi cười duyên dáng lạ lùng. Tôi hỏi, làm thế nào mà ông ấy lại vợ được chị nhỉ? Là cái duyên may chú ạ, chị nói, người ta là cán bộ trên tỉnh hoạt động cách mạng từ thời bóng tối, mình chỉ là cô du kích ở làng, cách nhau như trời với đất, lấy được là mừng, có với nhau đã hai mặt con nghĩ lại vẫn còn mừng. Chị nói thêm, hướng hồ tôi còn là người có tội, phải người chồng có máu ghen họ thì gọt tóc bôi vôi. Chuyện như sau, làng chị thời đánh Pháp là làng tề, hai đầu hai bót, lính Tây ít, lính đồng nhiều, dĩ nhiên là gái làng lên ngủ với Tây càng nhiều hơn. Chị phải đi phu nhưng vì có chút ít nhan sắc nên được giữ lại quét dọn trong đồn. Lính đồng ra đùa một câu, vào gheo một câu, chúng nó hát:

“Mẹ già khắc khoải đêm ngày
Anh đi ai cấy ai cày ruộng hoang
Người ta vì nước vì làng
Anh đi theo Vem, ai mang tội này.”

Có một anh cai, người xã dưới, bụng dạ tử tế, biết chị là vợ cán bộ, con lại còn nhỏ liền xui chị giả cách ốm rồi cho về. Lại còn cho tiền và một cân thịt bò nữa. Anh ta đẹp trai, có học, lại mới góa vợ nên trong làng cứ xì xầm chắc anh chị đã có tình ý với nhau, mấy đêm ở lại trên đồn rơm kê lửa lại bảo không bén là khó tin lắm. Người làng thì khó tin, ông chồng về nghe chuyện chỉ cười xòa không nói gì. Chị phục nhất là ông chồng không nói gì, chỉ cười, ăn ở với vợ vẫn như xưa, người có trình độ cao cư xử cũng có khác dân thường thật, chị nói thế. Riêng tôi là người hàng xóm chỉ thấy thương chị thêm, và lấy làm sợ cái ông chồng của chị, bụng bảo dạ: “Phải tránh xa ông này ra, ở gần có ngày mất mạng”.

3

Chị Vách không biết chữ, đã là cán bộ phụ nữ xã mà không biết chữ, chỉ vạch được một chữ V thay chữ ký thôi. Một mình chị suốt những năm tháng đánh Pháp vừa nuôi hai con, vừa nuôi mẹ chồng, mẹ ốm một mình chị chăm sóc, lúc chết một mình chị chôn cất ma chay. Mà vẫn không dám coi là có công, làm dâu, làm vợ, làm mẹ ắt phải thế, từ thời xưa thời xưa vẫn là thế.

Chị đẻ hai đứa con gái đầu, ông chồng vắng nhà vì phải đi đánh giặc. Đẻ hai đứa con trai sau, ông cũng vắng mặt nốt vì phải đi công tác. Chị sanh không được thuận vì đã lớn tuổi, lúc sát nhau, lúc băng huyết, chỉ có bạn bè xóm giềng tới thăm hỏi giúp đỡ, nằm dăm bảy ngày lại bò dậy ôm con ra viện, vài ngày sau đã giặt giũ, cơm nước, da mặt vàng ửng nhưng nụ cười vẫn tươi tắn. Nghe chị nói thì nhà chị có sáu người nhưng ăn hai mâm. Chồng một mâm, năm mẹ con một mâm riêng. Tiền nông chia đôi, tiêu cho chồng một nửa, năm mẹ con một nửa. Chị bảo, anh ấy phải làm việc trí óc nhiều, lại cao tuổi, lại lắm thứ bệnh không bồi dưỡng là nguy ngay. Còn năm mẹ con chị ăn sao cũng được, nông dân vốn nuôi dễ. Tôi nói: “Bà cứ bày vẽ, ông ấy không là nông dân thì là cái gì, là trí thức hả?” Chị cười rất tươi: “Ông ấy học cao lắm chú ạ, một rương vàng không bằng một nang chữ. Một đời chỉ biết đánh giặc với đọc sách thôi”. Tôi hỏi: “Ông ấy cũng được đi học à?”. Chị có vẻ giận: “Con địa chủ không được đi học thì ai được học. May mà ông bố đã phá tan hết cơ nghiệp, nếu không cũng bị đấu hỏi cải cách rồi”. Tôi cũng phải phì cười, thì ra lấy con ông địa chủ để được hầu vẫn cứ vinh hạnh hơn là lấy con ông nông dân để được bình đẳng.

Chị Vách không biết chữ nên chị làm cấp dưỡng một bếp ăn tập thể của quân đội. Chị đi làm rất sớm và về rất muộn. Khi đi gánh đôi thùng không, khi về một bên là nước vo gạo, một bên là cơm thừa của bếp ăn tập thể. Cơm nước lợn gà, hầu bố và trông các em trong một ngày chị đều phó mặc cho đứa con gái đầu. Một người vác cày bảy người vác muống như chị thường nói. Năm tôi về ở Phúc Xá thì đứa con gái lớn của chị đã mười bốn, mười lăm tuổi. Con bé không được xinh, da đen, chân tay lòng không, cả ngày không nghe nó nói một câu, cứ làm lì làm, hết làm thì làm lì đứng một góc giương mắt nhìn xung quanh. Giống tính ông bố như hệt, nhưng nó không được học như bố nó, biết đọc biết viết là thôi vì đông em quá. Tôi hỏi chị Vách: “Tại sao chị không cho cháu đi học?”. Chị nói: “Con gái cần gì học nhiều”. “Ông ấy không bắt nó đi học à?”. Lại thêm một dịp để chị được khoe chồng: “Về đến nhà là vui đầu đọc báo đọc sách, không hỏi đến vợ đến con một câu”. Tôi cười to: “Ông ấy sướng nhỉ, sướng nhất khu đấy”. Chị cũng cười: “Người khôn nhọc lo, người dại ăn no lại nằm. Tôi mới là người sướng chứ chú”.

Nói đến thế là hết.

4

Năm 1965, Mỹ ném bom miền bắc, dân Hà Nội phải sơ tán về nông thôn. Các con tôi và các con chị Vách đều ở cùng một trại trẻ của quân đội. Chúng tôi mới có hai con, lại có mẹ tôi đi cùng, tiền tiêu cũng dư dật. Chị Vách những bốn con, mỗi con phải nộp một suất tiền cho trại, ông chồng lấy một phần lương để đi theo cơ quan, chị ở Hà Nội cũng phải có phần chi tiêu của mình nên tốn quá. Và túng quá. Về sau chị phải xin với trại cho các con được ăn riêng, con chị thổi nấu cho các em ăn, gạo chị đưa lên, dầu đốt đưa lên, thức ăn khô làm sẵn đưa lên, lấy cái vát vả của mình để bù vào sự thiếu thốn. Và chị vẫn nuôi hai con lợn. Chỉ nhìn chị đi lại vợ chồng tôi cũng chóng cả mặt. Mỗi năm qua đi người chị càng sứt lại, da xạm lại nhưng vẫn rất khỏe, suốt mười mấy năm ở cùng một dãy chưa bao giờ nghe nói chị đau mệt hoặc cảm cúm. Có điều chị nói ít hơn, thời giờ rỗi để trò chuyện vui vẻ với các cô em hầu như không có, vừa làm vừa nói, vừa chạy vừa nói. Trong một lần vừa chạy vừa nói chị báo tin cho tôi biết ông chồng chị phải nằm bệnh viện vì huyết áp lên cao. Bệnh huyết áp là bệnh của trí thức chứ mấy khi là bệnh của nông dân. Người ngoài nhìn vào gia đình chị đều lấy làm lo mà chị lại như

không hề lo. Chồng thì như ông thánh ông thần, hai đứa con gái mỗi đứa một tật, hai thằng con trai càng lớn càng lêu lổng, học đã không ra gì lại có tính ăn cắp vặt. Vậy mà người mẹ cứ thản nhiên như không. Đàn bà gì lại vô lo vô nghĩ đến thế. Tôi hỏi chị: “Ông bà nuôi con như cỏ dại, cứ mặc nó tự ăn tự lớn không dạy dỗ gì cả sao?” Chị nói: “Làm có chúa, mùa có trồng, một mình tôi dạy con ở quê thì được, chứ dạy con ở tỉnh biết dạy những gì”. Tôi nói: “Dạy con ở quê mà dễ à?” Chị nói: “Dễ lắm chú ạ, cỗ lệ đã sẵn có, cứ theo thế mà làm”.

Chiến tranh ngày một gay gắt, các gia đình trong dãy tôi ở mỗi nhà mỗi phương, thi thoảng mới có người về quét dọn qua quýt, ngủ lại một đêm, sáng hôm sau lại đạp xe đi sớm. Lần nào tôi về đi qua nhà chị Vách đều thấy sáng đèn, ngủ được một giấc dậy đi tiểu, nhìn ra cái sân chung phía sau vẫn thấy chị cầm cái đèn con bước ra bước vào như không hề ngủ. Với chị chẳng có chiến tranh, chẳng có bom đạn, mọi tâm trí đều hướng về ông chồng đau yếu ở một nơi, và sự chi tiêu cho lũ trẻ ở một nơi. Chị không có ý thức về sự tồn tại của chính mình, chị quen sống trong phục tùng, trong phụ thuộc. Chồng không tính được thì trời tính, còn chị chỉ làm thôi, làm không biết đến mệt nhọc, đến đau ốm, đến nguy hiểm. Có hai năm tôi dọn tạm về Lò Đúc ở nhờ nhà thằng em, không về Phúc Xá một lần nào. Đầu năm 73, đất nước tạm thời ngưng bom đạn, tôi lại trở về nơi ở cũ, mới được biết ông trung tá chồng chị Vách đã mất. Ông bị tai biến mạch máu não phải nằm liệt tới một năm mới mất.

5

Ông trung tá mất, gia đình chị Vách hầu như chẳng có gì thay đổi, tuy sự chi tiêu có bị thiếu hụt khoảng năm sáu chục bạc là cái phần lương ông chồng dành cho gia đình. Xưa nay nhà ấy chỉ có người làm người ăn mà không có người chỉ huy. Người chỉ huy luôn luôn là cái hoàn cảnh, cứ tùy thời mà ứng phó. Cái được cái mất hoàn toàn phụ thuộc vào phúc phận của gia đình chị, sự may rủi của từng người và mỗi ngày. Như cây cỏ phụ thuộc vào thời tiết. Chị khoe với tôi: “Tôi vừa được một món tiền lớn chú ạ, nhưng là ăn cắp của chính phủ”. Tôi cười: “Đã ăn cắp lại còn khoe”. Chị kể, cái bữa đến phòng Thương binh - Xã hội của Hà Nội làm lương tử tuất thì anh cán bộ lại đưa luôn cả tiền truy lĩnh hai tháng lương của ông chồng sau khi mất. Số tiền đó chị đã cầm một lần rồi do cơ quan của chồng đưa. Là cầm hai lần tiền, những sáu trăm bạc. Chị nói: “Tự giác trả thì tôi không trả vì nhà túng quá, nhưng tiêu ngay cũng không dám, nhờ họ nhớ ra đòi lại thì mình vẫn còn tiền”. Đứa con gái lớn đã hăm nhăm tuổi, cao ngồng cao ngồng, vừa gầy, vừa đen, mặt mũi vẫn làm lì. Nó xin được làm công nhân cho một tổ hợp dẹt ở phố Hàng Quạt. Con em nó mang tật từ nhỏ đi một bước nhảy một bước, người lệch hẳn một bên như con chim sẻ xõa cánh, ở nhà cõm nước lợn gà. Thằng con trai đầu đã mười bảy tuổi, bỏ học nửa chừng, theo bạn đi buôn, vốn liếng của nhà, lúc trở về vốn mất đàng vốn lãi mất đàng lãi, lại nằm dài, ăn bám mẹ. Trong bốn đứa con may ra được thằng út, nó giống với số đông, không giỏi không ngu, đi học mỗi năm lên một lớp. Năm 75, cuộc chiến tranh dài ba mươi năm kết thúc, cả nước hòa bình, chị Vách thay áo cho chồng đưa hài cốt về quê. Đúng một năm sau ngày cất mả bố thì thằng con trai lớn bị chứng động kinh. Đang khỏe mạnh hẳn hơi bỗng dưng nó ngã xoài ra giữa đường mắt trợn trắng, miệng ngầu bọt. Rồi nó tỉnh lại, ăn uống đi lại như thường nhưng không nói nữa. Chỉ cười thôi. Mẹ nó khóc còn nó thì cười. Chỉ trong có một tháng người chị rộc hẳn, già hẳn, chị nhìn nó khóc: “Con thẳng da bụng mẹ chùng da mặt, nuôi con hai chục năm trời mà con trả công cha nghĩa mẹ thế này ư?” Nó nhíu mày như chợt nhớ ra một điều gì rồi da mặt lại dãn ra như đã quên hết, và nó lại cười. Mắt nó nhìn vẫn khôn, cái cười cũng khôn cứ như người giễu, thoạt gặp không thể tin thằng bé bị mất trí. Lại là đứa có gương mặt trí thức nhất nhà, vóc dáng cũng đẹp, hai bàn tay rất đẹp, bàn tay của anh trí thức chứ không phải của ông nông dân, mà lại điên, ông trời chơi khăm quá. Hai năm 76 và 77 các dãy xóm trong khu tập thể xôn xao những tính toán, những dự định để đổi đời, để thoát khỏi những thiếu thốn đã giày vò từng gia đình trong suốt mấy chục năm. Điện vẫn vàng vọt, nước vẫn nhỏ giọt nhưng mặt người đã rạng rỡ vì bao nhiêu hy vọng. Chỉ tội nghiệp chị Vách, chiến tranh hay hòa bình chẳng liên can gì tới số phận riêng của chị. Thằng con mà vợ chồng chị hy

vọng nổi được nghiệp nhà đã mất trí, đã hóa điên. Năm đầu thằng bé bị bệnh chị bán luôn đôi bông tai hai chỉ vàng để thuốc thang ở nhà. Năm sau bệnh vẫn không khỏi, chị phải đưa con đi trại điên ở Châu Quy. Nó ở có một tháng thì trốn về, về đúng nhà. Nó vẫn nhớ đường đi lối lại đâu có điên hoàn toàn. Suốt mấy năm hai mẹ con cứ vật lộn với nhau, con trốn về mẹ lại đưa sang, khóc lên khóc xuống, rồi van lạy, rồi gào thét, nó vẫn mồm mỉm cười, bất thần trở về, bất thần lên đi, người mẹ tả tơi như nắm giẻ cứ quay tròn quanh thằng con dại, quay mãi không có cách gì dừng lại được.

6

Đã nhiều năm trôi qua, gia đình tôi không còn ở bãi Phúc Xá nữa, đôi ba năm có dịp về Hà Nội tôi lại xuống làng bãi thăm bạn bè và thăm chị Vách. Chị đã già nhiều, bảy chục tuổi còn gì, nhưng tóc vẫn đen, răng chưa rụng cái nào, đi lại nhon nhón. Người thể là khổ, các cụ vẫn nói thế. Thằng út đã lấy vợ, đã có một đứa con trai, vợ chồng nó lên một tầng lầu, còn nhà dưới dành cho mẹ và hai chị. Và một ông anh điên dại nữa. Tôi hỏi: “Chị chưa gả chồng cho cô nào à?” Chị cười: “Một con sếu vườn, một con chích chòe có chó nó lấy. Làm bà cô thôi chú ạ, hai con bà cô, một thằng dở người, phúc phận nhà tôi to quá”. Tôi ngồi trên giường, lưng quay ra cửa, cứ nhột nhột như có ai đang nhòm mình, nhòm từ đỉnh đầu xuống. Tôi quay người, ngược mắt lên, cách đã mười năm không gặp nhưng tôi vẫn nhận ra là nó. Nó nhìn tôi mỉm cười, nụ cười trắng ướm thật đẹp. Một chút ria hai bên mép. Tôi hỏi nó: “Còn nhớ chú Khải không?”. Nó cười nụ: “Nhớ”. Bà mẹ nói: “Lắm lúc nó ăn nói đến là khôn, được vài câu lại dại rồi!” Tôi lấy bao thuốc mò: “Cháu hút nhé?” Nó cười, bước vào ngồi trên cái ghế thấp vừa hút thuốc vừa nhìn tôi đăm đăm, cái nhìn rất âu yếm làm tôi muốn chảy nước mắt. Tôi nói: “Bệnh tình của nó xem như đỡ nhiều, chị nhỉ?” Chị thở dài sườn sượt: “Nặng hơn nhiều chú ạ, những năm trước chỉ ngó ngẩn chứ không lên cơn, năm nay mỗi lần lên cơn xé cả quần cả áo, chạy nhông nhông ở ngoài đường. Thằng em nó phải lấy dây xích khóa chân khóa tay lại”. Chị nói, cả nhà này nó chỉ sợ có thằng em, thằng em bảo sao là nghe vậy, không nghe nó đánh, nó có võ mà.

Đêm đó tôi ngủ lại đất bãi, làng quê thứ hai của tôi. Sáng hôm sau tôi đạp xe đi từ rất sớm. Những ngày cuối chập vừa mưa vừa rét, nhầy nhụa, tối đen. Tới khúc ngoặt một bên là hồ nước, một bên là rẻo đất trồng mía ven sông, gió lạnh quất vào mặt rát như roi đánh, thì có tiếng gọi giật: “Chú Khải đã đi sớm thế!” Chị Vách ngồi bán xôi ngay ở rìa đường, dựa lưng vào tấm liếp che cửa của cái quán bán nước. Tôi dựng xe ngồi sụp xuống, nói: “Chị cho em một bát”. Gạo rất thơm, hạt lạt tròn mẩy, vừng rang nhạt và ngậy, bát xôi năm trăm bạc đơm đầy đặn thế thì lời lãi bao nhiêu. Chị nói: “Cũng có lời chút ít thì hai mẹ con mới nuôi nổi nhau. Lương hưu tôi một tháng chỉ có hai chục ngàn”. Tôi hỏi: “Còn chúng nó?” Chị nói: “Anh em kiến giả nhất phận, thân ai nấy lo chú ạ”. Tôi lại hỏi: “Một mai chị đi theo anh thì ai nuôi nó?” Chị lại thở dài: “Nếu cái nghiệp nó nhẹ thì nó chết trước tôi, tôi còn chôn cất ma chay được, còn nó chết sau tôi thì chiếu bó thây vùi thôi”. Rồi chị òa khóc, chị gục đầu lên gối mà khóc, khóc tằm tức, khóc ai oán. Chị đã yếu thật rồi, đã nản thật rồi, đã muốn buông xuôi tất cả. Chị lấy gấu quần lau nước mắt, nói méo máo: “Chung quy là tại tôi cả chú ạ, tôi ngu đàn, vụng dại nên con cái mới ra nông nỗi này, nếu như ông ấy còn sống...”. Vâng, tại chị cả, trăm tội, ngàn tội phải đổ lên đầu chị, nếu ông chồng siêu đẳng của chị còn sống thì chúng nó đâu đến nỗi... Tôi nồn thốc miếng xôi ra, cổ họng tắc nghẹn lại, chính tôi, tôi cũng muốn bật khóc.

Mùng 2 Tết Canh Ngọ

**Chân dung Nguyễn Khải
Nguyễn Đăng Mạnh**

Nguyễn Khải khác hẳn Nguyễn Ngọc. Thiết thực, không phiêu lưu mạo hiểm, không muốn chết, không muốn đi tù. Anh tự nhận luôn là thằng hèn cho người ta khỏi phải bàn tán lời thôi.

Sau cuộc hội nghị nhà văn đảng viên, bản đề cương của Nguyễn Ngọc bị Tố Hữu đánh, Nguyễn Khải vốn nhất trí với Nguyễn Ngọc trong vụ này, nên sợ quá. Anh nói thẳng với Nguyễn Ngọc: *“Tao nhát lắm, chưa đánh đã khai. Cho tao chạy đi thôi, mày thông cảm, đừng khai tao ra nhé”*.

Nguyễn Khải rất thiết thực và tinh táo, vậy mà cũng có lúc mê muội.

Tôi gọi là dại – tôi đã viết như thế về Nguyễn Khải trong bài *Dại khôn Nguyễn Khải*. Mới biết cái danh, cái lợi cũng dễ mê hoặc lắm. Hồi được gọi ra Hà Nội để chuẩn bị Đại hội nhà văn lần thứ tư (Trần Độ, Nguyễn Văn Hạnh dự định sắp đặt Nguyễn Khải, Nguyễn Ngọc làm chánh, phó Thư kí Hội Nhà văn). Nguyễn Khải xem ra cũng hăng hái lắm. Anh nói với tôi y như là sẽ làm Tổng thư ký đến nơi: Anh phẩy tay *“Nguyễn Đình Thi, Chế Lan Viên thì phế cả đi! Còn về lý luận phê bình thì anh phụ trách cho tôi. Nhưng ta phải khôn khéo, đổi mới nhưng phải khôn khéo. Trần Độ cứng quá, cứ ỉa ra đấy cho người ta phải dọn. Chính trị ghê gớm lắm, không đùa được đâu! Nếu cần quỳ xuống lạy, ta cũng phải quỳ”*.

Trong bài viết về Nguyễn Khải, tôi có nhắc đến chi tiết này, cho là một cái dại của anh và hạ một câu: *“Bây giờ nghĩ lại, xấu hổ chết được!”*. Tôi tưởng anh giận tôi, hoá ra anh lại thích thú. Thích vì thấy hiểu mình quá. Tôi rất quý cái thành thực ấy của Nguyễn Khải. Có một cô nghiên cứu sinh tên là Tuyết Nga làm luận án về Nguyễn Khải. Cô tìm gặp anh để tìm hiểu. Anh đưa cô xem bài viết của tôi, nói là cứ đọc bài này là hiểu anh. Và anh cầm bài viết đọc luôn cho cô ta nghe. Đến chỗ *“Bây giờ nghĩ lại xấu hổ chết đi được!”*, anh đỏ bừng mặt và cười hô hố – Cô nghiên cứu sinh kể lại với tôi như vậy.

Trong bài viết nói trên, tôi có nói đến một bậc đàn anh trong nghề dạy tôi phải đào nhiều hang. Ta là con chuột, lấp hang này, ta chui hang khác. Đó là Đình Gia Khánh. ở bài này, tôi dẫn câu Nguyễn Khải nói, có một nhà văn, trước 1975, chẳng có tư tưởng gì cả. Đó là Nguyễn Minh Châu. Đúng là trước 1975, tiểu thuyết Nguyễn Minh Châu cũng chỉ là minh hoạ đường lối, tư tưởng của đảng. Sau 1975 mới có tư tưởng. Tư tưởng Nguyễn Minh Châu đặt ở nhân vật Khúmg trong *Khách ở quê ra và Phiên chợ Giát*. Tôi cũng dẫn lời anh chê một nhà thơ viết hồi ký, đọc lúc đầu có không khí, sau chẳng thấy có tư tưởng gì. Đó là A T (Hồi ký *Từ bến sông Thương*). Tôi còn dẫn ra câu anh nói về một giáo sư danh tiếng mà đọc (hồi ký) cũng chẳng thấy có tư tưởng gì. Đó là ĐTM.

Như vậy là đọc văn hay viết văn, Nguyễn Khải rất chú ý đến tư tưởng của tác phẩm. Nhưng ở anh, có một mâu thuẫn: một mặt muốn phát biểu tư tưởng riêng, vì ý nghĩa của văn chương là ở đấy. Nhưng mặt khác lại muốn sống yên ổn với đời nên chỉ có thể mạnh dạn nửa vời, mạnh dạn trong một khuôn khổ nào đấy thôi. Chính trị ghê gớm lắm, không đùa được đâu, chắc anh luôn luôn tự dặn mình như thế. Vả lại nghĩ đi nghĩ lại, anh không thể quên công ơn của cách mạng đối với mình. Từ một cậu bé con rơi con vãi, sinh ra đã bị khinh bỉ, bị lãng nhục, sau cách mạng trở thành nhà văn có danh, có lợi đủ cả. Cũng phải biết điều một chút chứ!

Thông minh và tỉnh táo, Nguyễn Khải luôn có ý thức về thân phận của mình, về cái giá trị của mình đối với đời. Anh kể chuyện, hồi anh là đại biểu quốc hội, đi ô-tô từ Ba Đình về nhà khách. Đến chỗ đường tàu, xe phải dừng lại cùng một số đồng bào đi xe đạp, xe máy. Anh nhìn xuống, thấy rợn người: có một tay đang nhìn lên anh, cặp mắt đầy căm thù. Anh nghĩ mình cũng chỉ là loại nghị gặt, vô tích sự, thẳng ăn hại, dân nó khinh ghét là phải.

Chiến thắng 30.4.1975, anh đi vào Nam. Gặp Nguyễn Ngọc, Nguyễn Trọng Oánh. Anh cảm thấy Ngọc và Oánh nhìn mình như muốn nói: “Mình chiến đấu gian khổ bao lâu không thấy mặt nó đâu, bây giờ chiến thắng rồi, nó vào. Rồi nó sẽ viết nhiều, viết hay hơn mình cho mà xem!”. Nguyễn Khải nói: *“Biết thân phận thế, tôi cứ ngồi len lén, không dám nói năng gì”*. Mà cái tài của Nguyễn Khải là thế thật, có cần đi thực tế gì đâu. Trước 1975, anh chỉ ngồi ở ngoài Bắc mà viết về Hoà Vang chiến đấu như thật. Cho nên có ai đó đã làm về giễu anh:

*Anh đi anh lại về ngay,
Hoà Vang cũng ở ngoài này đó em.*

Khoảng đầu những năm 80 của thế kỉ trước, Nguyễn Khải đưa gia đình vào Sài Gòn. Lúc đầu xem chừng sinh hoạt còn khó khăn. Anh ở quận Bốn (448B/9, phường 18, Nguyễn Tất Thành) tôi có đến thăm. Nói chuyện với tôi, thấy anh cứ nhấp nhồm chạy ra chạy vào: gia đình bán giải khát và cho thuê điện thoại. Có khách đến, phải chạy vội ra phục vụ. Mấy năm nay thì khá hơn rồi. Anh có người con (Nguyễn Khải Hoàn) kinh doanh nhà đất, kiếm được. Nhưng nhà cứ mua đi bán lại, nên anh cứ phải chuyển chỗ ở luôn. Mỗi lần tôi vào Sài Gòn, lại thấy anh ở một chỗ khác. Biết tôi vào Sài Gòn, thế nào anh cũng mời đến uống rượu.

Đến Nguyễn Khải, lúc nào cũng có rượu. Anh nói, bây giờ rượu Tây sẵn, nghĩ thương ông Nguyễn Tuân. Ngày xưa mỗi lần họp, thấy ông lấy ra một cái bi đồng rượu, rót vào cái nắp, mời vị này, vị khác. Nay rượu Tây đầy ra đấy, ông không còn để mà uống.

Nói chuyện với Nguyễn Khải, tôi không ngờ hồi mới vào Sài Gòn, loại văn nghệ sĩ cỡ Chế Lan Viên, Nguyễn Khải mà khổ đến thế: *“Vũ Thị Thường nói, đi đường chỉ mong nhặt được tiền ai đó đánh rơi. (Hệt như câu nói của Hoàng Ngọc Hiến hồi ấy: “Đi đường thấy có một đồng xu rơi cũng phải nhặt. Kiếm đâu ra một xu bây giờ!”)*

“Chế Lan Viên ở quận Tân Bình chỉ thèm ăn một bữa ngon, phải ra tận quán bà luật sư Huỳnh Ngọc Đại để được bà ấy đãi một bữa cơm Tây. Ai mời, đâu mời cũng đi. Chỉ để kiếm bữa ăn thế thôi, và xách về một chai nước mắm hay mấy cân gạo nó cho. Nguyễn Khải cùng đi với Chế Lan Viên. Một thằng làm thơ, một thằng viết ký, một ca sĩ đi theo hát. Tôi gọi là hai kếp, một cô đầu cùng đi kiếm bữa ăn và ngồi nghe mấy tay giám đốc dốt nát vào đấy ba hoa. Nó có tiền nên hai nhà văn cứ phải gặt gù nghe nó dạy dỗ”.

Nguyễn Khải có nhiều ý kiến rất táo bạo:

“Đảng không bao giờ coi trọng trí thức, biến trí thức như Hoàng Xuân Nhị thành hèn hạ. Mà bị nó khinh. Tôi từng gặp Hoàng Xuân Nhị ở nhà Tố

Hữu. Tố Hữu không thèm nói chuyện với ông ta, cứ để cho ông ta ngồi một mình. Tóc bạc phơ. Tố Hữu chỉ nói với tôi là một thằng còn rất trẻ. Trần Đức Thảo thì bị biến thành một thằng thần kinh. Sang Pháp, bao nhiêu Việt kiều mời đến, không đến, cứ ở Đại sứ quán, tuy bị nó khinh như chó.

Thuy An thì bị tù. Trong tù đi lao động, ngã vào dây thép gai, bị mù một mắt. Nay vẫn ở Sài Gòn, sống rất khổ. Không đi Pháp vì là con gái lớn phải ở lại nuôi mẹ già...”

“Chúng ta thuộc lứa người bị bỏ phí cả một thời trai trẻ để học theo một cái lý thuyết vớ vẩn, chả nghĩ ra được cái gì, chẳng làm ra được cái gì trong giới hạn của chủ nghĩa Mác – Lê - một thứ triết học của người cầm quyền. Mà có hiểu Mác – Lê thực đâu. Toàn nghe lãnh tụ nói và nói theo. Trong cái khung của một ý thức hệ, còn ai nghĩ ra được cái gì nữa. Chủ nghĩa Mác thành ra một thứ tôn giáo. Tin mà không hiểu. Bao người hy sinh vì cái lý thuyết vớ vẩn ấy. Chủ nghĩa xã hội toàn đẻ ra những con người quái gở như Mao Trạch Đông, Staline, Pôn-pốt, rồi Nguyễn Chí Trung..., toàn lũ điên”.

“ Ta có một thời cứ tin tưởng ở cái không có. Như tin ở chủ nghĩa xã hội”.

“Chính trị và quan điểm giai cấp trùm lên tất cả. Con người không có tình bạn. Bạn bè mà có vấn đề chính trị là không được quan hệ”.

“Chủ nghĩa xã hội nếu không thay đổi thì con người thành mọi rợ, rùng rú. Từ ăn, ỉa, mặc, ở... Sợ quá!”

Nguyễn Khải nói về uy quyền ghê gớm của Lê Đức Thọ một thời. Anh chứng kiến Sáu Bắc (Lê Đức Thọ) tiếp Sáu Nam (Lê Đức Anh). Hôm ấy, Thọ gọi một số văn nghệ sĩ đến hỏi chuyện. Thọ đang tiếp khách. Bọn Khải phải ngồi đợi ở phòng bên cạnh. lát sau, khách ra về. Hoá ra khách là Lê Đức Anh. Nguyễn Khải thấy Lê Đức Anh đi ra, cứ đi giật lùi, giật lùi ra mãi giữa sân mới dám quay đít lại. Thọ tiếp chúng tôi. Đúng lúc ấy thấy Phạm Hùng đi sang. Hùng đề nghị gặp Thọ một lát. Thọ phẩy tay: “Để lúc khác nhé, giờ đang bận tiếp khách văn chương”. Thọ coi Hùng chẳng là cái gì, tuy Hùng lúc đó là thủ tướng, thay Phạm Văn Đồng ”.

“Nói chung cộng sản coi văn nghệ sĩ như rác. Lê Duẩn coi Tố Hữu cũng chỉ như một con hát. Nhưng lại sợ văn nghệ. Vì chỉ dùng tuyên truyền, dùng nước bọt mà giành được nước. Chỉ nói, có làm gì đâu. Nói đủ cả, chẳng làm gì. Thí dụ, cứ nói phê bình tự phê bình mà chưa bao giờ phê bình tự phê bình cả. Có dám nói thật đâu mà phê bình tự phê bình. Chỉ toàn đào tạo gia nhân, đầy tớ, bọn nịnh hót. Sợ văn học cũng vì thế. Vì văn nó nói sự thật, nó lật tẩy. Rất sợ biểu tượng hai mặt. Chỉ đề cao văn tuyên truyền, đề cao về. Thật ra bọn nhà văn nói chung nhát, không dám chống chế độ đâu!”.

“Chế Lan Viên một thời, dựa thế Tố Hữu cũng hách lăm. Tô Hoài gọi là thằng nặc nô của đảng. Hồi chỉnh huấn văn nghệ sĩ, Chế Lan Viên làm tổ trưởng, nói với Nguyễn Tuân: ông tưởng ông to lắm à? Tôi phụ trách ông kia mà! Hợp chấp hành, ý kiến Chế Lan Viên là quyết định. Thí dụ, ban chấp hành bàn có nên kết nạp Phan Quang không? Mọi người chờ ý kiến của Chế Lan Viên. Chế Lan Viên đi đá vào, nói: “Thằng Thép Mới nó còn ở ban chấp hành được thì thằng Phan Quang sao không cho vào hội được!”. Ai cũng gọi là thằng tuốt; thằng Nguyễn Đình Thi, thằng Tô Hoài, thằng Hoàng Trung Thông, chẳng sợ ai cả. Không thể đối đáp kịp mồm Chế Lan Viên. Phải về nhà mới nghĩ ra cách bác lại, nhưng hôm sau, không còn lý do để tranh cãi nữa, vì

lão ấy lại nói chuyện thân mật”.

“Nhưng Chế lan Viên chết rất khổ. Vũ Thị Thường phục vụ rất mệt.

Gần chết hay quát tháo vợ con. Vũ Thị Thường nói chỉ thèm được ngủ, khi Chế lan Viên chết, việc đầu tiên là ngủ bù một giấc, dậy mới có sức mà khóc”.

Nguyễn Khải có một ưu điểm là có óc liên tài thật sự. Rất phục người tài. Tôi đã được nghe anh phục Đỗ Chu như thế nào khi Chu mới xuất hiện. Đối với Nguyễn Huy Thiệp lại càng phục hơn nữa.

Anh nói: “Kim Lân là con đẻ của đất Kinh Bắc. Đỗ Chu cũng thế. Trẻ con có học hành gì đâu mà viết rất hay: Thung lũng cò, Hương cỏ mật... Vợ nhặt của Kim Lân thì văn tuyệt hay. Con người Kim Lân rất thích. Hồn nhiên, chân thật, tiếp xúc không phải ý tứ gì. Có Kim Lân, mình cũng bớt lố bịch, cứ lấy ông ta làm chuẩn. Nguyễn Tuân còn điệu bộ, làm dáng. Tôi rất ghét uốn éo, điệu bộ. Rất ghét cái ông Vũ Kỳ bắt chước Cụ Hồ: áo bà ba, đi guốc mộc tiếp khách. Muối của rừng, Thiệp viết rất giỏi. Hêminhuê viết Ông già và biển cả còn dài dòng. Thiệp viết cực ngắn. Đi săn, trang bị đầy đủ. Cuối cùng cỡi truồng trở về. Lại còn bị lũ khỉ giễu cợt. Không có vua có cái chi tiết bố chòng dòm con dâu tắm. Sợ quá!

Nhưng bây giờ xem ra hết tài rồi. Viết tiểu thuyết "Tuổi 20 yêu dấu", rồi truyện võ hiệp, thành ngòi bút khác mất rồi.

Ma Văn Kháng là dân Hà Nội, viết về dân tộc thiểu số cứ xôm cốp bên ngoài thế thôi. Phải viết về dân tộc mình, về cái mình thuộc, mình am hiểu chứ.

Tô Hoài thì rất tinh quái, rất hóm. Nguyễn Đình Thi đẹp trai, hấp dẫn gái, thế mà toàn ăn của thừa. Mình phải ăn từ bếp lên chứ! Này, có lần tôi đến LM gọi cửa mãi, thấy đi ra, khuy ngực xóc xếch. Bên trong thấy có Tô Hoài.”

Nguyễn Khải cho kết quả của Đại hội nhà văn lần thứ 7 là tốt: “Ban chấp hành như thế là khác trước rồi. Trước đây, vào chấp hành, thằng nào cũng để kiểng chác một cái gì đó: một chỗ dựa, một chỗ có tiền, một suất đi nước ngoài... Giờ bọn Vàng Anh, Hồ Anh Thái nó chẳng cần gì! Đừng hòng Hữu Thỉnh, Nguyễn Khoa Điềm bảo được nó. Nó không nghe đâu!”.

Nguyễn Khải cho viết văn là phải có tư tưởng. Vì thế anh chịu khó đọc sách, gần đây hay đọc triết. Hình như có một bậc thánh hiền nào đó nói rằng, đọc sách mà không nghĩ thì vô dụng, nghĩ mà không đọc sách thì nghĩ lung tung rất nguy hiểm. Nguyễn Khải chịu đọc và chịu nghĩ.

Một lần tôi đến anh, thấy anh đặt trên bàn cuốn "*Tinh thần pháp luật*" của Montesquieu. Anh nói: "*Lâu nay chúng ta chỉ đi bên cạnh nền văn minh nhân loại. Nói thế là đủ hiểu. Chẳng biết gì. Phủ nhận tất cả những cái gọi là phi vô sản. Bây giờ mình mới được đọc những Montesquieu, Voltaire, Rousseau...*

Đọc triết học phương Đông từ Cao Xuân Huy, Nguyễn Hiến Lê... đến khi đọc bản dịch của Hoàng Ngọc Hiến, cuốn "Bàn về tính hiệu quả", mới ngộ ra được. Phải nhìn từ xa, tuân theo quy luật tự nhiên. Gò ép nó, cải tạo nó là hỏng. Liên Xô cứ đòi uốn nó, cải tạo nó. Cải tạo sao được con người. Con người không thể cải tạo được. Bây giờ đây: đủ cả mafia rất ghê gớm”.

Hoàng Ngọc Hiến dịch triết rất hay mà chả thấm được triết. Cứ tức tối, căm thù. Tôi rất quý Hoàng Ngọc Hiến, nhưng đọc bài của Hiến (có lẽ là bài trên Talawas) tôi không thích nữa.

Về điểm này, tôi chưa thật hiểu rõ ý của Nguyễn Khải.

Tôi nhớ ông Tolstoi già trong *Chiến tranh và hoà bình* có luận về tình yêu của con người và tình yêu của Thượng đế. Khi yêu bằng tình yêu của con

người thì có thể từ yêu thương chuyển sang thù ghét, còn tình yêu của Thượng đế thì có thể thương yêu cả kẻ thù, thậm chí cảm thấy vui sướng khi thương yêu kẻ thù. Ăngđrê Bônchônxi, trong giờ phút hấp hối, đã thấy mình bỗng có được tình yêu đó. Anh ta vui sướng khi thấy mình thương cả Anatole là kẻ tình địch của mình. Nguyễn Khải muốn có thứ tình yêu cao cả đó chẳng, mà anh gọi là thái độ triết học? Điều đó có phải là một niềm gỡ ở anh không?

Tôi gặp Nguyễn Khải lần cuối cùng ngày 24.7.2007 (cùng với Hồ Quốc Hùng). Tất nhiên khi anh mất rồi mới biết đây là lần cuối cùng: Thật không ngờ! Tôi cứ tưởng sẽ còn nhiều lần được gặp anh. Anh với tôi cùng sinh một năm (1930), nhưng anh còn sinh sau tôi tới chín tháng (tôi sinh đầu năm – tháng ba, anh sinh cuối năm – tháng chạp).

Anh đi đâu về. Trông thấy anh, tôi bấm bụng cười thầm vì chợt nghĩ đến nhận xét rất đúng nhưng rất tục của Đỗ Chu hồi nào: “Răng hơi hô, trông lúc nào cũng như hớn hờ, đi ngực ưỡn, hai tay ve vẩy, trông như con đàn bà nứng l”. Nhưng bây giờ thì anh có vẻ yếu rồi, chống ba toong, cao lênh khênh, đi lòng khòng.

Anh vẫn nói nhiều. Nào chuyện tương tình báo Phạm Xuân ẩn, kho tài liệu giúp anh viết về chính quyền Sài Gòn, nào chuyện cải cách ruộng đất xoá sạch thành tích cách mạng, chuyện Chế Lan Viên chết rất khổ. Khổ mà rất khí khái, không xin xỏ gì hết, tuy Tố Hữu, Hà Xuân Trường đến thăm luôn, chuyện Nguyễn Tuân, chuyện Nguyễn Huy Thiệp, chuyện Cụ Hồ và tướng Giáp rất giỏi nín nhịn...

Anh nói đang viết một bài gọi là sự hình thành một bút pháp. Từ thực tế sáng tác của mình mà viết. Xưa đã thấy người nông dân cần có tầm mắt nhìn xa vượt ra khỏi sự hẹp hòi của hợp tác xã. Nhưng vượt ra bằng cách nào chưa biết. Nay mới thấy có điều kiện: kinh tế thị trường giải phóng cho nông dân...

Anh nói rất nhớ Hà Nội. Thèm không khí Hà Nội. Vào Sài Gòn anh chẳng chơi với một bạn mới nào. Ra Hà Nội bây giờ cũng lại chỉ đến những bạn cũ đã già. Không nói chuyện với đám trẻ được. *“Người ta nói sáu mươi tuổi thì tính năm, bảy mươi tính tháng, tám mươi tính ngày... Tôi muốn sống lâu để xem thời thế ra sao. Lịch sử do con người làm ra, làm sao biết trước được!”*

Tôi nhớ lại ngày xưa anh đã có một câu nói gỡ rất thiêng về Nguyễn Tuân. Anh khen Nguyễn Tuân đẹp lão và nói: *“Đẹp lão thế là sắp sửa đấy!”*. Ba ngày sau Nguyễn Tuân qua đời.

Bây giờ anh nói bảy mươi tuổi tính tháng.

Anh nói ngày 24.7.2007.

Năm tháng sau, ngày 15.1.2008, nghe tin anh qua đời.

Đúng là tuổi bảy mươi tính tháng.

Ngay sau khi Nguyễn Khải mất, tôi có anh bạn (Hoàng Dũng) trong Nam ra Hà Nội, nói Nguyễn Khải chết không có đất chôn. Đúng ra là không được chôn ở nghĩa địa Sài Gòn (tại Thủ Đức), phải đưa lên nghĩa địa Củ Chi rất xa. Tiêu chuẩn được chôn ở Thủ Đức, ngoài những ông thành uỷ viên hay trung ương uỷ viên không kể, phải có 65 năm tuổi đảng. Trần Duy Châu, nguyên hiệu phó Đại học Sư phạm Sài Gòn, khi chết mới có 58 tuổi đảng, không đủ tiêu chuẩn, phải đưa đi Củ Chi. Nguyễn Khải tất nhiên cũng phải đưa đi Củ Chi.

Võ Văn Kiệt thấy thế chắc lấy làm xấu hổ, nên can thiệp. Ông tuyên bố nhường suất chôn ở Thủ Đức của ông cho Nguyễn Khải.

Nghĩ muộn

Bút ký cuối cùng (?) của Nhà văn Nguyễn Khải

Sau khi viết xong cuốn tiểu thuyết sau cùng “Thượng Đế thì cười” tức là đã trút được hầu hết tâm sự của một người cầm bút trong nửa thế kỷ, tôi đã nghĩ sẽ không viết thêm một dòng nào nữa, việc lớn của tôi hoàn tất, hay dở chỉ có vậy, vì tôi vốn cũng chỉ có vậy. Nào ngờ khoảng đầu tháng 5 năm 2005, chị Tuyết Nga, nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học, tác giả cuốn sách “Phong cách văn xuôi Nguyễn Khải” yêu cầu tôi trả lời 12 câu hỏi để chị bổ sung vào nguồn tư liệu riêng. Có thể từ đó chị dựng lại chân dung nghệ thuật của tôi thêm một lần nữa chăng?

I. Các câu hỏi được đặt ra theo cái trật tự riêng của chị. Ví dụ câu mở đầu chị muốn biết cảm nhận của tôi giữa sự tiến bộ của khoa học và năng lực đạo đức của con người, tiếp đến là những câu hỏi khác, “...chính chúng ta đã làm thay đổi hoàn cảnh tới mức để tồn tại chúng ta phải thay đổi chính mình”, “con người ta giống nhau bởi sự chẳng giống ai, vậy thói phủ định, ý muốn bài xích hoặc đồng hóa người khác xuất phát từ đâu”, “đã bao giờ anh có cảm giác về bản thân đại loại như một viên đạn trượt qua đích hay sống quá thời, thậm chí chưa đến thời của mình”.

Tôi xem những câu hỏi như là những gợi ý có khả năng mở ra nhiều chiều để tôi có thể bày tỏ ý kiến và nỗi niềm của mình, tức là nói rộng ra nhiều chuyện không có trong nội dung câu hỏi. Nghĩ tới đâu viết tới đó, nghĩ gì viết nấy theo cái mạch tự nhiên của người đang vừa nghĩ vừa phân vân tôi để nguyên cả, không xen gọt tô điểm thêm gì để cái nghĩ của mình còn giữ được một chút cái tươi, cái mới lúc ban đầu, khỏi bị xơ cứng trong cái chính xác giả tạo, gò bó.

Thành thử lúc đọc lại những trang đã viết thấy như có hai người trò chuyện độc lập, chẳng ăn nhập gì với nhau nhưng vẫn có một mối liên hệ rất gần gũi, đó là vì cả hai đang làm những công việc gần nhau và cùng sống trong một môi trường chính trị, xã hội nhiều chục năm, cùng hi vọng những gì mình mong muốn trước sau gì cũng tới. Cách bố cục bài viết cũng lộn xộn, gần như gặp đâu nói đó, nói rồi còn nhắc lại, có ý tưởng nhắc lại đến vài lần như người đã quá già nên lẫn. Chỉ nên xem nó như một bài tùy bút dài, tùy bút chính trị của một người viết văn, tức là chính trị không chuyên, chính trị chủ quan theo cảm nhận cá nhân mà bộc bạch. Bởi vậy tính chính xác không cao, có thể đúng, có thể sai, mong bạn đọc cao minh thông cảm mà lượng thứ cho.

II. Trong những tham vọng của con người thì tham vọng quyền lực là tệ hại nhất, nguy hiểm nhất. Nhân loại đã từng chết đi sống lại nhiều lần chỉ vì cái tham vọng có sức phá hoại ghê gớm ấy. Bất cứ cái gì một khi đã bị quyền lực chạm tới đều lập tức biến chất thành hư hỏng, ruỗng nát. Khoa học, văn chương, tôn giáo, học thuyết là những kết tinh rực rỡ nhất của trí tuệ con người, nhưng do ăn chung ở đụng lâu dài với quyền lực nên dần dần trở thành tôi tớ cho quyền lực, bị đem ra phục vụ cho những mục tiêu xấu xa nhất, củng cố quyền lực của một tập đoàn, một quốc gia này để thống trị các tập đoàn khác, quốc gia khác.

Các nhà vật lý vĩ đại cũng là những người có tấm lòng bác ái mênh mông của thế kỷ XX như Albert Einstein, Robert Oppenheimer làm sao biết được một ngày họ sẽ là đồng phạm vô thức của vụ tàn sát tập thể ở Hiroshima và Nagasaki. Phản đối thì cũng đã muộn, kêu gọi không nên dùng vũ khí giết người hàng loạt có ai nghe. Đớn đau là thế nhưng các nhà khoa học lại không thể tách khỏi các cơ quan quyền lực. Chỉ có Nhà nước mới đủ tiền và phương tiện để các nhà khoa học đưa vào thực tế những phát minh có ý nghĩa bước ngoặt. Bây giờ người ta còn đem vũ khí hạt nhân ra mặc cả với nhau chuyện nọ chuyện kia như một vụ buôn bán trên thương

trường. Sinh mạng của hàng triệu con người quả thật đã chẳng còn ý nghĩa gì trong sự tính toán của những người nắm giữ quyền lực.

III. Theo tôi nghĩ, những thay đổi có ý nghĩa sống còn, thuận với dòng chảy của lịch sử, thuận với lòng người đều để lại những dấu vết không phai mờ trong tính cách một dân tộc và nếp sống của mỗi cá nhân. Như cuộc chiến đấu giành độc lập và thống nhất của nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến vừa qua, cuộc chiến diễn ra ở mọi miền từ Bắc chí Nam trong suốt mấy chục năm, không tự nguyện, không thuận lòng người làm sao gánh vác nổi những công việc đòi non lấp biển ấy. Các cuộc Cách mạng xã hội mang tầm vóc nhỏ hơn, do lý thuyết Cách mạng bảo phải làm nên làm, không phải là nhà Cách mạng chứ chưa hẳn đã do những thúc bách tự nhiên bắt buộc phải làm. Việc nên làm mà làm gượng, ngày làm nhưng đêm nằm vẫn trần trọc phân vân, chủ trương như thế đúng hay sai, cách làm như thế đúng hay sai. Tôi là người viết báo, chính những đối tượng mà tôi tìm hiểu để viết bài cũng bần khoản như thế, cũng có người nói thẳng việc này việc kia đã làm mất lòng người. Nhưng tôi đâu dám viết, nói cũng không dám, thành ra nói dối, viết dối và sống cũng dối. Căn bệnh nói dối bắt đầu từ lý thuyết Cách mạng dần dần tách khỏi thực tiễn Cách mạng, nhưng chỉ có một lựa chọn, hãy bênh vực đến cùng sự đúng đắn của lý thuyết đã trở thành bảo bối hộ thân của người cầm quyền. Thực tiễn rồi sẽ có ngày phủ nhận nó, nhưng đó sẽ là chuyện về sau, cả mọi người đều phải chịu trách nhiệm, một tập thể vô danh, không có tên, tức là tất cả đều vô tội. Cái tật nói dối từ trên xuống dưới sẽ để lại dấu vết xấu xa của nó lên nhiều thế hệ và là trở ngại khó vượt qua nhất của nhiều việc lớn từ ngày đó trở đi.

Tình trạng thiếu dân chủ trong hệ thống chính trị kéo dài mấy chục năm đã biến hầu hết mọi người thành những kẻ nói dối, người nói dối lớn, kẻ nói dối vặt. Các cấp lãnh đạo của Đảng cầm quyền vì thế trở thành một hệ thống quan liêu, mất hẳn sự tỉnh táo, nhạy bén của các nhà chính trị trước những nhân tố tích cực cần được khuyến khích và nhân rộng vừa xuất hiện trong đời sống.

Khi bàn về dân chủ, chúng ta thường lo lắng thái quá tới nhiều sự phiền phức buộc mình phải đối mặt với những nguy hiểm có thể xảy ra và hậu quả khôn lường. Bằng chứng là sự sụp đổ trong khoảnh khắc của Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu đều được bắt đầu từ những cải cách dân chủ. Theo tôi, nếu truy tìm đến nguồn gốc thì đó lại do sự thiếu dân chủ, thiếu tự do của những thể chế chính trị này trong nhiều thập kỷ. Đó là những xã hội khép kín, chối bỏ mọi thành tựu của nền văn minh nhân loại, bắt tay làm lần đầu nhiều công trình khổng lồ nhưng chỉ tin cậy vào sự dẫn dắt của một học thuyết, lại là thứ học thuyết đã bị biến dạng bởi những tính toán riêng của người cầm quyền và được kết luận một cách tùy tiện tại các kỳ Đại hội vừa thiếu dân chủ vừa lạc quan vô căn cứ. Ở đó tất cả mọi người tha hồ tăng bốc lẫn nhau, hoan hô lẫn nhau nhưng cái chân móng của niềm tin qua mỗi 5 năm càng nứt rộng thêm mãi, qua mỗi 5 năm những tiếng nói dửng dưng, chân thật một thưa dần.

Người đã dám nói thì không còn tồn tại nữa, người còn tồn tại một cách bấp bênh thì phải hết sức giữ gìn. Ông Khorútsóp đã từng thú nhận tại Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 20, các ủy viên Bộ chính trị lúc vào họp với Stalin là ủy viên hợp pháp, lúc ra họp có khi đã thành tội nhân rồi. Trong những năm tháng ngọt ngào ấy, toàn bộ trí tuệ của dân tộc Nga vĩ đại chỉ được biểu lộ gần như trọn vẹn ở một lĩnh vực duy nhất, đó là khoa học quân sự, là công nghệ Quốc phòng, có thể đối đầu ngang ngửa với Mỹ. Ở lĩnh vực này người ta buộc phải nói thật, nghe thật để có những quyết định thật chuẩn xác, nhưng sự sụp đổ một hệ thống chính trị đã lỗi thời không nhất thiết là định mệnh. Trung Quốc cũng có cải cách, đổi mới trên một nền tảng còn tuyệt vọng hơn nhiều, lại là một đất nước có hơn một tỷ dân nhưng đã cải tử hồi sinh một thực thể đang hấp hối, khiến cả thế giới phải sửng sờ như được chứng kiến một phép lạ.

Công trình sư của cuộc “Cách mạng thứ hai” này là một nhà lãnh đạo nổi tiếng của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ông Đặng Tiểu Bình. Đó là một chính khách lão luyện, luôn phải đối mặt với

những tình thế hiểm nghèo ở chiến trường cũng như trên chính trường và đều có cách thoát rất tài tình, lúc tĩnh lúc động, ẩn hiện khôn lường. Khi ông được ra làm việc lại nhìn vào đầu cũng hoang tàn, đổ nát, đống rác đáng buồn của những mục tiêu hoang tưởng. Khó là thế, gian nan là thế mà lão tiên sinh họ Đặng cứ thản nhiên như không, nhìn dần, trời xanh lại xuất hiện, lòng người nhẹ nhõm hẳn với bao nhiêu hi vọng, bao nhiêu niềm vui. Nghệ thuật lãnh đạo có vẻ nhân nhã của ông Đặng hình như chẳng theo một học thuyết chính trị nào cả, đơn giản chỉ là đưa mọi việc, mọi người trở về vị trí phải có của nó, chỉ cần nói thật chứ không cần nói nhiều, làm thật chứ không làm để tuyên truyền, bỏ những cái nên bỏ, giữ những cái phải giữ và làm những việc thuận lòng người, thuận thời thế. Bao nhiêu lời nói viên vông, đối trá tự nhiên biến mất, cả mọi người lại được nói thật, sống thật.

Tuy nhiên có hai việc khiến tôi là người vốn ngưỡng mộ ông rất lấy làm tiếc, vừa tiếc vừa buồn. Việc thứ nhất là ông đã dùng quyền lực và uy tín của mình ra đòn với đám con cháu một trận cũng kinh hoàng vì chúng đã tỏ ra quá ngạo ngược, quá cấp tiến. Việc thứ hai là ông đã dùng chiến tranh, đấu là nhỏ nhưng không đáng có để dạy người bạn chấy rận một bài học vì họ đã dám có thái độ bất tuân. Với tôi là người hay nghĩ ngợi nông sâu, tôi liền nghĩ ngay tới cái khẩu hiệu biểu trưng của Cách mạng vô sản: “Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại!” Người vô sản khi chưa cầm quyền thì nghĩ tới giai cấp vô sản toàn thế giới, nhưng khi đã có quyền, đã là ông chủ một quốc gia thì lợi ích của đất nước mình, của dân tộc mình vẫn là trên hết! Những mâu thuẫn Xô-Trung khởi đầu từ những năm 60 của thế kỷ 20, có thể còn trước nữa là bắt đầu từ đó chứ đâu phải chuyện tranh luận về học thuyết! Vậy cái khẩu hiệu có sức kêu gọi kia là thật hay hư kể ra cũng khó mà trả lời cho mình bạch. Đó mới là chuyện buồn, buồn không thể tả. Nói qua thế thôi chứ tôi vẫn tin một nước Nga không nói dối, một nước Trung Hoa không nói dối, mô hình xã hội XHCN với những đặc thù riêng của mỗi nước, với những hiểu biết mới về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn của thế kỷ XXI chắc chắn sẽ được hai dân tộc vĩ đại này cứu thoát.

IV. Một quốc gia gồm nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo, nhiều nghề nghiệp nhưng chỉ được nghĩ và làm theo một hệ tư tưởng chính thống tức là đã triệt tiêu mọi ý kiến độc lập, bịt kín mọi hướng tìm kiếm. Thế giới chỉ có một chân lý thì còn bàn bạc làm gì, tranh luận làm gì. Năm 1932, Trofim Lyssenko không có một bằng chứng thực nghiệm nào đã tuyên bố một câu xanh rờn rằng các GEN không hề tồn tại lại được Stalin ủng hộ nên mọi ý kiến phản bác đều bị vùi dập đã làm chậm sự tiến bộ về sinh học và di truyền học của Liên Xô hàng mấy chục năm. Mác đã nói về tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân, thế là lập tức loại bỏ tôn giáo ra khỏi văn hóa, xem nó như nguồn gốc của mọi mê tín dị đoan, là ung nhọt, là vật thừa, phải sống chung là vạ bất đắc dĩ.

Chính từ nhận định nông nổi này đã sinh ra bao nhiêu chuyện hết sức đáng buồn giữa tôn giáo và nhà nước trong suốt mấy thập kỷ người Cộng sản cầm quyền. Ngay trong học thuật, trong văn chương, lĩnh vực mà quyền tự do lựa chọn của cá nhân có ý nghĩa quan trọng nhất cũng chỉ có một tiếng nói. Bằng công việc sáng tạo hàng ngày của mình, từ lâu tôi đã nhận ra phương pháp hiện thực XHCN là quá chật hẹp, cuộc sống sâu rộng hơn nhiều, thế giới tinh thần của con người phức tạp hơn nhiều, còn cách nhận thức và phản ánh hiện thực của người nghệ sĩ có thể nói là mệnh mông, vô bờ bến. Roger Garaudy, một nhà lý luận văn học của Pháp cũng đã từng nói thế và ngay lập tức ông ta bị giới lý luận Mácxít phê phán, đối xử như một tên phản bội. Bởi vậy tôi cũng chỉ viết theo cách cảm nghĩ của mình chứ không hề mở miệng. Nếu ham nói, ham tranh luận thì tôi đã bị treo bút từ lâu. Tình hình sáng tác mới thật tồi tệ. Nhiều cuốn sách, truyện ngắn, tùy bút, bài báo, tiểu luận văn học hoặc một vài bài thơ đột nhiên bị lên án, thường bắt đầu từ sự không bằng lòng của một vài người. Lý lẽ để lên án thì buồn cười lắm, khiến tác giả và bạn đọc đều phải sửng sờ vì chưa bao giờ họ lại nghĩ được sâu xa đến thế, hóc hiểm đến thế.

Chả lẽ văn chương lại có thể mang chứa nhiều ẩn dụ đến vậy sao? Người ngay trở thành người gian, người thật thà trở thành kẻ giả quyết đã được bắt đầu từ những bài tập võ lòng ấy cả, Chân lý chỉ ở trong tay một người nên những người đã dành một đời cho công việc họ yêu thích, đã thành hồn cốt của họ, máu thịt của họ, không ai biết rõ công việc ấy bằng chính họ mà cũng không dám lên tiếng nói lại. Nói theo thì được, nói lại thì không thể, cho nên cái phần tinh hoa của họ đành phải chịu gói lại, giấu kín và sẽ có ngày phải chôn đi cùng với những người đã nghĩ ra nó.

Nhìn lại những công trình còn để lại với bạn đọc hôm nay và mai sau của hai học giả hàng đầu của nước ta là Trần Đức Thảo và Đào Duy Anh, tôi là kẻ hậu sinh vừa đau lòng vừa xấu hổ. Phần quan trọng trong sự nghiệp của họ lại được bắt đầu và kết thúc, với người này khi còn là khách trọ của nước Pháp, với người kia khi chỉ là một nhà nghiên cứu tư nhân thời Pháp đô hộ. Trong mấy chục năm họ được sống chính tại nước mình, lại là một đất nước đã có độc lập và tự do mà chả làm được việc nào cho xứng với cái tài của mình, cái chí của mình, lại còn bị vướng mắc trong nhiều chuyện bực mình, ai oán không biết kêu ai, tranh luận với ai. Sách đọc đã thiếu, đến bữa ăn hàng ngày cũng không đầy đủ nói gì những chuyện cao xa khác. Với nước ta cũng chỉ thế, còn với hai ông anh Liên Xô, Trung Quốc là những trụ chống của cả hai phe thì những vụ bắt bớ những người dám nghĩ khác, viết khác còn rùng rợn hơn nhiều. Một nước là các trại cải tạo tập trung còn một nước là cuộc Cách mạng văn hóa, kho tàng trí tuệ nhân loại đã chịu mất mát biết bao nhiêu vì sự vắng mặt của những con người lỗi lạc từ hai vùng văn hóa lớn ấy.

V. Tôi là người do thời thế tạo ra, trưởng thành cùng với thời thế nên sống với thời nào tôi cũng thấy vừa khít với mình, không rộng quá mà cũng không chật quá, cười nói hồn nhiên, tiến lui chẳng lúc nào thấy gượng gạo, vướng víu.

Chuyện này tôi không thể nói bịa được, vì tôi sống chỉ với một nghề, sống gần hết đời người trong làng văn làng báo, tôi là người thế nào ai mà chẳng biết. Nói một cách hình ảnh, thời thế với tôi như hình với bóng, hình là thời thế, còn bóng là tôi. Vì mình là cái bóng, là phần phi vật chất nên không bị ràng buộc nhiều, có thể vươn dài ra phía trước một chút, phình to hơn khuôn khổ một chút nhưng vẫn là cái bóng của cái hình, không có hình làm sao có bóng nên cũng không thể chạy trước quá xa được, phình to hơn khuôn hình quá lớn được. Nếu không có Cách mạng tháng Tám, không có hai cuộc kháng chiến, không có nhiều chục năm thăng trầm, thành bại trong cuộc tìm kiếm một mô hình quản lý xã hội phù hợp với thế giới hiện đại mà cũng phù hợp với Việt Nam, không có những năm tháng dữ dội, sóng gió ấy làm sao tôi có thể trở thành nhà văn, vì tôi bẩm sinh hơi đàn lại vụng, khó có thể sống tự lập, nói gì những chuyện viễn vông khác. Tôi chỉ được cái tài thuật chuyện và bình luận, từ nhỏ tới già chỉ độc một khả năng ấy. Ngày nhỏ tôi rất thích nghe chuyện của hàng xóm và cả những chuyện chẳng liên quan gì tới mình. Thời kháng chiến là anh bộ đội thì nghe chuyện đời của đồng đội và chuyện của bà con nơi đóng quân, từ năm làm báo thì cái nghề chính là nghe chuyện và ghi lại. Câu chuyện qua năm tháng có thể quên nhưng những câu nói chí lý, những tình tiết lạ lùng, những cách sống và làm việc khác người thì một đời không quên, tưởng chừng đã có lúc mình là một phần của họ. Năm tháng qua đi, cái cứng cỏi, gan góc của những người cùng thời như đã có ít nhiều thắm thấu và cái bản chất yếu đuối của tôi thì phải. Đọc lại những trang viết của mình tôi tự nhận đã khác trước nhiều lắm, mừng tượng như đã có ai viết những trang đó, những câu đó chứ mình làm sao mà viết được. Với nhiều nhà văn, những gì họ viết ra chỉ là phần nổi những gì chưa được viết ra. Với riêng tôi, cái viết ra lại là phần chìm, phần nổi là cách sống mà mọi người đều biết thì tầm thường lắm, làm bạn bè thất vọng nhiều lắm!

Sống hòa nhập với thời thế cũng không dễ dàng. Trước hết là không nên tự ràng buộc vào bất cứ một định kiến nào, một tín điều nào để có thể tôn trọng người đối thoại đúng như họ phải có, bình đẳng với họ về phương diện tư tưởng, tranh luận có tính gợi mở, kêu gọi, tuyệt đối không được nhân danh dù chỉ là trong ý nghĩ. Mình là người nắm chân lý, người chiến thắng,

người từng trải, người lớn tuổi để trò chuyện một cách khinh suất, ngạo mạn với những người mình tiếp xúc.

Trong năm năm tôi có cái may mắn được trò chuyện với nhiều người ở phần đất phía Nam vừa được trở lại với cả đất nước, thuộc mọi phía, của mọi ngành nghề, ở mọi tầng lớp và đều được họ tín nhiệm, sẵn sàng bộc bạch mọi nỗi niềm. Tôi chẳng có thuật gì cả, chỉ nhận ra giữa chúng tôi có nhiều điểm rất giống nhau vì đều là người Việt Nam đang sống những năm tháng có nhiều biến cố trong lịch sử. Trong những năm này tôi viết được ba tác phẩm thuộc ba thể loại được bạn bè chú ý, cho là tôi đã có những cách tân trong nghệ thuật kết cấu và ngôn từ, cả kỹ sự, kịch nói và tiểu thuyết. Điều đó nghĩa là có nhiều tiếng nói khác nhau, có sức mạnh ngang nhau cùng xuất hiện trong mỗi tác phẩm. Vì chiến thắng mùa xuân quá hiển nhiên nên dẫu có nói khác, nghĩ khác thì cũng phải đến một chung cuộc rất có hậu, chẳng có cách gì phủ nhận được. Tài nhỏ nhưng gặp được thời lớn, cứ cầm đầu viết, bụng nghĩ thế nào tay viết thế ấy, chẳng có lúc nào nghĩ đến kỹ thuật viết, nghĩ đến rồi đây bạn đọc của miền đất mới (với tôi) sẽ chấp nhận hay bác bỏ những trang viết của một cái tên còn rất xa lạ với họ. Nào ngờ bạn đọc trong này bắt đầu yêu tôi, tìm đọc tôi từ ngày ấy. Tôi đâu có mong được đi trước bạn đọc, chỉ cần được là người đồng hành, là cái bóng của họ, có thể vượt qua cái hình chút xíu mà thôi.

VI. Thời niên thiếu của tôi hết sức buồn, nhiều lúc muốn quên đi nhưng nghĩ cho cùng nếu không có nó thì tôi cũng không thể chào đón Cách mạng hồ hởi đến thế. Cách mạng đã cho tôi sự bình đẳng về thân phận để có thể bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp một cách vui vẻ, tự tin như mọi người cùng lứa tuổi. Nói theo tướng số thì tôi là người gặp thời. Người đã gặp thời thì có gì phải nghĩ lại, phải ân hận về cái thời đã sinh ra mình. Thời thế có thay đổi thì mình mới có mặt, có chỗ đứng, có cơ hội để bộc lộ cái tài nhỏ nhoi của mình, vậy nên tự bản chất tôi là người của sự thay đổi, của phát triển, của những yếu tố mới dù chưa biết thật rõ nó sẽ đưa mình đi tới đâu. Tôi rất sợ sự lặp lại, cái trật tự quen thuộc của một ngày, một đời. Ngay như cuộc sống không thay đổi của gia đình trong mấy chục năm cũng khiến tôi muốn phát điên lên. Tôi thích thay đổi vì còn một nguyên nhân khác nữa, mỗi lần thay đổi tôi đều được, chẳng mất cái gì cả. Không có ngày 30 tháng 4, không có những cuộc gặp gỡ kỳ lạ với bố tôi, với nhiều người thân khác lần đầu được biết tên biết mặt thì tôi không thể có những tác phẩm được xem là phần chính trong cái nghề viết lách của mình. Trong những tác phẩm tôi viết sau này một loạt chân dung mới đã xuất hiện: chính khách của chính quyền Sài Gòn, sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng hòa, tầng lớp trí thức được đào tạo ở Mỹ và các nước phương Tây, linh mục, nhà sư, doanh nhân, một thế giới sống động với nhiều mẫu người, nhiều cách nghĩ, nhiều hướng đi xôn xao tranh luận, xôn xao chọn tìm, vừa lạ vừa vui nhưng nhân loại biết bao, gần gũi với chúng ta biết bao. Nhân vật biến hóa, uốn lượn theo những đợt sóng của thời cuộc, muôn màu nghìn vẻ đã phá vỡ một cách nhìn khô cứng, một tầm nhìn hạn hẹp, những kết luận độc đoán. Nó mở tung ra, mênh mông, khó dò đoán với bao nhiêu câu hỏi và bao nhiêu cách trả lời, nên cách kết cấu tự nhiên phải mở, chương đoạn hầu như không thể tính trước, chữ nghĩa bất thần tràn lên trang giấy, đọc lại nhiều đoạn cứ ngỡ ngành không dám tin là văn của mình. Chưa bao giờ tôi được viết trong một niềm vui rạo rức đến thế, trong cái không khí say đắm đến thế mà những năm ấy tôi đã bắt đầu bước qua tuổi bốn mươi để sống với cái tuổi năm mươi, một lứa tuổi không còn trẻ, không còn có thể bắt đầu bất cứ việc gì mà tôi lại được bắt đầu lần thứ hai, lại được sống những ngày tháng háo hức như tôi đã bất thần trở lại tuổi ba mươi, cái thời viết *Xung đột*, *Mùa lạc*, *Tâm nhìn xa*. Một đời sáng tác được trẻ lại những hai lần, được những hai lần mây mù tìm kiếm với bao nhiêu lo âu, hồi hộp, căng thẳng quả là một may mắn vô song, còn phần nản gì nữa, ân hận gì nữa.

VII. Bước sang tuổi năm mươi tôi đã bắt đầu lờ mờ nhận ra rằng mọi sự mọi vật ở đời này đều luôn luôn biến hoá theo cái dòng chảy tự nhiên của nó, theo cái bản chất vốn dĩ của nó. Đi ngược hay làm khác sẽ sinh rất nhiều chuyện phiền hà, phải luôn luôn canh chừng, sềnh mắt

lông tay một chút là mọi sự sẽ dần dần trở lại vị trí cũ. Năm 26 tuổi tôi viết cuốn tiểu thuyết đầu tay *Xung đột*, đi đi về về khoảng bốn năm, lần trở lại sau cùng đã làm tôi sững sờ không ít. Ấy là mọi sự mọi việc như đang trôi dạt về chỗ cũ, êm lặng, nhẹ nhàng, người địa phương hầu như không nhận ra, không có thêm một chuyện đáng phàn nàn nào, dân có nguồn vui của dân, cán bộ xã xóm cũng có những nguồn vui riêng của họ, mọi sự đều vui vẻ, chỉ không nằm trong dự tính có phần hơi lãng mạn của tôi. Thì ra con người ta, nhất là người Việt Nam không ưa sinh việc, sinh việc là sẽ có những việc không thể lường trước kéo đến, lành ít dữ nhiều, lợi ít hại nhiều. Ai cũng sợ chết, sợ chia ly, sợ nghèo khổ, sợ bị làm nhục. Ai cũng mong một cuộc sống an bình, đủ người ngồi xung quanh mâm cơm, không phải thù ghét ai, cũng không mong có ai thù ghét mình từ trẻ đến già. Các tôn giáo đều hứa hẹn thế, đều chỉ dẫn con đường và cách thức có thể trở thành các Thiên thần và Bồ-tát. Cả chính Đảng cũng hứa hẹn thế nhưng phải chịu nhiều rủi ro hơn, không có các điều kiện ban đầu lý tưởng như tôn giáo. Vì tôn giáo chỉ nói chứ không làm, tất cả đều ở trong lý thuyết, trong hi vọng, còn đã làm là hỏng ngay như các giáo sĩ của đạo Thiên Chúa đã làm trong khoảng thời gian hai năm bốn tháng, tại các huyện miền Nam Nam Định như các tu sĩ đạo Phật đã làm thời còn chính quyền Ngô Đình Diệm, hồi đầu thì hay, được dân chúng tôn sùng như các nhà sư anh hùng, đến hồi sau lại dở bị cả nước chê là kiêu tăng.

Người làm chính trị có hai điều thậm khó. Một là, con người và đời sống xã hội của nó không phải là một thực thể dễ uốn nắn, dễ sai bảo, do tâm nhìn thiên cận nên họ thường có những phản ứng rất... Hai là, nhà chính trị hồi đầu hành động theo sự quyến rũ của lý tưởng, hồi sau lại hành động theo sự quyến rũ của quyền lực. Và người lãnh đạo nào cũng muốn củng cố quyền lực để nó được tồn tại mãi mãi. Chẳng có nhà chính trị nào, dẫu tài giỏi như Stalin, Mao Trạch Đông lại giữ được quyền lực với đầy đủ uy tín và sức mạnh hồi đầu, như cái thời mới xây dựng chính thể. Nhất định nó sẽ biến dạng theo năm tháng, tốt hơn hay xấu đi tùy vào tài đức của người khai sáng và lớp người kế tục. Chủ nghĩa tư bản cũng từng chết đi sống lại nhiều lần là nhờ vào các nhà triết học, kinh tế học, những người hoạt động xã hội tự do và nhất là đội ngũ đông đảo của giới thông tấn báo chí, người mách nước này, kẻ bày kế kia, thậm chí chẳng bày vẽ gì mà chỉ châm chọc, chế nhạo, chửi rủa thôi mà vẫn được tiếng đầy đủ, chả ai cấm, nếu cấm thì phải có luật và phải có toà án xét xử.

Thậm chí cả đời riêng không lấy gì làm đẹp của người cầm quyền rất cần được che giấu mà mọi người vẫn nói vẫn viết vì chả có luật nào yêu cầu phải bảo vệ những hành vi vô đạo đức của các yếu nhân. Chủ nghĩa tư bản nhờ vào cái quyền tự do ngôn luận ấy mà thoát hiểm nhiều lần, uy tín cá nhân có là cái quái gì nếu nhờ vào sự minh bạch ấy mà chế độ được bảo vệ, được tồn tại và xem ra còn lâu mới sụp đổ. Còn ở các nước Xã hội chủ nghĩa thì sao? Họ đã làm ngược lại bằng cách tự điều chỉnh ở cấp cao với một biện pháp tệ hại nhất là giấu kín và nói dối. Thời Stalin và Mao Trạch Đông còn sống, không một ai có gan dám động đến những chủ trương đã mất hết tính hiện thực của các vị ấy. Thử bàn ngang xem chắc chắn sẽ trở thành kẻ giai cấp ngay, không bị xử bắn thì cũng ngồi tù. Họ đâu còn là nhà Cách mạng nữa. Quyền lực đã biến đổi họ hoàn toàn, một người thành Sa Hoàng, một người thành Hoàng đế, còn Bộ chính trị thì đã trở thành bày tôi từ lâu rồi. Trong thế kỷ XX như tôi được biết có ba nhân vật mà quyền lực không thể đụng chạm tới lý tưởng và nhân cách cao quý của họ. Đó là Tôn Trung Sơn, Hồ Chí Minh và Nelson Mandela.

VIII. Con người ta thuộc bất kỳ dân tộc nào đều thích sống sợ chết, thích sướng sợ khổ, thích đoàn tụ hơn chia ly, thích cái ổn định của hôm nay, rất e ngại phải dấn thân vào những cuộc phiêu lưu mới. Tất nhiên dân tộc nào cũng có những người con vĩ đại của họ, tuy xuất thân từ những giai cấp khác nhau nhưng lại có chung một tính cách của những người khai phá: sáng suốt, mạnh mẽ, tầm nhìn xa rộng và luôn có những quyết định có ý nghĩa mở đường. Họ là động cơ của mọi sự thay đổi để vạch một lối đi cho tương lai của dân tộc mình, của đất nước mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam, là người con của lịch sử

bất khuất của Việt Nam. Theo tôi chẳng có học thuyết chính trị nào giải thích được trọn vẹn về Bác, vì Bác chính là đời sống, là sự vận động không ngừng, biến hóa không ngừng của cuộc sống xã hội và chính trị, của quốc gia và quốc tế. Bác là Việt Nam của thời xa xưa mà cũng là Việt Nam của thời đương đại nên Người mới biết cách giác ngộ đồng bào của mình ở vùng biên giới bằng những bài thơ dễ thuộc, lời dạy dễ hiểu, những việc làm ai cũng làm được, dần dần mất cả hải sợ, mất cả tự ti, mở rộng dần cách nghĩ từ thôn bản tới quốc gia quốc tế. Từ trong đám người xoàng xĩnh ấy, Bác đã đào tạo, trau chuốt họ trở thành những tướng lĩnh nổi danh của quân đội Cách mạng, những nhà cai trị khôn ngoan, những nhà ngoại giao vừa cứng cỏi vừa mềm mại, là hạt, là mầm của một thể hệ người Việt Nam. Tới đây tôi muốn nói thêm một chút. Sau khi nước Việt Nam đã thống nhất thì những người lãnh đạo kế tiếp phải biết giãn lỏng sự căng cứng của dân sau nhiều chục năm chiến tranh, bù đắp dần dần những gì họ đã cam chịu thiếu thốn. Vì dầu là nghĩa sĩ, anh hùng họ vẫn là con người, cũng muốn nghỉ ngơi, đoàn tụ, muốn cuộc sống ngày một khá hơn, muốn tiếng nói của mình được tôn trọng, muốn được tự do hành nghề, muốn có vô vàn những nguyện vọng nhỏ bé, lương thiện được người lãnh đạo quan tâm, tạo điều kiện để những lời hứa lúc lập quốc được thực hiện, hoặc đã có cơ sở xã hội để dần dần thực hiện. Đó là cách làm của Việt Nam, nếu Bác còn sống tôi tin Bác sẽ làm thế.

Mọi sự chậm trễ kể cả nhằm lẫn nữa trong việc khôi phục nền kinh tế sau chiến tranh là do mình đã quá trung thành với một chủ thuyết ngày càng tỏ ra bất cập với thế giới hôm nay. Và cả ngày hôm qua nữa. Nếu chúng ta cứ trung thành với thuyết đấu tranh giai cấp thì làm sao đoàn kết được dân tộc đánh Pháp rồi đánh Mỹ. Nếu ta không kịp thời sửa sai trong cải cách ruộng đất và Bác phải đích thân đứng ra xin lỗi bà con nông dân thì sự thế sẽ ra sao? Vì theo lý thuyết của Mao Trạch Đông thì những việc ta làm chẳng có gì là sai cả, địa chủ phải bị làm nhục, phải bị xử bắn để nông dân có cơ hội vùng lên, và ruộng đất, tài sản của họ phải về tay nông dân nghèo. Nhưng Đảng ta vẫn cho là sai, sai trong cách làm, sai trong tổ chức. Nếu ta được toàn quyền làm theo ý ta thì ruộng đất vẫn về tay nông dân mà mọi sự sẽ tốt đẹp hơn nhiều. Nhưng ta làm sao dám bất tuân họ, súng đạn phải xin, lương thực phải xin, tiếng nói trên diễn đàn quốc tế vẫn phải nhờ cậy lúc này lúc khác. Vì cái lớn mà phải chịu nhẫn nhịn những cái nhỏ. Cũng là may, trong những năm đánh Mỹ ở cơ quan chiến lược không có ông cố vấn Tàu hay Nga nào, có thì rách việc lắm.

Những nước Xã hội chủ nghĩa cùng tôn vinh một chủ thuyết chính trị, tức là anh em một nhà, là đồng chí của nhau. Nhưng từ năm 1972 là mình khổ rồi, vì các ông anh đã lấy mình làm một thứ hàng hóa để mặc cả. Họ đưa mắt tổng tình nhau lúc nào không biết, với người viết văn tầm thường như tôi bỗng chốc thấy họ đón tiếp, ôm hôn kẻ thù của mình cứ sừng sờ không thể tin nổi. Lại còn hứa hẹn với nhau đủ điều tốt đẹp tức là cuộc mặc cả đã xong, cái thằng em cầm súng ở tiền tuyến bỗng dưng bị bán đứng. Đánh nữa chẳng? Đánh nữa thì lấy gì mà đánh, đánh hết thì ai cho thêm mà đánh tiếp. Mấy năm ấy một nước nhỏ và nghèo từng lăn lộn trong chiến tranh 27 năm, người chết cũng nhiều, tài sản quốc gia hao hụt quá nửa mà dám đối mặt với một nước Mỹ đã gần như bá chủ cả thế giới và hai cường quốc khác cũng là thủ lĩnh của một phe, của một phần thế giới. Tức là các anh muốn quyết định gì tôi xem như không biết, tôi vẫn cứ phải nhắm vào cái đích đã chọn từ vài thập kỷ trước. Ấy vậy mà rồi thắng, đại thắng vì một khoảnh khắc thời thế đã cho phép ta đánh thắng. Thắng rồi nhưng vẫn xử sự rất phải chăng với người đã từng ở bên kia chiến tuyến, vẫn là đồng chí, anh em với hai ông anh khổng lồ đã từng chơi không lấy gì làm đẹp, chẳng dám trách móc gì, hờn dỗi gì, nói một câu cảm ơn một câu, nói hai câu cảm ơn hai câu, khiêm nhường hết chỗ nói. Đó là trí tuệ của một dân tộc đã từng phải nhiều lần lấy máu mình để bảo vệ chủ quyền chính trị, văn hóa và lãnh thổ. Đó là tính hòa hiếu bẩm sinh với hàng xóm, bạn bè bất kể trước đây họ đối đãi với mình như thế nào; đó cũng là tình cố kết hai dân tộc, của mọi phe phái, mọi tầng lớp dầu giận vẫn còn giận nhưng trước đại họa diệt vong lập tức bỏ hết mọi sự khác biệt lại nắm tay nhau cùng sống chết.

Nếu như một đất nước, một dân tộc cần phải có một nền móng tư tưởng làm tài sản tinh thần cho nhiều thế hệ, tôi thiết nghĩ với Việt Nam chỉ là tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh là trí tuệ mở, sẵn sàng tiếp nhận tinh hoa cả Đông và Tây, cả xưa lẫn nay, cả trong và ngoài, cả sự khôn ngoan bác học lẫn tiếng giễu cợt của người lao động. Tất nhiên cái phần đóng góp quan trọng nhất vào đúng thời điểm lịch sử quan trọng nhất của dân tộc trong thế kỷ XX là luận Cách mạng của chủ nghĩa Mác. Chỉ có học thuyết Mác mới có khả năng thức tỉnh ý chí cách mạng của một dân tộc đã mất tự tin quá lâu dám vùng lên thay đổi số phận của chính mình, của dân tộc mình. Học thuyết đó đã làm bùng cháy những tiềm lực ẩn giấu trong con người xoàng xĩnh, giải phóng họ ra khỏi mọi xiềng xích của quá khứ, trở thành nhân vật quan trọng nhất trong thế giới hiện đại. Nó là vũ khí có sức tiến công mạnh mẽ nhất của những nhà yêu nước của mọi dân tộc. Bác đã chẳng từng nói, Người đến với chủ nghĩa Mác Lê từ lòng yêu nước đó sao. Theo tôi nghĩ chắc Bác còn biết cả những hạn chế của học thuyết này khi ứng dụng vào thực tế xây dựng CNXH ở nước Nga mà Người đã tận mắt quan sát, suy ngẫm về những bước đi đầu tiên của nó.

Theo ý riêng tôi, học thuyết Mác có thể phát huy hết sức mạng của nó trong việc phá hủy cái trật tự hư nát đang tồn tại bằng bạo lực, bằng vũ trang để tạo điều kiện cho giai cấp vô sản lên cầm quyền. Còn khi nó làm người hướng dẫn cho giai cấp vô sản quản lý quốc gia, khi mọi cơ chế cũ cả tốt lẫn xấu bị xóa bỏ đồng loạt thì tự bộc lộ nhiều sự bất cập lắm. Ngày ấy nếu ta chưa biết bắn súng chỉ cần học nửa ngày, nhưng học cách quản lý một nhà máy thì có khi phải mất một đời. Trong một quốc gia nhất thiết không thể chia ra có giai cấp được ưu đãi, có giai cấp bị bỏ quên, xóa bỏ quyền bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi của mọi công dân trước pháp luật. Người cầm quyền mà làm thế là rước vạ vào thân, là nuôi mầm rối loạn triền miên, chẳng đem lại lợi lộc cho bất cứ giai cấp nào. Tức là mình lấy đầu tranh giai cấp để thủ tiêu một cách sống tử cổ xưa của nhân loại: dựa vào nhau mà sống, người có tài nhỏ dựa vào người có tài lớn, người làm ăn kém dựa vào người làm ăn giỏi, người yếu dựa vào người mạnh. Chỉ có điều ở những xã hội văn minh thì sự phân phối của cải phải công bằng, để ai nấy đều được hưởng sự giàu có chung, những tiện ích chung. Cũng như nhà quản lý giáo điều thì quốc hữu hóa đầu vào, còn nhà quản lý khôn ngoan thì quốc hữu hóa đầu ra, tức là anh làm ra nhiều của cải thì anh phải nộp thuế nhiều, số tiền ấy sẽ chi vào những lợi ích công cộng. Đảng này mình thích cái hư hơn cái thực, cái đúng với lý thuyết hơn những cái có lợi hơn tiền. Quốc hữu hóa để nhà máy phải do công nhân quản lý, ruộng đất phải do người cày quản lý. Nhưng những người chủ mới ấy lại chẳng biết gì về cách quản lý cả, nếu biết cách quản lý thì đã giàu từ lâu. Vì thế nên sản xuất đình trệ, sa sút, đất nước nghèo đói, người cầm quyền bị mang tiếng nên mới sinh ra nói dối, dưới nói dối trên, trên nói dối dân, từ đó lại sinh ra chuyện đe dọa, đàn áp những người nói thật. Mọi sự rối loạn bắt đầu từ đó nhưng lại không nhận lỗi về mình mà lại nhận định một cách thiếu căn cứ là có sự phá hoại từ bên trong, là có tay sai của nước ngoài xúi bẩy. Tất nhiên cũng có nhưng không phải ở mọi nơi, trong mọi lúc và ngày càng gay gắt. Đã có địch từ bên trong thì dân mất ăn mất ngủ vì e sợ mình không thể đứng ngoài, là cái cơ để vu khống nhau, hãm hại nhau, chẳng ai có thể bình tâm làm ăn được.

Người ta bắt đầu chán ghét thể chế mới từ đó, đã chán ghét thì mặc anh với cái lý thuyết đầy hoang tưởng của anh. Thế là họ bảo nhau làm kinh tế tư nhân chui, buôn vào bán ra mọi thứ và cả mọi người đều tham gia vào cái "thị trường đen" ấy cả, một vùng buôn bán bất hợp pháp còn tệ hại hơn bất cứ thị trường tư bản chủ nghĩa nào. Con người xã hội chủ nghĩa ngày càng tha hóa, sa đọa, gian manh, đạo đức giả, không ai tin ai và cũng chẳng còn gì là thiêng liêng để họ tin tưởng. Chỉ được cái tài nói dối. Nhà văn mà nghề chính là nói dối, viết dối là sự hư hỏng của xã hội đã gần chạm đáy rồi. Chẳng thế khi Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô tuyên bố giải thể Đảng là các thành viên nhảy ào ra như thoát khỏi một đại nạn. Chẳng có ai lên tiếng phản đối, cứ im thin thít và tự rã ra như tượng đất gặp nước lụt. Các giai cấp cần lao vì họ mà thể chế được xây dựng cũng tỏ ra hết sức bàng quan, họ lặng lẽ chờ đợi để được trở lại những công việc thường ngày từ đời xưa đời xưa.

IX. Ở những quốc gia chỉ có một hệ tư tưởng chính thống được xem là hợp pháp thì chuyện tư tưởng, chính trị hóa ra hệ trọng hơn bản thân nó nhiều. Sáng ngày tối đêm đều bàn chuyện chính trị tư tưởng, ai theo tư bản, ai theo vô sản, thật ra chả có ý nghĩa gì đối với một đời người. Đời người có bao nhiêu lựa chọn hay hơn nhiều, có ý nghĩa tích cực hơn nhiều. Nó sờ đĩ quan trọng vì nó có quyền phép tha người hoặc bắt người chỉ bằng một lời nói, lỗ miệng mà nói, vô tình mà nói, vì người nói đâu có xem nó là quan trọng. Nói chuyện với bạn bè cũng phải cân nhắc, phòng bị. Một xã hội tốt đẹp là không ai phải bận tâm quá nhiều tới chính trị cả. Chính trị đã trở thành một nhu cầu tự nhiên, vẫn dùng mà không biết, vẫn dựa cây mà không hay, chỉ thấy mọi sự đều trôi chảy, đều diễn ra rất hợp lý từ thuở mình chưa sinh ra nó vẫn như thế rồi. Nó phải tự nhiên tới mức người dân cũng không rõ lắm mình đang sống ở thể chế nào. Pháp luật cũng thành ràng buộc tự nhiên, sống ở đời phải biết xử sự như thế, làm khác đi sẽ bị chê cười, bị khinh rẻ. Không ai đem chính trị ra mà hù dọa nhau. Đến các nước được sống thanh bình trong nhiều thế kỷ ta hay chê dân ở đó rất “vô chính trị”, kỳ thật họ là những công dân hạnh phúc nhất. Chính trị nhiều quá hóa loạn tâm mà cũng chẳng sinh thêm bất cứ cái gì. Lão tử bảo, không làm gì mà hóa ra không việc gì không làm, là theo cái nghĩa ấy. Làm mà không tự biết là làm, gánh nặng mà không nghĩ là mình đang gánh nặng thì cái nặng tự nguyện ấy hóa thành cái nhẹ nhàng vì được cùng gánh với mọi người.

Cũng là chuyện sống chết tức thời, trong hai cuộc kháng chiến cả nước bàn chuyện chính trị mà vẫn thấy hào hứng lạ lùng, ầm áp lạ lùng, vì rừng đã cháy thì tổ chim khó còn, nước mất thì nhà tan. Ba chục năm sau ngồi xem lại phim tư liệu của một thời cứ rợn cả người. Tại sao nhân dân mình lại sống được, lại đánh thắng được với bao hiểm nguy, gian khổ đến nhường ấy, mà thời gian lại kéo quá dài, một phần ba thế kỷ à ngắn sao? Ấy là vì mỗi người Việt Nam đều nguyện được sống như thế, bình đẳng trong gian khổ với mọi người, được hy sinh như mọi người, bạn chết mình sống, bạn khổ mình sướng làm sao dám nhìn mặt nhau một khi đã toàn thắng.

X. Ở một nước độc quyền về tư tưởng thì nhân tài không có đất dụng võ. Nhân tài trước hết là người thích suy nghĩ độc lập, quyết đoán độc lập và dám chịu trách nhiệm về những gì mình đã làm. Mười người là mười cái đầu khác nhau, khi họ cùng ngồi bàn bạc là có mười sự trải nghiệm cá nhân, mười cách lý giải, mười cách làm, người này bổ sung cho người kia làm sao mà làm được. Tôi tin thời kháng chiến, ở cơ quan chỉ huy chiến lược cũng như cơ quan chiến dịch, cơ quan bàn việc tác chiến đều tập hợp được những cái đầu khác nhau ấy cả, mỗi người là một chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực mình đảm nhiệm. Không thể làm sao mà đánh thắng một siêu cường gồm những cái đầu tính toán chính xác và linh hoạt như những cỗ máy. Một Đảng, một quốc gia có những cái đầu độc lập như thế kẻ nào dám làm chuyện phản nghịch. Chính là sự khác nhau, sự tự do tư tưởng của công dân, những cái có thể sinh ra bao nhiêu chuyện phiền phức lại là nền móng, là rường cột để giữ vững một thể chế, giữ vững một truyền thống, những thành quả mà cả dân tộc đã đạt được trong nhiều thập kỷ tận tụy làm việc, sàng lọc, nuôi dưỡng để trở thành một gương mặt riêng, một phong cách riêng không có gì có thể xoác bỏ nổi.

Trong công cuộc cải tạo xã hội, cải tạo con người phải được bắt đầu từ cội nguồn, từ gốc gác nếu muốn những thay đổi ấy sẽ tồn tại mãi mãi trong lịch sử, trở thành máu thịt, hồn vía của người Việt Nam. Vì ta đánh giặc ngoại xâm giỏi nên dễ nghĩ nhầm là do những gì ta vừa mới làm, vừa mới chuẩn bị. Thật ra ý chí kiên cường của dân tộc Việt Nam đã được bắt nguồn từ nhiều trăm năm, từ cả ngàn năm trong quá khứ, lúc bình lúc chiến, mỗi thế hệ bồi đắp những lo lắng của mình, những khôn ngoan của mình và những tính toán dững dẫm để gìn giữ nền độc lập tự chủ của đất nước. Chỉ riêng chuyện phải làm hàng xóm một nước quá lớn mà vẫn là Việt Nam đủ biết từ xưa tới giờ nước ta phải có nhiều nhân tài vô song, những bậc anh kiệt về chính trị, quân sự, ngoại giao, duy nhân tài trị nước thì xoàng, thiếu hẳn những gương mặt lớn. Cứ

sang chuyện quản lý xã hội là bối rối, tự đẩy mình vào những tình thế khó khăn, tự mình làm mình hao mòn đi, suy yếu đi khiến dân chưa kịp vui đã phải buồn rồi. Ấy là vì đánh giặc thì người Việt Nam với trí tuệ Việt Nam, trị nước lại theo kinh sách của Tàu, lấy cụ Khổng cụ Mạnh làm người chỉ bảo tối thượng nên mới không phát huy được hết sức mạnh một mình một cõi của riêng mình. Bây giờ cũng thế, tất nhiên bước đi đã nhanh hơn xưa nhiều, tỉnh táo hơn xưa nhiều. Vì chúng ta ra khỏi cuộc chiến ba chục năm cũng phải có thời gian để nghỉ ngơi một tí, để đưa mắt ngắm nhìn thời thế đã chuyển đổi ra sao sau năm 1975, ta nên đi theo hướng nào, lối nào để khỏi bị tụt hậu, bị lệ thuộc. Đứng vào thời điểm quan trọng này ta đã để tuột mất một cơ hội rất đáng tiếc: thu nạp nhân tài để phục hưng dân tộc. Năm 1975, nhân tài thuộc nhiều ngành khoa học còn lại ở miền Nam rất nhiều để chờ được Cách mạng sử dụng. Không được giúp công giúp của từ ngày đầu thì nay sẽ một lòng một dạ với sự nghiệp mới. Chiến thắng năm 1975 quả là một kinh ngạc không chỉ với người ngoài cuộc mà ngay cả với người trong cuộc nên những dị biệt về chính kiến, về cách quản lý quốc gia, về cả cách sống nữa không còn là vật cản như xưa kia. Người ta tình nguyện tán thưởng anh, tuyên dương anh dầu anh còn nhiều thói tật, nhưng không sao, đã dám hy sinh cho kháng chiến những ba chục năm, gần hết một đời người thì họ đâu phải là người tầm thường, đi theo họ vừa là nghĩa vụ vừa là niềm vui. Ấy thế nhưng những nhà Cách mạng theo chủ nghĩa Mác lại chia họ ra theo học thuyết thành nhiều giai tầng, mỗi giai tầng lại chia nhỏ ra nữa với nhiều nghi vấn, xét nét, đánh giá, cuối cùng từng người cũng bị chia ra để đấu tranh lẫn nhau như các sư “đi kiết hạ”, như các linh mục vào “cắm phòng”. Thế là nhiều tính xấu của con người lại có cơ hội tốt để khuấy đục: ghen tài, sợ mất chức vụ, quyền lợi nên phải nói xấu người, vu khống người và che đậy những sự nhơ nhuốc ấy bằng những cụm từ vô nghĩa, nào là lập trường, quan điểm giai cấp, nào là chuyên chính vô sản, là đủ thứ lý luận hàm bà lằng để gạt bỏ những đối thủ dám cạnh tranh với mình. Những việc xấu nhất, đáng tiếc nhất đã liên tiếp xảy ra. Kẻ sĩ không được dùng đành phải ngồi im nhìn sự phá phách nhiều cơ chế hợp lý của xã hội đành thành quy chuẩn, đã thành văn minh văn hóa thì đau quá. Ngồi mà than tiếc chỉ thêm bức mình nên họ đành kéo nhau ra đi, đất nước độc lập lại trở thành kẻ lưu vong. Ai muốn thế, ai ngờ thế! Chúng ta phải nhớ kỹ điều này, không được quên với những người làm việc thuộc lĩnh vực trí tuệ thì tổ quốc, dân tộc và tài năng cá nhân được xếp ngang nhau, nặng nhẹ như nhau. Miền đất nào, nhà cầm quyền nào, thiết thể xã hội nào đảm bảo cho tài năng của họ được phát triển hết mức thì nơi đó là tổ quốc của họ. Henry Kissinger sinh ở Đức, sống thời niên thiếu ở Đức rồi mới qua Mỹ, là công dân Mỹ mới một đời nhưng lại được giao một công việc cực kỳ quan trọng là cố vấn an ninh một siêu cường. Từ nay nước Mỹ là tổ quốc chính thức của ông, của con cháu ông vì nước Mỹ đã cho phép ông được tung hoành phỉ chí mọi mơ ước của mình. Những nhân vật xuất thân từ nhiều quốc gia, dân tộc đến nước Mỹ để có dịp thi thố tài năng thì nhiều lắm. Nước Mỹ vừa là một quốc gia gieo rắc nhiều tội ác thật kinh hoàng mà cũng là xứ sở của tự do, cái sự trái ngược ấy là chuyện hoàn toàn có thật, chứ không phải là chuyện bịa.

XI. Tôi làm báo từ năm 19 tuổi, báo Trung đoàn, báo Quân khu, mãi tới năm 1955 mới về làm báo Trung ương. Tính ra đã có thâm niên nghề báo khoảng sáu, bảy năm mà chả viết được bài nào ra hồn. Cái mốc thất bại trong nghề viết là cuốn sách viết về anh hùng liệt sĩ Mạc Thị Bưởi. Vùng này mới được giải phóng chưa đầy một năm, câu chuyện, khung cảnh, nhất là các nhân vật của câu chuyện vẫn còn nguyên vẹn, chưa bị cuộc sống thời bình làm cho biến dạng, kể cả ngôn ngữ thường ngày. Vậy là quá thuận chứ gì? Mà hóa ra một cuốn sách viết hỏng! Những gì sinh ra từ đất nước mình, dân tộc mình trong những điều kiện lịch sử cụ thể thì tước bỏ hết để đuổi theo những hình tượng anh hùng của anh hùng Liên Xô, Trung Quốc. Họ hay ở họ chứ không hay với mình, mà ngay cả họ cũng không còn là người Nga và người Trung Quốc vì những nhân vật anh hùng này đã bị tước bỏ những gì có cội nguồn dân tộc, cả hay lẫn dở để trở thành những hình mẫu lý tưởng, có nghĩa là không giống ai cả. Ở những hình tượng được xem là có nghệ thuật ấy chỉ có vầng nổi chứ phần chìm sâu hết sức nghèo nàn. Những đức tính lý tưởng của một con người mới, con người của tương lai rất khó có trong tương lai.

Nó không thuộc về Cõi Ngươi mà chỉ thuộc về lý thuyết với những mơ mộng về một thế giới hoàn hảo của các nhà lập thuyết. Từ năm tôi bắt đầu viết các tập chép về một vùng nông thôn công giáo sau này là tiểu thuyết Xung đột. tôi xuống thẳng dưới xã, không gặp một tổ chức nào, một cá nhân nào ở khoảng giữa, thâm nhập ngay vào các diễn biến sự việc đang xảy ra, theo dõi bước đi của nó, dự đoán phản ứng phải có của người này người kia, lúc đúng lúc sai, căng thẳng, hồi hộp từng ngày từng giờ. Ở xã có chi bộ Đảng và chính quyền cấp cơ sở nhưng cách nghĩ, cách nói, cách làm của họ uyển chuyển, tươi mới, khó lòng đoán trước, việc xảy ra tới đâu ứng xử theo tới đó, nhìn thấy hiệu quả tức thì. Ngay từ năm ấy tôi đã cảm nhận những gì tôi viết dưới xã, cùng nghe cùng làm với cán bộ dưới xã thì những trang viết ấy đều hay, được bạn đọc hoan nghênh, vì lý thuyết khi đã trở thành những chủ trương, chính sách cụ thể thì đã được Việt Nam hóa đến tám phần mười rồi. Lại còn cách làm, cá chứng dụng nó vào từng địa phương, từng thời kỳ thì những gì là ngoại lai, là hảo huyền gần như bị thực tế Việt Nam tước sạch. Nó tan vào trong văn chương như hơi thở tự nhiên, chẳng có chút gì là gượng gập, gò ép. Một đời viết tôi chỉ trung thành với một nguyên tắc bất di bất dịch, trực tiếp gặp gỡ với những người cùng thời, lắng nghe họ cảm nhận họ, ngưỡng mộ họ rồi viết. Chẳng sai bao giờ!

Tôi đã viết, những người làm việc bằng trí tuệ thì miền đất nào hội tụ đủ điều kiện để họ có thể bắt đầu và hoàn tất mọi công trình sáng tạo của riêng họ thì nơi đó là tổ quốc. Ngoại trừ các nhà văn. Nhà văn dầu tài giỏi mấy cũng không thể viết được nếu họ xa rời mảnh đất chôn nhau cắt rốn, mảnh đất của tuổi thơ, của bao gian khổ cùng với những người thân của mình. Vì khoa học tự nhiên tuy phục vụ con người, vì con người nhưng là con người nói chung, con người nhân loại. Khoa học tự nhiên vốn bất vụ lợi, không có mục đích riêng, cũng không nhằm làm lợi cho riêng ai, và đặc biệt từ điểm xuất phát không bao giờ là của riêng của một hệ thống quyền lực nào. Nhưng văn chương thì khác hoàn toàn, càng sâu thì văn chương càng hay, hoa trái trên cây vừa đẹp vừa lạ. Nhiều anh chị viết văn ở chế độ cũ đều là những cây bút rất có tài nhưng khi ra sống ở nước ngoài hầu như viết ít hẳn hoặc không viết nữa. Chỉ vì cái cuống nhau đã đứt, cái hồn vía Việt Nam, cái thế giới tâm linh không nhận được nguồn nuôi dưỡng mới sẽ khô héo dần, lợt lạt dần, ngay cả ký ức cũng lợt lạt. Tôi cũng được đọc một ít truyện ngắn của các cây bút mới nổi đang sống ở nước ngoài, văn Việt rất chuẩn, ý tưởng rất lạ, ngay cách kết cấu cũng có sự hấp dẫn riêng nhưng vẫn không thích. Ta viết chuyện Tây, Ta sống với Tây, Ta sống với Ta ở trời Tây không phải không có chuyện để viết, để ngẫm nghĩ nhưng cái vị mặn ngọt chua đắng thắm đẫm một thời, thắm đẫm một đời qua mỗi trang sách thì không thể có. Không có những cái đó thì đọc làm quái gì!

XII. Với một thể chế mở, linh hoạt chứa đựng nhiều yếu tố tích cực thì vẫn cứ phải đối mặt hàng giờ với nhiều sự phiền nhiễu vặt, nhiều sự xô xát vặt, kể cả những hỗn loạn nhỏ của một địa phương, một vùng. Nhưng không sao! Cái “phần mềm” của hệ thống điều hành vẫn có thể tự điều chỉnh để có những cách ứng xử thích hợp, có thể kéo dài sự ổn định cả trăm năm. Có điều, sau nhiều lần tự điều chỉnh để thay đổi rồi chính nó cũng biến dạng dần để trở thành đềm trước của một thiết chế xã hội hoàn toàn mới, vừa thừa kế phần tích cực vừa thải loại phần tiêu cực của những cơ cấu đã tan rã vì không còn phù hợp. Cách thay đổi dần dần mà xưa kia ta thường gọi một cách châm biếm là “cải lương” hay nói theo cách bây giờ là “đổi mới” xem ra hiệu quả nó mang lại lớn hơn, vững chắc hơn là các cuộc Cách mạng xã hội nóng nảy, vội vã, ào ạt những diễn văn, đáp từ, những hoan hô, cờ đèn, kèn trống nhưng cái ruột bên trong, cái nguồn, cái nền tảng để tạo ra mọi sự thay đổi nào đã có gì thay đổi vì nó không thể và cũng không chịu thay đổi theo kiểu hành chính, kiểu cưỡng bức nên hội hè đã qua rồi mọi sự dần dần trở lại như cũ, dầu đã có cả một cuộc Cách mạng văn hóa tư tưởng hỗ trợ, với sự tham gia của toàn dân như một nước bạn vĩ đại đã làm thì khi cuộc cách mạng kết thúc, mọi sự vẫn i xi như cũ, còn tệ hơn cũ, hỗn loạn hơn cũ, chẳng ra cái thể thống gì, như một xã hội vô chính phủ.

Trong văn chương cũng thế, một người không thể bất thần hoặc do một bức xúc nhất thời mà có thể trở thành một người viết văn. Nhà văn phải có sự chuẩn bị tự nhiên, vô thức từ thuở ấu thơ. Anh ta phải là người dễ cảm động trước cái đẹp, nhận ra sớm hơn mọi người một vẻ đẹp,

hay quan tâm và mau thông cảm với những số phận bất hạnh của nhiều người, thích quan sát, thích nghe người khác nói chuyện và tự mình cũng thích thuật chuyện, lúc thật lúc hư để có dịp bộc lộ những yêu ghét của chính mình. Bởi viết văn là công việc sáng tạo hoàn toàn cá nhân có cơ cấu tạo riêng từ thời còn thơ ấu với những nguồn gốc rất riêng biệt của nó nên không thể tôn ai làm thầy hoàn toàn được. Cũng như thiết chế một mô hình quản lý xã hội cũng là việc riêng của mỗi dân tộc, mỗi quốc gia bắt nguồn từ truyền thống văn hóa, tinh thần cả mấy trăm năm của quốc gia đó, không thể rập khuôn theo bất kỳ nước nào, dầu có hay đến mấy. Việc sau thế chiến thứ hai, một loạt nước từ Âu sang Á nhất loạt xây dựng thể chế chính trị theo mô hình chủ nghĩa xã hội trong thời gian ngắn, nghĩ là hay mà hóa ra rất dở. Phàm những cái hay của người, có khi chỉ mới là cái hay theo lý thuyết chứ chưa hẳn đã hay trong thực tế, đều không thể tồn tại lâu dài được. Nó là vật lạ, chẳng sớm thì muộn cũng sẽ bị đào thải.

Lại nói tiếp chuyện văn chương, vì văn là của mình, mình làm sao văn làm vậy nên nó không thể bắt chọt thay đổi theo thời nếu tác giả chưa có gì thay đổi. Nó bắt buộc phải có cú hích đầu tiên, thường là một phát hiện làm đảo lộn mọi nhận thức đã có hay nói theo từ thời thượng bây giờ là “đại ngộ” hoặc đã vấp phải một tai họa gây thương tổn lớn khiến mình như bừng tỉnh, như chợt thức giấc sau một giấc ngủ dài, giương mắt nhìn ra xung quanh, nhìn vào lòng mình bỗng thấy mọi quang cảnh như đã thay đổi. Tất cả đều ẩn giấu những câu hỏi hết sức mới mẻ, hết sức lạ lùng, buộc mình phải có cách trả lời, có trả lời xuôi thì mình mới sống yên ổn được với xung quanh, với chính mình. Một nhà văn trong một đời viết chỉ nhận được một lần cái cú hích cứu mạng, mở nghề và tiếp tục khai thác nó đến hết đời. Và cũng có nhiều người may mắn hơn lại nhận được một cú hích lần hai do một vĩa sống mới đột nhiên xuất hiện, tràn ngập ánh sáng quuyền rũ và họ đã đem hết tâm sức cống hiến cho sự tái sinh bất ngờ ấy. Như nhiều trường hợp nhiều nghệ sĩ nổi danh từ trước năm 1945, nhờ Cách mạng tháng Tám thành công mà trẻ lại, tràn đầy ý tưởng sáng tạo để có thể đi và viết suốt hai cuộc kháng chiến. Còn những nhà văn muốn viết theo thời chỉ bằng có lý thuyết, bằng đọc sách, rồi tranh luận với bạn bè, rồi ngấm nghĩ so sánh, ham muốn thì nhiều nhưng điều kiện để thực hiện lại quá mỏng manh nên chỉ viết được những cuốn sách giả, chủ đề giả, ý tưởng giả, nhân vật, kết cấu, câu chữ cứ nhẹ phèo, bị cũ nát rất nhanh, bị bỏ quên rất nhanh. Biết là hàng giả nên không tự tin cho lắm, sách chưa viết xong đã làm quảng cáo rồi, rồi tặng sách những người viết có tên tuổi, rồi nhờ bạn bè làm phê bình văn học lên tiếng giới thiệu. Những cuốn sách được nâng niu một cách quá đáng vẫn cứ còi cọc, èo uột, chết non chết yếu lúc nào cũng chẳng ai hay. Có phần nào giống như nhiều nước Xã hội chủ nghĩa đã đồng loạt sụp đổ trong những năm 90 của thế kỷ trước. Đến các nước đó bên tai lúc nào cũng nghe có người nói: không cho khách được phép nghi ngờ bất cứ điều gì. Nhiều vấn đề các nước tư bản còn nhá nhem, nhập nhèm thì ở đây đã được giải quyết hết sức thỏa đáng, minh bạch. Vấn đề dân tộc là thế nào? Làm xòn từ lâu rồi. Vấn đề biên giới giữa các quốc gia thế nào? À, giữa các nước anh em cùng chung một lý tưởng thì chuyện ấy có gì là khó. Vấn đề tôn giáo, vấn đề giáo dục đại học đều được quan tâm đúng như nó cần phải có. Cuối cùng họ lại nói, ở nước họ mong muốn của cấp lãnh đạo và nguyện vọng của dân chúng luôn luôn nhất trí trăm phần trăm. Thế thì còn gì để nói nữa! Nhưng với tôi chỉ cần nghe một bản báo cáo của Hội nhà văn nước chủ nhà, nghe tiếp vài bài phát biểu nữa là tôi đã có thể xách cặp ra về, đi chơi, mua hàng, gặp bạn bè, chứ còn gì phải nghe thêm nữa. Mình với họ giống nhau quá mà!

XIII. Con người với các mối quan hệ xã hội, nghề nghiệp, gia đình là hết sức đa dạng, phức tạp, khó lòng có ai cầm tay chỉ vẽ được, chỉ có thể tự mình chiêm nghiệm, dần dần rút ra những bài học nhỏ để trở thành một người có nhân cách riêng, có bản lĩnh riêng trong mọi cách tiến lui, ứng xử, dẫu rối rắm đến đâu vẫn được người thương hơn là ghét, được thông cảm, được giúp đỡ để mình vượt qua trở ngại hoàn tất sự nghiệp của mình. Tôi tự nhận là người thành công vì đã tìm được một lối đi riêng bằng cách lấy những cái dư thừa của người khác bù đắp cho cái phần còn thiếu hụt của mình. Cách đó rất dễ, dễ với tôi nhưng lại khó, rất khó với nhiều người. Tôi có một bước đầu thuận lợi là tôi chẳng có gì là báu vật của riêng mình cần phải gìn

giữ. Tôi nhìn đồng đội thấy ai cũng hơn mình cả, mà đồng đội của tôi ngày ấy là người của mọi nghề, đã từng tự kiếm sống nuôi bố mẹ, nuôi vợ con, vượt qua một nạn đói khủng khiếp nên mỗi người đều có một cách tồn tại ở mức tối thiểu. Từ một đơn vị nhỏ cấp trung đội ở một thị xã, tôi về cơ quan tuyên huấn trung đoàn rồi từ đó được về làm báo quân khu, lên cao đến đâu tôi học theo đến đó, bao giờ tôi cũng là người chịu khó học, học thầy, học bạn là do tự tìm lấy cả. Sau này được về tạp chí Văn nghệ Quân đội tôi vẫn học vì ở tòa báo này đã tập hợp được nhiều cây bút nổi tiếng từ hồi đầu đánh Pháp. Họ có nhiều thứ để tôi phải học lắng, học đọc, học nói, học viết. Tôi là người viết rất dở trong mấy năm đầu nhưng tôi không nản, tôi nhẫn nại trong cái nghề viết khiến bạn bè vừa ghét vừa thương. Lâu dần cái việc học hỏi người khác đã thành thói quen và đã cho tôi một cách chuyện trò, một cách tranh luận rất dễ chịu, rất thoải mái. Tức là tôi không bác bỏ một ai, không phủ nhận một ai, mỗi người đều có cái uẩn khúc của riêng họ, đều có cái đáng trân trọng của riêng họ. Tôi không bao giờ tranh thắng, tranh cái đúng về mình. Không bao giờ!

Tôi còn nhớ năm tôi về tạp chí Văn nghệ Quân đội được vài tháng, tham gia một kỳ họp chi bộ xem xét mức độ sai lầm của một Đảng viên cấp Trung tá đã có khai báo khi bị Pháp bắt đưa ra Côn Đảo. Nhiều Đảng viên yêu cầu phải khai trừ anh ra khỏi Đảng vì anh đã không giữ được khí tiết trước kẻ thù. Tôi đã định không nói, tôi là kẻ hậu sinh làm sao dám đánh giá một việc làm của bậc đàn anh. Nhưng Chi bộ buộc từng người phải có ý kiến của mình. Tôi đành nói liều, nói cùng sợ nhưng chẳng lẽ không nói. Tôi nói rằng, tôi chưa bị Pháp bắt bao giờ, chưa bị tra tấn để lấy cung bao giờ, nếu tôi bị đánh đau không chừng tôi cũng phải khai. Cả mọi người nhìn tôi như hơi cười, không khí buổi họp như dịu hẳn. Người đàn anh đã có một lần phạm tội nhìn tôi bằng đôi mắt vừa thiện cảm, vừa ngạc nhiên. Một thằng thượng úy trẻ ranh lại nói được một câu chân tình đến thế.

Gần một đời người tôi không làm ai phải giận dữ sau khi đã tranh cãi với tôi. Tôi luôn biết thường thức những câu nói hay của họ, biết tự nhận những nhận xét còn nông nổi, độc đoán của mình. Tôi là người viết nhiều về các tu sĩ của các tôn giáo lớn: Thiên chúa giáo, Phật giáo, Cao Đài giáo, viết thành sách, viết đến nơi đến chốn nhưng xem ra rồi vẫn có nhiều bạn đọc là tín đồ các tôn giáo đó. Là vì trong những trang viết cũng như khi tiếp xúc trong công việc tôi rất tôn trọng niềm tin của những người khác. Tôi đã nghĩ mọi niềm tin hướng về sự cao thượng đều có giá trị như nhau, đều giúp cho con người sống nhẹ nhõm hơn, vui vẻ hơn vì đã có nhiều hi vọng hơn. Thế giới tâm linh của con người mênh mông, sự sống lại càng mênh mông hơn, cho tới tận hôm nay các nhà vật lý hàng đầu đã phải thú nhận rằng những quan điểm về một thế giới xác định và vững vàng không còn đúng nữa, cả trong thế giới vĩ mô cũng như vi mô. Cái câu hỏi lớn nhất: ta từ đâu tới rồi sẽ đi về đâu còn chưa được hoàn toàn khẳng định trong khoa học cũng như trong tôn giáo, huống hồ ở những lĩnh vực cực kỳ nhỏ bé, có sinh mạng hết sức ngắn ngủi lại có thể khẳng định một cách quyết liệt cái này và phủ nhận cái kia!

XIV. Ở các nước Xã hội chủ nghĩa, chân lý thuộc về hệ tư tưởng chính thống đang điều hành mọi sự mọi việc của quốc gia chứ không đứng riêng một mình. Cấp quyền lực cao thì nắm chân lý lớn và không bao giờ sai. Cấp quyền lực nhỏ thì nắm chân lý nhỏ, đôi lúc cũng sai, sai trong phương pháp, sai trong cách làm chứ không thể sai trong chủ trương, chính sách. Còn đám trí thức làm các việc nghiên cứu, tổng kết, đọc nhiều, biết nhiều, tiếp xúc với đủ loại người và những gì họ biết đều có căn cứ xác thực. Cái biết và cái nghĩ về những sự đã biết khiến họ run sợ về sự gian dối trong báo cáo, về sự cả tin của người cầm quyền và cái tính hay nghi ngờ nếu những thông tin mình cung cấp không phù hợp với những dự tính cao xa, lâu dài của người lãnh đạo.

Có một việc đã được giải quyết rất tốt ở một địa phương về cách quản lý ruộng đất hợp lý, dân no hơn, có tiền nhiều hơn nên dân rất vui, cán bộ xã huyện tỉnh cũng rất vui vì vợ con họ được sống dư dả hơn trước, lại không phải đối mặt với nhiều câu hỏi rất khó trả lời minh bạch, mà cái địa phương đó phải chịu thua, cán bộ chủ chốt bị đuổi việc, một chuyện thâm vô lý mà không ai

dám nói lại. Vì nếu nói cách làm của Trung ương sai tức là hệ tư tưởng chính thống có thể sai, từ cái sai hiển nhiên này người ta sẽ nghĩ tới những cái có thể sai mơ hồ khác. Và sự hoài nghi ấy sẽ làm lung lay cái ghế của người cầm quyền. Dân chịu khổ lâu, chuyện đó sẽ có nhiều cách để đền bù, còn một chỗ ngồi đã phải thay không khéo phải thay cả nhân loại. Nó khó nói một cách minh bạch là thế nên cứ đành để mù mờ trong nhiều năm. Cả nước đã làm theo cách làm của ông bí thư quá nhạy bén, chạy trước vài bước nên bị tai nạn mà chả ai nghĩ tới phải xin lỗi người ta, trả lại vinh dự mà người đó xứng đáng phải có, mọi việc cứ tù mù trôi đi, may mà có công cuộc đổi mới đã kịp cứu vãn tất cả.

Nói đến chính trị của một thời, nghĩ lại vừa đau lòng vừa buồn cười. Mấy năm đầu kháng chiến chống Pháp chả mấy ai nói tới tính giai cấp, với số đông cũng chả biết cái cụm từ chính trị mới mẻ ấy định nói cái gì. Mãi tới năm có nhiều cố vấn Trung Quốc sang giúp đỡ Đảng ta trong sự nghiệp kháng chiến mới hay nói tới tính giai cấp. Một dân tộc bỗng nhiên bị chia ra thành năm bảy loại người, loại tích cực, loại tiêu cực, loại được tin dùng và loại dùng thì dùng nhưng vẫn nghi, đâm ra người này nghi ngờ người nọ, đem cái ghét riêng thành quan điểm giai cấp lập trường giai cấp, cãi chửi nhau bằng ngôn ngữ xã hội học, thành thử mọi việc lý ra là sáng mà cứ rối mù, gây chán nản, gây phân tâm giữa những người kháng chiến. Thậm chí cái thành phần tiểu tư sản chả bóc lột ai, chả hà hiếp ai bỗng nhiên trở thành băng hiệu của giới trí thức, cũng bị vướng vào nhiều chuyện oan khiên. Mặt trận Liên Việt tượng trưng cho khối đại đoàn kết toàn dân cứ mỏng dần, èo uột dần, có cơ quan, có người trực nhưng không có công việc vì cũng chả còn uy tín gì với nhân dân nữa. Mà hồi Cách mạng mới thành công là đoàn kết thật, vua quan, giám mục, linh mục, hòa thượng, các nhà trí thức cỡ bự vì được Cách mạng tin dùng cũng hết lòng phụng sự kháng chiến. Họ đều là những người tài trí, có làm thật họ mới tham gia chứ làm giả thì việc gì họ đến với mình.

Tôi nghĩ sức cảm hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ là sự thành thật. Bác thành thật tôn trọng họ, thật sự muốn cộng tác với họ, bình đẳng về tư tưởng và lòng yêu nước nên số đông trong họ đã dám theo kháng chiến đến cùng. Tới cuộc đánh Mỹ ở miền Nam gian nan hơn nhiều, cái phần thắng xem ra cũng còn cần một thời gian, thời gian có thể ủng hộ ta mà cũng có thể phản bội ta nên ta không nói đấu tranh giai cấp nhiều để dốc toàn lực của dân tộc quyết một trận sống mái. Không những phải nói sức mạnh của toàn dân hôm nay đã từng có một Điện Biên Phủ mà còn phải nói nhiều sức mạnh của dân tộc chống lại mọi cuộc ngoại xâm trong suốt chiều dài lịch sử. Không chỉ viện dẫn những nghĩa sĩ, anh hùng của thời đại Hồ Chí Minh mà còn phải viện dẫn những minh quân, tướng sĩ của những vương triều đã có những chiến công oanh liệt.

Chỉ có một điều đáng tiếc là sau ngày đại thắng, cả dân tộc từ Bắc chí Nam được đoàn tụ một nhà thì ta lại giành mọi công lao về mình, tự khen mình không biết mệt mỏi, gần như quên ngay những người bạn đồng hành một thời đã dám buông bỏ tất cả để theo kháng chiến do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Tất nhiên công sức của họ không nhiều bằng mình, thời gian cống hiến không dài bằng mình nhưng họ đã tình nguyện theo mình trong lúc kháng chiến gian nan nhất tức là đã có lòng lắm, nếu mình tin dùng họ chân thành, bình đẳng với họ về mọi phương diện, chắc chắn họ sẽ là một thành phần quan trọng trong đội quân chấn hưng lại giang sơn. Là vì mình cứ nhất nhất theo lời chỉ bảo của một học thuyết. Chả có học thuyết xã hội nào đúng được mọi lúc mọi nơi ở mọi thời. Học thuyết Mác Lê xui chúng ta cứ chia mãi ra, đến thời Mao Trạch Đông thì sự chia đã lên tới Bộ Chính trị. Tại sao phải bắt chước họ nhỉ? Vì truyền thống của dân tộc Việt Nam là tinh cổ kết dân tộc, một dân tộc nhỏ yếu không luôn luôn cố kết sinh tử có nhau thì đã thành một dân tộc ít người của Đại Hán từ ngàn năm trước rồi. Nói đi phải nói lại, sự đoàn kết trong lịch sử Việt Nam cũng phải nói rõ hơn. Khi hoạn nạn thì vua tôi một lòng, triều đình và dân chúng một lòng. Đến thời an bình lại đâm ra đổ đốn, vua ngờ tôi trung bày mưu giết hại các cựu thần, sợ con mình thì đại các đại thần lại quá khôn, ngôi vua của con e khó giữ. Cũng chả có chính sách nào để khôi phục sức dân, để dân được sống trong sung túc, được an nhàn, khỏi phải lo đói lo rách, lo bị kẻ cường quyền cướp bóc, hãm hại. Đuổi

được dịch ra khỏi biên giới là mặc kệ dân ngay. Còn dịch mới sợ dân ghét mình không muốn đi trận, nước có thể mất, nhà vua và triều thần có thể bị cầm tù. Chứ đã hết dịch còn biết sợ ai nữa.

XV. Lại nói tiếp về sự chia ra, chia nhỏ mãi ra, tới mức trong các cuộc chinh huấn tự mình cũng phải phân thân làm hai nửa, một nửa lạc hậu, một nửa tiến bộ, nửa này mắng nửa nọ suốt một khóa học. Càng theo Cách mạng càng thấy mình xấu dần đi, bạn bè cũng thế, sao họ có thể xấu đến thế! Là vì tất cả đều bị quyền rũ bởi một ảo tưởng tai hại, là mỗi chúng ta nếu được rèn luyện tốt sẽ trở thành một con người mới, con người của tương lai, con người của Chủ nghĩa Cộng sản. Nhưng con người của tương lai ấy thế nào? Chìu! Các nhân vật tích cực biểu tượng cho con người tương lai trong các tác phẩm văn học chẳng quyền rũ được ai cả, nó không thật, những con người rất tốt mình đã từng tiếp xúc, từng ăn ở với nhau ít ngày, tất rất tốt nhưng không tốt theo kiểu tu sĩ tôn giáo, họ “người” hơn nhiều. Những con người mù mờ khó tin được hư cấu theo phương pháp hiện thực Xã hội chủ nghĩa, lại được các nhà lãnh đạo khen nên những cây bút bình luận chính thống khen liền theo ngay, rồi bạn đọc viết bài khen đăng đầy các trang báo của ngành nghề, chỉ duy có bạn bè trong giới là không khen ngợi. Họ nín lặng. Trong giới văn nghệ có một thời luôn luôn có những khoảng trống rất lặng lẽ, chỉ nhìn hoặc nói nhỏ mà vẫn liếc trộm xung quanh cứ như làn người của các hội kín.

Vạn sự đều biến đổi không ngừng, trong đó có thời thế mà sự biến đổi nào cũng rất bất ngờ, các nhân vật nắm quyền điều khiển thế giới còn bị bất ngờ, huống gì là những người ở vào vị trí tầm thường như số đông chúng ta. Chủ nghĩa Mác là triết học tiến bộ nhất của Thế kỷ XIX. Nhưng sang đến thế kỷ XX đã có bao nhiêu phát minh khoa học làm đảo lộn những xác tín cổ xưa. Cơ học lượng tử (vật lý vi mô) đã xác lập giới hạn cho tính chắc chắn, thay thế giới xác định bằng thế giới xác suất. Thuyết tương đối (vật lý vĩ mô) chứng tỏ rằng thời gian và không gian không còn là cấu trúc tuyệt đối nữa. Và cuối cùng lý thuyết hỗn độn (chaos) đã cho thấy tính không tiên đoán được của vũ trụ. Và người ta cũng biết thế giới còn tồn tại bởi những bất đối xứng, không có cân bằng tuyệt đối, hoàn hảo tuyệt đối. Một vũ trụ tuyệt đối đồng đều sẽ là một vũ trụ khô cằn, vô sinh. Chỉ có tôn giáo mới mơ mộng một cõi trời tuyệt đối hoàn hảo, tuyệt đối hài hòa. Vì nó là lòng tin nên không cần những chứng nghiệm khoa học. Nó là cõi mơ mộng của con người để thoát ly mọi cảnh khổ. Nó vừa là niềm an ủi, vừa là sự trốn chạy. Bàn chuyện thực tế, chuyện thay đổi với một niềm tin tôn giáo là vô ích, mất công. Bởi vì tôn giáo không bao giờ chấp nhận những gì ngược lại với những tín điều của nó cả.

XVI. Tôi xin quay trở lại cái nghề chính của tôi là chuyện văn chương. Chính khách và nhà văn trong tư duy, trong công việc có nhiều điểm tương đồng. Làm chính trị cũng như làm văn chương phải luôn nhớ mình là người Việt Nam bắt nguồn từ truyền thống lịch sử, tinh thần, tâm lý của nhiều tộc người từ bốn phương tám hướng trôi dạt đến vùng đất này đã từ vài ngàn năm trước, rễ cắm trong đất đã thành nhiều lớp, nhiều tầng, chỉ chấp nhận cho hạt nảy mầm nếu nó tự biết thay đổi cách cấu trúc bên trong cho phù hợp với thủy thổ, khí hậu của miền đất này, của tộc người này. Truyền thống nhưng phải kèm luôn theo với canh cải, với duy tân để giống cũ được thường xuyên bổ sung những nguồn sinh lực mới khỏi bị thoái hóa.

Đọc lịch sử của nước ta tôi thường rất tự hào về những võ công oanh liệt của ông cha, còn rất lấy làm buồn về cái tài văn trị của các cụ. Trong nhiều thế kỷ nối tiếp nhiều vương triều nhưng chả có một tí cái cách nào trong thuật trị nước, không có một chính sách hay ho nào để nuôi dân làm các nghề. Nhà vua và mưu thần chỉ có những ban ơn vật với dân chúng mỗi lần đánh đuổi được giặc ngoại xâm. Không phải nước ta thiếu ấy không có người nhìn xa nghĩ rộng. Riêng một triều Nguyễn cũng đã có đến mấy ông nhưng nhà vua và đình thần đều là môn sinh của Khổng sơn Trình, nhất nhất đều phải giữ cầm nang Nho giáo ra tra cứu, người xưa không làm thế sao ta dám làm. Bỏ lỡ cả! Vạn hội mới nhìn nước ta mà ngao ngán, rồi nó cũng bỏ luôn, bỏ một mạch cho tới tận năm 1945 mới quay lại. Tôi cũng buồn cho các cụ chọn đồng

minh chiến lược, đòi trước làm sao đòi sau làm đúng vậy, chỉ bám vào một nước lớn mà không biết cố kết với các nước nhỏ là những xóm giềng thân thiết của mình, không chịu nhường nhịn họ, cũng đe dọa nài ép họ chuyện này chuyện kia khiến họ không còn cách nào khác là phải liều mạng chống chọi lại.

Sang thời bây giờ thì chúng ta đâu có quyền được lựa chọn những người bạn đáng tin cậy. Thời thế đã chọn giúp rồi. Thời thế chia làm hai phe, phe đế quốc và phe xã hội chủ nghĩa. Tôi cũng đoán, bằng những cảm nhận mơ hồ thôi chứ làm gì có văn bản, có nhân chứng. Tôi đoán là hồi đầu Cách mạng Bác rất muốn chúng ta thoát khỏi vĩnh viễn cái ách đô hộ hủ lậu của người Pháp. Mỹ đã đuổi tất Pháp phải ra đi một cách ngoan ngoãn vì Pháp là con nợ. Nước Mỹ dân chủ hơn, tự do hơn vì dân nước ấy có gốc gác từ các cựu lục địa tràn sang miền đất mới để có một cuộc sống công bằng hơn, dễ thở hơn. Dân chủ và tự do vốn chảy trong máu họ từ nhiều đời. Còn làm một đồng minh bé nhỏ của hai ông anh lớn thì hình như Bác có hơi phân vân thì phải, vì Bác đã có thời gian sống ở Anh, ở Mỹ, ở Pháp thì lâu hơn. Bác đến Matxcova khi Lênin vừa mất. Bác là một nhà chính trị bẩm sinh, lại có rất nhiều bạn bè quốc tế đang làm việc cho nước họ tại Nga. Bác lại là người có tài thâm lược tin tức vì Ông già cũng là một nhà báo từ trong máu. Về già sức yếu không đi được tới đâu, có muốn đi cũng không ai dám cho đi mà vẫn biết được mọi chuyện của Hà Nội và chuyện trong cả nước. Giấu cũng không được dầu đã bảo nhau là phải giấu. Những trẻ con làm sao giấu chuyện được người lớn nên chỉ sau một bữa cơm Bác đã biết tất cả từ gốc đến ngọn. Biết nhưng không nói, lại phải tùy nơi, tùy lúc, tùy người mới nói, nói ý tứ, nói nhẹ nhàng để họ tự biết mà sửa. Bác trước hết là một ông già Việt Nam từ trong căn cốt, sau đó mới là người Cộng sản Việt Nam, là lãnh tụ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Một người có tầm nhìn hơn người, có cách suy luận hơn người, chắc là Bác sẽ biết ngay đang có một cuộc chiến ở cấp cao nhất của Đảng Cộng sản Liên Xô để giành quyền lãnh đạo cao nhất sau khi Lênin mất. Và nhiều chuyện không vui đã nối tiếp xảy ra, nhiều chuyện gian dối đã được đem đặt nhằm hãm hại những người trung thực, củng cố vị trí của người mới nắm quyền. Bác là người có quyết định độc lập từ trẻ, là hậu bối kè cận của các nhà yêu nước lớn Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Nhưng Bác vẫn tìm cho dân tộc mình một con đường phù hợp với khuynh hướng chính trị của một thế kỷ sẽ đầy sóng gió vừa mới bắt đầu. Thêm nữa Bác tuy chịu ảnh hưởng của Nho giáo nhưng lại là người có tâm hồn dân chủ, dân chủ trong cách nghĩ, trong cách làm, trong những phản ứng có tính máu thịt. Mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập, Bác đã nói ngay tới quyền được sống, được tạo hạnh phúc của con người Việt Nam, cái nhân quyền ấy, cái lẽ sống tự nhiên ấy không ai có thể vùi dập được, cướp đoạt được. Stalin ngờ vực Bác là người theo chủ nghĩa quốc gia là có căn cứ cả đấy. Tất nhiên Stalin phải chọn người khác trẻ hơn, rất yêu nước nhưng còn thơ ngây về chính trị và đặc biệt phải có lòng sùng tín người đã kế nghiệp Lênin. Vẫn là theo cách suy luận chủ quan của tôi, với Bác mà cả cuộc đời hoạt động của Người đã minh chứng rất rõ ràng, mục tiêu tối thượng là nước Việt Nam phải được độc lập, thống nhất, dân tộc Việt Nam phải được sống trong hạnh phúc và tự do. Lối đi nào hợp lý nhất, ít trở ngại nhất và nhanh nhất sẽ là lối đi Bác chọn. Chủ nghĩa Mác Lê, Chủ nghĩa xã hội, Chủ nghĩa cộng sản chỉ là những phương tiện để đạt tới mục đích đó. Nếu những phương tiện này không thật sự hữu hiệu thì phải canh cải nó, Việt Nam hóa nó, tức là phải uyển chuyển hơn nhiều, phải biết tùy thời mà biến hóa để cái mục tiêu tối thượng không bị thiệt hại, không bị ngăn trở, không bỏ lỡ mất vận hội mà thời thế tạo ra cho nó. Một đời Bác chỉ nghe theo mệnh lệnh của Tổ quốc, ý nguyện của nhân dân, tuyệt đối không làm theo một cách thụ động lời chỉ bảo của một thần tượng nào, một học thuyết nào. Đúng thì theo, không đúng thì lờ đi hoặc vẫn làm nhưng là làm theo cách của mình. Cách mạng tháng Tám nghe theo mệnh lệnh của ai? Những cuộc thương thuyết đầy sóng gió, lắt léo và cũng rất tài tình với Trung Hoa Quốc dân Đảng, với chính phủ Pháp trong suốt những năm 1946 thì phải nhờ mưu ai nhỉ? Rồi đến trận quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ có phải đợi ai gật đầu không đấy? Có một chuyện dầu không muốn theo mà buộc phải theo là hiệp định Genève chia đôi đất nước. Đánh dần thêm vài năm có khi được cả nước vì róc tre đã được nửa chừng, lại là

cái phần có nhiều máu nhiều đót nhất. Mà không thể làm được. Sức đã yếu, lực đã kiệt, không có phe đảng liệu có làm được gì thêm hay lại mất luôn cả chín năm đánh Pháp.

Tôi nghĩ cái quyết định này còn quan trọng hơn, gat gắt hơn, có cả đầu đón nữa so với quyết định sẽ phải dồn hết lực lượng tinh nhuệ đánh một trận quyết thắng ở Điện Biên Phủ. Có lẽ Bác đã phải mất nhiều nước mắt để tính toán, để thuyết phục Bộ Chính trị đồng ý với cách giải quyết của những người bạn tốt bụng. Lại phải gò lưng thắt bụng làm nốt cái phần còn lại thêm hai chục năm nữa. Có thể người đã quyết nên giới cũng chiều lòng mới làm nên đại thắng mùa xuân năm 1975. Chắc rằng mười năm cuối đời Bác buồn lắm. Mình thì sống chết với kẻ thù, họ thì sống chết với đồng chí anh em để giành ngôi vị giáo chủ một học thuyết. Trong vụ này, vẫn là theo xét đoán riêng của tôi, Bác đứng ngoài. Chúng tôi đang bận việc chiến tranh, làm gì còn tâm trí ngồi bàn chuyện lý luận của các vị. Họ muốn tên mình lên tiếng vì mình đang được cả thế giới tôn vinh là một dân tộc kiên cường, mình lại tránh là họ giận lắm. Bác chỉ kêu gọi thế giới cộng sản nên đoàn kết lại, hai nước lớn trong phe nên đoàn kết lại thì chúng tôi mới làm việc lớn được.

Hơn ba chục năm sau, nghĩ lại cuộc tranh luận học thuyết rùm beng của một thời mà kinh ngạc, tưởng đâu những cụm từ chính trị vô hồn kia có thể làm thay đổi diện mạo của thế giới. Hóa ra là chuyện giá cả với những bằng hiệu giả nhằm vào những cái đích cũng giả nốt, vì nó chẳng động chạm tí nào tới bước đi của nền văn minh nhân loại. Bây giờ cả vô sản và tư bản, cả giáo điều lẫn xét lại, những kẻ thù không đội trời chung của một thời lại nắm tay nhau hoan hỉ bước vào thế kỷ XXI với những hợp đồng kinh tế trị giá hàng tỷ Mỹ kim. Lần này thì là chuyện thật, có quan hệ tới cuộc sống hàng triệu con người của mỗi quốc gia. Lại càng tin cái tầm nhìn xa và tỉnh táo của Bác trong chuyện này vì ta vẫn được, cũng có vất vả thêm nhưng không bị thiệt hại vì chưa bao giờ ta rời xa cái đích đã nhắm tới.

XVII. Tôi còn nhớ mãi hai câu nói cuối cùng của đồng chí Lê Duẩn thời đánh Mỹ. Lần đầu vào cuối năm 1965, tháng nào tôi không còn nhớ. Không khí buổi gặp gỡ giữa Bí thư thứ nhất của Đảng với các cán bộ cao cấp trong quân đội rất trang nghiêm, có phần hơi căng thẳng. Đồng chí Lê Duẩn nói, giọng nói hơi rung vilo lắng, vì xúc động: “Đảng ta đang phải đối mặt với những quyết định hết sức hệ trọng có quan hệ tới sự tồn vong của dân tộc, của quốc gia. Trung ương rất lo lắng và muốn các đồng chí cùng chia sẻ những lo lắng này với Trung ương”. Một đời còn nhớ! Lần thứ hai vào năm 1973, đất nước ở trong tình thế nửa chiến tranh nửa hòa bình, đồng chí Lê Duẩn lại tới nói chuyện với cán bộ cao cấp trong quân đội, đại ý là lúc này là lúc các nước lớn đang chia nhau khu vực ảnh hưởng, tức là có sự bàn giao chiến lược, phần này của tôi, phần kia của anh. Phải nhân lúc họ còn đang mặc cả để ngã giá mà xốc tới hoàn thành nhiệm vụ chiến lược của mình, phải biết biến mưu họ thành vận hội mới của ta. Để muộn là hỏng, lỡ mất thời cơ là có tội với Tổ quốc. Theo tôi hiểu và nó một cách nôm na, các vị muốn biến nước tôi thành con tốt đen, muốn thì lúc nào thì thì, đừng có hỏng, tôi đã có chủ đích của tôi, trong chuyện này các vị định chia lợi riêng với nhau, nhưng tôi sẽ phải giành đủ cái phần của tôi, vì tôi có quyền giành cái phần đó, chúng tôi đã nhắm nó từ ba chục năm về trước, từ non thế kỷ nay rồi. Đó là cách tính toán của người Việt Nam, của các nhà lãnh đạo Việt Nam.

XVIII. Năm 1974, tôi có viết một loạt bài đăng trên báo Nhân dân bị phạm lỗi. Sau này tôi mới biết, thời gian ấy các vị lãnh đạo đang chuẩn bị ráo riết cho trận đánh cuối cùng để kết thúc chiến tranh. Thời cơ chỉ đến trong khoảng khắc, không chạy nhanh có khi phải đợi cả chục năm sau mới có cơ hội. Nào ai biết được chục năm tới thời thế sẽ thế nào, sẽ phải chuẩn bị ra sao? Nhiều chuyện phải lo lắng, được mất thành bại là vào cái lúc này. Đứng vào cái lúc ấy thì một thằng nhà văn lại đứng ra múa bút nói chuyện này chuyện nọ, cũng là chuyện hệ trọng cả, chuyện phải lưu tâm cả nhưng không phải lúc này. Lúc này là lúc phải dồn hết tâm trí sức lực để giải quyết việc khác, hệ trọng hơn nhiều. Nước đã mất nói gì đến chuyện con người mới,

đạo đức mới. Tôi không cãi, tôi nhận lỗi dầu chưa biết rõ cái lỗi của tôi là ở đâu. Tôi không cãi nên cấp trên cũng bỏ qua luôn.

Đại thắng mùa xuân năm 1975 đã tạo ra thời thế mới. Thời thế mới đã tặng tôi nhiều nhân vật mới. Nhiều số phận lạ lùng, nhiều cách nghĩ, nhiều hướng đi, một phong cảnh bao la, mệnh mông với nhiều câu hỏi, nhiều cách trả lời đã bắt chợt xuất hiện trong tầm nhìn của tôi. Và tôi đã không bỏ lỡ, đã bám chặt lấy nó tạo nên hai chục năm nghĩ và viết hào hứng, là thời kỳ có ý nghĩa nhất của một đời văn. Tức là tôi vẫn gặp thời, cái thời rất hợp với cách nghĩ cách viết của tôi. Nhìn lại tôi đã có một cách nghĩ đúng về cái nghề của mình khi gặp được cơ hội có thể tự làm mới mình và tỏa sáng một lần nữa. Có nghĩa là tôi đã gạt bỏ mọi cách nghĩ cũ, mọi định kiến cũ, kể cả những quan niệm chính thống để tôi được tự do miêu tả những điều nhìn thấy, nghe được, cảm nhận được. Không tin vào thực tế chả lẽ lại tin vào lý thuyết sao? Tôi đâu dại dột đến thế! Bởi vậy tôi lấy làm tiếc khi nhìn cái cơ đồ mà chế độ cũ để lại, cả người cả của mà rồi tan nát cả. Mười năm sau ta lại phải làm lại những gì họ đã làm, được Mỹ giúp làm, là vì mình cứ tự buộc mình vào cái tư duy cũ, lý thuyết cũ, cách làm cũ, rồi lại chia mãi ra giữa người tốt kẻ xấu, người kháng chiến và những người đã từng cộng tác với địch hoặc xa hoặc gần. Kiểm tra để sàng lọc là chuyện phải có, nhưng phải kiểm tra, sàng lọc theo cách của mình, của người Việt Nam. Tức là phải giàu lòng độ lượng, phải tính công cho dân, công nhỏ tí cũng phải tính để động viên họ và gia đình họ. Phải xuất phát từ truyền thống yêu nước, đoàn kết của người Việt Nam khi có giặc ngoại xâm. Phải cư xử công bằng người ở kháng chiến, ở rừng về và người kháng chiến tại chỗ, dầu họ không cầm súng nhưng đã từng có lời nói và hành động có tính phản kháng kẻ xâm lược là phải được đứng trong hàng ngũ những người góp phần giải phóng.

Nhiều người thoát đầu rất phục mình, rất muốn cộng tác với mình, có người còn nói cho chúng tôi cơ hội được lập công chuộc tội. Họ nói khiêm nhường thế mà ta đâu có tin. Ở lại chịu khổ nhưng không được tin dùng, lại còn bị ngờ thì tôi xin đi luôn, ở cũng chết, đi cũng chết, thà chết sông chết biển còn hơn chết dần chết mòn trong sự nghi ngờ. Vào Sài Gòn vừa được giải phóng tôi nhìn vào đâu cũng thấy khẩu hiệu: "Chủ nghĩa Mác Lênin bách chiến bách thắng". Oan uổng quá! Nói một Đảng theo chủ nghĩa Mác Lê đã lãnh đạo toàn dân kháng chiến thắng lợi, nghe phải hơn, có lý hơn. Chứ làm đúng in theo một học thuyết làm sao mà thắng được Mỹ. Tất nhiên trong những nền tảng để Đảng Cộng sản Việt Nam suy nghĩ, tính toán, quyết định có một phần đóng góp quan trọng của chủ nghĩa Mác. Học thuyết Mác đã cho người Việt Nam những cơ sở để nuôi lòng tự tin vào chính mình, rằng mình có thể san phẳng mọi trở ngại, mình có thể cầm quyền và có thể tạo dựng một xã hội như ông cha hằng mong ước. Nó dẹp bỏ mọi thói tự ti, lười biếng, ý lại để đón nhận kịp thời những vận hội mới mà thế kỷ XX mang lại. Nhưng điều quan trọng hơn cả là chủ nghĩa Mác đã khai mở cho các chiến sĩ Cách mạng đầu tiên của Việt Nam một lòng tự hào là người đã nắm chắc một học thuyết tiến bộ nhất nhân loại, có khả năng cải tạo xã hội, cải tạo con người, là kim chỉ nam cho mọi hành động, là lá cờ bách chiến bách thắng. Lá cờ công nông đó đã là quốc kỳ của nước Nga rộng tới một phần sáu trái đất. Giấc mộng về một thế giới không có người bóc lột người, tiến tới một thế giới đại đồng đã được bắt đầu từ đó. Lý tưởng cộng sản và nước Nga là biểu trưng của một lòng tin mãnh liệt dầu phong trào bị thất bại nhiều lần, nhiều chiến sĩ cộng sản ưu tú bị Pháp bắt xử án tù chung thân, xử bắn nhưng không một ai thoái chí, lớp trước ngã xuống, lớp sau tiến lên thế vào chỗ trống cho tới ngày Cách mạng thành công.

Còn từng thời kỳ của lịch sử Việt Nam non một thế kỷ nay, Đảng ta, dân ta làm những việc gì, làm ra sao đều do tư tưởng Việt Nam dẫn dắt, do kinh nghiệm đánh giặc giữ nước của ông cha dẫn dắt; do bản tính rộng lượng, hiếu hòa, thích giao hảo kết luận chứ không thích mua thì chuốc oán dẫn dắt. Chủ trương "khép lại quá khứ nhìn về tương lai" là quá đổi tài tình, các quốc gia lân bang đã nhìn chúng ta bằng con mắt thán phục và đầy thiện cảm, cũng được bắt nguồn

từ cách xử sự của cha ông từ xa xưa. Cái tài sản tinh thần do ông cha để lại đâu có nhỏ, nó là bảo bối để dân tộc Việt Nam giữ được một khoảng trời riêng giữa bao nhiêu sóng gió của thời thế từ cả ngàn năm nay rồi.

XIX. Nhà chính trị, nhà văn, nhà khoa học, những người hoạt động trong lĩnh vực trí tuệ điều cốt tử nhất là phải giữ được sự độc lập trong quan sát, suy nghĩ, tổng kết, không bị bó trong cái vòng kim cô nào cả, không là tín đồ trung thành của một học thuyết nào cả để có thể phát huy hết tiềm lực trí tuệ của riêng mình dần bước vào những cuộc dò tìm mới. Họ phải có lòng tự tin là người mở đầu, người đặt nền móng, người phát quang tìm một lối đi cho một sự nghiệp dấu còn mơ hồ nào đó trong tương lai. Đó là sự cống hiến lớn nhất, sức mạnh lớn nhất của Tự Do, vì trong từng cá nhân vẫn còn bao nhiêu năng lực chưa được khai mở, còn bao nhiêu báu vật chưa được khai thác, còn bao nhiêu yếu tố của cái phi thường chưa được nuôi dưỡng đúng như nó cần phải có. Tất cả tùy thuộc vào lòng can đảm ta có dám cởi trói cho chính ta không, ta có dám đối mặt với những thơ ngây, lầm lẫn của chính ta không? Trước hết hãy tự giải phóng mình ra khỏi những định kiến, những nguyên lý, những quy tắc từ lâu đã chả có tác dụng gì nhiều tới những hoạt động thực tiễn cả.

XX. Với một người viết văn cũng như những người làm nghề thuộc về trí tuệ, là lĩnh vực tự do nhất, độc lập nhất trong xã hội thì bạn bè là tất cả. Trong bạn bè sẽ tìm ra tri kỷ, trò chuyện với tri kỷ vừa là đối thoại, vừa là độc thoại để cân nhắc xem xét, lật trái lộn phải một nghi vấn, một cách trả lời, một khẳng định còn rụt rè, một kết luận còn chưa đủ tự tin. Xét cho cùng mỗi phát minh, mỗi công trình khoa học đều có sự đóng góp của một tập thể nhỏ, là bạn bè, người cùng nghề, bạn tri kỷ. Họ góp đóm, làm khô củi, tất cả đã sẵn sàng, người phát minh chỉ việc thổi bùng lên ngọn lửa sáng tạo. Ấy là nói về một thể chế không có độc quyền về tư tưởng, còn chỉ công nhận có hệ tư tưởng của người cầm quyền là chân lý thì mọi sáng tạo độc đáo, mới lạ sẽ lập tức biến mất. Cái sự độc quyền về tư tưởng sẽ sinh ra lắm sự kỳ quái mà cũng tất nhiên lắm.

Người nắm quyền lớn là người luôn luôn đúng, thậm chí có nói khác đi các nguyên lý cũng được xem là hợp pháp, là sáng tạo, là bổ sung, là làm mới... Còn kẻ dưới dẫu có nói phải mười, toàn chuyện nhỡn tiền, chuyện thường ngày vẫn bị xem là kẻ rất đáng ngờ, phải được giám sát, được uốn nắn. Sách hay nhưng người lãnh đạo chê thì không một ai dám khen. Sách viết dở nhưng lại được cấp trên khen là lập tức được các nhà bình luận văn chương khen ào ào. Vì người trên bao giờ cũng có lý. Trong thế giới độc quyền về tư tưởng thì sự trung thành với hệ tư tưởng chính thống còn được xem là “quà tặng” hay “đòn đe” của bạn bè. Chỉ cần được nghe một câu bông lửng của một người bạn nào đó: “cái truyện ấy của cậu hình như có vị không thích lắm”, “Trong một buổi giao ban ông ấy có nhắc nhiều bài, hình như có cái bài của cậu”. Chỉ nói bông thể thôi mà mình đã mất cả mọi sự yên tĩnh, nhìn mọi chuyện cứ tối đen như sắp dấn thân vào địa ngục. Tư tưởng đã thành một tiêu chuẩn để thưởng hay để phạt thì còn ai dám nói thật cái nghĩ của mình, cái cảm nhận hồn nhiên của mình ngay cả với những người bạn tâm đắc nhất. Đành chôn chặt trong lòng thôi. Cái gì đã phải chôn đi tức là đã giết chết nó rồi. Vô sinh ngay từ trong lòng mình, chỉ có một giống, một hệ, không có đối xứng, không có hao hụt, không có âm dương làm sao mà sinh. Viết mười năm như một năm, mười cuốn sách như một cuốn, chả phát triển biến hóa một tí nào. Chỉ khác nhau mấy chương đầu giới thiệu khung cảnh, nhân vật, câu chuyện rồi tất cả lại diễn ra như cũ. Cho nên mới isinh ra cái lối viết kỳ dị, những kết cấu kỳ dị, chả ăn nhập gì với truyền thống cảm nghĩ, truyền thống văn hóa, tinh thần của người Việt mình. Chẳng qua là những trò tiểu xảo vặt để quên đi nỗi buồn không được dồn hết tâm lực vào những sáng tạo lớn. Mỗi chúng tôi đều biết thế nên có ai nữ trách dẫu.

Nghĩ hời hợt thì một đất nước chẳng thể suy vong chỉ vì không có tác phẩm nghệ thuật lớn. Liên Xô, Trung Quốc trong một thời gian dài làm gì có tác phẩm nghệ thuật lớn mà chả ai dám

coi thường mỗi khi họ cất tiếng nói. Nhưng về lâu về dài là có chuyện đấy! Văn chương là cái phong vũ biểu của một quốc gia. Nó bất động quá lâu, nhạt nhòa quá lâu là cái thể chế ấy có chuyện phải lo rồi. Chỉ một xã hội không còn sức sống, đã già nua, đã hủ lậu mới không còn năng lực tỏa hương thơm từ đất đai, từ con người, từ những ý tưởng kỳ vĩ để quyến rũ thiên hạ, đóng góp vào tài sản tinh thần của nhân loại. Nhưng chuyện văn chương là chuyện của trăm năm, còn chuyện con người tác động tức thời vào sự phát triển xã hội mới cần phải bàn thêm thôi. Tôi cứ nhìn những diễn biến quái đản của hai cường quốc Xã hội chủ nghĩa mà ớn lạnh cả người. Một Đảng cách mạng đã chiến đấu oanh liệt trên tám chục năm, là vật thiêng của một niềm tin, một lý tưởng, của một phe mà chỉ chỉ một câu nói: “Trò chơi đã chấm dứt, màn đã hạ, giải tán!” Thế là giải tán cái rụp. Một đất nước của triết học, của thi ca, của nhiều ngành nghệ thuật siêu tuyệt, là một cái nôi của nền văn minh nhân loại, bỗng dưng chỉ còn biết nghe theo lời chỉ bảo của một người, nói vớ nói vẩn những tư sản, vô sản, đường này hay lối nọ xấu, chả đâu vào đâu mà cả triệu người như bị ma ám cứ lẫn xả vào nhau mà chém giết, phá tan tất cả những gì vừa tạo lập được để xây dựng một xã hội hết sức hoang đường. Là sao vậy? Thì ra các công dân của hai nước ấy đã bị ngắt mất đầu từ lâu rồi, chỉ còn biết làm theo lệnh, tuyệt đối không có xét đoán riêng, tình cảm riêng, và những nhu cầu tinh thần riêng.

XXII. Tại các nước tư bản chưa bao giờ có sự ổn định chính trị thật sự nhưng họ không xem là quan trọng vì họ luôn sẵn sàng đối mặt với mọi biến cố và mọi đổi thay. Thì họ vẫn đổi thay theo nhiệm kỳ bầu cử, lúc là lực lượng khuynh tả, lúc là lực lượng khuynh hữu, lúc lại là trung hữu. Chế độ tư bản không có lãnh tụ, chỉ có viên chức cao cấp nên họ ra đi cũng chẳng phải chuyện gì ghê gớm. Họ không làm nghề chính trị thì làm nghề giáo sư, hoặc nghề kinh doanh vì họ đều là nhà tư bản, họ vẫn có tiền, vẫn được trọng vọng, chẳng ai dám khinh người có tiền, lại là tiền của dòng họ từ nhiều đời. Nên người thì vẫn thay nhưng chế độ tư bản vẫn tồn tại sau mấy trăm năm có mặt ở hành tinh này. Xem ra còn lâu nó mới sụp đổ vì nó biết tự biến hóa, bộ mặt của nó hôm nay đã khác xa với chân dung gốc. Bây giờ nó còn biết liên kết giữa các nước tư bản với nhau trong kinh tế, trong tài chính, trong pháp luật, trong cả cơ chế chính trị, từng khu vực tiến tới cả toàn cầu. Vẫn hợp tác, vẫn mâu thuẫn, rồi lại tìm ra những hình thức hóa giải. Nó khôn hơn mình nhiều lắm. Mình đóng chặt cửa để ổn định, tức là ngưng mọi sự vận động, phát triển. Nó thì mở để không ngừng biến hóa theo luật của tự nhiên nên nó còn sống mãi mãi tới mức một ngày nào đó bùng con mắt dậy thì mọi điều kiện để chủ nghĩa xã hội (lần này là một xã hội mở, một xã hội dân chủ và văn minh) được ra đời đã sẵn sàng cả rồi. Tức là mọi hoạt động của giới tư bản lại đúng theo học thuyết Mác, chủ nghĩa tư bản là đêm trước của chủ nghĩa xã hội. Không thể khác được, rút ngắn thời đoạn, đổi người chuyển giao là sẽ bị lịch sử phủ nhận ngay. Mỗi nước xã hội chủ nghĩa đều đã nhận được bài học trừng phạt đó rồi!

Viết xong ngày 30 tháng 7 năm 2000, tại khách sạn Khải Minh – Sài Gòn

Phụ đính :

Lạc thời

Giữa tháng chạp ta, trời tối sẫm cả ngày, mưa nhỏ cả ngày và gió lạnh thổi rất mát.

Tháng bòn chòn nhất của một năm và buồn nữa. Vì nó buộc kẻ tha hương phải nghĩ tới ngày đoàn tụ, người nghèo phải nghĩ tới món nợ phải trả và những món tiền phải chi tiêu, và những hi vọng pháp phông mơ hồ rằng năm tới mọi sự có thể sẽ tốt đẹp hơn cái năm sắp kết thúc.

Cái ông già đầu hói, tóc hoa râm thưa và bỏ xõa gằn chằm vai, nghiêng đầu nhìn chén rượu

vẫn cầm nơi tay là gương mặt được tạc bằng cái buồn, bằng những thất vọng, bằng nhiều chán chường và sự cam chịu. Gương mặt của tháng chạp. Một đời người sắp kết thúc. Một mùa sắp kết thúc. Quán ăn ông đang ngồi là nơi gặp gỡ quen thuộc của cán bộ huyện vì bà chủ trước làm ở văn phòng huyện ủy. Quán tư nhân nhưng lại có cái không khí căng-tin của cơ quan, ấm áp, thân mật, có thể nói năng thoải mái về mọi chuyện. Nhiều người đã gọi quán ăn của bà là phòng chờ của ủy ban huyện. Tiếng mưa gõ trên tấm mái tôn nghe nặng và mau, mặt đường tối sẫm bóng loáng. Những khóm tre của các làng bao quanh phố như lùi xa vì đã có sương che. Một đốm lửa phía xa đỏ thắm lại, lửa của một gia đình hạnh phúc nào thế? Bà chủ quán mặc áo bông nữ có hoa, loại vải hoa của ngày xưa, cái áo bông may của thời xưa, cái thời gian nan nhưng bè bạn, ấm cúng, trong túi không có một xu vẫn thấy yên tâm vì không ai nở để mình và gia đình bị đói dẫu rằng ở một tỉnh luôn luôn đói. Thêm nữa cái thời xưa, mới cách đây hơn mười năm chứ mấy, có ai nở đối xử với ông như trong cái ngày vừa rồi, một ngày thật buồn, như lần đầu ông nhận ra cái mặt thừa của mình, những lời nói thừa, cả chỗ ngồi chỗ đứng cũng hoàn toàn thừa. Không ai cần đến ông cả, không ai muốn sự có mặt của ông ở bàn tiệc đãi đồng bạn bè của họ. Không còn tình bạn, không có cả sự quen biết, ông là ai nhỉ? Có ai mời ông tới đây nhỉ? Không mời mà ông cũng đến ư? Thật ra thoát đầu không có gì là khác thường cả, là chuyện tự nhiên mà, như cách cư xử vốn có của ông từ ngày về làm báo của tỉnh. Thấm thoát cũng đã gần bốn chục năm rồi. Từ ngày đảm bí thư huyện ủy, chủ tịch huyện và giám đốc các sở mới lên năm lên mười. Chuyện như sau, không thể nói là chuyện vì chả có chuyện gì đã bắt đầu, đã xảy ra, đã kết thúc. Mọi việc diễn ra tự nhiên, nhiều người không chú ý, mà hóa ra lại có chuyện, chuyện tày đình. Chuyện ra sao nhỉ? Đã bảo không có chuyện mà. Ông chỉ nghe nói...

Bà chủ quán đứng sau quầy hàng ti cầm lên bàn tay nhìn lơ đãng ngoài mưa và gần như sắp tối hẳn. Một buổi chiều hầu như không có khách vào ăn. Bà quay lại hỏi ông già ngồi uống rượu một mình ở một góc quán :

- Bác Trắc có xơi cơm không, có cá rán với riêu cá đấy?

Ông Trắc uống nốt hớp rượu, gắp một miếng mực xào với rau cần, nói ậm ừ :

- Xin cảm ơn. Uống một chút rồi về nhà ăn cơm với cháu.

Bà chủ quán lại hỏi :

- Tối nay là tối thứ bảy, nếu có bạn nó tới chơi ngồi khuya thì hai bố con lại đói.

Ông già rót thêm rượu ra chén, đầu vẫn nghiêng về một phía chăm chú nhìn chén rượu một lúc rồi thở dài :

- Gái lữ thì nếu có đưa nào đến thì nó cũng chỉ ngồi một chốc một lát có ngồi lâu bao giờ.

Chuyện như thế nào nhỉ? Đã bảo là không có chuyện. Ông đến trụ sở ủy ban huyện định gặp chủ tịch huyện hỏi một việc, nói cho đúng chỉ hỏi có một con số là đúng hay sai còn đưa lên báo. Không gặp một ai cả. Sáng nay có họp hành gì mà mọi người đi đâu hết thế? Không có họp. Chỉ có một cuộc nói chuyện văn nghệ của mấy nhà văn có tên tuổi ở Hà Nội mới về huyện công tác. À, đều là người quen cả, ông vẫn thường đọc văn và thơ của họ từ nhiều năm nay. Có một người ông quen biết gần như bạn, từ ngày anh ta còn làm báo ở quân khu. Ông vừa bước tới hành lang của phòng họp thì cuộc nói chuyện kết thúc. Mọi người vỗ tay rào rào và đứng lên. Bốn ông nhà văn, một người già và ba người còn trẻ về mặt bình thân vì đã quá quen với sự hoan nghênh của công chúng, lịch thiệp chào hỏi nhiều người. Ông Trắc bước sấn tới,

giơ cao một cánh tay, hét to: “Linh, Trắc đây!”. Nhà văn có tên Linh nhìn xung quanh ngỡ ngàng, cặp mắt của anh hình như có lướt qua mặt ông nhưng không nhận ra thì phải vì anh ta lại quay đi nhìn sang một hướng khác. “Trắc đây mà!”, hai người đã nắm tay nhau, nhưng nhìn nụ cười ngược ngạo và ánh mắt lưỡng lự của Linh ông biết là anh ta đã quên mình rồi. Tuy anh ta nói rất nhũn nhặn: “Lâu lắm không được gặp anh, anh vẫn khỏe?” Nói thế chứ anh chàng này quên mình thật rồi. Vì sau lời thăm hỏi xã giao ngay lập tức anh ta quay sang nói chuyện với một giáo viên dạy văn trường cấp 3 thân thiết và quyến luyến. Rồi cả mọi người vào dùng cơm trưa, là một bữa tiệc trưa do ủy ban huyện mời. Tất nhiên không phải cả mọi người đều được mời ăn. Những người được mời đã có báo trước hoặc bằng miệng hoặc bằng giấy. Ông Trắc không biết vì ông không được mời. Lẽ ra ông chỉ nên đến chào bốn nhà văn, hẹn với chủ tịch huyện xin được gặp lại vào một bữa khác rồi ra về thì rất đẹp, rất đúng phép tắc, không làm phiền ai và nhất là không tự làm nhục mình. Nhưng ông đã hành động ngược lại. Như một thằng khùng. Vì sao thế? Vì lòng tự ái bị tổn thương chăng? Có thể như vậy. Khi ông xuất hiện giữa phòng tiệc với bộ tóc muối tiêu xõa xượi, cái áo vải dày màu nâu may theo kiểu nhà báo, cái quần kaki xám và đôi dép nhựa cà tàng thì cả mọi người nhìn ông vừa ngạc nhiên vừa bực dọc. Rất may người bạn cũ có thể quên ông nhưng anh ta lại có cái lịch thiệp của người thành phố, của một nhà văn, nên liền đứng dậy kéo ông lại phía bàn của họ, giới thiệu với nhà văn lớn tuổi: “Bác Trắc, bậc đàn anh làm báo của tôi hồi ở quân khu. Còn đây là...”. Vâng, vâng, xin chào các anh, tôi là một bạn đọc rất hâm mộ văn thơ của các anh. Người nhà cả, người trong làng văn làng báo với nhau cả. Cả ba người đều đứng dậy bắt tay ông, vẻ mặt như là vui vì được gặp một nhà báo của địa phương, một đồng nghiệp, nhưng cũng có ý ngược vì không thấy một quan chức nào của huyện ngỏ lời mời ông ngồi lại. Bàn đã đủ người, không ai đứng lên nhường chỗ cho ông, cũng không ai có ý kéo thêm một cái ghế nữa mời ông ngồi. Vì bàn ăn đã dọn cho tám người với bát đĩa dành cho tám người. Ông là người thứ chín, người thừa ra, người không ai mời tự nhiên đâm bổ vào khiến tất cả đâm lúng túng. Ông là người có lỗi, đúng thế! Chánh văn phòng ủy ban từ bàn phía trong bước lại, nắm lấy tay ông, nói: “Mời bác sang đây ngồi với bọn tôi. Người nhà cả.” Rồi anh ta nói với cái bàn quan trọng nhất: “Xin mời các anh cứ tự nhiên.” Nếu lúc ấy ông kịp nhận biết tình thế, chào mấy ông nhà văn có tên tuổi kia, hẹn vớ vẩn một câu chung chung, về tình mong được gặp lại rồi bước sang cái bàn thứ yếu, cái bàn không quan trọng của mấy ông chánh văn phòng và trưởng phó phòng của huyện thì mọi sự hóa ra tốt đẹp, ông lại thành người bật thiệp, mến khách và nhũn nhặn, trong phút chốc giải tỏa được mọi lo lắng, bực dọc, trong phút chốc khiến cả mọi người đều hài lòng. Nếu có kẻ nào độc miệng, nhiều lắm chỉ nói là ông đã già còn tham ăn, hoặc còn háo danh thích được làm quen với những người nổi tiếng. Cũng chỉ là thói xấu thường tình không làm ai phải bận tâm cả. Đằng này... ông lại gạt tay chánh văn phòng ra, hai tay chống nẹ, cứ đứng mà nói chuyện với mấy ông nhà văn nửa ngồi nửa đứng. Ông bí thư huyện, ông chủ tịch huyện, bà phó chủ tịch huyện cũng không thể yên tâm ngồi khi khách quý nửa đứng nửa ngồi. Bia đã rót ra rồi. Thức ăn đã bày sẵn rồi. Mà vẫn phải chờ. Chờ một lão già dở hơi, có máu phá đám, không dưng phá vỡ cái không khí sang trọng, lịch thiệp của một huyện vốn bị mang tiếng là quê mùa nhất nhì của tỉnh. Bí thư huyện ủy không nhìn ai cả, cứ nhìn nghiêng một góc bàn, mặt tím lại vì tức giận. Giận thì rất giận nhưng ông ta vẫn phải nói một câu cần nói của người lãnh đạo vào lúc này: “Cho thêm một cái ghế sang bàn này để anh Trắc cùng ngồi cho vui.” Ghế được lấy thêm, bát đĩa được lấy thêm, cốc uống bia được lấy thêm nhưng mỗi người đều phải ngồi chặt hơn một chút, tay đưa dũa và nâng cốc hơi bị vương một chút. Và cái chỗ ngồi của ông Trắc hình như còn lấn sang hai bên vì ông khuyếch cả hai tay, rồi quay người sang trái, quay người sang phải, vừa ăn vừa nói, vừa uống vừa nói, gí miệng vào tận mặt người tiếp chuyện mà nói. Chả là ông đang muốn bộc bạch nỗi niềm, rằng ông là người của tỉnh này, của huyện này, là bè bạn là anh em với cán bộ và nhân dân ở đây từ những năm cái huyện khốn khổ này chưa biết bát cơm gạo trắng là gì, chứ không như các anh, các anh chỉ đến với họ khi họ đã giàu có, đã uống bia hộp và đi xe hơi có máy lạnh. Hình như ông đã nói như thế, hoặc ông đã muốn nói như thế khi đã uống nhiều lon bia, đã hơi say say, đầu óc đã lù mù nửa quên nửa nhớ. Rằng các anh,

những nhà văn nhà thơ tiếng tăm đang nổi lên như còn không có quyền được hưởng cái vinh dự mà các anh chưa xứng đáng. Thời tình tôi đánh Pháp các anh ở đâu? Thời tình tôi đánh Mỹ các anh ở đâu? Có bao nhiêu sự bất công, bao nhiêu điều ngang trái mà người dân ở đây phải chịu đựng, các anh có bài viết nào bênh vực họ không? Có lên tiếng kêu cứu giùm họ câu nào không? Chắc là không, tôi tin là không. Còn tôi, vâng, chính tôi, một thằng nhà báo già thiếu tài năng nhưng không thiếu tâm huyết đã làm tất cả để quê hương được thay đổi. Tôi rất xứng đáng để các nhà lãnh đạo ở đây ngỏ lời cảm ơn tôi chứ, cảm ơn tôi trước mặt quý vị. Thế mới là công bằng. Nhưng mà họ đã quên tôi rồi. Tôi ngồi sờ sờ ở đây họ vẫn muốn quên, một lời mời cho tử tế cũng chẳng có. Vì quen biết tôi, bầu bạn với tôi các vị ấy chẳng được một chút lợi lộc gì. Tôi không có tiền, lại không có danh, có khi còn gây phiền hà. Nhưng tôi có tấm lòng trung thực các vị ạ. Ha, ha, chỉ tiếc cái tấm lòng ấy không thể bày trên bàn tiệc mà nhắm rượu. Bây giờ người ta chỉ nhắm rượu với cái lợi cái danh thôi, với người sang hoặc người có tiền thôi. Tôi nói thế có đúng không các vị? Buồn nhỉ? Tôi buồn quá các người ơi!

Trời tối hẳn. Mưa thưa dần rồi tạnh. Nhưng gió thổi mạnh hơn, buốt hơn hồi chiều. Ngày mai có thể trời không mưa nhưng chắc sẽ lạnh lắm, cái lạnh khô, da mặt, da tay và chân sẽ sần lên, nê ra.

Có hai người đi xe đạp rẽ vào quán ăn vội hai bát mì bò, uống hai lon bia rồi lại đạp xe đi luôn. Ông Trắc đã gọi chút rượu thứ hai nhưng không uống, cứ ngồi thẩn ra nghĩ ngợi, đĩa mực xào đã nguội lạnh phủ lên một lượt váng mỡ mỏng. Bà chủ quán muốn xào lại cho nóng nhưng ông xua tay, ông bảo không muốn ăn nữa, ông sẽ về nhà ngay kéo con gái nó lại chờ cơm. Nói thế nhưng ông vẫn ngồi rồi hút thuốc lá, được nửa điếu lại dụi đi ngồi không... Bữa ấy ông có nói hết những điều ông đã nghĩ không nhỉ? Nếu ông đã nói ra những điều một đời ông không dám nói thì tệ hại quá, đáng xấu hổ quá, đã già rồi lại đi kể công với bọn trẻ sao? Xưa nay ông chỉ nhấn nhục cam chịu, đã chịu được gần hết một đời người nhiều sự bất công thì rất có thể chịu nốt vài năm cuối cho nó trọn vẹn một con người tử tế, một người chịu làm việc trong thâm lặng, không đòi hỏi bao giờ, không phàn nàn bao giờ. Không có tác phẩm để lưu lại cho hậu thế, chí ít cũng để lại cái tiếng tốt. Sao thế nhỉ? Tại sao ông lại có cách cư xử ngược ngạo trái hẳn với bản tính đến thế nhỉ? Hình như ông đã nói hết, ông nói một phần, bia nói một phần, hãy tha thứ cho tôi đã không làm chủ được mấy vai bia. Nhưng trước khi uống bia ông đã hùng hổ rồi, đã muốn cà khịa rồi. Cả mọi người có mặt đều biết. Ông cũng biết. Lẽ ra ông không nên có mặt buổi sáng hôm đó ở ủy ban huyện. Nếu đã trót có mặt, trót thăm hỏi thì sau đó nên đi luôn mới phải. Có ai mời mình ở lại đâu mà không đi. Vậy mà ông cố tình ở lại, cố tình ngồi vào một bàn tiệc không có suất ăn của ông.

Bà chủ quán lại nhắc. Quán ế hàng, chỉ có một ông khách thành thử ra vào bà lại hỏi một câu và lần nào ông cũng ậm ừ nhưng giọng còn tỉnh lắm:

- Xin cảm ơn. Tôi về bây giờ đây kéo cháu nó chờ cơm lâu lại đói.

Tối thứ bảy, một cô giáo dạy văn cấp 3 đã 28, 29 tuổi vẫn ở nhà chờ bố về ăn cơm, thật tội nghiệp. Nó sẽ là người vợ lý tưởng của người lính ra trận. Nhưng nó không phải là người đàn bà mong đợi của thằng đàn ông thời buổi kinh tế thị trường. Con bé tội phạm vì nó cũng lạc thời, chứ sao nữa! Nó chỉ là một cô gái tốt, sẽ là một người vợ tốt. Con gái về nhà chồng mà của hồi môn chỉ có tấm lòng tốt thì ít quá. Một người có tấm lòng tốt, cứ cho là tấm lòng vàng đi, nhiều lắm cũng chỉ làm được một vai phụ trung thành. Một người vợ bị lệ thuộc, một người bạn bị lệ thuộc, có thể được tin cậy nhưng chẳng ai coi ra gì. Như ông hiện nay đến làm vai phụ cũng không xong, cũng bị đuổi vì cái tấm lòng trung thực của ông đã làm mất vui rất nhiều người.

Bà chủ quán lại nhắc ông khách phía sau cây đèn hoa kỳ vắn to ngọn :

- Bác đừng uống nữa, uống say dễ bắt gió lắm. Tuổi già bị cảm lạnh chết như chơi!

- Tôi về đây, về luôn đây. Thời tiết này thì ăn nhằm gì với tôi. Bom đạn cũng không ăn nhằm gì với tôi. Năm tôi 16 tuổi, còn là thằng trẻ con mà vẫn bơi qua sông Hồng sông Luộc hàng ngày. Tỉnh ta bị Pháp chiếm mà, tôi lại làm liên lạc cho tỉnh đội mà. Thời đánh Mỹ nơi nào bom đạn giội nhiều nhất đều có mặt tôi cá, tôi có làm sao đâu? Chết khó lắm. Nhưng... chỉ một chuyện như bữa hôm qua cũng làm tôi chết một nửa người. Chỉ có sự lạnh nhạt, trống vắng của xung quanh là có thể giết chết được tôi thôi. Nó làm tôi ngột ngạt, không biết bầu vú vào đâu để ngoi lên mà thở. Bà tính tiền đi, tôi không muốn nợ nữa, tôi mới lĩnh lương đây. Tôi khó chết lắm mà tôi chết cũng dễ lắm. Trời tạnh mưa rồi hả? Nhưng gió mạnh nhỉ, tháng cuối năm có khác, lạnh hơn, lạnh hơn cả mọi năm thì phải.

Tháng 11 năm 1994

Chuyện tình của mỗi người

Mỗi lần ra Hà Nội tôi thường dùng bữa ở quán cơm nhìn sang bãi xe khách Bến Nứa. Quán cơm vỉa hè nhưng nấu ngon, lại rẻ, chỉ phải cái hồn tạp. Các ông tài và khách đi xe, con buôn và dân thất nghiệp, thêm một ông văn nghệ đã hết thời chỉ đủ tiền ăn cơm đầu ghế. Tôi đang đợi nhà hàng dọn phần cơm của mình, tình cờ nhận ra một gương mặt rất quen đang hý húi và nuốt ở đầu ghế bên kia. Ông già phải hơn tôi chừng dăm tuổi, tóc cắt ngắn đã bạc hết, gương mặt thanh tú nhưng gầy guộc, hốc hác. Ông ta mặc cái áo dạ bộ đội cũ, cổ quấn một vòng khăn len đã bạc màu, tay bưng bát cơm run rẩy, và miếng nào cũng rơi vãi, nuốt miếng nào cũng nấc nghẹn. Người ở đâu mà quen thế nhỉ? Một đời làm báo, gặp gỡ bao nhiêu con người nhớ sao cho xuể. Một người nào đó, đã gặp ở một nơi nào đó, vào một lúc nào đó. Rồi tôi quên hẳn, vừa ăn vừa tính toán những công việc trong ngày. Bất chợt một giọng hỏi khàn đục thì ào ngay sát cạnh: "Tôi xin lỗi, có phải là bác Kh. đấy không?". Tôi quay phắt lại, nhìn trừng trừng ông già đang cúi khom người ghé vào tận mặt tôi với nụ cười thiếu não. Tôi hỏi hốt hoảng: "Vâng, tôi đây, bác là ai ạ?". Ông già cười nhăn nhúm: "Tôi đây mà, Dụ Hưng Yên đây mà." Trời ơi, anh Dụ! Tuổi già tội nghiệp đến thế sao!

Tối đó tôi hẹn anh Dụ lại chơi và cùng ngủ với nhau một đêm tại cơ quan tôi tá túc trong mấy ngày học. Cái cung cách Dụ tháo dép để bước vào sàn gỗ đã lau bóng, rồi ngồi rón rén vào cái ghế dựa đóng bằng gỗ tạp của cơ quan, rồi đưa cặp mắt đã bạc đục ngắm nhìn căn phòng làm việc chỉ có bàn với ghế và một cái giường cá nhân, mà thương hại. Cứ như người vừa ở tù ra hoặc từ một khe núi nào mới xuống đồng bằng. Sau một lượt nước tôi mới hỏi:

- Thế nào, những năm gần đây anh sống ra sao?

Dụ cúi đầu nhìn chăm chú điều thuốc đã đốt nhưng không dám hút vì ho quá, nhưng không thể không đốt một điếu cho đỡ thèm. Chẳng có gì cả, cứ hăm hứ trong cổ họng rồi đưa cả lòng bàn tay lên day nhẹ hai bên mắt. Tôi cũng không muốn hỏi thêm, một người bạn vốn đẹp trai như thế, khỏe mạnh như thế, lại lảm tài vật nữa, nâng niu chiều chuộng, cuối cùng lại ra cái nông nổi này. Hai chục năm không gặp nhau đã thành người sống kẻ chết, người sướng kẻ khổ rồi. Đời người nói thế mà ngắn lắm. Rồi anh Dụ nói, nói rì rầm cả nửa đêm, giọng thì mệt nhọc nhưng câu chuyện thì mạch lạc, gãy gọn như nói về một người nào khác. Chắc hẳn anh đã ngắm nghĩ rất nhiều năm về cuộc đời của mình với bao nhiêu ân hận, nuối tiếc. Không thể nào thay đổi được nữa, đành cam chịu sự trừng phạt của một sự lựa chọn nông nổi. Cái giọng kêu

khản đục, thảm thiết ấy như vang sâu trong tòa nhà rộng lớn chỉ có vài người ngủ lại, của một đường phố rất vắng vào một đêm mưa rét cuối năm.

Chắc anh còn nhớ, Dụ nói, cái năm chúng ta đều là đội viên của Trung đội Tự vệ Chiến đấu thị xã Hưng Yên, anh mới mười sáu tuổi còn tôi hai mươi, tôi lớn hơn anh bốn tuổi, tuổi Bính Dần mà. Khi thị xã Hưng Yên tiêu thổ kháng chiến thì mẹ và em tôi về ở nhà sư cụ chùa Hà của làng Hương Cối, cách thị xã một cây số. Sáng sáng mẹ tôi thổi một chõ xôi lạc đội bán ở chợ Bảo Châu còn thằng em thì bưng mẹt kim chỉ ngồi bán ở đầu Phố Hiến. Bố tôi là người Hưng Yên nhưng ra Hà Nội làm ăn từ nhỏ, rồi chẳng may mất sớm, mẹ và em chỉ còn trông cậy vào cái tài tháo vát của tôi thôi. Những năm ở Hà Nội là thế, bây giờ đã kháng chiến rồi sự trông cậy vào tôi vẫn không thay đổi. Tôi khỏe mạnh, lại nhanh trí và không sợ chết, có thể làm người chỉ huy lắm chứ, làm đại đội trưởng chẳng hạn, chẳng những nuôi được mẹ và em mà còn có chút ít danh vọng để hãnh diện với bè bạn họ hàng. Tôi sống vui vẻ và vô tư vì cái tương lai ấy, không hề biết mẹ và em chỉ được ăn một ngày một bữa cơm độn khoai với rau cần muối. Rồi mẹ tôi bị bệnh kiết lỵ, không đi chợ được. Em tôi cũng bỏ hàng ở nhà chăm sóc mẹ. Đồng tiền cuối cùng đã tiêu hết. Có mấy bộ quần áo lành lặn cũng bán rồi. Tôi chỉ là anh bộ đội, lo thì rất lo nhưng không biết xoay xở ra sao. Đúng lúc ấy thì có quý nhân phù trợ. Đó là bà Xuân Thái, có cửa hàng bán thuốc lào trước đây ngoài thị xã, là cháu gọi sư cụ chùa Hà là cô ruột. Thấy tình cảnh mẹ con tôi mà thương nên giúp tiền giúp gạo cho qua khỏi lúc hoạn nạn chứ không nhằm cái lợi gì. Bà có cả thầy năm người con: hai trai đầu, một gái giữa và hai trai cuối. Cô con gái duy nhất đó mới mười chín, kém tôi một tuổi. Tên cô là Quê. Anh còn nhớ cô gái ngồi cạnh cái quả sơn đen bán thuốc lào ở góc gạo trước đền Mẫu không? Cô ấy đấy. Tôi biết bà Thái cả nửa năm trước rồi mới biết cô gái bán thuốc lào là con bà, vì tôi chưa hề vào nhà bà lần nào. Tôi không hút thuốc lào, thuốc lá cũng không, tình cờ một lần đi qua nghe cô chào: "Anh bộ đội mua thuốc" mới quay mặt nhìn lại. Trời rét, cô chít khăn vuông, mặt ngoài cái áo cánh bông đường chân rất nhỏ, bên trong là cái áo vải rộng nhuộm nâu thất vạt, đi đôi guốc sơn đen. Gương mặt đẹp, nước da trắng, hàm răng đen đều và nhỏ như hạt na. Vậy là tôi đứng lại ngồi sụp xuống cạnh quả thuốc lào, nhắc từng phong thuốc bày trên nắp quả như lựa chọn, rồi hỏi: "Bán bao nhiêu một phong hả chị?", "Thưa anh một hào." Tôi vờ nắn các túi áo rồi kêu nhỏ: "Chết chữa, tôi quên mang tiền." Cô gái mỉm mỉm cười, bảo: "Anh cứ lấy, mai đi qua anh cho cũng được." Tôi lấy một phong về cho thằng Tuất. Tuất khen ngon, thuốc Kiến An chính hiệu, chắc là thuốc cũ còn lại, bây giờ đánh nhau rồi làm gì có lá thuốc từ bên đó đưa sang. Gần như chiều nào tôi cũng qua đền Mẫu, có bữa mua thuốc, có bữa chỉ ngồi tán chuyện vớ vẩn. Thoạt đầu cô ta ăn nói dè dặt, về sau đã dễ dàng, tự nhiên, mỗi lần tôi tới cô đều nhìn thấy từ xa. Con gái ngày ấy không táo tợn, tự do như bây giờ, nhưng tôi biết cô ấy rất quyến luyến tôi. Từ năm mười sáu tuổi làm đủ nghề ở Hà Nội, các ân nhân của tôi đều là đàn bà con gái cả. Hầu như họ đều bị tôi mê hoặc đầu cho tôi không cố ý. Cho đến ngày gặp Quê tôi vẫn là anh trai tân, chỉ đùa bỡn họ một chút cho vui, chưa bao giờ vượt quá cái lần ranh cho phép. Chẳng hạn, có vài buổi chiều tôi không ra gặp Quê, mấy đêm ấy cô ta phải mất ngủ, nghĩ thế và lấy làm khoan khoái. Hoặc tôi cố ý cho cô ấy nhìn thấy tôi từ xa rồi bất thành linh rẽ ngoặt vào một đường khác, đi thẳng. Hoặc tôi vẫn đến, vẫn trò chuyện, nhưng mặt lạnh tanh, nói năng nhảm nhăng rồi bỏ đi luôn. Làm thành đàn ông quả thật là sung sướng. Làm thành đàn ông đẹp trai, khỏe mạnh lại càng sung sướng lắm. Tôi hoàn toàn vui thích vì sự phát hiện ấy, nhõn nhõ, đùa giỡn giữa bao nhiêu thiếu thốn, khó khăn của mấy năm đầu kháng chiến. Một buổi chiều tôi từ làng An Tảo là nơi trung đội đóng quân, lên về thăm nhà, định sẽ ngủ lại, đợi mẹ và em một đêm. Dịp này mẹ và em bóc hạt sen thuê, người thuê trả công bằng bốn đấu hạt sen mỗi ngày. Cả tháng chỉ ăn cơm độn hạt sen, ăn rất bùi, không ngán, nhưng vẫn thèm được ăn một bữa cơm trắng không độn, ăn với rau cần muối và tép rang. Nhìn mẹ tôi bưng bát cơm đầy, và từng miếng to, nhai nuốt vội vàng, tôi phải ngoảnh vội mặt đi để mẹ khỏi nhìn thấy nước mắt. Tôi hỏi: "Người ta trả công bóc sen bằng gạo á?", "Cô Quê con nhà Thái ấy mà." Bà Xuân Thái là người giàu trong làng, cô bán thuốc lào vẫn chờ tôi mỗi ngày là con gái bà nhà giàu ấy, nhưng cô ta

đâu biết cái bà gầy gò, nghèo khổ tản cư ở chùa Hà là mẹ tôi. Quen nhau đã cả tháng nhưng Quê chưa hề hỏi tên tôi, gia đình và quê quán. Một anh bộ đội, thế là đủ để tin cậy, để thương yêu. Tôi cũng không hỏi. Tên cô tôi đã biết từ trước, trò chuyện rồi lánh mặt, rồi hờn dỗi với cô để có được niềm vui thấp thoáng mỗi ngày. Bất chợt chúng tôi lại gặp nhau ở đây như ân nhân và những kẻ được bố thí, hết mọi thơ mộng, hết mọi tìm đuổi, tất cả hóa ra tro trên, tầm thường. Tôi giận tôi quá, giận cả mẹ và em, tại sao chúng tôi lại nghèo. Giận cả Quê, lòng tốt của cô ấy đã buộc tôi, một thằng con trai ngang tàng, thành kẻ chịu ơn. Tôi trở về ngay trong đêm, vừa đi vừa rầm rút khóc và thề với mình sẽ không bao giờ gặp lại cô gái bán thuốc Lào trước đền Mẫu nữa. Một tuần lễ tôi không gặp người bạn gái mới quen biết, cũng có bút rứt thật vì mất đi thói quen trò chuyện mỗi ngày, nhưng không sao, tôi phải trừng phạt cô ấy về cái tội, tội gì nhỉ, cái tội đã dám ra ơn với mẹ con tôi. Tôi đâu cần sự giúp đỡ ấy, tôi đâu cần cái từ tâm ấy, đừng nghĩ hễ có của là ban ơn cho ai cũng được. Một buổi tối thằng em trai tôi hốt hải chạy tới đơn vị tôi báo tin là mẹ tôi lại bị bệnh kiệt lực đã cả tuần, lần này xem chừng nặng, người yếu lắm. Tôi xin phép đại đội trưởng rồi theo về luôn, đi tay không, tiền không có, gạo không có, rồi biết nhờ cậy ai đây. Dọc đường tôi hỏi em: "Thuốc thang thế nào?", "Bác Thái với chị Quê đã cho thuốc uống rồi." Lại bà Thái và cô Quê, không tránh được nhỉ. Tôi lại hỏi: "Uống thuốc mà vẫn không đỡ à?" Em tôi bảo, những ngày đầu mẹ giấu, vẫn ngồi bóc hạt sen nên không ai biết, chỉ có hai ngày nay mệt quá phải nằm gặp lúc chị Quê ra chơi nên bác Thái mới biết cho mời ông lang lại. Tôi về chùa thì Quê vẫn còn ngồi đấy, đang trò chuyện với mẹ. Tôi ngượng ngập bước vào. Quê nhìn sưng tôi rồi nói nhỏ: "Là anh à?" Tôi cúi đầu, nói áp úng: "Cảm ơn chị đã...", chỉ nói có thế rồi nước mắt ứa ra. Quê cũng khóc. Mẹ tôi bảo: "Chiều nay đã húp được lưng cháo, xem chừng cái bụng đã yên." Mẹ tôi uống thêm lượt thuốc nữa rồi đi nằm. Tôi và Quê ngồi ở bực thềm nhà thờ các hậu. Trời sáng trắng, hương hoa mộc thơm say, có tiếng vỗ cánh rất nhẹ trong bụi thanh trà bên kia bờ ao, những tàu cau cất sáng lên nền trời xanh nhạt của một đêm đầu hạ. Quê nói trước: "Mẹ em muốn đón bà và em vào trong làng để tiện trông nom, ở ngoài này vắng vẻ quá." Tôi nói ngay: "Mẹ tôi ở đây với các sư đã quen, xin bác với chị cứ cho chúng tôi được tự nhiên." Quê lại hỏi: "Bà còn mệt, vậy ai nấu cơm cho bà với em?" Tôi vẫn bướng bỉnh: "Tôi sẽ có lời nhờ sư thầy." Nhưng lấy đâu gạo và tiền gửi sư thầy thì tôi lại chưa nghĩ ra, thằng con trai đã hai chục tuổi đầu mà nhiều chuyện còn ngu tẻ. Quê cúi mặt, mím môi như hơi cười nhưng không nói gì. Sáng sớm hôm sau, khi tôi đang còn ngủ với em thì Quê đã gánh lên chùa, gửi cả gạo và tiền cho sư thầy, lại còn nói là tiền của tôi nhờ cô thu xếp giúp.

Một lần mẹ tôi hỏi tôi: "Mày thấy cô Quê thế nào?" Tôi nín lặng. Mẹ tôi nói tiếp: "Bà Thái muốn cho mày đấy. Tao được nàng dâu đó là phúc mười đời." Tôi nghĩ: các cụ chỉ cầu lợi. Tôi cũng không chê nhưng tôi còn trẻ, sớm vướng bận thế thì làm sao tiến bộ được. Thêm nữa, cô ấy không phải là một phụ nữ mới, nói năng như người thời xưa, chẳng có một ý niệm gì về sự giải phóng của giới phụ nữ sau cách mạng. Đại để cô ấy sẽ sống như mẹ, thờ chồng nuôi con, tất cả vì chồng con. Một buổi chiều tôi đi qua đền Mẫu thấy Quê đang dọn hàng về. Cái quả thuốc Lào nghĩ nặng mà rất nhẹ, nó ghép bằng những đoạn nứa đập dập, dùng sơn ta trét kỹ lại đánh thêm hai vòng đai mây. Quê nhờ tôi nhắc quả thuốc để cô đội. Cô đi về phía Phó Hiến, tôi cũng đi theo. Quê nhìn tôi cười, con mắt dài đen láy: "Đi chợ về có hai người vui quá, anh nhỉ?" Tôi nói: "Đi công tác có hai người càng vui hơn." Quê nói nhủ nhủ: "Em dốt nát chỉ biết đi chợ thôi." Tôi lại bảo: "Rồi Quê cũng phải cạo răng trắng đi, nom vẫn mình hơn." Quê lại cười: "Con gái tuổi chúng em ở làng chả ai cạo răng trắng cả." Trời đã tắt nắng, cái thị xã trụi những đồng gạch lớn nhỏ sẫm màu dần càng hoang vắng, hiu quạnh. Con đê bao tình với rặng nhãn xanh đen hun hút trong hoàng hôn đến bần chồn. Cái khung cảnh vắng lặng, buồn bã của buổi chiều hôm ấy, cái vẻ mẫn nguyện nhỏ nhặt của Quê khi được cùng đi với tôi một đoạn đường đã khiến tôi mạnh dạn từ chối mọi lời mời mọc của hai bà mẹ và cả tấm tình si của một cô gái nét na. Tôi sợ phải gắn chặt cả đời tôi vào một số phận mà tôi biết chắc sẽ rất quen thuộc và buồn tẻ.

Mấy năm sau khi tôi đã là một tiểu đoàn trưởng một tiểu đoàn chủ công được cấp trên chiêu chuộng, bạn bè vị nể, thì thị xã Hưng Yên và toàn tỉnh đã bị Pháp chiếm đóng nên không có dịp về làng Hương Cái khoe áo gấm. Tôi vẫn nhớ tới Quê như nhớ tới một người con gái, chỉ thế thôi. Tôi là người của hôm nay, không thể có người vợ rằng đen quen sống nhẵn nhục, hy sinh như các cụ thời trước. Mãi cuối năm 52 tôi mới gặp Ngoạn, là cán bộ phụ nữ huyện Khoái Châu, lúc sống ở vùng địch, lúc sống ở vùng tự do, quen biết nhau trong cuộc họp tổng kết chiến tranh du kích. Cô này không đẹp, người thấp và mập, mặt vuông, trước kia đã nhuộm răng đen nay đã cạo trắng, là gái quê nhưng được hoạt động sớm trong phong trào phụ nữ nên mạnh dạn, tháo vát, nói năng tự nhiên như nam giới. Quen nhau được ít ngày thì cô ta hỏi thẳng tôi: "Anh có bằng lòng xây dựng gia đình với em không?" Tôi nói đùa: "Cô muốn làm lẽ à, tôi sẵn sàng." Cô ta nói không cười: "Tôi đã điều tra lý lịch anh rất kỹ, trừ phi anh nói dối tổ chức." Tôi nín lặng. Cô ta lại nói tiếp: "Em và anh đều là cán bộ, là đảng viên, gia đình thuộc tầng lớp nghèo, có lấy nhau thì cũng không ảnh hưởng gì tới sự tiến bộ của mỗi người." Ngoạn là một phụ nữ mới, một người vợ có thể làm tôi hãnh diện với bạn bè, có thể giúp tôi tiến bộ như tôi vẫn mong đợi. Chỉ tiếc là cô ta không được đẹp, không được dịu dàng, ít nữ tính quá. Nói chuyện trăm năm mà bình tĩnh, thản nhiên như bàn chuyện công tác. Tôi vẫn giữ cái trò lửng lơ, bỡn cợt quen thuộc, tôi đâu đã cần lấy vợ, mới hăm sáu tuổi, còn trẻ chán. Hai ngày sau chính ủy trung đoàn gọi tôi lên và nói thẳng đảng ủy trung đoàn chấp nhận cho tôi và cô Ngoạn tìm hiểu nhau để tiến tới hôn nhân. Chính ủy nói thêm: "Tuy chưa có hôn lễ nhưng về mặt tổ chức cũng xem như vợ chồng rồi. Cậu phải sống cho đúng đắn để giữ uy tín cho quân đội." Thế là hết đời thằng con trai luôn luôn hợm hĩnh về cái uy lực đàn ông của mình. Nó đã mất tự do, nó đã bị phụ thuộc vào một người có sức mạnh của tổ chức và những nguyên tắc đạo lý không thể thay đổi. Một năm sau chúng tôi cưới nhau ở Thanh Hóa. Tới ngày chiến thắng Điện Biên Phủ thì nhà tôi sinh đứa con gái đầu lòng, đặt tên là Biên. Một năm sau nữa chúng tôi lại có đứa con gái thứ hai vào dịp chúng tôi đều đi cải cách ruộng đất nên đặt tên là Cải. Rồi cô ấy thôi đẻ hẳn. Cuối năm 54, tôi xin phép về xã Hưng Yên thăm mẹ và em. Mẹ tôi đã mất vì bệnh thương hàn. Một tháng ốm đau mẹ và em tôi đều hoàn toàn dựa cậy vào gia đình bà Thái. Khi mẹ mất cũng vẫn là bà bỏ tiền làm ma chôn cất. Sau đó em tôi lên Hà Nội ở với ông anh họ gọi mẹ là cô ruột. Bà Thái đã già nhiều, tóc bạc trắng, xem tôi như đứa con trai mới đi xa về, không than thở, không oán trách. Quê vẫn chưa lấy ai, buồn bã nghe tôi kể đủ mọi chuyện của người đi nhiều biết rộng. Mãi về sau bà Thái mới hỏi, làm như vô tình mà hỏi: "Vợ con mày bây giờ ở đâu?" Tôi ngượng nghịu trả lời: "Vợ con con hiện ở Thanh Hóa." Quê đứng vội lên nói nhỏ: "Anh đi nằm nghỉ để em xuống nấu cơm." Bà mẹ nhìn theo con gái, cái nhìn đau đớn đến tan nát cả ruột gan.

Cuối năm 55 tôi được điều về Bộ, làm giáo viên quân sự một trường huấn luyện bộ binh. Vợ con tôi cũng trở lại Hưng Yên, cô ấy xin thôi công tác đoàn thể để chuyển sang chính quyền, làm phó chủ tịch huyện rồi chủ tịch huyện. Những ngày nghỉ tôi đều về ủy ban huyện vì vợ con ở đó, sáng đưa con lớn đi học, con bé đi mẫu giáo, đến giờ ăn xuống bếp tập thể lấy ba suất cơm, thui thui một mình trong hai căn buồng ở cơ quan, đọc sách chán lại ra ngồi đầu hè nghe hóng chuyện của cán bộ các ban phòng. Anh chị em ở huyện có người gọi tôi là anh Dụ, có người gọi tôi là anh Ngoạn. Về quê vợ thì tôi chỉ còn là anh Ngoạn, anh chồng chị Ngoạn, ông chồng bà chủ tịch. Trong một lúc tôi mất cả tên, cả vị trí xã hội, thậm chí cái thân tôi cũng như thừa. Mỗi lần vợ tôi có khách tiếp ở nhà thì tôi phải mang phích xuống bếp lấy nước sôi, tráng ấm chén, pha trà và ngồi khiêm tốn ở một góc vì họ đang bàn công việc, có mặt mình ở đó không tiện. Khách tới hát hàm chào tôi một lần, lúc về lại hát hàm chào tôi một lần. Ông thiếu tá biến thành người ở, bà vú của hai đứa con và làm một thằng đàn ông thuần túy. Những lúc chỉ có hai vợ chồng tôi cũng không biết nói chuyện gì với vợ nữa. Lần nào về nhà tôi cũng thấy cô ấy ám ức, bực dọc với một người nào đó, lúc là bí thư huyện ủy, lúc là ông thường vụ này, bà thường vụ kia. Hình như họ đều muốn hăm hại cô ta, muốn hất cô ta khỏi cái chức vụ hiện tại.

Nhưng cái bọn cơ hội ấy thì làm gì tôi được, vì còn anh A, anh B trên tinh ủng hộ tôi, tôi mà đi khỏi thì cái huyện này loạn ngay, thành huyện tự trị ngay, cô ấy đã tuyên bố nhiều lần với tôi như thế. Nói cho đúng, tôi cũng là người sung sướng vì không phải lo nghĩ gì về chuyện gia đình. Mẹ tôi đã mất. Em tôi đã có vợ con, có nghề nghiệp. Bố và mẹ vợ vẫn còn nhưng đã có các ông anh bà chị ở quê. Họ sống rất khá và lấy làm hạnh diện có con, có em, có chị làm tới chức chủ tịch huyện. Với các con tôi chỉ là người lạ, bố về không thấy vui mà còn như vương vίου. Chúng trò chuyện với tôi ngượng ngập, chịu đựng, và bất cứ chuyện gì cũng phải hỏi mẹ, mẹ cho phép nhé, mẹ ừ nhé, con đi với mẹ nhé. Sống với vợ đã mười lăm năm mà cũng như sống một mình, sống ở cơ quan ăn cơm tập thể, bàn chuyện xã hội rồi nằm khàn đọc sách, gặp việc gì bứt rứt cũng chỉ mình biết với con mình. Thoạt đầu nghe vợ bảo: "Việc này anh không biết thì đừng có can thiệp" đã cảm thấy tự ái. Rồi bất cứ chuyện gì hễ tôi mở miệng nói là đều bị vợ gạt đi: "Anh ở trong quân đội biết gì mà nói..., anh biết gì mà bảo nên hay không nên..., anh biết gì mà..." Để khỏi cãi nhau vặt mọi chuyện lớn nhỏ tôi đều chờ ý kiến của vợ, hàng xóm hỏi thì trả lời chờ chủ nhà tôi về, con cái hỏi thì chờ mẹ chúng mày về, bố mẹ anh em bên vợ hỏi thì cũng trả lời: cái này phải hỏi nhà con, phải hỏi chị ấy. Lấy vợ được mười bảy năm, con gái đầu lòng đã mười sáu tuổi thì tôi bị xuất huyết não nhẹ lần đầu. Nằm liệt khoảng hai tháng rồi trở dậy được, đi lại được nhưng đã là một người khác, đầu trí óc vẫn còn minh mẫn. Cũng năm ấy vợ tôi được đề bạt làm phó chủ tịch tỉnh phụ trách khối nông nghiệp. Ba mẹ con về thị xã ở, còn tôi do bệnh tật phải về hưu non thì ở đâu bây giờ? Tôi về quê vợ ở, ở một mình, vợ tôi quyết định thế. Hai chục năm nay tôi sống một mình rồi anh ơi. Một ông già ốm yếu phải sống một mình, nấu cơm ăn một mình, ngồi trò chuyện cả ngày với chính mình, không đi đâu cũng thành người lẫn thẩn. Cách đây mười lăm năm tôi có theo một người bạn trở lại thị xã Hưng Yên và về làng Hương Cái. Vừa quen vừa lạ, vẫn là cái thị xã ngày xưa của bọn mình mà lại như không phải. Tôi đi tắt đồng ra thẳng mộ mẹ tôi, lạ trời, ngôi mộ vẫn còn nằm yên chỗ cũ. Tôi thấp hương quỳ lạ rất lâu, năm mẹ tôi mất mới được có năm chục tuổi, còn tôi ngày ấy đã năm tư rồi. Tôi chợt nhớ từ ngày lấy vợ, vợ con tôi chưa lần nào về thấp hương lạ mẹ chồng và bà nội. Tại tôi cả, tôi không muốn dẫn vợ tôi về mà vợ tôi cũng không thích nhắc nhở. Việc lớn đã lỡ thì mọi việc khác cũng lỡ hết. Tôi vào làng lúc trời đã xế chiều, đi dọc làng không nhận ra một người quen và cũng không ai nhận ra tôi. Chưa hết một đời người mà như đã trải qua hai kiếp. Nhà bà Thái vẫn như cũ, không xây thêm mà cũng không phá đi một cái gì. Một chị đã đứng tuổi bước ra mời tôi vào nhà và hỏi tôi từ đâu đến, cần gặp ai. Tôi chỉ nói là anh bộ đội thời chống Pháp, đã đóng quân ở làng này, nay đi qua muốn rẽ vào thăm cụ già và các anh chị của ngày xưa. Chị ta nói: "Bà cháu mất lâu rồi, các chú cũng mỗi người đi mỗi nơi với gia đình, ở quê chỉ còn bố cháu với gia đình cháu thôi." Tôi hỏi như bị nghẹn thở: "Thế còn bà Quế?" Chị ta vẫn trả lời tươi tắn: "Cô cháu cũng mới mất dăm năm nay." Tôi vội đưa tay bịt chặt miệng, mãi một lúc sau mới dám nói tiếp: "Ồ, cũng đã mất rồi à. Năm tôi ở đây thì bà ấy chưa đi lấy chồng." Người cháu vẫn tươi cười: "Về sau cô cháu có lấy một ông bộ đội, chú cháu cũng là người làng này nhưng đã hy sinh thời kháng chiến chống Pháp."

Đúng là anh bộ đội ấy đã chết rồi, chết hẳn rồi.

Tôi hỏi anh Dụ:

- Anh đau yếu thế còn mò lên Hà Nội làm gì?

Anh trả lời:

- Vợ chồng cái Biên làm việc ở Hà Nội. Đã lâu không được gặp mấy mẹ con nó, nhớ quá mới phải bò lên.

Tôi lại hỏi:

- Ngày tết chúng nó không về quê thăm anh sao?

Dụ cười ngượng nghịu:

- Vợ chồng con cái nó thẳng chỗ bà ấy ở tỉnh chứ không về quê. Mà ngày tết tôi vẫn nấu cơm ăn một mình.

Tôi vẫn tra tấn:

- Anh ra thăm con gái với con rể mà lại đi ăn cơm hàng à?

Dụ ngắc ngư rất lâu rồi mới trả lời:

- Là thế này, lúc ăn tôi xấu thói lắm, vừa ho vừa nấc nghẹn, sợ con gái nó xấu hổ với chồng con.

2 - 1992

Một trường hợp ly dị

Khi nghe anh P. báo tin cho tôi biết vợ chồng anh đã ly dị tôi không dám tin ở tai mình nữa. Cho nên tôi mới ngỡ ngàng hỏi lại : "Ai ? Vợ chồng nhà ai ?". Anh nhìn tôi, mỉm cười rất buồn : "Vợ chồng tôi. Chúng tôi đã sống xa nhau hai năm rồi". Tất nhiên là anh không nói đùa. Xưa nay anh vốn đã không biết nói đùa. Anh còn hay phóng đại những sự việc nhỏ nhặt nhất thành ra quan trọng. Và lại nom anh cũng rất tiêu tụy, với một người hay nghĩ ngợi nông sâu như anh nay lại rơi vào một hoàn cảnh đến người vô tâm nhất cũng không thể ngủ trọn mỗi đêm, nghĩ mà tội nghiệp cho anh quá. Tôi hỏi anh rất nhỏ :

- Còn hai cháu ?

- Con Thu ở với mẹ, còn thằng Dũng thì ở với tôi.

Tôi suýt kêu lên : "Anh mà xa được cái Thu à ? Anh mà...", tôi không kêu nhưng nước mắt đã ứa ra. Tôi biết anh yêu con bé lắm. Có lần anh bảo tôi : "Con bé vẫn ăn vẫn chơi mà tôi đã biết nó sắp ươn người rồi. Tôi không sờ trán nó mà tôi vẫn biết, tôi biết bằng da thịt của chính tôi". Anh chăm con bé còn hơn cả mẹ nó. Hơn tất cả những người bố trên đời này. Một tối tôi đến chơi nhà anh, lại đúng vào tối con bé đang ho. Thì cái trò trẻ con ngày vẫn ăn chơi, tối đến hu hi ám đầu cũng là lẽ thường. Nó ho, nó sốt rồi nó quấy, có gì là quan trọng. Nhưng với anh P. thì con bé chốc chốc lại ho một tiếng là chuyện hoàn toàn không bình thường. Ngồi tiếp chuyện với tôi nhưng mắt anh vẫn đảo sang phía con bé, mà nó vẫn hò hét, vẫn cười đùa chứ đã sốt sáng gì đâu, chốc chốc lại bảo vợ : "Em sờ trán con xem !", "Em phải luồn tay vào lưng nó mới biết được là sốt hay không sốt". Cứ thế, cứ thế. Rồi anh đứng lên, anh ngồi xuống, rồi lấy thuốc ho, rồi hòa thuốc kháng sinh với mật ong để lau họng, rồi... rồi... như một người gàn dở. Vì tôi đã biết tính anh, biết là anh yêu con quá, yêu đến mù mắt, chứ người mới quen biết có thể nghĩ lầm là anh chàng muốn đuổi khéo khách. Mỗi lần lên Hà Nội họp, anh thường nghỉ đêm tại nhà tôi. Chỉ ngủ chứ không ăn. Mời được anh ăn một bữa cơm gia đình thật khó. Anh ngại vợ chồng bạn bạn. Nhà ai chả thế, người lớn đi làm, trẻ con ở nhà nấu nướng chẳng biết được sao ăn vậy nhưng không thể mời khách. Có khách thì phải chợ búa, phải nấu nướng cho ra một bữa cơm. Cho nên anh ngại ăn cơm nhà bạn bè. Đêm nằm với nhau anh không nói chuyện gì khác ngoài chuyện các con anh. Theo sự nhận xét đã rất vô tư của anh, thì thằng Dũng nhà anh thông minh hơn tất cả đám trẻ con cùng lứa tuổi. Nó đọc rất nhiều, kể cả sách báo của người lớn và văn của nó

bao giờ cũng được cô giáo cho điểm cao. Anh bảo tôi : "Tôi đọc các bài văn của nó tôi biết, nó có những nhận xét đến là bất ngờ. Thằng ấy có năng khiếu văn chương đấy!". Rồi anh phàn nàn một cách hãnh diện : "Tôi thì thích nó giỏi về khoa học tự nhiên, nghề nghiệp, cuộc sống sau này để ổn định. Chứ làm anh nhà văn thì vất vả, công phu lắm". Nhưng chỉ khi anh nói về em gái nó, về cái Thu, thì mới thật là một ông bố khác thường. Tôi cũng có con, trai có gái có, nhưng tôi chưa yêu một đứa nào đến say đắm, đến lo sợ như anh yêu đứa con gái của anh. Mỗi lần đi đâu xa anh lo cho con bé đủ thứ. Anh hình dung ra đủ mọi chuyện không may có thể đến với nó trong mấy ngày anh vắng mặt, toàn những trường hợp có thể chết người trong nháy mắt. Thế mà bây giờ anh phải xa nó, xa cái con bé mà anh yêu thương nhất mực ấy, không phải trong vài ngày, trong vài tháng mà là xa mãi mãi. Tôi hỏi anh, hỏi rất rụt rè, vì không thể không hỏi tin tức cái Thu mà chính tôi cũng rất yêu nó :

- Con bé vẫn khỏe chứ ?

- Cháu vẫn khỏe - anh ngừng một lát rồi nói tiếp - đến hơn tháng nay tôi không nhận được tin của cháu, không gặp ai ở dưới ấy nên không hỏi được tin tức.

Từ sau ngày ly dị, anh vẫn công tác ở ủy ban hành chính tỉnh, còn vợ anh đem con về quê, công tác tại phòng giáo dục huyện. Mỗi lần có người dưới huyện lên họp, anh đều chạy đến hỏi tin con. Người ta ngồi họp ở bên trong, anh cứ đi lại bồn chồn ở ngoài như một kẻ mất hồn. Người kia vừa bước ra khỏi phòng họp là anh chạy nhào tới, vừa thở vừa hỏi : "Cái Thu nó khỏe chứ, anh ?" Anh khoe con bé đã biết đọc báo, đọc được cả thư của bố, tức là nó đọc thạo cả chữ in lẫn chữ viết. "Con ấy rồi cũng thông minh lắm, mà đến là ngoan". Anh nói bằng cái giọng vừa khoe khoang vừa than tiếc. Nó vốn là của anh, là con của anh, là đứa con anh cưng nhất, nhưng nay đã thuộc về người khác, mai kia còn là của những người khác, một người mà anh đã biết là mẹ của nó, và một người nào nữa mà anh chưa được biết. Chắc chắn cái người đó rồi cũng sẽ tới, nhưng hiện nay thì mới là sự dò đoán pháp phông. Anh có dám thú nhận rằng trong lúc này hình như anh có ý tiếc cả hai không ?

- Thịnh thoảng cũng phải cho anh em nó gặp nhau chứ? Tôi hỏi anh.

Mỗi năm vào dịp nghỉ hè và giáp Tết, bà mẹ lại dắt thằng lớn xuống chỗ mẹ nó cho mẹ con anh em gặp nhau. Xưa nay nhà ấy mẹ chồng nàng dâu ăn ở với nhau hết sức hòa thuận. Bà cụ không có con gái nên coi con dâu như con đẻ. Con dâu đi làm, mẹ chồng ở nhà nấu nước gội đầu, trưa con về mẹ ngồi quạt cho con khô mồ hôi rồi mới cho ra gội. Dâu đẻ, thổi thì tã lót của con, quần áo của mẹ mỗi ngày giặt một chậu đầy, giặt cho con khỏi nhúng tay vào nước lạnh suốt hai tháng kiêng cử. Mười năm ăn ở với nhau, con dâu chỉ phàn nàn về mẹ chồng có mấy chuyện : không chịu mặc áo mới, không chịu uống rượu thuốc mỗi tối trước khi đi nằm, không chịu xem hát, xem chiếu bóng để mở mang kiến thức. Viết ra cứ như người cố ý tô vẽ để cảnh li biệt về sau càng thêm vẽ lâm ly, nhưng quả thật là đúng như vậy. Lần nào đi thăm con dâu và cháu gái về mắt bà cụ cũng sưng đỏ vì khóc. Không dám khóc trước mặt con trai sợ con buồn mà cũng không dám khuyên chúng nó nên nghỉ lại mà về ở với nhau vì cách cư xử của bà cụ với các con hết sức mới mẻ.

Theo như lời anh P. thì từ ngày vợ chồng anh xa nhau, anh chưa lần nào được gặp lại con gái. Chuyện khó tin quá! Với anh P. lại càng khó tin ! Thế mới biết trong mỗi quyết định của con người ta cũng đến lắm điều bí ẩn. Theo luận lý thì không thể xảy ra, vậy mà vẫn cứ xảy ra. Nghĩ lại những buổi tối tôi đến chơi nhà anh, ai mà tin được rồi có ngày họ phải chia lìa, mà là tự họ cả, tự ở vợ chồng họ cả. tại sao tự họ lại nở gậy ra chuyện thương tâm đó ? Anh P. không nói, anh không nói một câu nào hoặc xa hoặc gần để tôi có thể hiểu được, dẫu là mơ hồ, do đâu mà hai vợ chồng anh, cả hai người đều có đủ sự tàn nhẫn chôn sống lẫn nhau và chôn sống mỗi bên một đứa con của mình.

Vì anh P. không nói nên tôi không dám hỏi. Dẫu không hỏi nhưng tôi cũng đoán biết chắc phải có những nguyên do quan trọng. Chắc chắn trong cái gia đình ấy đã có người phản bội, có người không trung thành. Nếu vậy thì trong cảnh chia biệt này chỉ có một bên đau khổ, một người đau khổ. Một người sẽ phải gánh lấy toàn bộ sự bất hạnh của một gia đình phân ly. Cái con người khốn khổ ấy tất phải là anh P. Anh vốn là người khiêm tốn, khiêm tốn trong

cách cư xử với bạn bè và khiêm tốn trong cả an hưởng hạnh phúc. Ấy chỉ là sự phỏng đoán của tôi về cái trường hợp không may của anh, dựa theo tính cách của anh, chứ nào đã có bằng chứng gì.

Sang đêm thứ hai thì anh đã không thể không nói về người đàn bà, về các bà vợ. Anh than thở về sự khó tính khó nết của họ, về sự tức giận bất thường, và nhất là cái tham vọng của họ muốn là người chủ duy nhất, người ra lệnh duy nhất. Tuyệt nhiên anh không đả động gì đến sự phản bội, sự không trung thành của người này hay kẻ kia. Mà anh thấu góp được ở đâu đến là lắm chuyện kỳ quái về những người đàn ông "nô lệ". Toàn những chuyện có thật cả, anh thề với tôi như thế, chuyện của hàng xóm láng giềng, của bè bạn, của người trong họ, những chuyện mắt thấy tai nghe hẳn hoi. Anh dẫn giải : "Chẳng qua là do người đàn ông sợ sự phiền hà, sợ trong gia đình có người to tiếng, sợ hàng xóm đặt điều, sợ cả con cái sẽ hiểu nhầm cha mẹ, nên cứ nhịn đi. Nhịn một tí cho nhà cửa được yên ấm, nhịn một tí cho khỏi có những chuyện rầy rà. Nhịn mãi thành quen. Còn "cái người kia" khi đã thắng cuộc một lần rồi thì không thể chịu thua lần khác, cứ lấn mãi. Vẫn là chuyện của nhà khác, của người khác. Thì ra ở trên đời này cũng có lắm người bất hạnh, riêng một ai đâu, một trường hợp nào đâu, anh nghĩ như thế chẳng ? Anh tự an ủi bằng những chuyện tương tự của những cặp vợ chồng khác chẳng ?

Rồi một đêm anh P. nói với tôi đầu đuôi câu chuyện đã khiến vợ chồng anh không thể chung sống với nhau được nữa. Thoạt nghe tôi không thể tin. Vì nó đơn giản quá. Chả nhẽ chỉ có thế mà họ nở xa nhau, làm khổ nhau và làm khổ cả con cái. Nhưng quả là thế. Chỉ có thế ! Vì là chỉ có thế nên tấn bi kịch của gia đình anh đã làm tôi sợ hãi. Tôi sợ hãi cho chính tôi, cho tất cả các bạn tôi, vì chúng tôi, thú thật, đã nhiều lúc đứng chênh vênh ở cái điểm nguy hiểm đó. Nếu cả hai người đều tỉnh táo thì chẳng có chuyện gì xảy ra hết, sẽ là một chuyện va chạm vặt như trăm ngàn lần khác. Sẽ là một ngày bình thường như những ngày qua, những tháng qua, những năm qua. Nhưng chỉ cần khác đi một chút thì sẽ là điểm mớ đầu của mọi thứ tai họa. Anh nói về vợ chồng anh, những chuyện thường tình giữa vợ chồng anh mà tôi nghĩ ngay đến vợ chồng tôi, cuộc sống gia đình chúng tôi. Tôi rất tin ở câu chuyện anh đã kể, anh P. ạ. Tôi tin cả những chi tiết lật vặt, những lời lẽ đối đáp vô nghĩa lý của những lần cãi cọ rất tủn mủn của một cặp vợ chồng mà ai cũng nghĩ là họ đang sống với nhau hết sức hạnh phúc. Thật ra là chẳng có gì cả. thật ra tất cả các cặp vợ chồng trên thế gian này đều đã có lúc nói với nhau đúng như thế. Anh đang có chuyện rất bức mình. Một chuyện bức mình với một người nào đó trong cơ quan anh chẳng hạn. Anh đã đem cái bộ mặt cau có của anh về nhà, phơi bày nó ra giữa những bộ mặt hồn nhiên vô tư khác. Tất nhiên những người khác cảm thấy có trách nhiệm hoặc xa hoặc gần với cái bộ mặt u ám của anh. Bà mẹ ra vào lặng lẽ. Các con ngồi đứng khép nép đưa mắt nhìn nhau. Còn anh, anh vẫn ngồi nghiêm nghị, chìm đắm trong một cuộc tranh cãi tưởng tượng nào đó. Anh thì không chú ý đến họ, nhưng họ lại phải chú ý đến anh. Vì cái vui cái buồn của nhóm người bé nhỏ này lại phụ thuộc vào chỉ có anh. Nếu anh không vui tức là họ có lỗi, một người nào đó trong bọn họ đã có lỗi. Rồi vợ anh đi làm về. Chị lại đang vui. Chị đang có một chuyện rất vui, hoặc chỉ là niềm vui tự nhiên của một người mẹ, người vợ sau giờ làm việc lại được trở về sum họp với gia đình. Chị bước vào nhà với bộ mặt rất tươi cười, với ý định sẽ hỏi chồng một câu này, hỏi các con một câu kia. Nhưng... kia... bà mẹ lặng lẽ ngược mắt nhìn con dâu. Các con lặng lẽ đưa mắt nhìn mẹ rồi lại liếc trộm sang nhìn bố. Còn chồng chị ngồi tư lự, cau có như hiện thân của tai họa. Thế là chị thấy cần phải làm cho ra nhẽ ngay lập tức. Vì chị cũng là người chủ, có khi lại là người chủ duy nhất có quyền hành :

- Trong nhà có chuyện gì thế ?

Chị hỏi băng quơ nhưng không ai trả lời cả. Chị liền quay sang hỏi mẹ :

- Có chuyện gì thế, mẹ ?

Bà mẹ nói nhỏ :

- Cũng chả biết nữa.

Chị quát các con :

- Chúng mày làm sao lại ngồi như bụt mọc thế, hử ?

Chúng nó nhìn nhau mếu máo. Thì chúng làm gì nên tội. Chỉ cần như thế thôi đã đủ cho chị tức điên lên rồi. à, ra thế ! Tôi róc xương sẻ thịt vì chồng con mà nào có dám đòi hỏi chồng con phải bù trả lại. Tôi chỉ xin các người một bộ mặt tươi tỉnh, một lời nói ngọt ngào mỗi khi tôi đi làm về, để tôi được hỏi lòng hỏi dạ tí chút, rồi tôi lại tiếp tục hầu hạ các người. Tôi chỉ cần có thể thôi mà cũng không được. Cái thân tôi nó khổ nạn thế, nó vất vả thế ! Nào ! Các người còn muốn hành hạ tôi đến thế nào nữa ? Há ? Há ? Há ? Máu dồn lên mặt chị nóng bừng, chị ném nón, vút làn, găm gào như con thú bị thương. Chính lúc đó là cả gia đình nằm chình vênh trên cái điểm nguy hiểm. Hoặc là thế này hoặc là thế kia. Nếu trong cái lần đó, anh quay mặt lại, nói một cách thản nhiên nhất : "Em tính, anh với cậu X.. chơi với nhau thân là thế mà bỗng dưng..." hoặc "Đầu óc mình dạo này nó thế nào ấy, tính toán cẩn thận thế mà vẫn..." Đại khái anh phải nói rõ cái nguyên do đã khiến anh có cái bộ mặt không vui cho vợ con cùng biết, là do anh với một người nào khác chứ không có liên quan gì tới những người mà anh vốn hết sức yêu chiều. Nói xong mà vợ anh nín lặng, tức là cơn giận đã dịu một nửa. Lúc ấy anh sẽ nói thêm : "Có thể mà mẹ chúng mày làm tao hết hồn". Rồi anh cười, một cái cười khô khan, gượng gạo cũng vẫn được. Thế là các con anh sẽ lập tức cười theo, mẹ anh cũng cười theo, có thể bà cụ sẽ nói thêm : "Có vậy mà anh không nói cho rõ ra để trẻ nó khỏi lo". Vợ anh tất nhiên đã hết giận rồi nhưng chị vẫn nói già : "Đi làm về đã mệt chết người, nhìn bộ mặt đưa đám sao mà nó khổ thế..." Lập tức anh phải đứng dậy xăng xở quát hét các con : "Chúng mày dọn cơm để bà với mẹ xơi rồi mẹ còn nghỉ !" Vợ anh sẽ lờm anh : "Nghỉ, từ ngày tôi về làm tôi tở cho cái nhà này nào đã được ngả lưng nghỉ trưa một lần nào ?" Một đứa con nào đó khôn ngoan hơn những đứa khác, nịnh mẹ một câu : "Thì mẹ cứ nghỉ, mọi việc chúng con đã làm cả rồi..." Bà mẹ vẫn quát nhưng đã chứa chan bao nhiêu tự hào, bao nhiêu hy sinh : "Làm ! Làm thì ít bày biện thì nhiều. Tôi cứ làm rón lại gọn". Sau đó là một bữa cơm ngon lành, một bữa cơm của một gia đình hạnh phúc. Bà mẹ kể chuyện hàng xóm, các con kể chuyện nhà trường, người vợ nói chuyện mua bán. Còn anh ? Anh lại ung dung nhai thong thả từng miếng cơm, trả lời với con, mỉm cười với vợ và đã quên phất đi cái sự cãi cọ lật vạt vừa rồi. Tôi cam đoan rằng có tới chín chục phần trăm gia đình chúng ta đã phải trải qua những cảnh tượng tự như vậy. Thoạt tiên là những lý do rất vớ vẩn, rất vô lý, dẫn đến một tình huống căng thẳng đột ngột, những cặp mắt, những bộ mặt đầy giận dữ, căm hờn, những lời nói đau đớn, cay đắng, phụ bạc, rồi một người nào đó trong hai người buông ra một câu lơ lửng thú nhận sự lỗi làm thuộc về mình, một nụ cười gượng gạo ngập tràn hòa, những cái lờm, những câu nói mát mẻ nhưng đã ngã sang giai đoạn kết thúc. Cuối cùng vẫn là sự đoàn tụ, là mọi sự vẫn như trước nhưng từng bên đều cảm thấy thấm thía hơn cái hạnh phúc vừa đắng vừa ngọt của cuộc sống gia đình.

Mối quan hệ vợ chồng anh P. nói cho đúng cũng có khác với nhiều gia đình tôi quen biết.

Anh là người quý vợ thương con hơn ai hết, vợ con là niềm vui, nỗi lo từng giờ của anh. Còn vợ anh, ngoài công việc của cơ quan thì chỉ còn biết có hai con và chồng. Cái cung cách cư xử với chồng con của chị còn phần nào hơi cũ, tức là chị quên hẳn cuộc sống riêng của chị, quên hoàn toàn, chỉ quan tâm có những người mình thương yêu nhất. Nhưng với một người vợ, người mẹ tình nguyện hy sinh tất cả cho chồng cho con thì chồng con phải coi chừng ! Bởi họ rất dễ tủi, rất dễ phẫn vì những chuyện chẳng đâu. Và anh P. lại rất hay sơ suất những chuyện chẳng đâu. Anh yêu con tới mức si dại, nhưng lại không hiểu được cái thương tình : vợ của anh, mẹ của hai đứa con, vẫn có thể ghen tị vì sự yêu thương quá đỗi ấy. Có một lần nào đó anh bảo tôi: trong gia đình thì con cái là tất cả, là kỷ niệm, là tình yêu, là tương lai, là hy vọng. Chúng nó là cái ruột còn cha mẹ chỉ là cái vỏ. Con anh ho một tiếng anh lo lắng bồn khoăn ra mặt, nhưng vợ anh có kêu nhức đầu, kêu khó ngủ thì anh cũng chỉ hỏi lại rất thờ ơ : "Thế hả ? Em đã đi khám chưa ?" Tất cả cho con cái ! Con cái chúng bé bỏng mới cần sự chăm sóc. Còn người lớn, hơn nữa lại là vợ chồng cần gì phải chú ý tới nhau quá nhiều. Anh nghĩ thế, nghĩ một cách đơn giản và thật thà như thế, nhưng, như anh đã thú nhận với tôi, đó là điều làm lẫn thứ nhất của anh, là nguồn gốc của những cơn giận

dữ bất thường, của "cái tính nết khó chiều của các bà". Nhưng cái điều làm lẫn quan trọng hơn, cũng vẫn anh nói, là anh tin rằng nếu không có những nguyên nhân quan trọng thì không thể có sự đổ vỡ, không thể có bi kịch trong gia đình. Anh thương vợ quý con, anh ăn tiêu dè sẻn, anh làm việc tốt và có tín nhiệm, anh có những đức tính tốt của mọi người đàn ông tốt. Vợ anh cũng thế, cũng như anh. Vậy thì có gì đáng phải lo ngại. Cũng có lúc nói nhau thế này thế nọ như vốn ghét bỏ nhau, cuối cùng vẫn là sự dàn hòa, sự làm lành, sự thông cảm. Vì, xét cho cùng họ vẫn thương nhau, họ vẫn vì cái hạnh phúc nhỏ bé của gia đình mà vun đắp. Vài ngày một lần va vấp, một tuần một lần va vấp, những sự va vấp hết sức thông thường của mọi cặp vợ chồng. Họ vẫn sống với nhau, vẫn âu yếm nhau, vẫn nuôi dạy con và bàn bạc một cách hãnh diện cái tương lai rất tốt đẹp của chúng nó. Chưa bao giờ anh nghĩ rằng sẽ có ngày anh phải đối mặt với tai họa, dẫu rằng anh là người rất dễ tưởng tượng ra mọi thứ tai họa. Còn vợ anh, như anh vẫn nói với tôi, cô ấy sống rất hồn nhiên, rất chân thật thì lại càng không thể nghĩ được rằng sẽ có lúc mình là một bên gây ra tai họa. Cho đến một hôm...

Cái hôm đó anh vừa đi công tác dưới huyện về. Mẹ anh đã đến ở với chú em thứ hai từ tháng trước, vợ nó vừa sinh đứa con đầu lòng. Thắng Dũng đi học, cái Thu ra lớp mẫu giáo. Một cái khóa to tướng móc ở cửa phòng. Thế là anh đã bực. Ô hay, nhà ai chẳng thế ! Người lớn đi làm, trẻ con đi học, tất nhiên cửa phải khóa. Nhưng anh lại chưa thể quen với cái cảnh vắng vẻ mỗi lần anh đi công tác hay đi làm về. Vì nhà anh còn có mẹ. Có mẹ ở nhà thì con bé cũng ở nhà với bà nó. Bà đi trước cháu chạy theo sau, dắt xe vào đầu dãy đã thấy bóng bà bóng cháu rồi. Khác đi là bực là khó chịu. Vì sao mà khó chịu ? Vì nó không giống như mọi lần. Có vậy thôi ! Bởi không có chìa mở khóa nên anh cũng không muốn ra lớp đón con bé về, đành cứ tha thẩn ở hè, ở sân chào người này một tiếng, trả lời người kia một câu, mỗi lúc một bực bõ hơn lên. Chợt một người nào đó bảo anh: "Anh đi vắng mấy hôm ở nhà con bé rất ốm thôi". Anh hỏi lại hoảng hốt : "Thế mẹ cháu đưa cháu đi khám bệnh, hả bác ?", "Mẹ nó đi làm, con bé vẫn đi mẫu giáo". Anh chạy té ra lớp đón con về, cầm tay con, lòng bàn tay cứ nóng rẫy, áp má lên trán con cũng rất nóng. Thế đấy ! Thế đấy ! Con vẫn sốt mà mẹ đã đi làm. Thì ra họ cố tình làm khổ anh, cố tình hành hạ anh. Con bé rất ngoan, nuôi dạy nó nào có gì là vất vả. Chỉ cần để mắt tới nó một chút, lo lắng cho nó một chút. Trời lạnh thì nhớ mặc áo ấm, đêm ngủ con có đạp chăn ra thì nhớ đắp đậy lại. Chỉ có thế mà cũng để cho con bé bị lạnh, con bé ho, con bé sốt. Con sốt mà mẹ vẫn đi làm ! Trời đất ! Đàn bà đâu mà vô tâm quá thế ! Càng nghĩ càng tức. Càng nghĩ càng thấy mình là phải. Lát nữa, được, lát nữa vác mặt về đây tôi sẽ bảo. Tôi sẽ bảo cho cô biết tôi không phải là cái thằng ở của cái nhà này. Đừng có ý lại ! Đừng có dựa dẫm ! Nếu không có tôi thì sao ? Không có tôi thì cô để mặc các con hả ? Tôi đã từng nói : con cái là tất cả, con cái...

Rồi vợ anh về. Chị cũng đang ốm. Người chị vốn gày yếu. Lại thức liền mấy đêm trông con nên mặt chị võ vàng hẳn. Chị tươi cười hỏi chồng :

- Anh đã về !

Anh cau mặt nói như gắt :

- Con bé vẫn sốt đấy !

Chị vẫn đôn đả :

- Đỡ nhiều rồi anh ạ, giờ chỉ ầm ầm thôi.

Anh hỏi lạnh nhạt :

- Cô vẫn gửi con đi làm ?

- Thì mới có sáng nay, mãi tám, chín giờ em mới đi.

- Không xin nghỉ phép được hả ?

- Em đã nghỉ bốn hôm rồi, mà công việc cuối tháng ùn lên nhiều quá.

- Không có cô, không ai giải quyết được, hả ?

- Thì việc của mình, ai làm thay được.

- Quan trọng quá ! Quan trọng hơn cả tính mạng của con cái !

Chị vốn biết tính chồng nên vẫn nói nhẹ nhàng :

- Con nó có đỡ em mới dám đi. Cũng phải đảo mắt qua xem có việc gì gấp gáp còn nhờ chị em giúp cho chứ.

Chị nói thế là rất phải. Nhưng anh vẫn tức. Anh tức là bởi chị đã không theo đúng cái ý muốn tối cao của anh : Tất cả cho con cái! Con cái trên hết ! Chị không đến cơ quan thì việc của chị vẫn có người làm thay. Con bé nhỏ có thể nào thì ai để đền cho họ. Lý của anh là thế nhưng anh không thể nói, vì nói ra chính anh cũng thấy ngượng. Dẫu chồng không nói nhưng vợ vẫn phải hiểu. Có nhiều điều không thể nói cho rõ ràng nhưng đã là vợ chồng thì phải hiểu ý nhau. Suốt bữa cơm anh không hé răng hỏi vợ một câu nào. Con bé ăn cơm vì mẹ về muộn không kịp nấu cháo. Nó ăn được một bát đầy ngon lành. Anh sờ trán con, trán mát. Nó không sốt. Đúng là nó hết sốt thật. Nếu lúc ấy (anh nói với cái vẻ hối tiếc thật sự), nếu lúc ấy anh cười với con bé và nói với nó một câu như anh vẫn thường nói : "Thế là con đã hết sốt rồi, bố đang lo", thì tình hình sẽ khác hẳn. Sẽ như mọi lần, như những lần khác. Vợ anh sẽ nói theo : "Anh đến là hay quan trọng. Trẻ con nó ho, nó sốt thì đã có chuyện gì". Nhưng anh không cười, không nói với con bé cái câu anh thường nói mỗi lần nó khỏi sốt. Anh đã xử sự khác với cái trật tự quen thuộc. Thế là tai họa đã xảy ra đúng vào lúc anh có khả năng thoát khỏi một cách dễ dàng nhất. Sau bữa cơm, anh ôm con bé vào lòng, lâu bàu với vợ :

- Tôi mong rằng từ nay cô đừng có làm khổ tôi...

Vợ anh hỏi lại, nét mặt đã cứng, đã lạnh :

- Tôi làm khổ anh những gì ?

Anh rít giọng :

- Khổ nhiều ! Khổ nhiều ! Tôi ở nhà có đứa nào ốm đau gì đâu !

Vợ anh nói rất bình thản, có nghĩa là chị đã rất giận :

- Thì tôi làm thế nào được. Chẳng lẽ tôi làm cho nó ốm à?

Anh gầm lên :

- Ba chục tuổi đầu vẫn chưa biết nuôi con !

Chị cười nhạt, da mặt đã tím tái :

- Tôi nuôi con như mọi người, chứ còn biết nuôi như thế nào.

Chị càng nói dịu dàng và có lý thì anh càng tức giận và càng trở nên vô lý :

- Thế mà cũng đòi nuôi con ! Đã bảo phải chú ý cho nó mặc áo ấm, đừng để con nó phơi người chỗ có gió lạnh...

Chị nói đã to giọng :

- Tôi chăm con cái như mọi người. Tôi có phải là người đoảng đâu mà anh gằn hất tôi !

Nhẽ ra anh nên nín lặng. Sự nín lặng đúng lúc vẫn có thể xóa bỏ một tai họa khi chỉ vừa mới xuất hiện. Nhưng anh đã không biết nín lặng. Anh còn dấn mình vào tai họa một cách vui thích :

- Cô mà không đoảng thì còn ai đoảng ?

Vợ anh nhìn anh ngõ ngàng rồi chị hỏi lại. Chị đã nghe rõ mười mười cái câu sỉ nhục của anh nhưng chị vẫn muốn cứu vãn sự đổ vỡ bằng cách hỏi lại :

- Có phải anh vừa nói tôi là người rất đoảng, phải không?

Anh hét lên :

- Tôi nói ! Tôi nói chứ còn ai nói !

Trong hai người thì chị P. là người nhìn thấy trước tai họa bằng linh tính, có lẽ thế. Chị đã xử sự bình tĩnh, đấn đo, vì rằng chị không muốn mình và con cái trở thành nạn nhân của một tai họa, nếu khôn khéo thì vẫn có thể tránh được. Bởi vậy chị mới giữ được giọng nói bình thản khi trả lời chồng :

- Anh nhận xét không đúng. Anh quá giận nên đã nhận xét rất không công bằng về vợ anh.

Anh P. vẫn hò hét. Hò hét những gì anh không còn nhớ nữa. Anh hoàn toàn bị mê muội, bị ám ảnh bởi một ý định rất kỳ quặc : Mình phải thắng ! Cô ta phải thua ! Mình phải là người có lý, duy nhất có lý ! Nhưng anh vẫn nhớ rất rõ những câu trả lời của vợ anh. Chưa bao giờ vợ anh nói năng tự chủ và có lý lẽ như trong cái lần ấy, anh nói với tôi thế.

- Anh phải xin lỗi tôi, anh P. ạ. Anh xin lỗi vợ anh vì vợ anh không làm gì nên tội. Tôi cũng chẳng sung sướng gì khi được nhận lời xin lỗi của anh đâu, nhưng vợ chồng đã không tôn trọng nhau, đã coi thường nhau thì rất là khó sống chung với nhau.

Rồi chị khóc, khóc rất nhỏ :

- Tôi chỉ có một sai lầm là tôi đã quá yêu anh. Đã có lúc tôi muốn xin thôi việc để chỉ có làm vợ và làm mẹ. Để anh yên tâm. Để anh khỏi phải lo lắng. Tôi biết anh có nhiều tật xấu, song tôi lại nghĩ nó nhỏ bé quá, nó chẳng có ý nghĩa gì. Với lại, tôi rất yêu anh nên tôi sẵn sàng tha thứ. Nhưng tôi càng nhân nhượng lại càng bị khinh rẻ. Tôi tha thứ thì tôi trở thành yếu mềm. Làm sao gìn giữ được hạnh phúc khi chỉ một mình anh nắm hết nó trong tay. Anh ban phát tùy theo ý thích, còn tôi chỉ là người thu nhận hết sức bị động... Chúng ta nên xa nhau một thời gian anh ạ. Xa nhau để mỗi người có đủ nghị lực thay đổi lại kiểu sống của mình. Hình như anh đã đứng vụt dậy, đã khoa chân múa tay, đã lảm nhảm nói rằng, anh đang muốn thế, anh rất muốn thế, anh chịu đựng đến thế là hết mức rồi, anh muốn được làm người tự do...

Chiều hôm đó chị P. gói ghém quần áo, chần màn đưa con bé lên ở trên cơ quan. Đêm đầu tiên họ sống xa nhau. Đã gần bảy trăm ngày đêm cái gia đình nhỏ bé ấy đã sống chia đôi với bao nhiêu là sâu nã. Họ sẽ sống xa nhau mãi mãi ư ? Chẳng lẽ cặp vợ chồng ấy lại tình nguyện sống xa nhau mãi mãi ?

Suốt hai năm, không có lúc nào anh không phải nghĩ tới một nửa gia đình hiện đã không còn là của anh nữa. Nghĩ lúc ăn cơm, nghĩ lúc nằm ngủ, nghĩ lúc vui, nghĩ lúc buồn. Gần đây anh còn bắt thằng con anh mỗi bữa ăn phải mời cơm cả mẹ nó. Bà cụ mắng : "Mẹ nó còn sống sao lại mời vọng thế ?" Anh cãi : "Thì mẹ nó còn sống nên mới phải mời". Anh sợ con anh quên mẹ nó, quên cái nửa đã sè ra và hiện ở xa. Sẽ chẳng bao giờ anh dứt bỏ được những kỷ niệm, những năm tháng, một quãng đời, theo anh thật là tràn trề hạnh phúc. Chính anh đã thốt lên điều đó với tôi đầu rằng anh chưa dám nhận hẳn anh đã rất sai, một cách sống sai, những quan niệm sai. Anh chỉ hối tiếc. Nếu hôm ấy anh tỉnh táo hơn một chút thì tình hình sẽ khác hẳn. Nhưng, với những quan niệm của anh về gia đình, về hạnh phúc, về người vợ và cả cách nuôi dạy con cái thì trước sau cũng sẽ phải xảy ra một tình huống tương tự. Hôm ấy anh có thể nín nhịn nhưng e rằng hôm khác, lúc khác lại không thể nín nhịn. Vì rằng anh quan niệm sự nín nhịn gần như là sự đầu hàng. Khi người đàn ông đã đầu hàng một lần có nghĩa là anh ta đã sẵn sàng đầu hàng thêm nhiều lần! Anh than thở với tôi:

- Tôi chỉ hối hận là hôm ấy tôi đã nói hơi quá.

- Nếu anh chỉ nói vừa vừa thì chị ấy có thể nín nhịn, chứ gì ?

- Thì vẫn thế, có phải lần đầu đâu.

- Sẽ có lúc chị ấy không thể nín nhịn đâu anh chỉ nói vừa vừa.

Anh nín lặng rồi thở dài :

- Cái sảy nảy cái ung. Có gì quan trọng đâu, toàn những chuyện vụn vặt. Gia đình nào mà chẳng có những chuyện vụn vặt.

- Vẫn là do anh thôi. Tình hình còn cứu vãn được nhưng hoàn toàn phụ thuộc vào anh. Tôi là người đứng ngoài, có thể lời khuyên của tôi không được xác thực, nhưng nếu anh muốn nghe...

Anh nói vội vàng :

- Tôi nghe ! Tôi nghe đây !

Trong buổi tối hôm ấy, tôi chỉ khuyên anh P. có một điều: hãy đến xin lỗi chị ấy. Anh từ chối. Lý do từ chối rất đơn giản : anh không thể hạ mình trước vợ anh, đầu anh vẫn rất yêu, rất thương. Tôi lý lẽ : vợ anh tức là anh, là phần nửa của người chồng, là hạnh phúc của gia đình, là tương lai của con cái. Một lời xin lỗi mà được cả từng ấy thứ, có gì là thiệt?

- Không ! Tôi không xin lỗi ! Tôi không có lỗi ! Dầu có lỗi tôi vẫn là người chồng. Người chồng đã hạ mình xin lỗi vợ thì không còn là chồng nữa. Anh nói thế.

- Vậy thì anh không nên nghĩ tới sự đoàn tụ nữa. Anh không nên hối tiếc một điều gì nữa. Về phần anh, anh đã quyết định rồi.

Anh hỏi rất ngờ ngẩn ;

- Tôi đã quyết định gì ?

- Anh đã quyết định : không xin lỗi, không hạ mình, vẫn sống như trước kia, với những quan niệm như trước kia.

Anh nín lặng. Tôi nói tiếp :

- Và vợ anh sẽ phải dắt con đến xin anh tha thứ, xin anh quên đi những chuyện đã qua, xin anh cho được tiếp tục hầu hạ chồng và các con đến hết đời.

Anh kêu lên :

- Anh bịa đặt ra những chuyện ấy để làm gì ? Chưa bao giờ tôi nghĩ như vậy cả !

Tôi nói thản nhiên :

- Vậy thì anh phải đến xin lỗi ! Nếu anh không mong đợi vợ anh đến xin lỗi thì anh hãy đến xin lỗi chị ấy.

Anh than vãn :

- Nhưng tôi không có lỗi !

Tôi hỏi :

- Tức là chị ấy có lỗi :

- Không ! Không ! Cô ấy cũng không có lỗi !

Tôi thở dài chán nản :

- Vì không ai có lỗi nên sẽ không có ai chịu bước lại phía bên kia cái bước đầu tiên. Tôi khuyên anh hãy quên đi và nên nghĩ tới một người mẹ ghẻ cho thằng Dũng. Thế là anh không phải hạ mình, không phải xin lỗi mà vẫn có một gia đình. Chứ còn có cách nào nữa ?

- Tôi sẽ ở vậy thôi, tôi sợ vợ con lắm rồi. Không sống được với mẹ thằng Dũng thì cũng sẽ khó sống với bất cứ người đàn bà nào khác.

Tôi nín lặng rất lâu, nghĩ mà ngao ngán cho ông bạn cố tri. Hạnh phúc vẫn còn ở trong tầm tay nhưng anh ta đã nhất quyết không chịu đưa tay ra. Thà chịu than khóc, vật vã suốt những năm còn lại nhưng hạ mình xin lỗi vợ thì không, nhất quyết không, vì tôi là chồng mà, là người chủ được kính trọng của gia đình mà. Thì ra ở đời vẫn còn có kẻ ngu ngốc thích tự mình làm khổ mình đến thế!

Hà Nội trong mắt tôi: Tiền

Năm 16 tuổi, Hiền, con ông chú tôi đẹp mảnh mai và đài các như thiếu nữ trong tranh Tô Ngọc Vân. Ngắm nhìn Hiền, tôi cứ tiếc vì sao chúng tôi lại là anh em nhĩ, anh em họ xa xôi, nhưng vẫn cứ là có chút máu mủ ruột thịt. Con gái như thế mà rơi vào tay một thằng chồng tục tằn, vũ phu thì thật unction. Cũng chẳng phải lo xa lắm đâu, ông tạo vốn thích đùa ác mà. Năm ấy, người tình trong mộng của các cô gái Hà Nội là các chàng trai sĩ quan quân đội "Anh bộ đội" đã có tiếng lành là người tốt về đủ mọi phương diện. Nhưng anh bộ đội lại không thể lấy con gái nhà tư sản. Chú tôi có mấy cái xe tải chạy đường Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Nam Định. Xe đã công tư hợp doanh, ông chủ là Nhà Nước, chú tôi và hai con trai lớn lái xe ăn lương nhưng vẫn cứ là nhà tư sản. Giả thử ngày ấy tôi có thể yêu và lấy Hiền làm vợ, tôi có dám không ? Xem nào, xem nào, cũng phải tính toán đấy! Lấy nhau là phiền phức lắm, chồng thì hết đường thăng tiến, vợ cũng không thể có công ăn việc làm đàng hoàng, rồi lấy gì mà nuôi nhau, nuôi con. Quá nửa bạn bè cùng lứa tuổi với tôi đều lấy vợ nông dân nghèo, con cái những gia đình quen biết trong chín năm kháng chiến. Một số khác may mắn hơn lấy được vợ là người thành thị thuộc gia đình công chức nhỏ hoặc buôn bán nhỏ. May mắn hơn nữa là được làm rể những gia đình cán bộ kháng chiến. Những cặp vợ chồng cộc cạch, lấy nhau bằng những tính toán ngoài tình yêu, nhẫn nhục ăn ở với nhau suốt mấy chục năm, đẻ ra một loạt con cái, chồng dạy con một cách, vợ dạy con một cách, phần còn lại giao phó cho nhà trường và xã hội mới thành ra người Hà Nội của bây giờ, vừa quen vừa lạ, khiến ngòi bút đâm bối rối mỗi khi muốn viết một chút gì về họ.

Mấy năm sau, tôi lấy vợ, vợ ông dân, đẻ liền hai đứa con, Hiền vẫn chưa lấy chồng, hình như chưa có cả người yêu. Khi đứa con lớn tôi đã học lớp 3, con nhỏ học lớp 1, Hiền mới có gia đình riêng. Người chồng là thợ máy, về sau là cầu thủ bóng đá của đội Đường Sắt, con một gia đình làm bánh kẹo có tiếng của Hà Nội. Cũng là con nhà tư sản, tư sản thương nghiệp, nhưng đã đóng cửa hàng từ nhiều năm nay. Thuở nhỏ, tôi đi học mỗi ngày đều phải qua cửa hiệu bán bánh kẹo của nhà này. Nhà một tầng, mái thấp, mặt tiền rộng, lòng nhà sâu, cửa gỗ tháo ra lắp vào mỗi sáng và mỗi tối. Ban ngày nhìn vào cửa tối đen hun hút, chỉ nghe có tiếng vắt bột và tiếng gõ khuôn. Có mấy người đàn ông còn trẻ, mặt rất dài, dáng rất cao, ra vào lững thững như không có việc gì làm. Và một người đàn bà đã đứng tuổi, quanh năm mặc áo dài đen, tóc búi, mặt rất đẹp và buồn, đứng lấp ló phía trong.

Chồng của Hiền là cháu trai của gia đình. Những người đàn ông cao lớn ngày xưa cũng đi đâu cả, còn lại có một người tức là ông bố chồng của Hiền bây giờ. Người đàn bà có gương mặt buồn năm nào đã là một bà lão ngoài sáu mươi, tóc bạc trắng, vẫn ở với em trai và các cháu. Khi Hiền đi lấy chồng cô đã có một việc làm được xem là có màu của Hà Nội lúc bấy giờ: Nhân viên kế toán một cửa hàng ăn uống. Lúc này chú tôi đã mất, bà mẹ ruột của Hiền là bà kế, Hiền là con gái đầu, sau cô còn bốn đứa em, thằng lớn nhất mới 17 tuổi. Bà thím tôi may hàng cho quân nhu. Hai người con trai lớn của chồng vẫn chạy xe vận tải, vợ con chưa có, đưa hết tiền lương cho dì để nuôi các em ăn học. Từ ngày Hiền đi làm, các em mới được ăn no. Bánh đúc ngô nấu mỡ, bánh mì và ba tê, bánh bao đều là của cửa hàng, mỗi ngày người chị mang về một túi đầy, Hiền về nhà chồng nhưng không phải làm dâu. Cô vẫn sống thoải mái, tự do như ngày còn ở với mẹ và các em. Bà mẹ chồng thời con gái là hoa khôi phố Cầu Gỗ được nhà chồng nể vì bà có vốn riêng cho vay lãi và gọi họ. Pháp thua phải rút khỏi Hà Nội, các con họ và con nợ ôm tiền chạy theo vào Nam, nhà cái và chủ nợ bỗng chốc thành tay trắng. Bà tiếc của khóc lóc cả mấy tháng trời rồi thành người ngơ ngẩn, ngày ngày lang thang khắp các chợ nhặt giấy vụn nhét đầy cái túi bị mang theo, tối về quăng một đồng trước mặt chồng, nói hể hả: "Tiền tôi đòi về đây, mất thế nào được!" Bà lão tóc bạc là chị ruột của bố chồng thường gọi là cô huyện, ngoài ba mươi mới lấy lẽ một ông tri huyện, sau bị vợ cả ghen tuông quá phải bỏ về nhà bố mẹ để làm quản gia, quán xuyến mọi việc của cửa hàng. Bây giờ không còn buôn bán gì, không có tiền thu vào nên cũng không có tiền chi ra, tiền ai người ấy tiêu nên bà cô đi đan len, sáng đi tối về.

Bố chồng là người một đời chỉ biết một nghề, nghề làm bánh kẹo, tay nghề bậc thầy nhưng mọi công đoạn phải theo đúng những chỉ dẫn do ông đặt ra, lại có những việc chỉ một mình ông làm, thợ phụ không được nhúng tay. Nó là niềm kiêu hãnh của ông, là cái độc đáo, cái riêng biệt của một cửa hàng trong cái thế giới làm bánh kẹo của Hà Nội. Nên ông không thể làm chung không thể biểu diễn tài nghệ ở nơi hỗn tạp, khéo và vụng không phân biệt, cái trung bình với cái đặc sắc, cái duy nhất không phân biệt, ở một nơi không ai biết ông là ai, cái hơn người của ông là cái gì. Ông chỉ là người vô danh trong một tập thể vô danh. Ông ham tiền nhưng còn ham danh hơn cả tiền. Bây giờ tiền không có, danh cũng chẳng còn nên ông buồn, hay uống rượu nhưng không gây phiền phức cho con cái. Hiền về nhà chồng đã vài tháng nhưng không được ăn một bữa cơm nào có thịt, thiếu thịt đành mua mỡ, một thìa mỡ rưới lên một nồi chuối xanh kho tương với cá vụn, ăn được cả tuần. Còn thường là tếp rang mặn với rau muống luộc chấm tương. Một chén tương phải pha thêm thìa muối mà cũng chỉ dám chấm đúng ngọn rau cho khỏi tốn.

Một nhà buôn bán có tiếng của Hà thành sau mười mấy năm ngồi chơi không chỉ còn cái xác nhà, bên trong rỗng tuếch. Nơi thờ tổ tiên có mỗi cái bàn mộc đặt bài vị và một bát hương to bằng sành. Cuốn thư, liễn đối, hương án và cặp hạc cắm nến bằng đồng đều đã đem bán dần cả. Đồ gỗ và đồ sứ thời các cụ mua sắm để bày cho sang, bày để chơi cũng không còn lại một

thứ gì. Mỗi dịp giá p Tết, có hai em từ xa về Hà Nội lại bán một vài thứ lấy tiền sắm Tết và trợ giúp cho con cháu. Chỉ còn lại hai bộ ngựa của thợ nằm đã cũ mục và một bộ bàn ghế thời nay cộc cạch vừa ăn cơm vừa tiếp khách. Lại đến lượt những nhà giàu mới sẵn lòng tìm mua những cỗ vật đóng bằng gỗ quý, chạm trổ cầu kỳ, kiểu dáng cổ của những gia đình một thời là thế gia nay đang lụn bại. Cái giàu phải đi kèm với cái sang, cái lâu đời mới thật hoàn toàn. Để có thể khoe với khách: "Thưa, những thứ này là của các cụ chúng tôi để lại đây ạ." Thời còn yêu nhau, Hiền thường tự hỏi, nay mai cô sẽ sống làm sao trong cái nhà trống vắng, lạnh lẽo, hôi mốc này. Một ngôi nhà không có tiếng động, không có người nói to, chỉ có mấy người già đi lại thấp thoáng như đang bận bịu làm cái gì đó.

Về sống với nhà chồng, Hiền mong muốn cái trẻ trung của mình, cái tháo vát của mình sẽ làm cho ngôi nhà vui hơn lên, ồn ào hơn lên, là một cái nhà đang sống, đang phát đạt. Cô ao ước được hy sinh để vun quén, hàn gắn một cái gì đang vỡ ra, đang rữa ra. Tất nhiên là phải có tiền, có rất nhiều tiền. Nhưng kiếm đâu ra trong một thời gian ngắn được nhiều tiền? Ngày ấy chưa có phong trào chơi vé số, chưa biết đánh đề, cũng không có buôn bán lớn, mọi người chỉ có một cách có tiền là làm việc cho nhà nước.

Lấy chồng được một năm, Hiền mới có mang, lại chữa ngoài dạ con. Tới lúc hai chân đã bị liệt, bố chồng mới đưa con dâu vào bệnh viện C mổ gấp. Mổ xong, khát nước quá, bà cấp dưỡng bệnh viện bưng cho một bát nước rau luộc, uống ngon như nước sâm. Chồng đi công tác về, vào thăm vợ chỉ có nửa cân đường và chục quả chanh. Nhà chồng không có tiền, nhà mẹ đẻ cũng không có tiền, Hiền cũng không có vốn riêng, làm nơi ăn uống chỉ ăn cấp được miếng chín chứ không có tiền. Nằm bệnh viện được mười ngày, Hiền xin về, người chỉ còn ba chục cân, mặt nhăn nheo như bà già. Vợ chồng phải bán một giường cưới, một bộ com-lê cưới của chồng, lại thêm một con chó ta nặng mười ký mới đủ trả nợ. Nợ có 21 đồng! Bữa người mua đất con chó đi, Hiền đội nón theo sau, nước mắt lã chã, theo chó tới tận đầu phố Hàm Long mới quay về. Chó ơi là chó! Người ơi là người! Người không có tiền cái thân không bằng con chó.

Nửa năm sau, không rõ bằng cách chạy chọt nào, bằng những quen thuộc nào, Hiền không nói mà tôi cũng không hỏi, cô xin được về Phòng Lương thực khu Hai Bà, vẫn làm kế toán. Nhân viên vô danh nhưng nơi làm là trung tâm quyền lực của một thời. Vì mọi giá trị của ngày ấy đều được quy đổi ra gạo, như mọi giá trị của hôm nay được quy đổi ra tiền đô vậy, nên nhân viên Phòng Lương thực có thể quan hệ với mọi nơi, thân quen với mọi người và mua được mọi thứ mình cần theo giá cung cấp. Bằng phiếu gạo đổi đi đổi lại, Hiền có thể mua những thuốc quý hiếm theo giá nội bộ để phục hồi sức khỏe. Bữa ăn của nhà chồng đã có thịt quay, cá thu kho, canh nấm, lòng lợn và chân giò thềm lúc nào mua lúc ấy, đồ tươi cả, ngon cả, mua trong các cửa hàng cung cấp. Cũng với phiếu gạo, Hiền đã mua được những chai rượu sâm Triều Tiên để hai người già uống mỗi tối, lụa đen may quần, áo bông nữ trần nhỏ và khăn len màu nhả cho bà cô, tiền ăn phở và uống cà phê mỗi sáng cho bố chồng và chồng. Cũng vẫn là Hiền chi tiền mua sắm các ngày giỗ và Tết, tiền mừng và tiền phúng cho họ hàng gần và xa của nhà chồng.

Bây giờ mỗi bữa ăn tối ở gia đình là niềm vui và mong đợi của cả bốn người. Bữa cơm vẫn dọn trên cái mâm nhôm méo mó nhưng đã có màu sắc và hương vị. Bà cô chồng múc một thìa canh nấm vào bát, húp dè dặt từng chút một, cắn một miếng nấm nhồi giò sống, nhai trệu trạo rất lâu rồi bảo: "Có dễ đến mười mấy năm mới được ăn canh nấm. Nay, nhà đại gia mới dám ăn canh nấm vào bữa thường đấy nhá!" Bố chồng giờ cao ly rượu sâm ngấm nghĩa một lúc rồi mới nhấp một ngụm rượu nhỏ, gấp rón rén một mảnh đậu Hòa Lan, một miếng giò, nhai chậm rãi và ngấm nghĩ, hai má dần dần rựng đỏ. Người già coi trọng miếng ăn không chỉ vì thích ăn ngon, mà còn vì miếng ngon miếng bùi thường gợi nhớ những ngày sung

sương đã xa xôi, những năm tháng khó nhọc vừa nếm trải, và bây giờ, nhờ trời vẫn còn sống, còn khỏe mạnh để được thưởng thức lại cái miếng ngon đã quên với con với cháu. Chỉ tội nghiệp bà mẹ chồng, có ngày bà về muộn, không ăn gì, đi nằm ngay. Bữa nào về sớm bà mới ăn cơm với gia đình, nhưng không ngồi ăn cơm chung mà xới cơm vào một cái bát to, đổ thức ăn lên trên, ngồi riêng ra một nơi, vừa ăn vừa lẩm nhẩm tính toán món tiền thu được trong hoang tương một ngày. Hiền chỉ ăn rất ít, cô xới cơm cho chồng, gấp thức ăn cho bố và cho cô chồng, thưởng thức cái ngon của bữa cơm qua cái măn nguyện, cái hả hê của người khác với đôi chút hãnh diện.

Trong một lần ăn tối, Hiền đã nói với bố chồng truyền nghề làm bánh kẹo cho cô. Sẽ có ngày mọi người sống sướng hơn, muốn được ăn ngon hơn sợ lại không còn người biết cách làm. Bố chồng thơ dài: "Cái miếng ngon không thể nói bằng lời, viết ra giấy mà làm được. Phải vừa làm vừa học mới biết". Rồi ông lại nói: "Phàm đã làm cái gì cho đặc sắc thì phải có chủ có thợ. Thợ phải do chủ chọn, làm theo ý chủ, không được cãi. Nhưng nó lại trái với cái thời bây giờ". Hiền ao ước sẽ có ngày cô mua lại cả cái nhà này, sẽ mở lại cửa hàng bán bánh kẹo như ngày xưa, treo lại cái bảng hiệu như ngày xưa. Biết đâu đấy!

Năm 1973, tôi đến thăm Hiền, cô đã là một thiếu phụ khác rất nhiều với thời con gái. Hiền mập ra tới hai chục ký, da trắng hồng, tóc uốn cao, tay đeo đồng hồ nữ Liên Xô, mặc áo khoác lửng màu trắng của Đức, sang trọng như một mệnh phụ. Ngày ấy đàn bà con gái Hà Nội đã quên hẳn dùng nữ trang bằng vàng, không hoa hột dây nhẫn gì cả. Chứ không như bây giờ, đàn bà đeo vàng đầy người đã đành mà con trai, ông già, nhà báo, nhà trí thức cũng nhẫn vàng, dây chuyền vàng, càng to càng sang, càng nặng càng được trọng, cứ như dân chạy hàng sách một lượt. Lúc này Hiền đã có một đứa con trai đầu lên năm, lại đang có mang đứa thứ hai. Ông chồng bị thải khỏi đội bóng vì đã lớn tuổi, trở lại làm thợ máy, thợ phụ, thợ vớ vẫn nên lương rất thấp. Người vợ liền nói với anh trai chồng đi xé vé xe khách, lương vẫn thấp nhưng có lộc, lại được ăn uống thỏa thuê. Sau sáu, bảy năm ở nhà chồng đến tận bây giờ cái nhà mới ra cái nhà. Có tiếng trẻ con la hét, vòi khóc và tiếng bà cô đổ dành, đe nẹt. Ông bố chồng nói to hơn, cười cũng to hơn, đi lại mạnh mẽ. Những ngày nghỉ, chồng của Hiền lại dẫn dắt ba anh bạn về nhà ăn cơm. Một nhà đầy ắp tiếng mời chào, thăm hỏi, đầy ắp tiếng cười. Trong màn trình diễn "một gia đình hạnh phúc" Hiền là diễn viên chính. Có bữa sau giờ làm chiều, Hiền có việc phải đi đâu đó chậm về nhà mất hai tiếng. Cả gia đình như sống trên miệng vực suốt hai tiếng chờ đợi. Lúc ăn cơm tối, bà cô chồng bảo: "Từ nhỏ tới già chưa lần nào tao phải sợ như cái sợ vừa rồi. Nói đại, lỡ có chuyện gì xảy ra thì cái nhà này sẽ ra sao? Sống không nổi mà chết cũng không nổi con ạ."

Vui được vài năm thì những người già kế tiếp nhau ra đi. Đầu tiên là bà mẹ chồng đi nắng về mưa mỗi ngày, nhiễm sương nhiễm gió, lại ăn uống thất thường, bị cảm có vài ngày là mất. Đám ma cũng đàng hoàng để tiễn đưa một người đã có thời là người đẹp của Hà Nội. Rồi đến bà cô chồng, bà không ốm đau gì, chỉ yếu dần đi, ăn ít đi, mỗi bữa chỉ lưng cháo loãng nhưng vẫn đi lại được nói năng tinh táo, tối tối vẫn ngồi ôm cháu cho nó ngủ. Khi bà mất, Hiền vuốt mắt cho bà rồi cô ngồi lặng lẽ ngắm nhìn rất lâu cái gương mặt đã nhỏ quắt lại như quả ô mai khô, nước mắt đầm đìa. Đã nhiều năm nay họ sống với nhau, hy sinh cho nhau bằng cái tình mẹ con rồi. Ông bố chồng mất năm ông vừa tròn 65 tuổi. Cũng như mọi sáng, ông tỉnh giấc từ lúc tối đất, đun một siêu nước bằng bếp dầu để pha ấm trà buổi sớm. Uống hết một tuần trà, nhìn qua khe cửa thấy trời trắng dần, ông mới đánh thức con dâu con trai dậy chuẩn bị đi làm. Sau đó ông lại lên giường nằm thêm một lúc. Hiền mua phở về mời bố dậy ăn, không nghe bố trả lời, Hiền vén màn nhìn thấy bố nằm nghiêng, đầu gối lên chiếc gối mây, một bàn tay ôm lấy má như người ngủ quá say. Tối lúc cô đưa tay lay lay khẽ mới biết bố đã mất rồi.

Người già ra đi thì một dây người trẻ ùa đến. Đó là các con trai và con dâu của hai ông chú. Họ

trạc tuổi trong ngoài ba mươi, thô bạo, táo tợn, quyết liệt. Hiền vội vàng mua gạch xây luôn cái phần nhà đang ơ có hai mét nhìn ra mặt đường để tránh mọi va chạm. Nhưng rồi sự va chạm vẫn có, bắt đầu từ cái bếp, rồi đến nhà vệ sinh, sau là nhà tắm. Hiền lại xây bếp và nhà tiêu trên phần đất của mình, như một hộ khép kín.

Một năm sau, khi cả ba cặp vợ chồng đều đã xin được việc làm ở Hà Nội, trong biên chế nhà nước hẳn hoi, có sổ hộ khẩu thường trú, là những công dân chính thức của Hà Nội thì cuộc chiến huynh đệ mới thật sự bắt đầu. Ấy là họ đòi bán nhà hương hỏa của dòng họ, chia tiền đều làm bốn phần để mỗi gia đình mua nhà riêng mà ở. Sống mỗi người mỗi nhà, già mỗi người mỗi mỗ, có sống riêng ra thì mới còn anh còn em. Nhưng vợ chồng Hiền không chịu bán, các chú muốn bán thì cứ bán cái phần đất của các chú, còn phần chúng tôi thì chúng tôi để ở. Vẫn biết người ta mua nhà là mua địa điểm, mua mặt bằng chứ ai mua cái xác nhà đã hư nát. Miếng đất hẹp lại, mặt tiền hẹp lại, tất nhiên giá tiền mỗi thước đất phải giảm đi. Dầu là vậy, Hiền vẫn không nhân nhượng, không mềm lòng, không thể bỏ lỡ cái cơ may hiếm hoi, duy nhất: có được một gian nhà có mặt tiền ở một đường phố lớn.

Trong cuộc chiến tranh giữa những người cùng máu mủ, Hiền đánh đá, quyết liệt, là một người đàn bà khác hẳn, xù lông giương vuốt để giữ chặt lấy cái phần của mình. Nó không chỉ là đất mà là tiền, là cái đầu của một cơ nghiệp mà cô đã tính toán và đặt rất nhiều hy vọng. Cuộc chiến kéo dài đúng một năm, có cả văn lẫn võ, cuối cùng đám đàn ông hùng hổ phải hượng bộ, đành chịu bán cái phần đã được chia của họ. Bởi họ cũng sợ làm to chuyện có khi lại mất ráo. Hiền kể lại chuyện nhà đất cho tôi nghe, rồi cô tự khen mình: "Em cũng là người nặng tình cảm họ hàng lắm. May sao lần này em không anh em lằng nhằng gì cả. Đã đụng vào quyền lợi của nhau tức là kẻ thù rồi. Có phải dùng dao mà xử em cũng dám". Tôi nghĩ thầm, cũng may mà lúc ấy bố chồng và cô chồng đã mất rồi, nếu các cụ còn sống lại đứng giữa dàn hòa thì chưa biết sự thế sẽ ra sao ?

Hiền làm kế toán ở phòng lương thực được bảy năm thì bị đuổi việc vì có dính líu vào một dây ăn cắp. Cô chỉ buồn một tí nào, còn lấy làm mừng đã không phải ngồi tù, cô bảo tôi: "Bây giờ em đã có vốn rồi, có xoay sở cách gì cũng vẫn được". Hiền chỉ nghỉ ở nhà chừng vài tháng, các ông anh liền giao hàng cho đi bán các chợ. Lúc này miền Nam được giải phóng, mỗi anh bộ đội về Bắc đều mang theo một cái khung xe đạp nhưng không có phụ tùng. Hai người anh trai và người em rể liền cộng tác với mấy tổ hợp sản xuất làm nồi trọc giữa, trục moay-ơ, côn phuốc, nguyên liệu là sắt vụn nhưng có tay nghề cao, tối mạp giỏi, nhìn thành phẩm không thể phân biệt được với hàng Trung Quốc hay hàng Tiệp. Làm bao nhiêu bán hết bấy nhiêu, mỗi cái lãi vài hào, bán cả chục vạn cái lại là một món tiền lớn. Hàng lậu thuế lậu cả nhãn nên sản xuất phải bí mật, đi giao hàng cũng bí mật, tiền bán nhét từng bao nhưng gian nan, nguy hiểm cũng vô cùng. Nhưng không thấy mệt, không thấy sợ, tiền nhiều quá, tiền vào như nước lụt, cứ mê đi vì tiền. Mỗi ngày Hiền bắt đầu đi giao hàng từ bốn, năm giờ sáng. Rét cắt ruột muốn nằm nán lại với chồng con ít phút, nghĩ đến tiền lại vùng dậy. Mưa bão cũng phải bật dậy. Hiền giấu hàng bằng cách lấy tã của con quấn quanh người hai vòng rồi ken trục dày sắt như găm đạn. Có lần cô dắt xe chen lẩn giữa đám đông bắt đồ bị công an đưa tay cản lại, rồi cậu ta đứng sững, nắm vội lấy bàn tay người vừa chen, hỏi: "Chị mặc áo giáp bên trong đây à? Đi theo tôi!" Bữa ấy cô phải mất một cái nhẫn vàng một chỉ mới thoát thân.

Một ngày Hiền phải đạp xe tới sáu, bảy chục cây số, đạp mười giờ mỗi ngày, không nghỉ một lúc nào, đói quá thì nhảy xuống xe ăn vội một bát bún, một gói xôi, có khi chỉ một củ sắn luộc cũng xong. Ăn cho nhanh còn đạp. Mà không ốm bao giờ, váng đầu sổ mũi cũng không, người cứ béo đen, thế mới biết cái hơi tiền còn mạnh gấp mấy những liều thuốc bổ. Là người Hà Nội nhưng Hiền không quan tâm tới bất cứ vẻ đẹp nào của Hà Nội.

Cô chỉ biết có tiền, chỉ thuộc các đường ngang ngõ tắt, cái mặt sau, cái phía nhầy nhụa, nhớp nháp của Hà Nội. Và thuộc mặt các chú công an, mấy ông quản lý thị trường, thuộc tên tuổi, thuộc tính nết, nhìn từ xa đã biết, nhìn sau lưng cũng biết, cứ như người trong gia đình để khỏi phải bắt thằn va vào họ. Buôn Đông bán Tây cũng không bằng những mặt hàng bán vài đồng lãi vài hào. Hàng bán được mọi mùa, mọi nơi, giá rẻ, bán ra nhiều là bí thuật làm giàu của các nhà tỉ phú. Tiền kiếm được bằng mồ hôi, bằng tính mạng mà khi đếm tiền cứ ngỡ mình vừa ăn cướp của ai. Cái khó nhọc, cái lo lắng xong việc là quên liền, còn đồng tiền vẫn lù lù trước mặt nên cứ nghĩ tự nhiên mà có.

Người kiếm ra tiền không hề thèm ăn mà cũng không thích mua sắm, bởi họ nghĩ rằng nếu mình muốn lập tức có ngay nên không thấy cần muốn. Chỉ có ông chồng là vẫn thích tiêu tiền, đưa bao nhiêu cầm bấy nhiêu chứ không đòi. Và lại anh ấy không trà rượu, không cờ bạc, không trai gái nên mức chi tiêu cũng vừa phải, gọi là có chút tiền dần túi. Một ông chồng không cho người vợ chút hy vọng nào nhưng cũng không gây thêm những lo lắng, thế là được, thời buổi này kiếm được một người chồng biết điều cũng là hiếm, Hiền bảo tôi như thế.

Những năm sau tuy ở xa Hà Nội nhưng mỗi lần có việc ra Bắc tôi đều thăm Hiền. Người chồng đã mất năm 53 tuổi vì tai nạn giao thông. Cũng là một người đàn ông sung sướng, một đời được nhờ cậy vợ. Bà góa đã cưới vợ cho thằng con trai đầu khi nó ở bộ đội về, có một cửa hàng bán mĩ phẩm tuy nhỏ nhưng doanh thu lớn vì còn bán buôn. Nhưng tôi không thể ngờ một tay cô ấy lại xây nổi một ngôi nhà to đến thế, đẹp đến thế. Nhà được xây trên phần đất được chia của nhà cũ, nhà ba tầng nói theo ngoài Bắc, còn gọi theo trong Nam là một tầng trệt và hai căn lầu. Mặt tiền hẹp có hai mét nhưng sâu lòng, nhà như cái ống nhưng là một cái ống sáng choang, bóng loáng với đầy đủ tiện nghi. Hiền mập hơn trước rất nhiều, đi lại bậm bạch, chân tóc phía trước trán và hai bên vành tai đã bạc trắng cả. Năm mươi tư tuổi rồi, cũng già rồi, một bà già có sản nghiệp, có con cháu, có bạn bè được phổ phùng nể trọng. Tôi nói với Hiền:

- Vợ chồng tôi về già vất vả hơn cô nhiều. Thế là cô thắng rồi. Một người khôn ngoan, tháo vát như cô thắng là phải.

Cô em họ nhìn tôi rồi mỉm cười buồn bã:

- Vẫn thua anh ạ, rút cuộc về già là thua. Luật đời mà. Lại thế nữa!

Là sao nhỉ? Hiền tính, cô có hai con trai, một dâu một cháu nội. Năm tới sẽ là hai con dâu. Anh em trai ở với nhau thì được nhưng chị em dâu lại không thể sống chung được. Sống chung sẽ có ngày chúng đâm chém nhau vì hai gia đình chỉ có một cửa hàng, chỉ có một chỗ làm ra tiền, sẽ không ai chịu nhường ai, cũng không ai muốn chung đụng với ai trong cái thời buổi đến thần thánh cũng phải quy lụy kẻ có tiền.

Hiền nói:

- Đám trẻ bây giờ chúng kiếm tiền quyết liệt lắm, lạnh lùng tàn nhẫn hơn bọn em nhiều. Và không vì một ai cả, không thương một ai cả. Có tiền để trở thành người mạnh, thành ông chủ, chúng bảo thế. Mỗi thời cái cách dùng đồng tiền lại một khác anh nhỉ? Ngay từ bây giờ em đã coi cái nhà này là của chúng nó rồi, là tặng phẩm của mẹ cho các con và em sẽ khuyên chúng nó nên bán đi chia tiền nhau mua nhà mà ở. Cái mộng một thời của em là mở lại cửa hàng làm bánh kẹo nổi nghiệp nhà chồng coi như vớt. Có hai thằng con không thằng nào ủng hộ mà em thì lại già rồi. Bây giờ chúng nó thích kiếm tiền một cách táo tợn, nguy hiểm, thắng thì làm vua, thua thì đi tù, ăn cơm muối hoặc chết cũng chẳng sao. Chứ không thích danh, không hám cái danh hiền lành, vất vả của một nhà, một nghề. Cũng treo bảng hiệu cả đấy nhưng họ có bán cái thứ họ trưng lên đâu. Quảng cáo

một thứ, buôn bán một thứ thì cần gì danh. Càng vô danh càng tốt. Đồng tiền kiếm được bằng cái vô danh thì khiếp lắm. Thời thế đã thế thì em lại phải có cách tính toán khác. Em sẽ không ơ với đứa nào cả, ở một mình, tự mình nuôi lấy mình. Em vẫn có vốn liếng riêng. Có ai đại gì dốc hết hầu bao cho chúng để về già thành người phụ thuộc, thành đầy tớ, muốn ăn bát phở cũng phải ngửa tay xin tiền. Tuổi già phải sống một mình là buồn lắm, em biết chứ. Nhưng chịu cái buồn vẫn hơn chịu cái nhục, cái nghèo, em nói thế có phải không anh ?

Tất nhiên là phải rồi! Cô em tôi tính toán từ trẻ đến già có bao giờ mà chẳng phải. Rồi Hiền lại hỏi tôi đã chuẩn bị cho tuổi già ra sao rồi ? Tôi áy hả ? Ăn còn chẳng đủ lấy đâu ra tiền dư để chuẩn bị. Nói thế chứ tôi cũng có cách chuẩn bị của tôi. Ấy là khi tôi đã không kiếm được tiền nữa, đã thành kẻ vô tích sự trong gia đình, lại bệnh tật, lại trái chứng, gây khó khăn, gây phiền phức cho những người sống thì tôi vẫn giúp được các con tôi một lần cuối: chết thật gọn gàng, thật sạch sẽ để chúng khỏi vì mình phải chi tiêu quá nhiều tiền.

Má đào

Vào đầu thế kỷ, khi việc hôn nhân của con cái thường do cha mẹ sắp đặt, thì cô Dịu đã biết yêu, biết sống và hy sinh cho sự lựa chọn của mình. Qua hai đời chồng không giấy hôn thú, tự mình nuôi những đứa con khôn lớn, về già, cô lại cô đơn. Nhưng cô là người đàn bà biết chủ động đón nhận cả niềm hạnh phúc, nỗi đau một cách bình thản.

1

Trong số họ hàng bên ngoại tôi yêu nhất cô Dịu. Ông ngoại tôi và cụ thân sinh ra cô là anh em ruột. Mẹ tôi và cô Dịu thân nhau từ thời con gái cho mãi tới năm mẹ tôi mất, một tình bạn kéo dài non nửa thế kỷ. Vì họ có cùng một cảnh ngộ. " Cô Dịu tiêng thế mà cũng khổ như tao" , ấy là niềm an ủi lớn nhất của mẹ tôi, vì bà thua kém cô em họ về đủ mọi phương diện. Cô tôi rất đẹp, là cái nhan sắc lộng lẫy của thời bấy giờ nên hơi lạ trong những năm đầu thế kỷ. Những người con gái đẹp của thời ấy mặt phải tròn, mắt phải dài, răng đen hạt na, lông mày kẻ nhỏ. Và phải có da có thịt. Lại phải đi đứng khoan thai, nói cười ý tứ, có tướng bà, lợi chồng lợi con. Cái đẹp của cô Dịu hoàn toàn khác hẳn. Cô đẹp như đầm lai. Mắt hơi sâu với hàng mi dài, mũi cao, miệng nhỏ. Cô lại để răng trắng và búi tóc chứ không vấn khăn. Mái tóc của cô rất dài, mềm mượt như tơ chuối và quăn tự nhiên như người uốn. Mẹ tôi bảo, đàn bà có mái tóc quăn là vất vả lắm, nằm trên tiền vấn cứ vất vả. Tất nhiên là vất vả về đường chồng con. Cô Dịu không chỉ có sắc mà còn có tài. Tài nấu ăn và may vá thì khỏi nói nhưng còn có tài kiếm ra tiền bằng nghề nặn con giống và làm hoa giấy. Mỗi dịp Tết Trung thu cô lại từ Hưng Yên lên Hà Nội mang theo những bô đựng con giống và hoa giấy bán cho các cửa hàng quen ở Hà Nội. Mãi về sau này khi cô đã già cô vẫn làm hoa giấy, cánh lá màu sắc phải sờ tay mới biết là giả, bán cho các cơ quan trong tỉnh đã đặt trước. Còn thêm một nghề phụ nữa, là bán thuốc viên chữa các bệnh đường ruột, thuốc gia truyền, vì ông chú tôi có cửa hiệu bán thuốc bắc ở thị xã. Con gái tình lẻ nhưng mỗi lần lên Hà Nội cô ăn mặc rực rỡ như bà hoàng: quần áo đồng màu, phấn son của Pháp và đeo nhiều đồ nữ trang kiểu dáng rất lạ, nhưng cô lại bảo, đồ giả cả, là vàng mỹ ký cả, nhưng nhìn qua thì không thể biết. Mỗi lần cô Dịu lên Hà Nội đưa hàng, tối nào cả mấy mẹ con tôi cũng phải thức quá nửa đêm để nghe cô kể chuyện. Cô kể chuyện rất có duyên và chuyện của cô bao giờ cũng buồn cười. Cười đến tác thờ. ở thị xã Hưng Yên ngày ấy có bốn anh nhà giàu, gọi là tứ kiệt: Tín Mỹ, Sùng Long, Đức Phong, Đức Hợp. Một nhà bán thuốc Bắc, hai nhà bán tạp hóa và một nhà sửa đồng hồ. Cửa hàng vật, hàng lẻ đường ở Hà Nội, vốn liếng vài ngàn bạc mà cũng thành nhân vật tai mắt của thị xã. Và còn ngũ hung nữa: Phán Tường, Phán Thịnh, Nghị Định, Đình Ban, Lãnh Sáu. Phán Tường mở sòng bạc. Phán Thịnh làm ở dinh quan tuần, chuyên ăn của đút, lại có môn bài mở ty rượu và bán thuốc phiện, có treo bảng RA và RO. Nghị Định là nghị viên hàng tỉnh, có cổ phần ở sòng bạc, bạn làm ăn với cầm Arétto, sòng bạc có cầm tây đỡ đầu là an toàn nhất. Đình Ban là bác sĩ, các con bệnh sẵn sàng chịu

mất nhiều tiền để được cái danh đã đến phòng khám của đốc tờ Ban. Và Lãnh Sáu vừa là lãnh binh vừa làm mật thám. Một thị xã bé bằng cái bàn tay có những chín hung tinh nhưng chỉ có một Hằng Nga là cô Dịu nên cô quen biết cả chín gia đình và đều được họ chiều chuộng. Một bàn tiệc, dầu là bàn tiệc còm ở tỉnh lẻ cũng rất cần có một người đẹp cùng ngồi. Hơn nữa lại là một người đẹp biết nói chuyện, biết gây cười. Nhưng bà ngoại tôi, tức là bác dậu của cô Dịu, thì có ý chê. Mẹ tôi cười thì cười nhưng cũng không thích lắm. Cách sống của cô hình như đã vượt khỏi khuôn khổ một gia đình nho giáo. Con gái ngày ấy không được ra đường một mình, đi đâu phải có bố mẹ hay anh chị đi kèm. Nhà có cửa hàng, người con gái chỉ được phép trả lời những câu khách hỏi về thứ hàng họ muốn mua. Không được nói thêm, không được nói nhiều, và nhất là không được cười với cái nhìn lúng liếng. Có một lần cô kể một câu chuyện vui có cả bà ngoại tôi cùng ngồi nghe. ở thị xã có một địa điểm đẹp và rất nổi tiếng, đó là hồ bán nguyệt. Một bên hồ là con đê nhìn ra sông Hồng, còn một bên là đền Mẫu, đền thờ đức Thánh Trần. Một con đường chạy giữa rợp bóng cây và rất vắng lặng, nghe rõ tiếng lá cọ trên mặt đường vào mùa đông và tiếng ve kêu inh ỏi vào những ngày hè. Mới đây, cô Dịu kể, thị xã xây một cái cầu bắc qua một góc hồ, từ dinh quan tuần đến cổng sau dinh quan công sứ, nghe nói để bà tuần còn trẻ và đẹp tiện sang thăm người có quyền nhất trong một tỉnh. Ông công sứ tên là Vanhtrobe, góa vợ, lại nghiện, trước làm công sứ ở Bắc Ninh thì ông Lê... là án sát Bắc Ninh. Về sau ông công sứ được đổi về Hưng Yên liền kéo theo ông quan Nam triều, bạn nổi khổ, cùng về một tỉnh. Người Pháp rất quý những ông quan ta biết làm việc, nhưng dân chúng lại tán là bà tuần gần như là vợ không chính thức của quan công sứ. Tất nhiên là chồng phải biết. Biết thì biết nhưng người vợ làm thế cũng là vì công việc của chồng, không tính công thì thôi chứ kể tội thì oan. Bà tôi bảo ngay: " Chuyện trai gái nghe đâu bỏ đó, đừng có nói lại. Mình là con gái phải biết giữ ý" . Cô tôi quay mặt về phía mẹ tôi, thè lưỡi ra rồi lảng sang chuyện khác.

2

Cô Dịu là người đẹp của một thị xã nhỏ, lại là con nhà tử tế nên những gia đình có con trai lớn từ lâu đã có ý ngấp nghé. Chỉ ngấp nghé chứ chưa dám chính thức ngõ lời. Vì cô Dịu đẹp quá, tài hoa quá, lại sắc sảo nữa. Nên họ sợ. Xưa kia các cụ chọn vợ cho con trai thường lấy cái đức làm đầu, sau mới đến tài sắc. Thích Thúy Vân hơn Thúy Kiều. Người đàn bà đẹp từ cổ chí kim thường hay gây họa, cho chồng và cho gia đình nhà chồng. Cô Dịu đã hăm hăm hai tuổi vẫn chưa có nhà nào nhờ mới tới đánh tiếng chính thức. Còn cô, cô cũng có cách chọn người tình của riêng mình. Năm ấy, tức là những năm 30, những cô gái tân tiến đã biết ghét những chàng công tử bột, những thư sinh mặt trắng, những con ông cháu cha. Các cô mơ mộng những chàng trai có học nhưng từng trải và có gương mặt phong trần. Lại có nụ cười buồn và biết nói bóng gió, úp mở về non sông, về nòi giống. Là người có lý tưởng, lý tưởng gì thì các cô không biết, đại khái là có áp ủ một cái gì cao hơn, xa hơn cuộc đời anh viên chức sáng vác ô đi tối vác về. Cô Dịu đã chọn được người tình trong mộng năm cô 23 tuổi. Ông này là thông phán tòa sứ, bạn của anh ruột, đã có vợ và một con đang sống ở Hà Nội, chưa tới 30 tuổi. Khi mẹ tôi hỏi vì sao cô lại chọn yêu một người đàn ông đã có vợ, cô trả lời với lối nghĩ hài hước vốn có: " Chị ơi, cỡ lớn đâu đến phần mình, đành phải ăn thừa thôi" . Thời ấy, con gái chỉ thư từ cho trai nếu người ngoài biết chuyện cũng đã tai tiếng lắm, bố mẹ đã khó nhìn thẳng mặt người hàng phố. Huống chi cô tôi lại có mang với người tình và cùng người tình trốn về Hà Nội để sinh con. Cô có vốn liếng riêng, lại có nghề làm hoa giấy và con giống nên sống tự lập được, không gặp khó khăn gì nhiều. Nhưng còn dư luận thì sao? Cô là con mỗi mong đợi những cái mồm rối chuyện ở tỉnh lẻ muốn cắn xé từ lâu rồi. Vì cô đẹp hơn họ, thông minh hơn họ và lại hay đem họ ra làm trò cười nay gặp hoạn nạn đời nào họ tha. Tha hồ mà bịa đặt. Và sự bịa đặt dầu vô lý đến đâu cũng vẫn có lý. Vì con người ấy là rất đáng ghét. Nó rất đáng ghét vì nó dám coi thường những điều cấm kị mà trong thâm tâm họ cũng muốn phá. Họ không dám làm chỉ vì họ nhát mà thôi. Cái táo bạo của kẻ khác khiến họ thêm muốn và vì thế mà kẻ kia lại càng đáng giận, càng đáng ghét. Mặc dầu cô Dịu sống ở Hà Nội nhưng phải một năm sau cô mới tới thăm mẹ tôi. Cô mập ra và đẹp rực rỡ. Trời đã cuối thu nên cô mặc áo nhung tím, đi hài cũng bằng

nhưng tím, cổ tay đeo cái vòng chạm, nơi cổ quần hai vòng hạt trai nhỏ. Cô vừa cười vừa bảo, hạt trai là giả nhưng vòng vàng là thật. Cô khoe đã sinh con trai, nặng 3 ký. Cô làm hoa giấy và thêu khăn châu áo ngự nên rất có tiền. Vẫn đẹp như xưa, vui như xưa và cô kể lại những chuyện người ta đồn đại về cô ở tỉnh nhà như chuyện của một người đàn bà bất hạnh nào khác. Chả buồn một tí nào. Vì cô đã được sống theo sự lựa chọn của chính mình. Chứ không sống theo sự lựa chọn của bố mẹ hay của người hàng phố.

3

Cô Dịu sống trong hạnh phúc của mối tình đầu được hai năm thì phải chia tay với người tình. Không phải cái dư luận độc ác đã làm cô nản chí mà, tội nghiệp thay, lại do chính người đàn ông cô yêu đã tỏ ra quá mệt mỏi, quá nhút nhát khi phải đa mang một mối tình thêm và một đứa con thêm. Nghĩ là tượng đá chẳng dè là bột nặn, gặp mưa gió lập tức biến đổi hình thù, biến đổi từng ngày khiến cô không muốn chứng kiến cái sự rữa ra của đồng bột thiu. Cô chia tay với ông chồng hờ rất nhẹ nhõm, rất dịu dàng, không đòi hỏi gì, không trách móc gì. Anh đã mệt quá thì anh nên nghỉ, còn tôi, tôi vẫn đủ sức nuôi tôi và nuôi con cho tới ngày nó khôn lớn. Khi trò chuyện với mẹ tôi về sự chia tay của hai người, cô không hối tiếc một chút nào. Cô đã dám yêu, đã được yêu và có con với người mình yêu. Thế là quá đủ! Tất nhiên là mẹ tôi không thể hiểu được lý lẽ của cô. Vì cụ chưa bao giờ được biết mùi vị của tình yêu. Mẹ tôi có hai đời chồng nhưng cả hai lần đều do bà ngoại và bác trai tôi quyết định. Là con gái thì phải đi lấy chồng. Lấy lần đầu không thành, tuổi còn trẻ, thì lấy lần thứ hai. Gia đình bảo thế, phố phường nói thế, xưa nay là thế, thì làm theo thế. Khi đứa con trai cô Dịu đã lên năm, cô mới đi bước nữa. Năm ấy cô mới 28 tuổi. Vẫn rất đẹp, cái đẹp mặn mà, ấm áp của một người đẹp đã có một đứa con. Ông này góa vợ, có ba con riêng tuổi xấp xỉ với tôi, là nhà kinh doanh có tên tuổi và cũng là tay ăn chơi khét tiếng của đất kinh thành. Ông giống một chàng Từ Hải tân thời còn cô Dịu như nàng Kiều muốn nương mình nơi bóng cả. Một ông Từ Hải tiêu tiền như nước, nói năng huênh hoang, táo tợn. Nhưng Từ Hải không đánh nàng Kiều còn chú tôi lại hay đánh vợ. Vì ông vẫn không bỏ được cái tật trai gái. Mà cô tôi thì cả ghen. Có lần hai mẹ con tôi lại thăm cô, cô từ trong màn bước ra, hai mắt và một bên má tím bầm vì đòn chồng. Mẹ tôi thì khóc nhưng cô vẫn cười nói như không. Cả hai người đàn ông đều do cô tự chọn, có nhờ người khác chọn hộ đâu mà than vãn.

Nhiều năm về sau mỗi lần nói về cô mẹ tôi lại thở ngán than dài. Rằng cô tài sắc hơn người, lấy những hai đời chồng mà không một lần được mặc áo cưới, được ngồi xe cưới, họ hàng cũng không được ăn miếng trầu mừng. Toàn lấy theo thôi. Mà cả hai người đàn ông nào có ra gì. Chỉ được cái mẽ ngoài. Ông trước là bột nặn, ông sau là giấy bồi. Vô cả. Một ông thì sợ sự đàm tiếu của thiên hạ mà phải bỏ người mình yêu. Một ông thì đúc ra một loạt con rồi để các con cho vợ nuôi, vợ dậu còn ông thì đi công tác, lúc ở Bộ, lúc ở tỉnh, quen đủ mọi cấp, bàn đủ mọi chuyện nhưng thực ra ông đang làm việc gì thì đến vợ cũng không thể biết..

Năm 50, tôi từ khu Ba vào Thanh Hóa thăm cô Dịu và các em ở thị trấn Hậu Hiền. Cô không già đi bao nhiêu, vẫn vui vẻ, duyên dáng như ngày còn trẻ. Cô nuôi các con bằng nghề làm thuốc viên chữa các bệnh đường ruột. Nhiều người bệnh viện đã bỏ về uống thuốc của cô lại khỏi. Thuốc gia truyền mà. Rồi thêu cờ thi đua và làm hoa thi đua cho cả tỉnh. Rồi dạy binh dân học vụ và hoạt động văn nghệ ở xã. Là một người quen thuộc ở thị trấn, bà lang Dịu, cô giáo Dịu, bà Dịu văn nghệ, bà Dịu thêu, ai cũng biết. Tôi hỏi thăm chú tôi, cô nói, chú vẫn đi công tác, lâu lâu tạt về thăm vợ con một lần, ở lại nhà khoảng mười ngày để vợ con hầu hạ, nuôi nấng, vá quần áo cũ, may thêm bộ mới và lúc đi lại cầm theo một gói tiền. Cô nói: " Chú anh vẫn thế, ông ấy chả chịu khổ một ngày nào" . Đàn ông lắm người cũng tốt số nhỉ?

4

Cô tôi hiện vẫn còn khỏe, mặc dầu đã sang tuổi 79. Nếu mẹ tôi còn sống thì cụ đã ở tuổi 91.

Chị em hơn kém nhau một giáp. Chị ở Mão trên, em ở Mão dưới. Đàn bà tuổi Mão thường vất vả về đường chồng con. Nếu lấy chồng sớm không mấy ai thoát khỏi qua hai lần đò. Nhưng cô Dịu không bao giờ tự xem là người đàn bà bất hạnh. Cô đã lấy những người đàn ông cô yêu, tự nguyện hy sinh vì họ, dầu họ chỉ là những người chồng tầm thường, có nhiều khuyết tật. Năm 70, chú tôi mất, con cháu đông đủ, đám ma rất to vì chú tôi là ủy viên mặt trận của thị xã. Cô lên Hà Nội ở với con trai là giáo viên trường nghệ thuật sân khấu trong một căn hộ tập thể. Con trai chưa vợ nên người mẹ phải làm mọi việc tạp vật của một gia đình. Cô vẫn làm thuốc gia truyền và làm hoa giấy, bán cũng có, cho cũng có, làm cho vui, làm cho có bạn. Cô tôi luôn luôn có nhiều bạn đủ mọi lứa tuổi và họ đều mê say được nghe cô nói chuyện. Dù thứ chuyện, chuyện thời xưa, chuyện bây giờ, toàn chuyện vui thôi, chuyện để cười thôi. Cô không chỉ nói chuyện cho vui mà còn dạy nữa. Dạy các cô giáo, các bà chủ gia đình cách nấu một bữa cỗ, may thêu quần áo, cả cách ăn ở với mẹ chồng, với họ hàng nhà chồng và với chồng. Cách xử sự của cô là: không đòi hỏi gì ở người đàn ông cả, mình cứ làm hết bổn phận. Nếu là người biết nghĩ thì họ sẽ tự sửa đổi, do họ muốn sửa đổi chứ không phải do người đàn bà đã buộc họ phải sửa đổi. Đàn ông họ sợ nhất sự bắt buộc. Với những ông chồng có tính phóng đảng, cô khuyên các bà vợ, nếu muốn buộc chân họ thì nên dùng dây dài chớ dùng dây ngắn mà hồng. Cô lại nói, tốt nhất là đừng buộc gì cả, cho họ tự do hoàn toàn, còn mình phải tạo ra một gia đình thật ấm áp, là nơi trú ngụ tin cậy nhất của các ông chồng sau mọi thất bại. Về nhà là về với sự yên tĩnh, sự thoải mái, để lấy lại những thứ mà họ đã đánh mất ở nơi này hay nơi kia. Cô khuyên người những điều mà cô đã một đời làm theo, còn kết quả ra sao thì không dám chắc. Với cô thì hết sức buồn. Chồng buồn đặng chồng, con buồn đặng con. Năm người con của hai đời chồng đều là những người tử tế, hiền lành nhưng vất vả. Vì họ quá vất vả nên họ không có thì giờ và tiền bạc để quan tâm tới mẹ. Họ chỉ nghĩ tới mẹ khi họ cần có bà ở cạnh để dựa cậy. Một con trai bị lao phổi phải nằm bệnh viện, vợ lại bỏ, không có người hầu hạ liền nghĩ đến mẹ. Một con trai khác lúi húi làm giàu quên mất mẹ, tới lúc bị ung thư gan nằm chờ chết bỗng thấy sợ hãi đủ mọi thứ mới gọi mẹ tới. Con gái bỏ chồng chưa biết đi đâu về đâu làm gì lại kêu cứu mẹ. Và mỗi lần con cái gọi là người mẹ lập tức lao đến. Sự có mặt của bà có làm chúng dễ thở hơn thật, bình tâm hơn thật. Phép lạ của bà rất đơn giản: không một ai tránh được những tai họa này nọ ở đời. Nhưng cách nhận nó như thế nào lại thuộc quyền của mình. Nhận nó bằng nụ cười vẫn dễ chịu hơn, nhẹ nhõm hơn là tiếng rên la.

Cách đây hai năm khi cô tôi đã 77 tuổi, bất đồ bà bị ném từ trên võng mắc cao xuống nền nhà vì dây cột võng bị tuột. Trai tráng bị cái ném ấy cũng ê ẩm người hưởng hồ một bà già. Rất có thể bà cụ sẽ bị liệt cho đến chết. Tôi đến thăm cô, bà nằm trên giường mặt mũi lợt lợt nhưng vẫn móm mém cười, bảo tôi:

- Từ trẻ đến già chả có cái khổ nào mà tôi không được ném qua. Đã nghĩ ông Trời tha cho lúc tuổi già, nào ngờ Ông vẫn nhớ.

Nói xong lại cười, cười ào ào. Cái khổ lúc còn con gái, lúc đi lấy chồng, lúc có con cái. Mỗi đoạn đời có bao nhiêu cái khổ cô tôi đều có cái phần của mình cả. Đã mừng lúc tuổi già cô tôi vẫn khỏe mạnh, tinh táo cũng là có sự đền bù. Nào ngờ cái số đã khổ thì mọi tuổi mọi khổ, không thoát được. Mười ngày sau tôi lại thăm thì bà đã vịn giường vịn ghế ngồi được vào bàn ăn cháo. Bà bảo: " Tuổi già không để con cái phải hầu những việc bản thân là phúc to rồi. Tôi không dám mong khỏe được như ngày xưa" . Một tháng sau bà đã đi lại không phải chống gậy, rồi lại đi chợ, rồi bảo con đèo sang nhà tôi chơi. Lại trò chuyện, cười đùa với các cháu, và dự tính giáp Tết sẽ ra Hà Nội ăn lại một cái Tết ngoài bắc đối già. Như chả có chuyện gì đã xảy ra cả. Nghe vợ tôi nhăn nhó than thở về những bệnh tật có thật và tưởng tượng, cô tôi vừa cười vừa bảo:

- Ai mà chả phải chết, đừng có chết vặt bằng những lo lắng lảm cẩm mà thiệt.

Vợ chồng tôi cũng phải phì cười. Cái cười không mất tiền mua mà sao con người ta lại khất khe với mình đến thế!

Người ngu

Cho đến tận bây giờ tôi vẫn còn ám ức khi nghĩ lại cách xử sự của mình trong cái chuyện vớ vẩn đã xảy ra là đúng hay không đúng, là người rất biết điều hay là một kẻ hết sức ngu. Chắc là ngu thì đúng hơn vì tôi vốn là người nhút nhát, rất sợ người khác to tiếng vì họ phải chịu thua thiệt, chịu uất ức. Nhưng cũng chưa hẳn đã ngu đã dại vì cái mặt của ông ấy là mặt người lương thiện, cách nói năng cũng của người lương thiện. Ông ta lại còn nói : "Vi bác là người có tuổi nên tôi..." Quân lừa đảo, quân lưu manh làm sao có giọng nói nhỏ nhẹ ấy, hẳn sẽ làm ầm lên để đám đông bu đến rồi lấy họ làm áp lực để phân xử phải trái. Nhưng các con tôi không đồng ý với nhận xét của tôi. Chúng nói như đánh đống cột rằng tôi đã bị lừa, kẻ kia giảng bầy một cách trắng trợn, một cách hiển nhiên mà con tôi vẫn lao đầu vào không một chút ngờ vực, không một chút phản ứng thì thật lạ. Phải là người ngớ ngẩn lắm, không có một tí thông minh nào mới làm cái việc như tôi đã làm. Người ám ở như bố mà còn viết văn viết báo được nhỉ ? Bọn trẻ còn nói thêm thế.

Buổi sáng hôm đó, vào khoảng 9 giờ, tôi nhận được điện thoại của một tờ báo lớn của thành phố mời tôi lại tòa soạn nhận tiền đọc bài và tiền nhuận bút. Tôi đạp xe đi ngay vì tôi cũng đang cần tiền. Tiền ăn và chi tiêu trong gia đình thì luôn luôn đủ vì mọi sự chi tiêu đã có lệ, có khoản, không bao giờ để thiếu nhưng cũng chẳng bao giờ có dư. Tôi cũng có một khoản tiền tiêu vặt nhưng cách tiêu thì vô chừng nên luôn luôn cảm thấy thiếu. Đã thiếu thì khó chịu lắm. Nhiều thứ lúc có tiền thì dừng dừng, chưa thấy cần mua nhưng hễ thiếu là lập tức khao khát được có, mong đợi được có. Người phát tiền nhuận bút đưa tôi một triệu, hai tệp tiền năm chục ngàn còn mới toanh. Nhận được tiền là về ngay. Có tiền trong túi, với người khác chẳng là bao, với tôi cũng là nhiều, nhìn thành phố quả nhiên có vui hơn mọi khi thật, vừa đạp xe tôi vừa tính toán những thứ cần mua và sẽ mua trong ngày mai để khỏi thất hứa với con cái. Chỉ tiêu có một triệu mà có thêm một niềm vui mới trong sinh hoạt gia đình, không chỉ một tuần, một tháng mà cái vui này có thể kéo dài thêm nhiều tháng. Cái vui của nhà nghèo cũng rẻ nhỉ ?

Xem chừng những anh chàng tỷ phú khó có được cái vui thơ ngây, hồn nhiên của một người chỉ có một triệu, sẽ được chi tiêu trong vòng một triệu. Những người giàu quá và những người no quá làm sao biết vui khi cầm tiền, biết vui khi được ăn một miếng ngon. Họ còn bận lo cái cách tiêu hóa và luôn luôn sợ rằng không thể tiêu hóa nổi. Giàu quá cũng như nghèo quá đều có nỗi khổ riêng của nó. Chỉ có anh thỉnh thoảng có được một chút tiền cầm tay như tôi là sướng, biết ngẫm nghĩ, biết thưởng thức cái sung sướng của mình. Vậy tôi là người đang sung sướng và sẽ còn sung sướng. Lúc đi lãnh tiền tôi đạp hơi nhanh vì có nhiều sự phấp phỏng lắm. Chẳng hạn lúc mình đến nơi thì gần hết giờ làm việc và người phát tiền đã về nhà. Hoặc cô ta lại vừa đi đâu đó không chừng đến giờ làm chiều mới quay lại. Hoặc người báo thì bảo đã có tiền rồi nhưng người phát tiền lại chưa nhận được cái lệnh ấy, hoặc giả số tiền hơi ít không như mình mong đợi, tiêu món lớn thì không đủ, đem tiêu vặt thì hơi phí. Đã trên bốn chục năm tới các nhà xuất bản, tới các tòa soạn báo để nhận đủ thứ tiền mà vẫn cứ phấp phỏng, lo sợ như cái thuở mới vào nghề, mới nhận được những món tiền nhuận bút đầu tiên. Nhưng mọi sự đã diễn ra rất suôn sẻ và số tiền nhận được cũng không ít, những một triệu. Nên lúc đạp xe về tôi đạp rất thong thả, có gì mà phải vội nhỉ ?

Một đời người lâu lâu lại có một hai giờ nhàn rỗi, thong thả, không làm gì hết, không nghĩ gì hết, đầu óc trống rỗng một cách khoan khoái cũng có thể xem là một đời đáng sống. Tôi đạp xe

đã gần về đến nhà, khoảng non một cây nũa là về đến nhà, vẫn đạp rất thong thả, vẫn trong tâm trạng rất nhẹ nhõm, rất khoan khoái thì có ai đó đạp lướt qua. Rồi nghe tiếng rơi của một vật, tiếng rơi rất nhẹ. Cũng chẳng để ý nữa, vẫn đạp tiếp, vẫn nghĩ ngợi vẩn vơ tiếp. Rồi chợt có tiếng người nói sát bên cạnh : "Ông đụng vào tôi mà ông vẫn bỏ đi à ?" Cái gì thế nhỉ ? Tôi quay mặt lại. Một ông già khoảng ngoài năm mươi hay hơn một chút, mặt hốc hác, đầu để trần, đạp cái xe Trung Quốc, nhìn tôi và nói nhẹ nhàng như thế. Tôi dừng xe lại, ông ta cũng dừng xe lại. Tôi hỏi ngờ ngác : "Ông vừa nói cái gì ?" Ông ta bảo : "Ta đứng vào trong hè nói chuyện". Tôi dắt xe vào hè ngay, vẫn thắc mắc : "Minh đụng xe vào ông ta à ? Đụng lúc nào ? Minh có thấy gì đâu". Người kia gạt chân chống xe, nhìn tôi rồi nói, giọng vẫn nhẹ nhõm : "Tôi nể ông là người có tuổi nên tôi..." Tôi hỏi lại, giọng hơi gắt : "Thì tôi đã làm gì ông ? Tôi đụng vào xe ông à ?" - "Ông đụng vào xe tôi, đã làm bể hai chai rượu của tôi chứ còn sao nữa !" Tôi càng hoang mang : "Tôi làm đổ xe của ông bao giờ, làm bể rượu của ông bao giờ ?" Ông ta lặng lẽ mở hé cái bị còi rất nhem nhuốc vẫn quàng một bên tay xe để tôi nhìn vào trong. Hai chai rượu hình vuông, hơi lùn với cái nhãn màu vàng nhạt. Hai chai Hennessy ! Ông kia nói tiếp : "Bây giờ tôi yêu cầu ông đi cùng tôi vào Chợ Lớn mua đèn tôi hai chai rượu ông vừa làm bể. Đây là rượu tôi mua để mừng cưới thằng cháu". Hình như tôi đã chịu thua ngay thì phải, chịu là người có lỗi ngay thì phải, bởi vậy tôi mới hỏi giá tiền của hai chai rượu. Người kia nói : "Bảy trăm tám chục ngàn, hai chai". Chết cha tôi ! Tôi lấy tiền đâu để đèn một cú đụng xe, mà chưa hẳn tôi đã đụng, những gần tám trăm ngàn đồng, ngót nghét một triệu đồng ?

Vô lý nhỉ ! Hết sức vô lý ! Tôi vẫn nói rất yếu ớt : "Nhưng tôi lấy tiền đâu để mua đèn ông hai chai rượu ?" Người kia nói như vững tin hơn, như dứt khoát hơn : "Tôi không biết, nhưng ông phải đèn tôi, ông muốn làm sao thì làm !" Tôi cũng không biết phải làm sao, đầu óc cứ rối mù vì sự việc vừa xảy ra, hết sức bất ngờ, hết sức vô lý. Tôi không thể chấp nhận cái sự vô lý ấy, nhưng cái thái độ không chấp nhận của tôi lại có những biểu hiện của người có lỗi, của người đầu hàng và đang tính toán sẽ phải đền bù như thế nào đây. Là chấp nhận, là bằng lòng nhận đèn chứ không phản đối. Mà nào tôi đã làm gì nên lỗi, tôi không có lỗi, tôi không có một chút cảm giác nào tôi đã đụng phải xe người khác, đã làm rơi bể cái gì đó của người khác. Đã tin là thế tại sao tôi không phản đối, không to tiếng, không quát thét ầm ĩ lên để có nhiều người xúm đến rồi nhờ họ phân xử giùm. Ít nhất cũng có người biết hai chai Hennessy để trong cái bị cà khố kia là rượu tây thật hay rượu giả. Nếu là rượu thật thì vỏ hộp nó đâu ? Rượu mua hàng hoàng tại các cửa hàng phải có vỏ hộp chứ ! Nhưng tôi đã không nói gì cả chỉ vì cái mặt của người kia là mặt người lương thiện. Hình như ông ta cũng đang bàng hoàng vì đã làm bể vỡ hai chai rượu đắt tiền mua tặng thằng cháu nhân đám cưới. Cái mặt nhẫn nhục, chịu đựng và hoang mang. áo sơ mi dài tay bỏ ngoài quần, đi dép nhựa và cái xe đạp Trung Quốc là những dấu hiệu hiển nhiên của một ông cán bộ đã nghỉ hưu, lại nói giọng Bắc, chắc là mới vào Nam sống với con cái. Tiền mua rượu là tiền của con cái chứ ông ấy làm gì có tiền. Nên sắc mặt có ý sợ, xem ra đã cảm chắc cái sự mất tiền rồi. Nói thì cứ nói chứ cái ông già kia lấy tiền đâu ra đèn. Chẳng lẽ đưa ông ta ra công an, nhờ anh em công an phân xử ? Ông ta cũng đi xe đạp, chắc cũng là người ăn lương hưu, ăn nhờ con, tiền tiêu còn thiếu lấy đâu ra tiền đèn ? Lại phải đèn những non một triệu ! Chắc là đã tính toán tuyệt vọng như vậy nên ông ta mới nói : "Vậy hiện giờ ông có bao nhiêu tiền ?" Tôi có thể nói tôi không có tiền, không có một đồng nào cả, muốn làm gì tôi thì làm chứ tôi không có tiền đèn, nếu tôi nói thế chắc ông ta cũng phải chịu, có thể chửi ầm lên vài câu rồi cũng phải chịu.

Nếu ông ấy làm to chuyện, có nhiều người ủa đến cùng tham gia xét xử rồi cũng đến xử hòa vì cả bên nguyên lẫn bên bị đều là những người già, lại cùng đi xe đạp, nếu có va chạm nhau là do sơ ý, do vô tình, bảo ai là người có lỗi cũng không phải. Cái lý là như thế. Lý đã là thế thì người bị bể hai chai rượu bị thua thiệt nhiều quá. Nếu ông ta còn làm được ra tiền thì con cái biết chuyện cũng chỉ trách nhẹ, tiếc tiền mà trách. Còn nếu ông ta ăn bám vào con cái thì vụ mất mát này là một tai họa thật sự, khó mà ăn ngon ngủ yên với chúng nó, chúng sẽ dần vật,

đay nghiến ông không chừng đến hết đời. Nghĩ một thoáng như thế, ngấm thân mình mà nghĩ liền như thế. Vì nghĩ như thế nên tôi trả lời ngay: "Tôi vừa mới lãnh lương hưu của cả vợ lẫn chồng được triệu bạc. Tôi đền ông một nửa số tiền bảy trăm tám chục ngàn, có được không?" Hỏi có được không, tức là đã sẵn sàng trả đủ nếu ông kia không chấp nhận. Bởi vậy người kia mới trả lời, giọng hơi lạ một chút, hơi gắt một chút: "Ông cứ sang Chợ Lớn với tôi, mua trả lại tôi hai chai rượu này là xong". Tức là ông già này không chịu bớt cho tôi một đồng nào cả, bắt bí nhau như thế cũng là không biết điều. Ví thử tôi không chịu trả ông một đồng nào thì ông đã làm gì được tôi chữa? Ví như tôi nói tôi chỉ có vài chục ngàn thì ông cũng phải chịu nhận số tiền tôi đang có chứ còn biết làm gì hơn. Đàng này tôi đã chịu đền đến một nửa, tức là bỗng dưng tôi chịu mất gần bốn trăm ngàn, mất rất vô duyên, rất ngớ ngẩn mà còn chưa lấy làm vừa lòng là nghĩa làm sao? Chẳng lẽ ông ấy cố tình bắt chẹt tôi, chẳng lẽ ông không phải là người như tôi đã nghĩ một cách thông cảm?

Vâng, tôi đã trả đúng bảy trăm ngàn, tức là còn thiếu tám chục ngàn, rất gọn ghẽ, rất nhanh chóng, nhanh chóng đến chính tôi cũng lấy làm ngạc nhiên, cứ như tôi là người rất giàu có. Người giàu có, người có bạc tỷ cũng chưa hẳn họ đã chịu chi một cách hào phóng như thế, một cách vô lý như thế. Ông ta cầm tiền rất cẩn thận, về mặt dửng dưng, không có một chút ái ngại nào với một anh cán bộ già phải chi gần hết đồng lương hưu của hai vợ chồng, như tôi đã nói, cho một cuộc va chạm hết sức mơ hồ. Khi tôi nói, rồi vợ chồng tôi biết lấy gì mà tiêu trong tháng đây, thì ông ta cũng chỉ đưa mắt nhìn tôi một cách lạnh lẽo rồi lại cúi xuống đếm tiền ngoan ngoãn. Đếm xong ông ta nhét tiền vào túi, dắt xe xuống đường, đạp lộn lại, tức là khi nãy ông ta còn mắc lỗi đi trái đường. Tôi cứ đứng ngẩn tại chỗ mất một lúc, bàng hoàng vì bỗng dưng mất một món tiền to quá. Như bị mất cắp. Mất cắp là một nhẽ. Còn tình nguyện móc tiền cho người khác lấy một cách ngớ ngẩn lại là một nhẽ. Mất tiền đã đau, về kể lại chuyện mất tiền rồi bị vợ con chê là quá ngu mới thật là đau, đau đến gan đến ruột. Đau vì ảm ức, vì không thể trả lời tại sao lại có thể ngu đến thế. Mà nào có phải là người đã quá ngu. Tôi thường vẫn có những việc làm rất ngu, nhưng là người ngu thì chưa hẳn.

Nói cho ngay cái cách xử sự ngu ngốc của tôi trong chuyện vừa rồi không phải là lần thứ nhất. Tôi đã từng ngu nhiều lần, bị lừa nhiều lần, chẳng qua là do mình cả tin quá, cứ ngỡ những điều người ta nói là thật, không hề có ẩn ý nào, âm mưu nào. Tới lúc nhận biết đã bị mắc vào cạm bẫy cũng không biết phản ứng một cách gay gắt, một cách quyết liệt, mình đã bị tổn thương thì kẻ kia cũng khó có thể giữ được nguyên vẹn. Muốn tránh bị coi là người ngu, người dễ bị lừa cũng dễ thôi. Chỉ có một cách, phải chơi rắn và không được phép tin một ai cả, phải giữ vững một nguyên tắc sống, thà để kẻ khác chịu thiệt chứ nhất quyết không chịu để mình thiệt, là danh cũng thế, là lợi cũng thế, phải tự bảo vệ tới cùng, có trường hợp mình phải, có trường hợp mình trái, trái thì trái nhưng cứ to tiếng, cứ lấn tới thì trái sẽ thành phải. Thiếu gì người đã từng làm thế để tồn tại, để ngoi lên, để phủ bóng lên người khác mà rồi vẫn được xã hội trọng vọng. Có điều đã dám sống như thế thì phải bỏ nghề viết. Bởi nghề văn đòi hỏi các tín đồ của nó sống theo một nguyên tắc khác. Thà bị thua thiệt đến chín lần để khỏi có một lần xúc phạm tới nhân cách một người lương thiện. Đã là thế thì không chừng ngày mai, tháng tới, năm sau tôi vẫn có một cách xử sự hết sức ngu. Nghề ấy thì sinh ra nghiệp ấy, tránh sao được!

Bạn viết cũ

Với Bạn viết cũ, một trong mười truyện ngắn hay năm 1998 của báo Văn nghệ, nhà văn Nguyễn Khải muốn khẳng định lại nguyên lý về mối quan hệ giữa văn và người, giữa văn chương và cuộc sống.

1

Khi ông già đó tới tòa báo lần thứ ba thì các nhân viên ở Ban Trị sự của báo đưa mắt nhìn nhau, có ý hỏi: nên nói với ông ấy như thế nào để ông khỏi đến nữa. Nhìn tướng ngoài ai cũng biết ông là một cán bộ Nhà nước đã nghỉ hưu, mặt mũi hiền lành, nhẵn nhụi, nhìn ai cũng như hơi mỉm cười, cái cười làm quen, cầu thân của nhiều người già. Tất nhiên không phải là một người già của Hà Nội. Ông mặc cái áo dạ đen dài gần chấm gối, đã bạc đã cũ, quần ka-ki màu xám và đi đôi giày vải, đế cao su đen, luôn ôm bên người một cái cặp da căng phồng. Lần đầu hỏi, ông đến có việc gì, ông trả lời áp úng: "Tôi chờ một người bạn". Những người như thế đến tòa báo chờ một ai đó cũng là thường, ngày nào chả có. Nên không ai hỏi thêm. Ông ta ngồi khoảng chừng một tiếng, nhìn ai cũng như có hơi quen biết, khẽ nghiêng đầu và cười mỉm, những người kia cũng gật đầu chào lại, vẻ mặt thản nhiên vì họ đâu có biết ông là ai. Lần thứ hai cách đó vài ngày, ông cũng vẫn chào mọi người rất lễ phép rồi ngồi vào cái ghế đầu kê ở góc phòng khách. Nhân viên tòa báo tới mời ông ngồi ghế có lót bọc và rót một tách trà mới pha. Ông chỉ hơi nhồm người cảm ơn rồi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, vẫn nhìn chăm chú tất cả, những bức tranh treo trên tường và những nhân viên mặc sang trọng đang làm việc ở phòng bên qua lớp kính, nhìn chăm chú lắm, nếu không có nụ cười hiền lành thì cái sự chăm chú ấy là rất đáng ngờ. Lần này là lần thứ ba, mấy người của báo còn chưa biết xử trí ra sao thì một anh trong Ban Biên tập đi ngang qua biết chuyện liền bước vào nói với ông già rất lễ phép: "Thưa bác, bác đến báo đưa bài, hỏi bài hoặc cần gặp ai để cháu giúp?". Ông lão nhìn người hỏi rất thân thiết, nói nhỏ nhẹ: "Tôi chờ gặp mấy người quen cũ" - "Thưa bác, là những anh nào ạ?" - "Anh Vũ Tú Nam còn làm ở đây không?" - "Chắc đã lâu lắm bác không đến báo, chú Vũ Tú Nam từ lâu không làm ở báo nữa ạ" - "Thế anh Nguyễn Văn Bồng?" - "Bác Bồng cũng về hưu lâu rồi ạ. Quả thật ông này chả hề biết một tí gì về Hội Nhà văn những năm gần đây. Là hội viên thì không phải rồi mà cũng không thể là người Hà Nội. Người Hà Nội đã là trí thức như gương mặt ông này, dẫu làm những nghề chả liên quan gì đến viết lách vẫn biết mọi sự đã xảy ra ở Hội Nhà văn, nhiều người con biết rành rẽ hơn các hội viên ở xa nữa.

Ông này là ai nhỉ? Chưa kịp hỏi gì thêm thì người kia đã nói tiếp, thì thào, thủ thỉ, lại như có chút xúc động trong giọng nói thì phải. Anh nhà báo vừa nghe vừa đưa mắt nhìn qua cánh cửa sắt, hình như anh cũng đang chờ ai tới, lỡ bước vào hỏi một câu, không chừng phải ngồi với ông này cả giờ. "Cách đây đã mấy chục năm tôi còn là cộng tác viên của báo, thỉnh thoảng cũng có một truyện ngắn được đăng. Mỗi lần đến tòa soạn các anh ở báo coi như người trong nhà". Anh nhà báo cười gượng gạo, mắt vẫn đảo nhìn ra ngoài: "Cái năm ấy chắc bạn cháu còn đang học tiểu học". Ông già lại nói: "Một đời người nghĩ cũng nhanh, anh nhỉ? Chỉ mới đây thôi mà đã là một kiếp khác rồi". Người tiếp chuyện vẫn cười gượng ép, trả lời lầy lẹ, mắt vẫn nhìn nhón nhác nơi khác: "Vâng, vâng đúng thế". Người kia lại nói: "Cũng còn may đường phố này, cái nhà này tuy thay đổi nhưng vẫn là nó, nhìn từ xa tôi vẫn nhận được ra nó. Có điều cái nhà cũ thì thấp và tối, bây giờ thì cao hơn nhiều, nhìn vào đâu cũng sáng". Anh nhà báo đứng vội lên, cáo lỗi: "Cháu có việc phải ra ngoài, bác cứ ngồi đây chơi, có ai hỏi bác cứ bảo đợi cháu có việc, cháu là Nhật Vinh". Ông già cũng đứng lên theo, nắm lấy tay anh nhà báo, chắc cũng là nhà văn, nhà thơ gì đây, đã hiểu rõ nỗi lòng của ông, đã đưa tay ra để ông có cơ trả lời, có cơ ngồi lại, có cơ đến nữa.

2

Truyện ngắn đầu tiên anh viết năm anh mới 35 tuổi. Năm ấy anh là cán bộ tuyên huấn của nông trường Mộc Châu sau 15 năm là lính. Vợ anh là cô giáo dạy văn cấp 3 ở Hà Nội. Vợ chồng anh đã có hai con, một trai một gái, trai lên bảy, gái lên năm. Anh về Hà Nội học Nghị quyết của Trung ương và dự một số cuộc họp của Bộ Nông trường khoảng nửa tháng. Trong nửa tháng, ngày đi họp, tối về trông con gái đang lên sởi để bà ngoại được nghỉ, vừa đặt bút viết thử một truyện ngắn về một cặp vợ chồng ở nông trường. Mỗi tình của họ cũng gần giống như mối tình của vợ chồng anh hồi mới quen nhau thời còn đánh Pháp. Họ sống với nhau,

thương yêu nhau, cãi cọ nhau, nuôi dạy con cái cũng giống hệt gia đình anh nhưng vui hơn, lắm chuyện hơn và có nhiều chuyện buồn hơn. Viết về người như viết về mình, lại có khoảng cách vừa phải để ngắm nghĩ, để ngắm nghĩa nên anh viết rất nhanh, hơi văn tự nhiên, chân thật, có đoạn tự mình bật cười thành tiếng, có đoạn cũng muốn ứa nước mắt. Đêm viết mấy trang cuối thì con bé đã hết sốt, mụn sởi đã mọc xuống chân, đòi ăn cháo và đêm ngủ rất ngoan nên cái mừng của người cha trông con đau sắp khỏi cộng với cái mừng của người viết đã lia bút tới phần kết khiến ngòi bút như bay trên trang giấy, nhìn không còn rõ nét chữ nữa. Vợ anh nằm ôm con trong chăn, lát lát lại mở choàng mắt, hỏi bằng cái giọng ngái ngủ: "Anh định viết hết đêm à?" - "Ừ, viết cho xong để lây nhây sốt ruột lắm". Vợ cười khẽ sau lưng con: "Nói cứ như ông nhà văn thực thụ". Chồng cười nhưng vẫn không ngừng tay: "Biết đâu đấy! Cô đừng có cười mà rồi hối!" Giọng của vợ đã tỉnh hẳn nhưng vẫn là giọng đùa: "Thì bố em đã nói em có số lấy chồng là văn nhân mà".

Trước ngày về nông trường anh đèo con trai đến tòa báo Văn nghệ để gửi bài. Trong thư ghĩ rõ địa chỉ mà cả tháng sau vẫn chưa nhận được thư trả lời được hay chưa được. Tết được về Hà Nội một tuần ăn tết với vợ con, trời rất rét vẫn đèo con trai phía sau lưng lại trước tòa báo mà chưa quyết định được dứt khoát là nên vào hỏi hay không nên vào. Vì cũng sợ nếu nhà báo trả lời là chưa đăng được có phải mất vui cả mấy ngày tết không. Hy vọng thêm một ngày vẫn tốt hơn là thất vọng hoàn toàn. Thằng bé lên bảy, học lớp hai nhưng đã rất khôn, nó ngồi phía sau hỏi: "Tại sao bố không vào hỏi bài của bố? Bố sợ các bác ấy mắng à?". Anh không trả lời, nó lại hỏi: "Bố buồn à". Anh phì cười: "Hai con khỏe và ngoan là bố vui lắm". Rồi anh nói thêm, chắc thằng bé chưa thể hiểu: "Bố vui buồn vì các con chứ ai lại buồn vui vì cái chuyện văn chương vớ vẩn". Truyện ngắn ấy được tòa soạn xếp vào loạt truyện dự thi truyện ngắn hay của báo năm 60, khi kết thúc nó được Ban giám khảo tặng giải Nhì. Cô vợ bảo chồng: "Đọc trên báo hay hơn đọc trên bản viết tay nhiều. Các bạn em phục anh lắm, không chừng anh thành nhà văn thật cũng nên". Anh chồng vênh bộ mặt đầy râu, nói tỉnh bơ: "Chồng nói không tin lại thích tin người ngoài".

3

Trong mười năm hầu như năm nào anh cũng có một hoặc hai truyện ngắn đăng trên báo. Tên anh đã được chờ đợi trong giới văn của Hà Nội và những người yêu thích văn học trong ngành giáo dục. Các con lớn dần lên, nghĩ là đã đến lúc nào ngờ vợ anh mỗi năm một yếu đi vì chứng bệnh nan y của phụ nữ. Đau đầu yếu chi vẫn không bỏ dạy, vẫn chăm lo mọi việc để người chồng đỡ phải đi về nhiều lần Mộc Châu - Hà Nội. Anh đã ngoài bốn chục tuổi, thuở trẻ anh có đủ thứ bệnh, toàn là những bệnh do chiến tranh để lại. Càng có tuổi các bệnh cũ như mất dần, mười năm không ốm một ngày nào, không đi bệnh viện một lần nào, vào bệnh viện chỉ để trông vợ ốm với con đau. ở nông trường thì việc Nhà nước, việc nhiều người ít, làm đủ mọi việc, không còn thì giờ ngồi ăn ngồi thờ. Về nhà thì việc gia đình, vợ vừa bận vừa ốm đau, những công việc lớn trong nhà đều phải đợi người đàn ông về thu xếp. Giọt nhà, quét vôi, làm lại đường dây điện, làm gác xép cho con lớn có chỗ ngồi học, khách đến có chỗ ngủ qua đêm. Đường từ Mộc Châu về Hà Nội có lần đi xe của nông trường, nhiều lần chỉ đi xe đạp, cái xe không chắn bùn, không chắn xích, không chuông, không cả phanh, trần trụi, gày guộc như ông già cõi trường, đèo lặc lè phía sau nào gạo, nào ngô, đỗ, khoai đã xắt mỏng phơi khô, phía trước thì các bị cói lớn nhỏ nhét đầy cà mèn đựng mỡ, thịt rừng đã sấy khô, măng khô và cả ớt đã nghiền thành bột phơi khô. Phần của anh có một ít, phần mua lại của anh em một ít, Hà Nội cái gì chả có nhưng đất; đặc sản của rừng lại càng đắt. Tất cả những nông nổi ấy, những tính toán ấy đều vào truyện của anh cả. Những nhân vật của anh người nào cũng vất vả, cũng có bao nhiêu lo nghĩ, toàn những lo vất vả của đời thường nhưng không ai buồn, không có ai mất lòng tin vào ngày mai, cái buồn cái khổ và bao nhiêu hy vọng hư có thực có như chảy vào, thấm vào mỗi trang giấy viết, thấp thoáng giữa những dòng chữ, trong từng con chữ nên câu văn, chữ dùng chả có gì là đặc sắc, là hiếm quý mà vẫn quyến rũ người đọc. Đọc chuyện của

người mà như được nhìn lại đời mình, lại là một cái nhìn đã tỉnh táo, đã vượt khỏi cái bề bộn, vật vã của mỗi ngày để nhìn được xa hơn, cao hơn, nhẹ nhõm hơn.

4

Trong 17 năm anh viết được khoảng hai chục truyện ngắn và bút ký. Truyện đầu tiên anh viết trong một đêm có tiếng nói mê của con lớn, tiếng khóc u ơ của đứa nhỏ và cái giọng ngái ngủ của vợ lất lất lại giục anh ngừng viết để vào nằm với hai con. Mười tám năm sau, năm 78 anh viết truyện ngắn "Tiền con đi xa", chưa nghĩ tới chuyện gác bút không dè lại là cái truyện ngắn cuối cùng. Anh vẫn ngồi viết trong gian nhà cũ, trên cái bàn mộc kê giữa hai cái giường đôi. Cái bàn đã trở lại mặt mộc của tấm ván ép hai góc bàn mép ván đã bật khỏi đinh đóng vênh cong lên. Vẫn là đồ đạc cũ, không thêm một cái gì. Chỉ có thêm cái bàn thờ đóng ở phía trên bàn viết, đặt ba tấm hình lồng trong khung kính, hình giữa là mẹ vợ, hình bên trái là vợ, hình bên phải là con trai. Ba thế hệ đều buồn bã chứng kiến người đàn ông tóc đã bạc sớm sống lủi thủi trong gian nhà trở nên quá rộng, nấu một soong cơm nhỏ, kho một niêu cá nhỏ và ngồi ăn một mình, ngủ một mình và đêm viết một mình. Anh vẫn ngồi viết tới khuya bên cái giường trống vẫn chưa buông màn, không có tiếng động nào ngoài tiếng ngòi bút sất sọt soạn soạt lên mặt trang giấy xấu.

Năm 70 con trai anh 17 tuổi, vừa tốt nghiệp trung học phổ thông nhưng không thi vào đại học mà muốn tòng quân làm nghĩa vụ người trai thời chiến. Nhà con trai một, thằng bé lại tháo vát và học giỏi, đã có thể thay bố làm ông chủ nhỏ của gia đình. Đi rồi về lại học cũng chẳng sao. Chỉ sợ có đi mà không thể về thì cái phần còn lại của gia đình sẽ phải sống như thế nào? Mẹ nó nói thế rồi khóc. Người bố cũng nghĩ thế nhưng anh đã là người lính thời đánh Pháp, anh lại còn là người viết, anh sẽ còn dám viết gì tiếp nếu anh không ủng hộ một nguyện vọng rất đẹp của lứa tuổi nó khi đất nước còn chưa dứt tiếng súng? Nên anh đã nói, hãy để con tự quyết định, nó có danh dự của nó, của thế hệ nó, không một ai có quyền ngăn cản, kể cả bố mẹ. Thằng bé lên đường đầu năm 71, qua thư gửi nó đã có mặt ở nhiều chiến trường, tới tháng 3 năm 1975 thì nó hy sinh ở Plây Cu. Tin thằng bé hy sinh mãi cuối năm 1975 gia đình mới biết. Mẹ nó đã không còn đủ nghị lực để chống chọi với bệnh tật của mình, nằm liệt khoảng hai tháng rồi mất giữa năm 1976. Bà ngoại nó mất vào cuối năm mới 70 tuổi. Cuối năm 1977 con gái đi lấy chồng. Hai đứa yêu nhau từ những năm còn học ở trường trung cấp sư phạm. Khi chúng nó xin với anh được làm hôn lễ vào cuối năm, cũng là cưới chạy vì mẹ chồng đang đau nặng, khó mà sống qua được vụ rét, anh cũng giận. Nhà đang có bao nhiêu là chuyện buồn mà con gái chỉ nghĩ đến cái vui riêng của nó sao?

Nghĩ thoáng thế rồi lại tự nhủ, mình là người viết văn, dẫu viết nghiệp dư vẫn là người viết, thì không thể nghĩ nông cạn như mọi ông bố khác được. Mỗi lứa tuổi đều có cái vui cái buồn riêng, không hoàn toàn giống nhau. Những buồn vui của tuổi trẻ đều hướng về tương lai, hướng về đoạn đời còn lại của chúng nó. Con gái chọn chồng còn quan trọng hơn đứa trẻ chọn cửa để sinh ra. Chọn cửa sinh là ông gười chọn, hay giờ cũng chỉ trong khoảng mười lăm năm. Còn chọn chồng là tự mình chọn, hay dờ phải chịu suốt một đời người. Mình buồn rồi mình chết, không sao cả. Buộc con gái phải buồn theo mình để lỡ mất vận may, ai sẽ san sẻ với nó những cái đau khổ sau này? Lúc đầu cả hai đứa đều có vẻ sợ vì mặt bố trở nên ngờ ngàng, căng thẳng. Tự chúng cũng cảm thấy có lỗi vì đã nói cái chuyện riêng của chúng nó vào cái lúc rất không nên nói. Nhưng chỉ một lúc sau các nếp nhăn trên mặt người bố như dần dần ra, ông nhìn hai đứa rất âu yếm rồi nói nhỏ: "Bố bằng lòng. Còn một tháng nữa, phải không? Chỉ tiếc nếu mẹ còn sống thì chúng mày cũng đỡ vất vả".

Anh đã viết đúng như thế, không thêm bớt một tí gì, nghĩ là một chuyện buồn nhưng lại không hẳn là buồn, một nhà phê bình đã viết thế. Người sống vẫn phải tiếp tục sống với những công việc của hôm nay, của ngày mai. Trong cái vui lấp ló nhiều cái buồn vì chiến tranh vừa kết thúc,

vết thương chưa kịp kín miệng nhưng những người còn sống buộc phải cười, phải vui với cái đang tới.

5

Khoảng vài ngày sau, ông già mang cặp, bạn viết lâu năm của báo, lại lò dò đến. Lần này không đợi ai hỏi, ông đến trước một nhân viên của báo nói thầm thì: "Xin chị tha lỗi, tôi muốn được gặp anh Nhật Vinh." Một lát sau Nhật Vinh từ trên lầu chạy xuống, thấy ông già đang ngồi chờ ở phòng khách, anh hỏi mừng rỡ như họ đã quen nhau từ lâu: "Bác chờ cháu đã lâu chưa?". Ông lão đứng dậy: "Thưa, tôi cũng vừa tới, tôi đến để chào anh, ngày mai tôi về dưới tỉnh". Nhật Vinh nói: "Sáng nay cháu rồi, hai bác cháu ta ra quán uống ly rượu chia tay". Nhật Vinh gọi hai ly cô nhắc Pháp và một đĩa gỏi ngó sen. Ông già hớp một chút rượu vẫn cầm ly trên tay, lòng mắt đã bạc nhìn mông lung ra phía đường. Nhà báo trẻ hỏi: "Lần này bác có gửi cho báo truyện mới nào không?". Ông già đặt ly rượu nói ngậm ngùi: "Tôi viết không được nữa anh ạ. Xưa kia tôi sống vội vã, căng thẳng với rất nhiều dự tính, nhiều hy vọng, chả là mọi sự mới chỉ bắt đầu. Có ý tưởng gì hay là viết được ra liền, câu chữ đuổi nhau ở đầu ngòi bút, ngăn không nổi, chữ nào cũng tươi, cũng xanh như mới được dùng lần đầu... Còn bây giờ, tôi hoàn toàn tự thả lỏng, đập dềnh nửa thức nửa ngủ, trôi theo con theo cháu, không phải lo bất cứ việc gì, cũng không hy vọng cho riêng mình bất cứ cái gì. Đã nghĩ người không còn gì để lo, không còn việc gì để làm, rồi rồi cả ngày cả tháng thì ngồi viết bao lâu cũng được, ngồi viết cả năm, cả nhiều năm cũng vẫn được. Nào ngờ không còn chữ để viết, chúng đã trốn đâu mất sạch. Chỉ viết được đoạn mở đầu, chuyện nào cũng chỉ viết được vài dòng mở đầu. Sao thế nhỉ? Mãi lâu về sau tôi mới hiểu, khi mình không còn gì để buồn, để lo, để hy vọng nữa thì chữ nghĩa cũng héo dần, chết dần. Bây giờ thì chúng đã chết cả loạt rồi, chúng chết trước tôi mới đau chứ!".

Khi Nhật Vinh hỏi, hai bác cháu còn cơ hội gặp nhau lần nữa không, thì ông già nhấp nháy nhìn anh, trong mắt như có ngấn nước: "Chắc là không bao giờ. Tôi đã ngoài bảy chục rồi, dẫu còn sống cũng khó có việc buộc được tôi lên Hà Nội lần nữa. Tờ báo của các anh ấy mà, nó gói ghém nhiều đời người nhiều đời văn lắm đấy. Những đời văn thăng trầm, vất vả của một cái nghiệp làm người. Không có những cuộc đời ấy đổ vào cho báo làm sao nó sống được tới tận hôm nay.

Ông lão đã đi được một lúc nhà báo trẻ mới chợt nhớ anh chưa từng hỏi tên ông ta. Ông ta tên gì nhỉ, có bút danh là gì nhỉ, đã viết những truyện ngắn nào nhỉ? Vì anh không hỏi nên ông già cũng không nói. Một bạn viết có một lai lịch hơi đặc biệt đã chạm vào tay nhưng anh đã không nắm giữ lấy nên ông ta lại lạng lẽ chuôi đi vào cõi vô danh.

Đàn bà

Lưu là đội trưởng đội cảnh sát hình sự tuyến, tức là cảnh sát chống tội phạm hình sự trên các tuyến giao thông. Năm 1982, Lưu 22 tuổi, anh lấy vợ. Vợ chồng bằng tuổi nhau, cùng học với nhau ba năm trung học. Chồng làm công an, vợ làm ở khách sạn, được công ty du lịch phân cho một căn nhà ở trung tâm thành phố. Về đời riêng, bắt đầu như thế cũng là hơn nhiều người. Lưu rất đẹp trai, dáng vóc cao lớn, hao hao giống các diễn viên Hồng Kông trong phim hình sự. Vợ cũng rất xinh gái, đẻ một con lại càng xinh. Vợ chồng bé con đi chơi phố ai cũng phải ngoái cổ lại nhìn. Một cặp vợ chồng thời bình quả nhiên có khác với những cặp vợ chồng thời chiến. Họ là những người may mắn khiến các thế hệ sinh trước phải ghen tị. Chỉ có một trục trặc rất nhỏ không đáng để ý, ấy là lương một trung sĩ công an hơi ít, chỉ có 51 đồng, đóng tiền ăn đã mất 18 đồng. Lương vợ bao nhiêu chồng cũng không hỏi vì biết lương của vợ chỉ là hình thức, còn "bổng" mới là nguồn thu chính. Vì là "bổng" nên số tiền không cố định nhưng trong tủ lúc nào cũng có sẵn từng xấp tiền. Đẻ con, nuôi con, nuôi mẹ từ quê ra trông cháu đều

là tiền của vợ. Lưu đi bắt cướp, có khi phải đi vài ngày, tiền công tác rất ít cũng phải ngửa tay xin vợ. Xin mãi cũng ngược, vợ lại để sẵn tiền trong tủ nên về sau Lưu cứ tự tiện lấy, không mấy khi hỏi. Cửa vợ như cửa chồng, đã là vợ chồng ai còn phân bì của tôi với của anh. Nghĩ ngợi lẩm cẩm quá có khi vợ lại ngờ rằng tình yêu của anh với cô không trọn vẹn.

Một tối Lưu về nhà đã rất khuya nhưng vợ anh vẫn chưa về. Bà mẹ ra mở cửa mặt buồn rười rượi, hỏi câu nào trả lời câu ấy, mắt cứ nhìn xuống. Lưu đã vào giường nằm mới nghe bà cụ nói: "Anh thử hỏi vợ anh xem nó có muốn gửi con bé đi nhà trẻ không? Hàng xóm họ đều gửi con ở nhà trẻ cả, nghe nói các cô trông cháu cũng cẩn thận lắm". Lưu hỏi: "Mẹ không thích ở đây nữa à?". Bà cụ nói: "Tôi muốn về quê ít tháng, ở mãi đây cũng nóng ruột ở nhà". Chuyện ở hay về là chuyện thường nhưng giọng nói bà cụ lại không bình thường, cứ như người muốn khóc. Lưu lại hỏi: "Mẹ chồng nàng dâu lại có chuyện gì không vui, phải không mẹ?". Không, chả có chuyện gì. Bỏ nhà đi cả năm, còn các em anh..." Mấy ngày sau Lưu nói chuyện với chị ở phòng kế bên mới hay, dạo này vợ anh nói hỗn với mẹ chồng nhiều lắm. "Chắc là nó mới đổi tính, trước kia đâu có thế". Chị kia nói: "Lâu lắm rồi chú ơi. Bà cụ rất hiền, cứ bế cháu sang đây khóc lén khóc lút, lại còn dặn tôi phải giấu chú". Lưu lại hỏi: "Cách đây mấy ngày chị có biết đã xảy ra chuyện gì không?". "Mọi ngày giờ trưa cô ấy không về, trưa hôm ấy bỗng nhiên lại xông xộc về thấy bà cụ ôm cháu ngủ, bát đĩa chưa rửa, thế là cô ấy làm ầm lên. Bảo là lấy chồng chứ ai lấy thằng ăn cắp.

Chả biết lấy tiền cho gái hay cho anh cho em mà để tiền bao nhiêu cũng hết bấy nhiêu". Lúc ấy Lưu mới ngó người ra. Vợ lấy tiền của chồng là chuyện tự nhiên, nhưng chồng không làm ra tiền lại lấy của vợ tiêu lại là chuyện không bình thường. Lấy tiền mà không nói tức là ăn cắp, chứ còn gì nữa.

Bà mẹ chồng về quê. Con gái gửi nhà trẻ rồi gửi mẫu giáo, thỉnh thoảng vợ chồng Lưu vẫn mời bạn bè tới nhà dùng cơm. Thỉnh thoảng họ vẫn cùng nhau đi xem kịch, xem chiếu bóng, đi và cùng uống nước giải khát ở các quán quen.

Họ dắt con đi chơi vẫn có nhiều người ngoái lại nhìn, vẫn là một cặp vợ chồng đẹp đôi và có vẻ thỏa mãn. Người ngoài tưởng thế, bạn bè cũng nghĩ thế nhưng hàng xóm thì biết giữa họ không khéo đã có chuyện to rồi. Vì căn hộ của cặp vợ chồng trẻ ấy không có tiếng còi, không có cả tiếng nói. Chồng về rất khuya cũng chỉ nghe có tiếng mở cửa rồi tiếng giội nước, không thấy bật đèn cũng không nghe có ai hỏi ai. Vợ về muộn cũng thế. Họ chỉ nói với nhau khi có bạn bè tới thăm hoặc trước mặt hàng xóm. Con bé đã lên năm, đi mẫu giáo rất ngoan, đến giờ đón con mà bố mẹ chưa về thì bác hàng xóm đón, thường là ăn cơm tối với các con của bác, nũng nịu với các anh chị, hỏi han, cười đùa như mọi đứa trẻ khỏe mạnh. Nhưng ở với bố mẹ những ngày nghỉ thì cả ngày con bé không nói, cười cũng không, mắt nhìn lảm lét như là sợ. Lưu cũng biết vợ không còn yêu anh nữa, anh khỏe mạnh, đẹp trai, đàn bà con gái đủ mọi lứa tuổi rất thích được nói chuyện với anh, chọc ghẹo anh và cũng rất muốn được anh nắm tay, nắm chân ghẹo lại. Anh chỉ thiếu có tiền thôi. Chả lẽ một thằng đàn ông thiếu tiền nằm cạnh vợ mà không gây được một xúc động nào ở người đàn bà, dẫu rằng họ không còn là tình nhân nữa? Vô lý!

Nhưng là chuyện có thật. Họ vẫn nằm chung giường, con gái ngủ giường con kê liền cạnh, nhưng rất nhiều đêm họ không hề biết đến nhau. Lưu luôn luôn về muộn và đôi khi mệt mỏi, chán chường, không phải lúc nào cũng chán vợ, mà là chán cái nghề truy lùng, bắt, khám xét. Tới đâu cũng chỉ vấp phải những bộ mặt sợ hãi, dối trá, oán hận. Bất cứ lúc nào cũng có thể nhận một nhát dao đâm từ lưng hoặc một gậy bổ xuống đầu. Cứ hần thế anh lại dễ ăn, dễ nói, dễ xử sự. Còn vợ anh thì sao? Từ mấy năm nay chị có một gương mặt rất lạ, không vui, không buồn, cũng không giận, như gương mặt tượng. Vừa là vợ lại vừa là người lạ, vừa là người thân nhất, vừa là người có thể căm ghét anh nhất. Không có mũi dao nào ló ra nhưng đứng cạnh nhau là đau nhói, sau đó là rã rời như đã bị chảy máu từ bên trong. Anh phải xử sự như thế nào, phải nói năng ra sao? Anh không biết, anh lúng túng, vụng về, cau có và càng trở nên đáng ghét hơn.

Cũng có đêm Lưu rất muốn được yêu vợ. Anh nằm cạnh vợ, cười nịnh nọt và đưa tay khẽ vuốt

ve một cánh tay của vợ. Chị hất tay anh ra như người ghê tởm, càu nhàu nói: "Ông ngủ đi, tôi mệt quá". Có lần anh nhẩn nại năn nỉ thì chị quay mặt về phía anh, một gương mặt trắng xanh dưới ánh điện đường chiếu vào, nói dừng dừng: "Ông muốn làm gì thì làm nhanh lên". Anh thở dài, nằm lùì lại, nói nhỏ: "Em ngủ đi, anh cũng thấy mệt rồi!". Ai mà tin được một cặp vợ chồng đẹp đôi như thế, nằm cạnh nhau cả năm mà không ai đụng chạm vào da thịt của ai.

Thời gian đầu chỉ có vợ chồng Lưu là biết cái gia đình nhỏ bé của họ có nguy cơ tan vỡ, còn bạn bè và họ hàng vẫn không hay biết gì. Thời gian sau, mọi người đều biết vợ Lưu có ngoại tình, biết rõ cả địa chỉ của người tình nhưng Lưu lại không hề biết. Có thể anh cũng đã lờ mờ biết nhưng anh không muốn tin vì người tình của vợ lại là ông trưởng phòng vật tư của một công ty du lịch. Ông ta đã năm chục tuổi, xấu trai và thô lỗ, chỉ được cái khỏe mạnh và rất lắm tiền. Người như thế làm sao quyến rũ nổi vợ anh. Vợ anh còn trẻ, vẫn đẹp và cũng có tiền. Anh cũng còn rất trẻ, mới ngoài ba mươi, là một sĩ quan cảnh sát có triển vọng, đã được báo Hải Phòng nêu tên và đăng ảnh. Anh chỉ có một khuyết điểm nhỏ là không nghĩ ra được những cử chỉ âu yếm lặt vặt của mỗi ngày để chiều vợ, không luôn luôn có mặt bên cạnh vợ những lúc cô ấy cần. Và đã rất nhiều đêm anh nằm vật bên cạnh vợ như một khúc gỗ sau một ngày bám theo những chiếc xe ca chật như nêm cối để phục bắt bọn cướp giật.

Nhưng Lưu vẫn tin mối quan hệ bất chính kia nếu có thì cũng để trên anh thôi, cảnh cáo cho biết chứ chưa hẳn đã muốn dứt bỏ thật. Cơ quan vật tư của công ty du lịch gần ngay khu nhà tập thể của công nhân viên. Gia đình trưởng phòng vật tư ở Kiến An nên ông ta chỉ về nhà tối thứ bảy và ngày chủ nhật, còn các ngày làm việc ông ta ăn ở ngay tại cơ quan. Các buổi trưa vợ Lưu cũng không về nhà, đi chợ nấu ăn tại nơi làm việc, cùng ăn với trưởng phòng và ngủ trưa tại phòng ông ta như một cặp vợ chồng. Không ai dám nói đã đành, người vợ ngoại tình cũng không thích giấu giếm nữa, kể cả với ông chồng cảnh sát. Cho tới một buổi trưa, Lưu đã bí mật leo ống máng như cách vây bắt một tội phạm hình sự, đột nhập từ cửa sổ khép hờ vào phòng riêng của trưởng phòng vật tư và bắt gặp vợ mình cùng người nhân tình lớn tuổi chỉ vừa kịp quơ chân phủ lên người...

Họ đã đưa nhau ra tòa để ly hôn. Lưu thì xấu hổ và đau đớn nhưng vợ anh rất thản nhiên như đang thay mặt ai đó để làm cái việc nghiêm trọng ấy. Khi tòa hỏi ai sẽ nuôi đứa con gái, theo luật thì đứa con duy nhất sẽ theo mẹ, trừ phi... Người đàn bà nói luôn: "Để bố cháu nuôi, lương tôi thấp không đủ khả năng nuôi cháu". Nói rất tự nhiên, không đắn đo, nghĩ ngợi gì cả. Vài tháng sau, Lưu được tin cô vợ cũ đang ăn sáng thì bị bà vợ chính thức của người tình đưa con trai lớn tới đánh ghen, mẹ thì chửi, con thì đánh. Một năm sau, tay trưởng phòng chuyển công tác đi nơi khác và bỏ luôn người đàn bà còn trẻ và đẹp đã vì hắn chịu mất hết những gì cô ta có từ mười năm nay. Rồi có tin cô đi cặp với một người khác, thanh niên mới lớn, kém cô ta cả chục tuổi. Lúc thì cô ta sống với người trẻ tuổi hơn, lúc thì với người bằng tuổi, có lúc lại chạy theo một ông già tóc đã muối tiêu, đạo mạo như một ông bố. Chẳng hiểu ra sao cả. Như một con điếm. Mà cô ấy vẫn có tiền.

...Lưu gửi con về quê nhờ mẹ nuôi, làm việc vẫn hăng say nhưng cứ nghĩ tới đàn bà là đau nhói. Đàn bà thật khó hiểu mãi mãi anh không thể hiểu. Theo cách đánh giá của anh, họ đều tham tiền, ham vui và cạnh tranh như nhau cả.

Sau cuộc chia tay với vợ, đưa con gái về quê gửi mẹ và các em. Lưu đã là người hoàn toàn tự do, như thời anh mới đi làm. Anh xin nghỉ hẳn hai ngày để ngủ. Anh ngủ từ sáng đến tối, ra phố ăn cơm bụi rồi lại về ngủ tiếp. Tới trưa ngày hôm sau, anh dậy tắm rửa, cạo râu, lấy xe chạy một vòng quanh thành phố rồi chui vào một quán cà phê tòi tàn gần bến xe Niệm Nghĩa ngồi cho đến tối. Chưa bao giờ Lưu mệt mỏi đến thế và buồn đến thế. Thất bại về gia đình là thất bại đau đớn nhất vì lòng kiêu hãnh của thằng đàn ông bị tổn thương đến tận cùng.

Cũng trong khoảng thời gian ấy Lưu còn phải chịu đựng thêm một thất bại khác là đơn vị anh sau nhiều tháng truy lùng vẫn không thể bắt được tên tội phạm thuộc loại đặc biệt nguy hiểm của thành phố. Tên đó là Tích. Tích "híp", là sói độc, không thuộc một băng nhóm nào, không có lãnh địa riêng, gặp cơ hội là làm, đã làm là chuẩn bị kỹ lưỡng và luôn luôn giữ được sự bất

ngờ. Đến vợ con nó cũng sống rất bí mật, khi ở Kiến An, khi ở Thủy Nguyên, có khi lại sống ngay giữa Hải Phòng, không ai biết mặt mũi thị, cũng không ai biết vỏ bọc của thị. Sự thách thức ấy khiến mọi người phát điên lên. Trong đơn vị chỉ có hai người biết rõ mặt Tích "híp" là Đội trưởng Lưu và một chiến sĩ trinh sát. Nó có một gương mặt không có đặc điểm riêng, rất dễ trộn lẫn vào đám đông, ngoại trừ đôi mắt híp. Cách đây đã dăm năm, Tích "híp" còn làm thư ký đội bốc vác của một bến xe khách, đã vài lần Lưu đứng trò chuyện với nó, chuyện bằng quơ thỏi, nhưng anh chột gai người, cũng chỉ một thoáng, vì cái đảo mắt và cái cười không thành tiếng của nó. Vài tháng sau nó biến mất, không để lại một dấu vết nào vì vẫn còn là một tên tuổi vô danh. Sau đó hai năm trong giới giang hồ bắt đầu xì xào cái tên Tích "híp" sau nhiều vụ làm ăn rất mạo hiểm: buôn thuốc phiện, buôn xe hơi, xe máy qua biên giới, buôn người. Rồi cũng vẫn là Tích "híp" đung độ bằng dao, bằng súng với Công an Móng Cái, Công an Cẩm Phả, Công an thành phố Hạ Long. Đội trưởng Lưu là người đa mưu, chân tay trong giới giang hồ cũng nhiều, xử trí nhanh, đã từng bày nhiều thế trận rất lắt léo để nhử con mồi, nhưng Tích "híp" vẫn lọt qua hết sức ngoạn mục hoặc nhờn như múa nhẩy ở vòng ngoài. Một lần, qua một hệ thống truyền tin rất công phu, Lưu biết được Tích "híp" đang nấu thân tại nhà người bạn của ông anh nuôi cách Kiến An dăm cây số. Ông này vừa mở quán vừa chần vịt, quán nhà quê, bán bánh đúc riêu cua, chè xanh, rượu và lạc rang. Lưu và một chiến sĩ trinh sát vào quán uống rượu từ trưa đến ba giờ chiều, rồi Lưu giả vờ đau bụng xin nằm nhờ gian trong của chủ quán. Vẫn không có ai ra vào hoặc thăm hỏi, không có dấu vết nào có người lạ trong nhà. Khoảng 4 giờ chiều Lưu hỏi lồi đi đại tiện, nhìn ra cánh đồng thấy một bóng người đội nón đang cắt vó tép. Một cái lưng rất quen thuộc. Là nó chăng? Lưu đứng ngấm ngĩa một lúc rồi xăm xăm bước lại, tới gần lưng người kia anh rút súng quát to: "Tích "híp" mày đã bị bắt!".

Người kia quay từ từ gỡ nón, một gương mặt lạ hoắc, râu quai nón, tóc muối tiêu, một bên mặt có vết nám to bằng nửa bàn tay bầm đỏ. Lưu lúng túng nhét lại súng vào bụng, tự giới thiệu là công an thành phố đi bắt cướp nhưng đã nhận lầm người. Người kia giương mắt nhìn không nói gì lại quay lưng nhắc tiếp các vó tép. Trên đường trở lại thành phố, Lưu mới thoáng ngờ cái bộ mặt râu quai nón của người cắt vó tép. Rất ít người ở nông thôn để râu quai nón. Người buôn bán thì có, người đi cắt vó tép thì không. Ông ta lại không nói, không hỏi thêm câu nào về cái chuyện bắt cướp, là ông nông dân mà không có tính tò mò sao?

Một gương mặt muốn giấu đi, một giọng nói muốn giấu đi, thì là ai nhỉ? Là "nó" chứ còn ai nữa! Lúc này có quay lại cũng quá muộn. Nó đã cao chạy xa bay từ lâu rồi. Nó biến mất nhưng ông chủ quán, kẻ chứa chấp nó nhiều ngày, nhất định vẫn còn đó. Từ đó...

Sáng hôm sau. Lưu quay trở lại từ rất sớm, ông chủ quán vẫn bán bánh đúc riêu cua cho đám thợ làm đường, nhìn thấy anh vẫn mời chào vồn vã. Nhưng Lưu không cười, anh bước vào kéo ghế ngồi rồi hỏi ngay: "Cái ông cắt vó tép còn ở đây không?". Người kia mặt không đổi sắc, hỏi lại rất tự nhiên: "Anh hỏi ông cắt vó tép nào? Ông ta ở đâu?". Lưu nói gần giọng: "Nó ở đây, ở ngay cái nhà này, nó là tội phạm, ông hiểu chưa?". Ông chủ quán quay sang hỏi đám thợ đang ăn: "Các chú có nhìn thấy ông cắt vó tép nào lảng vảng quanh đây không?". Một người nói: "Vào trong làng mà hỏi, chứ ở đây làm sao biết". Ông chủ quán nói thêm: "Xin lỗi anh, từ ngày bán đi lúa vịt, tôi chỉ ngồi suốt ngày ở đây, không mấy khi bước chân ra đồng. Anh vào trong làng hỏi công an xã xem". Lưu cười cay đắng, anh vẫn khờ quá, khờ như thế làm sao bắt được một kẻ rất ranh ma là Tích "híp".

Sau ngày li dị vợ được nửa năm, Lưu nhận được tin Tích "híp" đã trở lại Thủy Nguyên, lần này nghe nói có cả vợ con. Cuối cùng Lưu đã mò được ra hang ổ của nó ở một hẻm núi, cách làng chừng nửa cây số. Anh đi một mình, giả làm nhân viên thu mua cây thuốc nam của viện dược liệu. Anh đã nhìn thấy nó một lần đi cùng với vợ và đưa con trai khoảng 13, 14 tuổi. Nó để râu quai nón, mang kính râm nhưng vẫn là cái dáng đi lòng khòng của thằng thư ký đội bốc vác năm nào, rất may nó chưa mập ra, chưa có bụng mặc dầu tuổi cũng đã ngoài bốn chục rồi. Chỉ cần thêm dăm năm sống ngoài vòng pháp luật là nó có thể xóa hẳn hình bóng cái thằng Tích "híp" năm xưa để trở thành một kẻ chỉ có tên chứ không có con người thật.

Một buổi chiều, khoảng năm giờ. Tích "híp" về nhà được hơn nửa tiếng thì Lưu đập cửa ngoài

nhảy vào. Người vợ đang cầm siêu nước bước xuống bếp vội quăng ấm nước ra sân rồi quay nhanh vào nhà trong. Lưu vẫn bám theo một bóng người đang nằm trên giường nhảy xuống, cúi người lúi dọc vách tường vào sâu trong nữa. "Có cửa sau lên núi chắc?". Lưu vừa thoáng nghĩ, sải chân định bước vọt lên thì bị vấp ngã chúi xuống. Không phải vấp mà bị con vợ Tích quỳ xuống ôm chặt lấy chân của Lưu kéo lại. Lưu thúc thẳng bàn chân bị ôm vào chét ngực teo tóp của người đàn bà, một tay vợ lấy chiếc ghế đầu ném mạnh vào lưng Tích đang loay hoay trước khuôn cửa gỗ ăn thông lên núi, rồi anh rút súng nhắm vào Tích hét to: "Tích đứng lại! Mày mở cửa là tao bắn!". Thằng Tích hình như cũng sợ quá, hấn không quay người lại, vẫn loay hoay với cái then cửa. Con vợ liền buông chân của Lưu nhảy chồm lên kéo cánh tay cầm súng về phía thị, dồn hết sức mạnh ghì chặt khẩu súng đạn đã lên nòng ép vào ngực thị, nếu súng nổ thì sẽ được chết thay chồng, chồng thị sẽ có cơ hội chạy thoát vì sự lúng túng của kẻ bắt giữ. Cánh cửa phía hông nhà đã mở, Tích lao vào khoảng trống có rất nhiều bụi cây dại ở sườn núi mặc cho Lưu hò hét, chửi rủa cả vợ lẫn chồng. Mấy phút sau vợ Tích mới buông tay, nhìn kẻ thù với ánh mắt mừng rỡ và biết ơn: "Chúng em biết anh đã thương nên không nỡ bắn chết cả hai vợ chồng. Xin anh yên tâm, nhà em đã muốn ra đầu thú từ lâu rồi nhưng đang sợ". Lưu buông người xuống ghế, giắt súng vào người, nhìn chăm chăm người đàn bà nhỏ, ốm yếu vừa giận vừa phục. Chị ta lấy đầu ra cái sức mạnh đến kinh ngạc ấy nhỉ? Một cái thúc của anh vào ngực đến thẳng thanh niên cũng phải há miệng buông tay, hướng hồ... Có tiếng gọi cửa của đứa con trai ở phía ngoài, mẹ nó búi vội cuộn tóc vừa bị xoắn, nói bằng giọng rất nhẹ nhàng:

- Nhà có khách vào chào chú đi con.

Một thằng bé cao lớn, rất khôi ngô, cầm cặp sách bước vào:

- Thừa chú, thừa mẹ con đi học về.

Mẹ nó quay lại nhìn Lưu, nói to cho cả con nghe:

- Mời chú ở lại ăn cơm với mẹ con tôi rồi chờ anh ấy về luôn thể.

Lưu biết ý tứ của người mẹ trước con cái, anh mỉm cười nói theo:

- Xin chị cho bữa khác. Nhờ chị nói lại với anh, nếu anh tới gặp tôi sớm mai thì mọi chuyện sẽ không xấu lắm đâu.

Vợ Tích vội đưa con trai tiễn Lưu ra cổng. Có mấy bà hàng xóm đứng ở đường chào Lưu rồi hỏi vợ Tích:

- Vừa rồi nghe ầm ầm như có đánh nhau to ở đâu thì phải?

Vợ Tích liếc mắt nhìn Lưu trả lời thần nhiên:

- Tôi mãi nói chuyện với chú cháu từ thành phố sang chơi nên chả nghe thấy gì.

Rồi chị ta giục con: "Con chào chú đi" và nói với Lưu: "Xin mời chú lại nhà.

Chỉ vài bữa nữa nhà tôi sẽ xin sang gặp chú ngay, mong chú giúp cho". Lời nói dịu dàng, cung cách con nhà gia giáo mà chịu làm vợ một thằng tướng cướp ư? Vợ con như thế, trời ưu đãi đến thế mà không chịu làm người đàn ông hoàng thật là uổng quá, là một thằng đàn ông ngu quá. Cũng như đã có những con đàn bà hết sức ngu...

Phản tỉnh, giả? thật? Trường hợp Nguyễn Khải Nguyen Manh Trinh

Nguyễn Khải (1930-2008) là một nhà văn mà con đường sáng tác đã đi theo thời sự một cách rõ nét. Khi miền Bắc đang có phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, ông có tiểu thuyết "Xung đột", "Mùa Lạc". Khi cuộc nội chiến Nam Bắc ở giai đoạn khốc liệt nhất thì ông có ký "Họ sống và chiến đấu". Sau năm 1975, khi miền Bắc chiến thắng ông có tiểu thuyết "Cha và con, và...", "Gặp gỡ cuối năm". Khi rộ lên phong trào đổi mới, lại có "Hà Nội trong mắt tôi". Và khi gần lìa đời có tiểu thuyết mang vóc dáng tự truyện "Thương để thì cười" và tùy bút chính trị "Đi tìm cái tôi đã mất". Sự theo sát thời sự như thế nên con đường quan lộ cũng thăng trầm và trong đời

sống văn học cũng như thường ngày, ông là một người khôn khéo, biết tùy thời, tiến lui nhịp nhàng. Nhiều người đã có những nhận xét khá đặc biệt về ông, như Xuân Sách đã phác họa:

*“ Cha và con... và họ hàng
hết bay mùa thóc lẫn Mùa lạc
cho nên Chiến sĩ thiếu lương ăn
Họ sống chiến đấu càng khó khăn
Tháng ba ở Tây nguyên đồ lửa
Tháng tư còn đi xa hơn nữa
Đường đi ra đảo đường trong mây
Những người trở về mấy ai hay
Xung đột mỗi ngày thêm gay gắt
Muốn làm Cách mạng nhưng lại dốt.”*

Xuân Sách đã dùng tên các tác phẩm để mô tả chân dung Nguyễn Khải: ‘Cha và con , và...’, ‘Mùa Lạc’, ‘Chiến sĩ’, ‘Họ sống và chiến đấu’, ‘Tháng ba ở Tây Nguyên’, ‘Xung Đột’, ‘Cách mạng’... Câu kết “Muốn làm cách mạng nhưng lại dốt” đúng nhưng chỉ biểu lộ một phần tâm tính Nguyễn Khải.

Dương Tường, một người biết rõ về Nguyễn Khải đã thổ lộ:

“Nguyễn Khải, như tôi đã cảm nhận, là một “ca” đặc biệt và phức tạp nữa. Trong Khải luôn luôn có hai con người. Một Nguyễn Khải khôn khéo giả dối và một Nguyễn Khải thành thật trắng trợn. Một Nguyễn Khải hèn nhát và một Nguyễn Khải khinh ghét tay Nguyễn Khải hèn nhát kia. Và sự tranh chấp giữa hai con người ấy không bao giờ ngừng. Vì thế tôi đón nhận bài tùy bút “Đi tìm cái tôi đánh mất” với một quan tâm đặc biệt, thậm chí mong đó có thể là một cái gì giống như “Tiếng hót của con thiên nga”....

Nhưng Vương Trí Nhàn thì nghĩ khác:

“Thế tại sao Nguyễn Khải lại viết “Đi tìm cái tôi đã mất”? Theo tôi, trường hợp này cũng giống như Chế Lan Viên viết “Đi Cảo thơ” hay Tố Hữu tâm sự với Nhật Hoa Khanh. Thực chất cái việc các ông “cố ý làm nhòe khuôn mặt của mình” như thế này là cốt để xếp hàng cả hai cửa. Cửa cũ, các ông không bao giờ từ. Còn nếu tình hình khác đi, có sự đánh giá khác đi, các ông đã có sẵn cục gạch của mình ở bên cửa mới. (Bạn đọc có sống ở Hà Nội thời bao cấp hẳn nhớ tâm trạng mỗi lần đi xếp hàng và không sao quên được những cục gạch mà có lần nào đó mình đã sử dụng).

Rồi Vương Trí Nhàn đã kể những lời nói giả dối ra sao như Nguyễn Khải thường tỏ ra coi thường các giải thưởng văn học nhưng thực tế thì lại khác, ông rất bực mình khi có ai phụ họa theo bởi vì ông là người ham hố chức tước và giải thưởng nhất. Hay khi Nguyễn Khải tự đánh giá sự nghiệp văn học của mình như “Cái tài sản tinh thần tôi góp một đời ấy về già nhìn lại thì chỉ là một cái kho chứa đủ tạp nhạp chẳng có giá trị gì” chỉ là một câu tự khiêm nhường mà nói ra nhưng ông lại nghĩ khác.

Và Vương Trí Nhàn cho rằng sự tranh chấp giữa hai con người Nguyễn Khải chỉ là một trò trình diễn trên sân khấu. Thực tế ông hòa hợp với cả hai, tùy theo trường hợp tiến hay lùi, ông đưa ra con người này hay con người khác để làm hàng. Và “lối nghĩ này đã giúp ông thành công chói lọi trong suốt đường đời, và cho đến chung cục của đời sống ông vẫn giữ, không tự khác mình đến một mili-mét”.

Nguyễn Đăng Mạnh trong một đoạn hồi ký viết về Nguyễn Khải có kể lại những câu chuyện khá thú vị. Ông kể về những câu nói hoặc nhận xét về Đảng cộng sản, về các quan cán bộ hay các nhà văn nổi tiếng, rất táo bạo.

“Đảng không bao giờ coi trọng trí thức, biến trí thức như Hoàng Xuân Nhị thành hèn hạ. Tôi từng gặp Hoàng Xuân Nhị ở nhà Tố Hữu. Tố Hữu không thèm nói chuyện với ông ta cứ để ông ta ngồi một mình. Tóc bạc phơ. Tố Hữu chỉ nói với tôi là một thằng còn rất trẻ. Trần Đức Thảo thì bị biến thành một thằng bệnh thần kinh. Sang Pháp bao nhiêu Việt Kiều mời đến, không đến, cứ ở đại sứ quán, tuy bị nó khinh như chó”. Nguyễn Khải đã kể lại như thế.

Hay “Nói chung Cộng sản coi văn nghệ sĩ như rác, Lê Duẩn coi Tố Hữu cũng chỉ như một con hát. Nhưng lại sợ văn nghệ. Vì chỉ dùng tuyên truyền dùng nước bọt mà giành được nước. Chỉ nói, có làm gì đâu. Nói đủ cả, chẳng làm gì. Thí dụ, cứ nói phê bình tự phê bình mà chưa bao giờ phê bình tự phê bình cả. Chỉ toàn đào tạo gia nhân, đầy tớ, bọn nịnh hót. Sợ văn học cũng vì thế. Vì văn nó nói sự thật, nó lật tẩy. Rất sợ biểu tượng hai mặt. Chỉ đề cao văn tuyên truyền, đề cao về. Thật ra bọn nhà văn nói chung nhất, không dám chống chế độ đâu:

“Chế Lan Viên một thời dựa thế Tố Hữu, cũng hách lắm. Tố Hoài gọi là thằng nặc nô của đảng. Hồi chỉnh huấn văn nghệ sĩ, Chế Lan Viên làm tổ trưởng, nói với Nguyễn Tuân: “Ông tưởng ông to lắm à? Tôi phụ trách ông kia mà! Họp chấp hành, ý kiến của Chế Lan Viên là quyết định. Thí dụ ban chấp hành bàn có nên kết nạp Phan Quang không? Mọi người chờ ý kiến của Chế Lan Viên. Chế Lan Viên đi đái vào, nói “Thằng Thép Mới nó còn được ở ban chấp hành được thì thằng Phan Quang sao không cho vào hội được?”. Ai cũng gọi là thằng tuốt. Thằng Nguyễn Đình Thi, thằng Tô Hoài, thằng Hoàng Trung Thông, chẳng sợ ai cả. Không thể đối đáp kịp mồm Chế Lan Viên. Phải về nhà mới nghĩ ra cách bác lại nhưng hôm sau không còn lý do để tranh cãi nữa vì lão ấy đã nói chuyện thân mật...”

Và Nguyễn Đăng mạnh kể lại lời Nguyễn Khải về cái hách dịch cũng như uy quyền ghê gớm của Sáu Bắc (Lê Đức Thọ) với Sáu Nam (Lê Đức Anh). Hôm ấy Thọ gọi một số văn nghệ sĩ đến hỏi chuyện. Thọ đang tiếp khách. Bọn Khải phải ngồi đợi ở phòng bên cạnh. lát sau khách ra về. Hóa ra khách là Lê Đức Anh. Nguyễn Khải thấy Lê Đức Anh đi ra, cứ đi giật lùi, giật lùi ra mãi giữa sân mới dám quay đít lại. Thọ tiếp chúng tôi. Đúng lúc ấy thấy Phạm Hùng đi sang. Hùng đề nghị gặp Thọ một lát. Thọ phẩy tay “Để lúc khác nhé. Giờ đang bận tiếp khách văn chương”. Thọ coi Hùng chẳng là cái gì tuy Hùng lúc đó là thủ tướng thay Phạm Văn Đồng....”

Nguyễn Đăng Mạnh kết luận :

“...Ngay sau khi Nguyễn Khải mất, tôi có anh bạn (Hoàng Dung trong Nam ra Hà Nội nói Nguyễn Khải chết không có đất chôn. Đúng ra là không được chôn ở nghĩa địa Sài Gòn (tại Thủ Đức) phải đưa lên nghĩa địa Củ Chi rất xa. Tiêu chuẩn được chôn ở Thủ Đức, ngoài những thành ủy viên hay trung ương ủy viên không kể, phải cộ năm tuổi đảng. Trần Duy Châu nguyên hiệu phó Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, khi chết mới có 58 tuổi đảng không đủ tiêu chuẩn phải đưa đi Củ Chi. Nguyễn Khải tất nhiên cũng phải đưa đi Củ Chi.

Võ Văn Kiệt thấy thế chắc lấy làm xấu hổ nên can thiệp. Ông tuyên bố nhường suất chôn của ông ở Thủ Đức cho Nguyễn Khải.”

Kể ra, một đời theo Đảng, cúc cung tận tụy như thế mà chưa được đãi ngộ thì cũng khá bạc bẽo! Dù rằng, khi cái quan định phận, những nhận xét và phê phán về ông cũng khá nặng nề. Làm văn nô theo Đảng cũng chưa chắc là sướng!

Riêng tôi, khi còn cải tạo tôi đã đọc Nguyễn Khải một truyện ngắn đầu tiên trong một tờ báo cũ nhem nhuốc, một truyện ngắn mà tôi tới giờ vẫn còn gai gai khi nhớ lại. Truyện “Cổ mạch hàn phong cộng nhất nhân” viết về một người tù già gần trăm tuổi bị chỉ định cư trú ở nơi sinh quán của mình sau khi cải tạo ra: cụ Vũ Hồng Khanh. Cụ sống với gia đình người con gái cũng hơn bảy chục và là một gánh nặng cho gia đình ấy. Sống trong cảnh dờ sống dờ chết, muốn chết mà không được, cụ Vũ được mô tả dưới ngòi bút Nguyễn Khải vừa ác độc lại vừa xót thương cái kiểu giả dối như mèo khóc chuột khiến tôi cảm thấy ghê sợ cho cái tâm tình của người viết văn như thế. Rồi đọc Gặp gỡ cuối năm, rồi Cha và con, và... rồi cuối là Đi Tìm Cái Tôi Đã Mất, quả thực tôi cảm thấy một điều gì hơi ghê ghê hơi khó chịu. Không biết tôi có thiên kiến nào không?

Có người nhận xét nền văn học Cộng sản là một phương tiện để phục vụ cho chế độ. Trong ấn định của đề cương văn hóa, người viết là một thành phần của tổ chức chặt chẽ, được lãnh đạo và kiểm soát của Đảng với đường lối chỉ đạo thống nhất.

Cái nền văn học gọi là văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa, theo lời cụ Nguyễn Mạnh Tường, chỉ là cái chuồng giam chặt hẹp giam hãm người nghệ sĩ. Trong cái không gian tù túng, thì sáng tạo cũng khó có cơ hội để phát huy.

Sang thời đổi mới của Nguyễn Văn Linh lại dùng chữ cởi trói cho văn nghệ. Chính những người lãnh đạo chế độ cũng thừa nhận có sự buộc trói văn nghệ. Và giầy trói chính là những giáo điều công thức cứng nhắc, là những biện pháp đàn áp thô bạo, là những ràng buộc giam hãm, là phương cách đánh rồi xoa rồi lại đánh ... Người cầm bút trong hoàn cảnh đặc biệt như vậy, chắc chắn trong lòng phải chất chứa nhiều nỗi niềm. Văn chương trong nước, như mặc chung một bộ đồng phục, cái chung thì nhằm chần công thức và cái riêng thì lẽ loi mờ nhạt, để tạo thành một nền văn học đơn điệu, nghèo nàn, mà cái giả nhiều khi nhập nhằng thành thật và cái thật thì bị bóp méo hoặc bôi xóa đi. Chân, thiện, mỹ không còn là những bản vị để đánh giá văn chương. Mà thay vào đó, là những yếu tố ấn định từ nhu cầu chính trị. Người nào đi ngược lại đường lối, bị tiêu diệt ngay với những biện pháp tàn bạo và thâm độc. Sự tình ấy, gây ra một không khí khủng bố, và, mọi người đều bị ám ảnh bởi cái sợ lúc nào cũng canh cánh trong lòng.

Do đó, thỉnh thoảng lại có những vụ án văn học, và những nạn nhân của văn tự ấy mang cái tội không án nhưng còn kinh khiếp hơn cả cách tru di tam tộc của thời phong kiến. Sự khủng bố công an trị đã làm cả một xã hội phải thu mình lại và cái sợ đã trở thành cố nhiên đối với những văn nghệ sĩ Nguyễn Minh Châu, nhà văn, đại tá của QĐ Cộng sản kể chuyện một nhà văn đàn anh (ám chỉ Nguyễn Tuân) một lần nâng chén rượu lên môi với các bạn văn nhỏ tuổi hơn “Tao còn sống đến bây giờ là nhờ biết sợ”. Nói rồi ngửa mặt lên trời cười rung giương, nước mắt tuôn lã chã, giọt đổ xuống đất giọt rơi vào lòng. Rồi Nguyễn Minh Châu lại kể chuyện một nhà thơ lớn như Xuân Diệu mà khi viết bộ “Các nhà văn cổ điển Việt Nam” cũng phải rào trước đón sau, làm phen che giấu đỡ rồi mới dám viết.

Cho nên trong bài “Hãy đọc lời ai điếu cho một giai đoạn văn học minh họa”, ông viết: “Tài năng, nhất là những thiên tài, bao giờ cũng như là của bắt được, của trời cho, ai mà biết được bao giờ thì họ đến, nhiệm vụ của chúng ta là chuẩn bị bầu không khí cho họ thở, cho họ sống, đừng giết chết họ, đừng ghen tị với họ, đừng làm họ thui chột trí tuệ lẫn tình cảm, đừng khiến họ cuối cùng trở thành chúng ta...”

Mà, chúng ta là ai? Là “cũng trong một con người cầm bút, có khi cái phần bất tài nhảy lên bực tao đàn để múa may, còn cái phần tài năng thì trùm chặn nằm chờ ngày xuống mồ...”

Không biết Nguyễn Minh Châu có quá lời hay không nhưng trong một môi trường không tự do, lúc nào cũng nơm nớp sợ “phạm trường quy” thì làm sao văn chương đi xa và đào sâu được. Hơn nữa, lại gây ra trong lòng người cầm bút những mặc cảm, thành sự chán chường u uất. Họ phải chọn lựa con đường mà họ gọi là “phải đạo”, nghĩa là đu giầy giữa cái tốt và cái xấu. Có khi họ trở thành văn nô nếu cái danh và cái lợi là miếng mồi béo bở. Nhưng, nếu còn chút sĩ khí, thì cũng không tránh khỏi ngậm ngùi. Giấc mơ tự do sáng tác xem ra xa vời. Xa lắm...

Cũng Nguyễn Minh Châu, cho rằng đường lối chỉ đạo hẹp hòi và thô bạo khiến cho người cầm bút phải chịu đựng một tình cảnh "rất thảm đối với nhân cách của một người văn nghệ sĩ". Ông viết : "văn chương gì mà muốn viết một câu trung thì phải viết một câu nịnh? Hèn, hèn chứ? Nhà văn nước mình tận trong tâm can ai mà chẳng thấy mình hèn? Cái sợ nó làm mình hèn ..."

Trần trờ, suy nghĩ, tự xét lại, phản tỉnh, có thể đó là tình trạng chung của người trí thức. Nhưng, có khi cái giả và cái thật chen nhau đến khó phân biệt. Có khi, là phản ứng thật, của nỗi bức bối phát tiết ra. Và, cũng có khi là của giả. Của những thái độ tính toán trước để che lấp những lỗi lầm của bản thân mình.

Một trường hợp điển hình là Tố Hữu. Một ông quan văn nghệ, lãnh đạo giới cầm bút trong nước và biết bao nhiêu người bị chịu những oan sai đau khổ vì bị hành hạ theo chỉ thị của ông ta. Một nhà văn trẻ, là thương binh, tên là Hoàng Cát, chỉ vì phạm húy khi viết truyện ngắn “Cây táo của ông Lành” mà bị vùi dập, cả đời bị khốn khổ, theo dõi vì cái vết tích tì tích văn chương. Về sau, Hoàng Cát đã kể lại những quãng đời khốn khổ của mình suốt mấy chục năm bị tù úm đầy đọa. Và còn nhiều người nữa với những vụ án văn tự như Hà Minh Tuân, như Lý Phương Liên, như Nguyễn Dậu, như Phù Thăng, ... cũng do bàn tay của Tố Hữu dính vào. Và rõ ràng nhất là chiến dịch “Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận” với những biện pháp răn đe tàn bạo không án tích không giấy tờ, chỉ là lệnh miệng thôi mà làm bao nhiêu người, bao nhiêu gia đình khốn khổ.

Nhà văn Hoàng Tiến trong bài Sự Thật Ở Đâu đã viết: "nhà thơ Hoàng Cầm kể rằng, nhà văn tướng quân Trần Độ trưởng ban Văn Hóa Văn Nghệ của Đại Hội Đảng lần thứ 6, tổng bí thư lúc ấy là ông Nguyễn Văn Linh, người đã giúp tổng bí thư Nguyễn Văn Linh tuyên bố những câu đáng ghi vào lịch sử văn nghệ "cởi trói cho văn nghệ sĩ", "các văn nghệ sĩ hãy tự cứu lấy mình", "không bẻ cong ngòi bút" dừng cảm trình bày sự thực"...

Trong cái không khí cởi mở ấy qua nghị quyết 5/BCT về văn học nghệ thuật, nhà văn Trần Độ có đến gặp Tố Hữu và hỏi ông về thái độ đối với anh em Nhân Văn Giai Phẩm bấy giờ. Nhà thơ Tố Hữu với giọng trộ trộ xứ Huế đã nói "Rất tiếc! Rất tiếc! Hồi ấy tôi đã không tiêu diệt hết chúng nó đi". Trên đường về ông Trần Độ có rẽ vào thăm ông Hoàng Cầm có kể lại câu chuyện trên. Ông Hoàng Cầm đến nay còn sống, yếu lắm rồi, hiện ở số nhà 43 phố Lý Quốc Sư, Hà Nội. Ai có thắc mắc, xin đến đây hỏi, kéo rồi ông Hoàng Cầm đi mất, lại thành tam sao thất bản".

Tố Hữu đã được Xuân Sách mô tả:

*"ta đi tới đỉnh cao muôn trượng
mắt trông về tám hướng phía trời xa
chân dèp lỏp bay vào vũ trụ
lúc trở về ta vẫn là ta!
Từ ấy trong tôi bừng tiếng hát
Trông về Việt Bắc tím mù mây
Nhà càng lộng Gió thơ càng nhạt*

Máu ở chiến trường Hoa ở đây”

Xuân Sách đã dùng tên nhan đề những tập thơ của Tố Hữu: Ta Đi Tới, Việt Bắc, Gió lộng, Việt Nam Máu và Hoa... để nói về tác giả của nó: tham vọng, thủ đoạn, giả dối, chức thì lớn nhưng thơ thì nhạt, bởi cái tâm không tốt.

Tố Hữu cũng là một mẫu người “nịnh trên nạt dưới” đã viết những câu thơ ô nhục như viết thơ khóc lãnh tụ đồ Stalin: *”Tiếng đầu lòng, con gọi Stalin... Thương cha thương mẹ thương chồng / thương mình thương một, thương ông thương mười“*

Và, trong đám nịnh thần làm thơ tôn vinh Hồ Chí Minh có Tố Hữu đứng đầu:

*”nhớ chân người bước lên đèo
Người đi rừng núi
Trông theo bóng người
Lòng ta ơn Bác đời đời...”*

Hay:

*”Bác ơi tim Bác mông mênh thế
Ôm cả non sông, mọi kiếp người
... Bác để tình thương cho chúng con
một đời thanh bạch chẳng vàng son
mong manh áo vải hồn muôn trượng
hơn tượng đồng phơi
những lối mòn...”*

Con người Tố Hữu là như thế nhưng cũng có lúc nghĩ lại. Gọi là trần trở một chút, phản tỉnh một tí. Đọc bài phỏng vấn “Gặp Tố Hữu tại biệt thự 76 Phan Đình Phùng” của Nhật Hoa Khanh sẽ thấy. Bài này được đăng thành nhiều phần nhỏ trong các báo khác nhau như Quân Đội Nhân Dân, Tiền Phong Chủ Nhật, Người Hà Nội... bài phỏng vấn này thực hiện năm 1997, nhưng đến khi được phổ biến thì bị bà Vũ Thị Thanh là vợ của ông Tố Hữu phủ nhận cho đó là những tài liệu giả mạo “pha chế nhiều ý kiến riêng, mượn danh Tố Hữu”, biến Tố Hữu thành người phát ngôn cho ý mình khi phát hành cuốn sách “Tố Hữu - Người Cộng sản kiên trung, nhà văn hóa tài năng”.

Thực hay giả, đúng hay sai chỉ có người đã nằm dưới mồ là Tố Hữu và người phỏng vấn là Nhật Hoa Khanh biết mà thôi. Nhưng, tại sao giả mà lại được các tờ báo coi như chính thống của Đảng phổ biến và Nhật Hoa Khanh trước sau im lặng không trả lời. Hình như có một điều gì bất thường...

Có người cho đó là một phản tỉnh của Tố Hữu. Lúc bị thất thế, suy nghĩ của ông ta đã thay đổi, như những bài thơ sau này bớt giọng sát máu hoặc những câu chuyện Phùng Quán kể khi đến thăm ông tại nhà.

Đọc bài phỏng vấn, độc giả sẽ thấy có một Tố Hữu khác, một người khác xa với hình ảnh của một đồ tể văn học, một người làm thơ có tâm hồn nhân ái, một trí thức có đầu óc phóng khoáng cởi mở, một nghệ sĩ trân trọng chữ nghĩa và tôn trọng những người cầm bút. Nhắc đến những người mà hồi trước là nạn nhân của ông, là đích nhắm để ông hành hạ, thì ông lại khen ngợi không tiếc lời. Với những người mà hồi trước ông lên án và nguyên rủa như Phan Khôi, Trần Dần, Văn Cao, Hoàng Cầm, Hữu Loan, Lê Đạt, Phùng Quán, Nguyễn Hữu Đang... thì bây giờ

ông lại đề cập đến với những lời nùng hậu nhất. Không hiểu, có muộn màng không? Với những người đã chết vì bị đày đọa...

Trong bài phỏng vấn, Tố Hữu nói: "... Họ tung tin ông Tố Hữu chỉ đạo ban nọ ban kia hoặc báo này báo khác đánh" Búp Sen Hồng mà tôi vừa nói ở trên. Họ dựng đứng chuyện ông Tố Hữu cất bỏ câu "Hoan hô đồng chí Võ Nguyên Giáp trong bài thơ Hoan hô chiến sĩ Điện Biên. Họ ném hỏa mù: ông Tố Hữu "đánh" Quang Dũng, Hoàng Cầm, Lê Đạt, Trần Dần, Nguyễn Bình, Nguyễn Tuân, Văn Cao, Nguyễn Hồng, Tô Vũ, Phùng Quán, Phùng Cung, Trương Tửu, Phan Khôi, Đào Duy Anh, Phan Ngọc, Nguyễn Hữu Đang, Đặng Đình Hưng, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo,... Họ vu khống Tố Hữu đánh cả Nguyễn Đình Thi, chỗ ngồi của anh Nguyễn Đình Thi ở đại hội nhà văn Việt Nam lần thứ ba là do Tố Hữu quyết định..."

Có nghĩa là bọn xấu "cáo mượn oai hùm" nó làm và Tố Hữu không có trách nhiệm gì hết!!! Hơn thế nữa, còn khen ngợi nữa kia. Như nói về Văn Cao: "Văn Cao còn là một nhà thơ xuất sắc, một họa sĩ độc đáo, một nghệ sĩ suốt đời trung thành với dân tộc và với Đảng..."

Nói về Quang Dũng và Hoàng Cầm:

"Cần đánh giá lại, đánh giá thật cao giá trị thơ Quang Dũng trong nền thơ Việt Nam hiện đại. Quang Dũng là một trong những các nhà thơ đàn anh trong văn học Việt Nam thế kỷ 20. Cũng cần nói thêm, Quang Dũng còn là một nhà văn sắc sảo về nội dung và điêu luyện về ngôn ngữ..."

"...Hoàng Cầm ngời sáng cả trên lãnh vực thơ lẫn kịch bản thơ. Chưa kể anh còn là một trong những nghệ sĩ ngâm thơ vào loại vô địch không kém gì Phùng Quán,,"

Nói về Trần Dần:

"Cũng như thơ Quang Dũng và Hoàng Cầm, thơ Trần Dần có nhiều đổi mới về nội dung và nghệ thuật, đồng thời là tấm gương phản chiếu tâm hồn dân tộc và phản chiếu cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam. Văn xuôi của anh Người người lớp lớp, về căn bản có giá trị hiện thực chiến đấu rất cao, Người người lớp lớp, là một khẩu pháo biện chứng pháp của văn học Việt Nam thế kỷ 20. Nên sớm tái bản..."

Nói về Phan Khôi:

"Về cụ Phan Khôi, phải đánh giá lại. Không thể quên được hình ảnh gương mẫu và nồng nhiệt của cụ trong đội quân văn nghệ kháng chiến chống Pháp. Không thể bỏ qua được những kết quả của cụ trong việc đổi mới thơ Việt Nam trước khi xuất hiện phong trào thơ mới. Phan Khôi còn là một học giả về văn học trung Quốc. Muốn hay không, cụ cũng đã có một vị trí xứng đáng trong lịch sử văn học nước ta thế kỷ 20..."

Nói về Nguyễn Hữu Đang:

"Suýt nữa tôi quên mất anh Nguyễn Hữu Đang người được bác Hồ trao cho nhiệm vụ trọng đại Trưởng ban Tổ Chức lễ Tuyên Ngôn Độc Lập mùng 2 tháng 9 năm 1945. Anh Đang suốt đời trung thành với bác Hồ và với lý tưởng Độc lập Tự Do của dân tộc. Anh Đang đóng góp nhiều cho cách mạng những đóng góp lặng lẽ. Anh Đang có nhiều hy sinh đáng quý. Những hy sinh ấy chính là tấm gương ngời sáng treo cao trước mặt chúng ta ..."

Thực? Giả? Có phải đó là trần trử phản tỉnh của Tố Hữu hay chỉ là sự vớt vát, hỏa mù? Nếu là

thật thì bao nhiêu việc làm từ trước của Tố Hữu có hậu quả tồi tệ ra sao? Thành ra, có thể đó là những lời phản tỉnh của Tố Hữu, nhưng sau khi ông từ trần đem ra phổ biến thấy không có lợi cho Đảng nên mới có sự phủ nhận. Dẫu sao, dù thực hay giả, sự kiện này cũng nói lên được cái hại của sự chuyên chế đối với dân tộc ở cả mọi phương diện kể cả văn chương...

Một trường hợp phản tỉnh khác, nửa hư nửa thực là Chế Lan Viên với Di Cảo Thơ. Ông Chế là một trong những nhà thơ đứng đầu của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trước 1945, ông nổi tiếng với tập thơ *Điêu Tàn*, có một phong vị văn chương khác với mọi người với ngôn ngữ và ý tưởng gọi lại một thời đại nào của một dân tộc Hời suy vi tăm tối và bị diệt vong. Nhưng đi xa hơn, thơ của ông cũng làm chạnh nhớ tới tình trạng của dân tộc Việt đang bị Thực dân Pháp đô hộ. Sau 1945, Chế Lan Viên là một nhà thơ có nhiều tập thơ được coi là có giá trị nghệ thuật. Với loại thơ chính luận, ông tạo được sự thành công nhất là phù hợp được với đường lối và quy định của văn học của Đảng đề ra. Xuân Sách phác họa chân dung Chế Lan Viên:

*“Điêu Tàn ư? Đâu chỉ có Điêu Tàn
Ta nghĩ tới Vàng Sao từ thuở ấy
Chim Báo Bão lựa chiều cơn gió dậy
Lựa Ánh Sáng trên đầu
Mà thay đổi sắc Phù Sa
Thay đổi cả cơn mê
Ai dám bảo con tàu không mộng tưởng
Lòng cũng như tàu ta muốn uống
Mắt anh em trong suối cạn Hội Nhà Văn.”*

Điêu tàn, *Vàng Sao*, *Chim Báo Bão*, *Ánh Sáng* và *Phù Sa*, là tên những tập thơ của Chế Lan Viên. Hình như, Xuân Sách muốn ví họ Chế như một con tắc kè, biết thay đổi màu sắc trên bộ da của mình tùy trường hợp. Và, thâm ý còn muốn ví ông như một nhà thơ cơ hội, lựa chiều gió để nương theo tạo danh vọng.

Chế Lan Viên viết *Di Cảo Thơ*, cũng có nhiều bài suy tư về thân phận của người nghệ sĩ trong một thời đại bây giờ. Nhưng, có nhiều người xô toẹt và coi đó như một món hàng mạo hóa. Nguyễn Duy, khi sang Mỹ du lịch khi được hỏi về *Di Cảo Thơ* thì nói một câu: “Đến chết rồi mà Chế Lan Viên còn chơi một “quả” đích đáng. Ông còn muốn lừa cả chính ông ta...”

Đọc *Di cảo Thơ*, những bài như *Bánh Vẽ*, như *Trừ Đi*, ... , thấy được tâm sự. Nhưng, có phải thật lòng không, thì không ai đoan chắc ở một xã hội, mà nói láo là chuyện tự nhiên thì có khi người nói láo tưởng mình nói thật.

Bài Bánh Vẽ :

*“Chưa cần cầm lên ném, anh đã biết là bánh vẽ
thế mà anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn
cầm lên nhám nháp
chả là nếu anh từ chối
chúng sẽ bảo anh phá rối Đêm vui!
Bảo anh không còn có khả năng nhai
Và đưa anh từ nay ra khỏi tiệc
Thế thì còn đâu dịp nhai thứ thiệt
Rốt cuộc anh ngồi lại vào bàn
Như không có gì xảy ra hết*

*Và những người khác thấy anh ngồi
Họ cũng ngồi thôi
Nhai ngòm ngoàm.”*

Đọc Bánh Vẽ, nhớ lại câu nói của Hoàng Ngọc Hiến khi giải thích về những hiện tượng ngược đời có vẻ phi lý mà là sự thực ở Việt nam. “Ở nước ta nó thế”. Khi cái thực và giả không phân biệt, khi đối trá là phương tiện để cai trị dân chúng, thì Bánh vẽ của Chế Lan Viên đề cập hay cái “khải hoàn môn” chiến tranh mà Dương Thu Hương nói đến trong Tiểu Thuyết Vô Đề, cũng là chuyện bình thường ...

Đọc bài Trừ Đi với phụ chú “sau này anh đọc thơ tôi nên nhớ”:

*“Có phải tôi viết đâu? Một nửa
cái cần viết vào thơ tôi đã giết đi rồi
giết một tiếng đau, giết một tiếng cười
giết một kỷ niệm, giết một ước mơ
Tôi giết cái cánh sắp bay... trước khi tôi viết
Tôi giết bão táp ngoài khơi
Cho được yên ổn trên bờ
Và giết luôn mặt trời lên trên biển
Giết mưa và giết luôn cỏ mọc trong mưa luôn thể
Tôi viết bằng xương thôi không có thịt của mình
Và thơ này rơi đến tay anh
Anh bảo đấy là tôi?
Không phải!
Nhưng cũng chính là tôi- người có tội
đã giết đi bao nhiêu cái
có khi không có tội như mình”*

Di Cảo Thơ, có phải là những trăn trở thực sự cuối đời hay chỉ là những giả dối để hy vọng những đời người sau bỏ quên đi những lầm lỗi một đời. Chế Lan Viên đã mang kỹ thuật của ngôn ngữ ở trình độ cao của ông để bù đắp vào cái tâm có lẽ không trong sáng lắm. Có người nói, tài thì làm chi vì “cái tâm kia mới bằng ba cái tài” !! ...

Bây giờ, ở trong nước đã đổi mới, văn học cũng có nhiều thay đổi. Nhưng, xem ra cũng chưa được khả quan mấy. Tự do sáng tác xem ra vẫn còn xa vời. Vẫn còn những chuyện chỉ đạo văn chương. Vẫn còn chuyện người cầm bút là một thứ công chức, ăn lương Hội Nhà Văn. Và Hội Nhà Văn là một cơ quan đặt ra để kiểm soát văn nghệ sĩ. Và, vẫn có nỗi niềm áp úp, vẫn có những bức xúc trước tình cảnh văn học hiện nay. Phản tỉnh hay phản kháng, cũng là một phản ứng tất nhiên của người cầm bút có sĩ khí.